

DIỆU ÂM

Tái bản có hiệu đính

HÒA  
THƯỢNG  
HẢI  
HIỀN



 NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

DIỆU ÂM

HÒA THƯỢNG  
HẢI HIỀN

(Tái bản có hiệu đính)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



**Hòa Thượng Tịnh Không  
đề tên sách “Hòa Thượng Hải Hiền”  
vào năm 2015**

**Nhặt củi gánh nước,  
không gì chẳng phải đạo!  
Cơm canh đạm bạc đều là  
tu hành.**



## LỜI NÓI ĐẦU

“Hòa Thượng Hải Hiền” là tác phẩm tiếng Hán được Diệu Âm bút ký theo cuộc đời của Hòa thượng. Ngoài ra, một số trang mạng xã hội và nhóm in ấn cũng đã đổi tên tác phẩm thành Hải Hội Thánh Hiền Lục, Cuộc Đời Hòa Thượng Hải Hiền, v.v...

Quyển sách gồm 48 chương, nội dung ghi lại suốt 92 năm tu học, Hòa thượng đã nhất tâm thực hành pháp môn niệm Phật, chứng minh cho mọi người biết rằng: A Di Đà Phật là có thật, thế giới Cực Lạc là có thật, tín nguyện trì danh nhất định sẽ được vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Thân hành ngôn giáo của Hòa thượng Hải Hiền là một tấm gương để mọi người cùng nhau học tập, chỉ cần chịu buông xuống, chăm chỉ niệm Phật thì thật sự được vãng sanh. Đương thời, Hòa thượng Tịnh Không luôn tán thán Hòa thượng Hải Hiền là một bộ Kinh Vô Lượng Thọ sống động, là một tấm gương tốt nhất cho người học Phật cầu vãng sanh.

Tác phẩm đã được nhóm Diệu Âm chuyển ngữ và ấn tống, tái bản và chuyển thành sách nói nhiều lần, tuy nhiên do chủ quan nên vẫn còn nhiều lỗi sai sót trong từ ngữ, cách hành văn. Nhận thấy tác phẩm này có giá trị thiết thực cho người tu học pháp môn Tịnh Độ, nay đủ cơ duyên, chúng con xin hiệu đính lại để phổ biến hành trạng

của vị Cao Tăng thật tu thật chứng. Nhân đây, chúng con cũng chân thành xin lỗi những sơ suất trong quá trình chuyển ngữ các phiên bản trước.

Chúng con thành tâm tri ân Hòa thượng Hải Hiền, mong được sự mật hộ của Ngài để lần tái bản này được thành tựu viên mãn. Chúng con kính chúc tất cả đồng tu Tịnh Độ một đời thâm nhập một môn, một câu Phật hiệu niệm đến cùng, lâm chung tự tại vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Nam mô A Di Đà Phật.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022

Chúng đệ tử Diệu Âm kính ghi

## **TÁN THÁN TỊNH ĐỘ THÙ THẮNG**

Pháp môn niệm Phật vốn là pháp môn cao siêu. Bởi vì một niệm tâm tánh của chúng ta giống như hư không, thường hằng bất biến. Tuy thường hằng bất biến, nhưng niệm niệm lại tùy theo duyên [chuyển biến]. Nếu chẳng tùy thuận duyên của pháp giới Phật thì sẽ tùy theo duyên của chín pháp giới, chẳng tùy thuận duyên của Tam thừa thì sẽ tùy theo duyên của lục đạo, chẳng tùy thuận duyên của trời người thì sẽ tùy theo duyên của ba đường ác. Vì

duyên ấy có nhiễm và tịnh bất đồng, nên dẫn đến quả báo khổ và vui cũng khác biệt rất lớn. Tuy bản thể trọn chẳng biến đổi, nhưng tướng và dụng lại khác nhau một trời một vực. Ví như bầu trời, mặt trời chiếu rọi thì trời sáng, mây đen dày đặc thì trời tối. Tuy bản thể của bầu trời, chẳng do mặt trời hay mây đen làm tăng giảm, nhưng tướng bên ngoài hiện rõ hay bị che khuất thì đương nhiên chẳng thể gộp chung mà nói. Căn cứ vào nghĩa này, đức Như Lai dạy tất cả chúng sanh duyên niệm nơi Phật.

Vì thế, trong kinh nói rằng: “Nhược chúng sanh tâm, ức Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật, khứ Phật bất viễn” (Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật niệm Phật thì hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật không xa). Lại nói: “Chư Phật Như Lai, thị pháp giới thân, nhập nhất thiết chúng sanh tâm tướng trung. Thị cố nữ đẳng tâm tướng Phật thời, thử tâm tức thị tam thập nhị tướng, bát thập tùy hình hảo. Thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật. Chư Phật Chánh Biến Tri hải, tòng tâm tướng sanh” (Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, vào trong tâm tướng của tất cả chúng sanh, nên lúc tâm của các ông tướng Phật, tâm ấy tức là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Biến Chánh Biến Tri của chư Phật từ tâm tướng sanh).

Hễ tùy theo duyên của pháp giới Phật thì tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Nếu tùy theo duyên của các pháp giới chúng sanh thì tâm này làm chúng sanh, tâm này là

chúng sanh. Từ trước đến nay, người hiểu rõ lý này mà chẳng chịu niệm Phật thì chưa từng có.

Pháp niệm Phật này lấy hồng danh đầy đủ vạn đức của Như Lai làm duyên, hồng danh đầy đủ vạn đức ấy lại là đạo vô thượng giác mà Như Lai đã chứng nơi quả địa. Bởi vì [phàm phu] lấy quả địa giác [của đức Phật] làm nhân địa tâm của chính mình, nên nhân bao trùm biển quả, quả thấu tận nguồn nhân. Như người nhiễm hương, trên thân ắt có mùi thơm. Như tò vò cầu chúc ấu trùng [giống mình], lâu ngày thì ấu trùng cũng hóa thành tò vò.

Đời này làm Phật, chuyển phàm thành Thánh, công năng và tác dụng của pháp môn này vượt trội tất cả pháp môn mà Thích Ca Mâu Ni Phật đã thuyết trong một đời. Bởi vì tất cả pháp môn đều nhờ tự lực đoạn hoặc chứng chân mới có thể liễu sanh thoát tử; còn pháp môn niệm Phật thì đầy đủ cả tự lực và Phật lực. Vì thế, người đã đoạn được hoặc nghiệp thì nhanh chóng chứng được Pháp thân; người vẫn còn hoặc nghiệp thì đời nghiệp vãng sanh. Pháp môn này rất bình thường, dù là ngu phu ngu phụ cũng có được lợi ích; nhưng lại vô cùng huyền diệu, dù là Đẳng Giác Bồ tát cũng không vượt khỏi phạm vi của pháp môn này. Do đó, không một ai không tu được, ai cũng có thể tu được pháp môn này. Thực hành dễ mà thành công lại cao, dùng sức ít mà hiệu quả lại nhanh, thật sự là pháp môn đặc biệt trong các giáo pháp mà Thích Ca Mâu Ni Phật đã thuyết trong một đời, đương nhiên chẳng thể dùng



lý thông thường để bàn luận và phán xét. Chúng sanh trong thời mạt pháp, phước huệ cạn mỏng, nghiệp chướng sâu dày, nếu không tu pháp môn này mà muốn tự nương vào sức mình đoạn hoặc chứng chân để liễu thoát sanh tử thì khó khăn muôn phần.

Lời tựa dành cho đạo tràng trường kỳ niệm Phật tại chùa Thê Chân (Trích từ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, Tăng Quảng Chánh Biên)

## LỜI TỰA SÁCH “LAI PHẬT TAM THÁNH VĨNH TU TẬP”

Pháp sư Tịnh Không

Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn chủ yếu giúp chúng sanh thời mạt pháp được độ thoát, nhưng vì vi diệu khó nghĩ bàn, nên dẫn đến rất dễ hành mà lại khó tin. Nhờ cao Tăng đại đức các đời xuất hiện ở thế gian làm biểu pháp, làm gương mẫu, khiến người chưa tin thì sanh khởi lòng tin; người đã tin rồi thì kiên định tín nguyện, cùng được vãng sanh về Tịnh độ, thành tựu viên mãn đạo Bồ đề.

Lão Hòa thượng Hiền công ở chùa Lai Phật thành phố Nam Dương tỉnh Hà Nam là vị cao Tăng hiếm có của Tịnh tông thời nay. Chín mươi hai năm tin sâu nguyện thiết

hạnh chuyên, đi đứng năm ngời, Ngài đều niệm một câu Di Đà đến cùng, mãi đến khi công hạnh viên mãn, thành tựu cao sâu, không hề thua kém bậc Tổ sư các thời đại. Có thể thấy được pháp môn Tịnh Độ thù thắng viên mãn. Tháng giêng năm 2013, Hiền công biết trước ngày giờ, tự tại vãng sanh. Ngài dùng cả đời để biểu pháp, chứng minh thế giới Cực Lạc là chân thật bất hư, A Di Đà Phật là chân thật bất hư, làm chứng chuyển cho Kinh Vô Lượng Thọ. Nhìn sự hành trì của Ngài suốt một đời, thâm nhập một môn, trường kỳ huân tu, không những là mô phạm tốt nhất cho người học Tịnh tông, mà còn là tấm gương tu hành cho tất cả đệ tử nhà Phật.

Hiền công đã hành trì viên mãn năm hành môn trong Tịnh tông: Tịnh Nghiệp Tam Phước, Lục Hòa Kính, Tam Học, Lục Độ, Thập Nguyện Phổ Hiền. Điều này được liệt kê nêu rõ như sau.

## **I. Tịnh Nghiệp Tam Phước**

### **1. Phước thứ nhất:**

- **Hiếu dưỡng phụ mẫu:** Hiền công còn bé đã nổi tiếng hiếu hạnh khắp quê nhà. Từ nhỏ, Ngài đã chăm chỉ làm việc để phụ giúp chi phí sinh hoạt trong gia đình. Cha mất sớm, sau đó anh và em trai cũng lần lượt qua đời, Hiền công đón mẹ đến chùa để phụng dưỡng 27 năm, sau đó niệm Phật làm tang lễ cho mẹ. Mỗi năm, Ngài đều

không quên cúng tế cha mẹ và tổ tiên, thể hiện đầy đủ tinh thần hiếu đạo.

- **Phụng sự sư trưởng:** Trong những năm tháng gian khổ, một mình Hiền công phụng dưỡng năm vị trưởng lão cao tuổi trong chùa cho đến khi từng vị một niệm Phật vãng sanh. Trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, Ngài tình nguyện mạo hiểm tính mạng của mình, trải qua mọi khó khăn, tận lực bảo vệ linh cốt của Hòa thượng Truyền Giới tránh khỏi sự hủy hoại. Cả đời Ngài thực hành theo lời dạy “thành thật niệm Phật” của Hòa thượng Truyền Giới, nghiêm túc tuân thủ giáo huấn không khoe khoang năng lực của mình. Hằng năm, đến ngày cúng tế, Ngài nhất định sẽ đến cúng tế lễ bái linh tháp của sư trưởng, thực hiện đầy đủ đức hạnh tôn sư trọng đạo. “Hiếu thân tôn sư” là căn bản của tất cả đức hạnh. Hiền công đã thật sự thực hiện được hai gốc rễ “hiếu kính” này rồi, đặt nền tảng vững chắc cho sự thành tựu đạo nghiệp cả đời của Ngài.

- **Từ tâm bất sát:** Cả đời Hiền công yêu thương người và vật, đối đãi chân thành thân thiện với hết thảy chúng sanh. Mỗi lần ra ruộng, trước khi cày cấy, Ngài nhất định đi vòng quanh đồng ruộng nhiều lần để thông báo cho những chúng sanh trong đó tránh đi: “Cuộc xẻo xuống đất, côn trùng tránh xa. Nếu tổn tánh mạng, liền sanh cõi Phật”. Sau đó, Ngài niệm Phật một lúc rồi mới bắt đầu làm việc. Ngài thường bố thí thức ăn cho các loài động vật như

chó, mèo và khuyên mọi người dùng tâm yêu thương bình đẳng đối đãi, tuyệt đối không được làm tổn thương chúng.

- **Tu thập thiện nghiệp:** Hiền công thận trọng giữ gìn thân khẩu ý, thực hành mười nghiệp thiện, đúng với lời dạy “khéo giữ khẩu nghiệp, không chê bai lỗi người; khéo giữ thân nghiệp, không mất luật nghi; khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh không nhiễm” trong Kinh Vô Lượng Thọ. Hơn nữa, Ngài còn khuyến khích mọi người khéo giữ ba nghiệp. Ngài từng nói: “Thà ăn mặn niệm Phật, không được ăn chay mà mắng người”, lại khuyên mọi người không được nói chuyện cuồng vọng, trong tâm không thể dấy khởi ý niệm xấu ác.

## 2. Phước thứ hai:

- **Thọ trì tam quy:** Hiền công quy y Tam Bảo từ nhỏ. Sau khi xuất gia, Ngài nghiêm trì tịnh giới, chân thật tu hành, xứng danh là một thành viên trong Tăng Bảo. Ngài luôn luôn giữ gìn tánh giác, khắc cốt ghi tâm một câu “Nam mô A Di Đà Phật” là quy y tự tánh Phật Bảo; chánh tri chánh kiến, chánh niệm chánh hạnh là quy y tự tánh Pháp Bảo; sáu căn thanh tịnh, không nhiễm mảy trần là quy y tự tánh Tăng Bảo.

- **Cụ túc chúng giới:** Hiền công trì giới tinh nghiêm. Những điều được học trong giới đàn, Ngài đều nghiêm túc thực hành, đồng thời khuyến khích hàng hậu học trì giới. Ngài từng nói: “Người xuất gia nhất định phải giữ giới,

phải chú ý oai nghi, làm tấm gương tốt cho hàng trời người, không giữ giới thì không ai hoan hỷ!”.

- **Bất phạm oai nghi:** Các oai nghi đi đứng nằm ngồi của Hiền công đều trang nghiêm. Trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, Ngài cự tuyệt việc hoàn tục, giữ gìn hình tượng Tăng Bảo. Ngài từng nói: “Học đạo phải biết tâm là Phật, tu hành phải lấy giới làm thầy; xuất gia mà trở về nhà, chẳng bằng hoa không nở”.

### 3. Phước thứ ba:

- **Phát Bồ đề tâm:** Năm 20 tuổi, Hiền công cảm ngộ được đường luân hồi hiểm trở, tử sanh là việc lớn, nên Ngài chân thật vì thoát ly sanh tử mà xuất gia. Sau khi xuất gia, Ngài lấy việc thành Phật độ sanh làm chí nguyện, cho nên thường khuyên người khác: “Lạy Phật phải lạy ra tự tánh, lạy ra tâm thanh tịnh”. Ngài lại nói: “Chỉ cần trong tâm thanh tịnh, chỉ có A Di Đà Phật, không nghĩ những việc khác thì sẽ không làm lỡ việc thành Phật”.

- **Thâm tín nhân quả:** Lúc nhỏ, Hiền công được người thân khai sáng về việc gieo nhân ác gặt quả ác, hiểu rõ nhân quả báo ứng không sai mảy may, nên cả đời Ngài thực hành theo lời dạy của mẹ: “Làm người phải hòa nhã độ lượng, không được làm ác tạo tội”. Thời thơ ấu, Ngài cảm ngộ được tâm niệm có sức mạnh rất lớn, cho nên cả đời không dám oán hận người khác. Sau khi xuất gia, Ngài

chuyên tu pháp môn niệm Phật, càng tin sâu chân lý “niệm Phật là nhân, thành Phật là quả”.

- **Độc tụng Đại thừa:** Tuy không biết chữ, nhưng Hiền công thông suốt tất cả yếu nghĩa của Đại thừa, hiểu rõ lý chân như Phật tánh, có người hỏi Ngài liền đối đáp ngay, khôi hài khéo léo. Các công án điển tịch, Ngài thuận miệng liền có thể kể ra, không lần nào không phân tích thấu triệt, nhắm trúng trọng tâm, khiến mọi người tỉnh ngộ. Mặc dù Ngài chưa từng đọc các kinh điển Đại thừa bên ngoài; nhưng thực tế, Ngài luôn đọc tụng các kinh điển Đại thừa vốn sẵn đủ trong tâm. Ngài cũng giống như Đại sư Lục tổ Huệ Năng vậy.

- **Khuyến tấn hành giả:** Hiền công thường khuyến mọi người thật thà niệm Phật. Ngài thường nói: “Nhặt củi gánh nước, không gì chẳng phải đạo; cơm canh đạm bạc đều là tu hành. Chăm chỉ niệm Phật, thành Phật là việc lớn, còn lại đều là giả”. Ngài lại nói: “Chăm chỉ niệm Phật, trên đời không có việc gì khó, chỉ sợ tâm không chuyên”.

## **II. Lục Hòa Kính**

### **1. Kiến hòa đồng giải:**

Hiền công đầy đủ chánh tri chánh kiến của Phật pháp. Khi Ngài cùng ba vị khác như Pháp sư Hải Mặc, v.v... kết am tranh cộng tu ở chùa Tháp Viện trên núi Đồng Bách, các Ngài hòa thuận vui vẻ. Hiền công tuân theo chánh kiến

của Tịnh tông, Ngài từng nói: “Chỗ chúng tôi đây chuyên tu niệm Phật, không làm kinh sám Phật sự. Thà không có chùa, không thể không có đạo. Thà không có người, không thể không có pháp”. Bất luận ở đạo tràng nào, Ngài đều kiến hòa đồng giải, hòa hợp gắn bó với đại chúng.

## **2. Giới hòa đồng tu:**

Hiền công khéo dùng giới luật để sách tấn đại chúng. Ngài làm được “tán dương điều thiện chốn công chúng, khuyên răn làm lỗi nơi phòng riêng”. Ngài từng khéo léo nói cho các cư sĩ hiểu rõ: “Chỗ chúng tôi là chùa nhỏ, ăn là ăn cực, mặc là mặc vá. Quý vị đến đây thì phải có thể chịu khổ, có thể chịu khổ thì mới có thể hết khổ. Quý vị không đến tôi không trách, nhưng đến rồi thì phải giữ giới của tôi. Đi đến đâu thì phải giữ quy củ ở nơi đó”.

## **3. Thân hòa đồng trụ:**

Hiền công là người trung hậu lương thiện, cả đời không tranh với người, không cầu nơi đời, đối đãi với mọi người hòa hợp thân thiện, đại chúng đều vui vẻ khi thân cận Ngài. Khi Ngài cùng ba vị Đại đức đương thời như Pháp sư Hải Mặc, v.v... dựng am tranh cộng tu, mặc dù pháp môn tu khác nhau, nhưng các Ngài vẫn có thể chung sống hòa hợp, khuyến khích nhau cùng tinh tấn. Đây là mẫu mực quan trọng nhất trong thời mạt pháp, là một Tăng đoàn hòa hợp thật sự rất hiếm thấy trong thời nay.

## **4. Khẩu hòa vô tránh:**

Hiền công có ngữ nghiệp thanh tịnh, chưa từng nghe nói Ngài tranh cãi với ai, chê bai hay xem thường bất kỳ người nào. Ngài từng nói: “Đừng tranh luận cao thấp với người khác thì sẽ không phiền não, người kham nhẫn thì tự an”.

### **5. Ý hòa đồng duyệt:**

Hiền công tính tình ôn hòa, chưa người nào thấy Ngài nổi giận, Ngài cũng chưa từng khiến đại chúng khởi một chút phiền não. Vì vậy, bất luận đi đến đâu, Ngài cũng đều được mọi người hoan nghênh. Ngài thường nói với đệ tử rằng: “Trong mắt của ta, tất cả đều tốt, không có gì không tốt. Thấy gì cũng nói tốt, thấy gì cũng vui thì trong tâm mới thường được pháp hỷ sung mãn, trong tâm mới được thanh tịnh, không có phiền não, không tức giận oán hận người khác. Không phân biệt cái này tốt cái kia xấu, cũng không phân biệt món này ngon món kia dở, hết thấy đều tùy duyên thì trong tâm liền được an định”.

### **6. Lợi hòa đồng quân:**

Cả đời Hiền công cúng dường đại chúng tất cả những gì mình có được. Có người đến chùa cư trú, Ngài liền cung cấp các vật dụng trong chùa, cố gắng hết sức để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của mọi người.

## **III. Tam Học**

### **1. Giới học:**



Hiền công nghiêm trì tịnh giới, nghiêm khắc với chính mình, hòa nhã với mọi người. Xuất gia hơn 90 năm, Ngài vẫn luôn trì giới rất tinh nghiêm.

## **2. Định học:**

Hiền công kiên trì giữ thời khóa công phu cố định không gián đoạn. Mỗi ngày ba giờ sáng, Ngài thức dậy lay Phật, kinh hành, niệm Phật. Ngài từng nói: “Tâm chuyên thì không có việc gì khó”, giống như lời dạy trong kinh: “Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện” (Giữ tâm một chỗ thì chẳng có việc gì không thành). Công phu niệm Phật của Ngài đạt đến niệm mà không niệm, không niệm mà niệm. Vì vậy, Ngài có thể làm việc mà không trở ngại niệm Phật, niệm Phật không trở ngại làm việc.

## **3. Huệ học:**

Đạo hạnh của Hiền công cao sâu, trí huệ như biển, đúng như lời Ngài nói: “Điều gì tôi cũng biết”, nhưng Ngài lại im lặng không nói ra cảnh giới của chính mình. Tuy nhiên, có rất nhiều việc có thể chứng minh Ngài thật sự có khả năng biết trước sự việc và có trí huệ không gì không biết.

## **IV. Lục Độ**

### **1. Bồ thí:**

Cả đời Hiền công làm việc siêng năng vất vả vì mọi người. Mãi cho đến hôm vãng sanh, Ngài vẫn làm lụng cả

ngày trong vườn rau, đây là “bồ thí nội tài”. Hết thầy phẩm vật, bao gồm tất cả các loại nông sản, Ngài đều hoan hỷ bố thí cho người cần dùng, đây là “bồ thí ngoại tài”. Hiền công dùng thân hành ngôn giáo khuyên mọi người nhìn thấu buông xả, thành thật niệm Phật, đây là “bồ thí pháp”. Hiền công vô cùng từ bi, chăm sóc người bệnh, cứu giúp người dân gặp nạn; thậm chí là đối với kẻ trộm, Ngài cũng khoan hồng độ lượng, để họ không sợ hãi, đây là “bồ thí vô úy”.

## **2. Trì giới:**

Cả đời Hiền công trì giới tinh nghiêm, đầy đủ oai nghi, thực hành “nhiếp luật nghi giới”. Cả đời Ngài thích làm việc thiện, hay bố thí, siêng tu thiện hạnh, thực hành “nhiếp thiện pháp giới”. Cả đời Ngài toàn tâm toàn ý làm lợi ích cho chúng sanh, mọi việc đều lo nghĩ cho chúng sanh, thực hành “nhiều ích chúng sanh giới”.

## **3. Nhẫn nhục:**

Công phu nhẫn nhục của Hiền công rất tuyệt vời, cả đời Ngài chưa từng nổi giận. Khi bị vu cáo hãm hại, Ngài an nhẫn không biện bạch. Khi sự vu cáo được làm sáng tỏ, Ngài cũng không hề chỉ trích và oán hận người đã tung tin đồn. Khi bị đánh chửi một cách vô cớ, Ngài cũng lặng lẽ chịu đựng, an nhẫn không động tâm. Đúng như lời Ngài nói: “Anh ta đánh tôi thì xem như gãi ngứa cho tôi, nhổ nước bọt vào mặt tôi thì xem như rửa mặt thôi mà. Không

tranh luận cao thấp với người khác thì không phiền não, người kham nhẫn thì tự an”, đây là “nại oán hại nhẫn” (dù bị người ta oán ghét, hãm hại thì mình vẫn thản nhiên chịu đựng, không có tâm trả thù). Cả đời Ngài chịu đựng vất vả, gian khổ tịnh tu, “ăn là ăn cực, mặc là mặc vá”. Ban ngày, Ngài làm việc mệt đến hoa mắt chóng mặt; nhưng đến nửa đêm, Ngài vẫn niệm Phật, lay Phật cả đêm, như vậy là “an thọ khổ nhẫn” (dù có bị các nỗi khổ não bức ngặt như tật bệnh, nước lửa, đao gậy thì vẫn yên lòng nhẫn nại, điềm nhiên bất động). Hiểu rõ các pháp như ảo, tin hiểu Phật tánh là chân thật, tâm không vọng động, an nhiên nhẫn chịu, đúng như lời Ngài nói: “Thành thật niệm Phật, thành Phật là việc lớn, còn lại đều là giả”, đây là “đề sát pháp nhẫn” (xét kỹ thể tánh các pháp hư dối, vốn không sanh diệt, tin hiểu chân thật, tâm không vọng động, an nhiên lãnh nhận).

#### **4. Tinh tấn:**

Hiền công phát tâm Bồ đề, không sợ gian khổ, tinh tấn không ngơi nghỉ, “khi không được niệm Phật thì Ngài niệm thầm trong tâm, khi không được lay Phật thì Ngài lặng lẽ lay lúc đêm khuya”. Bất kể là lúc rảnh rỗi hay bận rộn, Phật hiệu của Ngài cũng không hề gián đoạn, đây là “phi giáp tinh tấn” (phát đại thệ nguyện lợi mình lợi người mạnh mẽ, dù trải qua vô số kiếp cũng không có ý nghĩ trở lui, thề thành tựu việc lớn, cũng như người trong uy thế hùng dũng mặc áo giáp ra trận). Cả đời Ngài siêng tu thiện

pháp, khế hợp với đạo, kiên nhẫn miệt mài, chốc lát cũng không rời bỏ, đây là “nhiếp thiện tinh tấn” (thu nhiếp các thiện pháp, tinh tấn tu hành). Chẳng những tịnh hóa tâm mình, mà Ngài còn vì lợi ích khắp chúng sanh, độ sanh không mỗi mệ, đây là “lợi lạc tinh tấn” (đem lại lợi lạc cho tất cả chúng sinh, tâm không mỗi mệ).

## **5. Thiền định:**

Công phu niệm Phật của Hiền công cao sâu, sớm đã đạt đến cảnh giới tam muội. Ngài từng nói: “Đừng cho rằng niệm một hai câu là được rồi, không niệm đến nhất tâm bất loạn thì không được xem là niệm Phật”. Trong tâm luôn niệm Phật không gián đoạn, thậm chí đã khai trí huệ, hiện thần thông mà Ngài cũng im lặng không nói. Niệm Phật tam muội là “vô thượng thâm diệu thiền”, cũng gọi là “bảo vương tam muội”.

## **6. Bát nhã:**

Hiền công niệm một câu Phật hiệu đến minh tâm kiến tánh, hiểu sâu lý thể “thật tướng bát nhã” mà chúng sanh vốn sẵn có, cho nên Ngài mới nói: “Lạy Phật phải lạy ra tự tánh, lạy ra tâm thanh tịnh”. Hiền công luôn niệm Phật, tức là luôn quán chiếu thật tướng, cho nên Ngài nói: “Thành Phật là việc lớn, còn lại đều là giả”, đây chính là “quán chiếu bát nhã”. Hiền công phân biệt các pháp của thế gian rất tài tình, Ngài “điều gì cũng biết” nhưng lại im lặng không nói. Chỉ khi cần thiết, Ngài mới hiển lộ chút ít

để làm lợi ích cho chúng sanh, đây là “phương tiện bát nhã”.

## **V. Thập Nguyên Phổ Hiền**

### **1. Lễ kính chư Phật:**

Hiền công cung kính tất cả chúng sanh. Ngài hiểu kính mẹ, cung kính thầy, đồng thời mở rộng tâm chân thành cung kính này đối với hết thảy người, việc và vật; qua đó thể hiện được sự hành trì “lễ kính chư Phật”. Hiền công không bao giờ lạy Phật trên bồ đoàn mà luôn lạy trên mặt đất, Ngài cung kính đức Phật đến tột cùng, đây là lễ kính chư Phật quá khứ, chư Phật hiện tại. Khi gặp các loài động vật như chó, mèo, Ngài luôn chia thức ăn cho chúng và dặn dò mọi người đừng làm tổn thương chúng, Ngài nói: “Đó cũng là chúng sanh, giống như con người chúng ta vậy, đều có tánh linh”. Đây là lễ kính chư Phật tương lai.

### **2. Xưng tán Như Lai:**

Hiền công hết sức tán thán công đức của các vị Pháp sư giảng kinh. Mỗi lần nhắc đến chuyện năm xưa kết am tranh cộng tu, lần nào Ngài cũng hết lời tán thán công phu tu trì của ba vị Pháp sư kia. Biểu pháp cuối cùng trong cuộc đời Hiền công là “Tăng tán thán Tăng”. Ngày 13 tháng giêng năm 2013, khi các cư sĩ mang theo quyển sách “Nếu Muốn Phật Pháp Hưng, Chỉ Tăng Tán Thán Tăng” đến thăm, Hiền công như gặp được bảo vật đã mong đợi từ lâu, vô cùng hoan hỷ. Ngài lập tức khoác áo tràng đắp y,

cầm quyền sách “Nếu Muốn Phật Pháp Hưng, Chỉ Tăng Tán Thán Tăng” chủ động yêu cầu chụp ảnh, bày tỏ tâm nguyện mong muốn Phật giáo đoàn kết. Ba ngày sau khi biểu pháp, Ngài liền an tường tự tại vãng sanh, công đức biểu pháp cả đời đã viên mãn.

### **3. Quảng tu cúng dường:**

Cả đời Hiền công thực hành hạnh “quảng tu cúng dường”. “Cúng dường nội tài” thể hiện ở chỗ “từ sáng đến tối đều bận rộn, việc gì cũng làm”. “Cúng dường nội tài” thể hiện ở chỗ dùng lương thực cúng dường cho Tăng chúng và cứu giúp nhân dân, người gặp nạn. Tiền tài do các cư sĩ cúng dường, Ngài để lại toàn bộ ở đạo tràng đó để làm chi phí phóng sanh hoặc in kinh. “Cúng dường pháp” thể hiện ở thân hành ngôn giáo, khuyến hóa đại chúng niệm Phật. Cả đời Ngài thực hành theo lời dạy của Hòa thượng Truyền Giới, niệm một câu Phật hiệu không thay đổi, đây là “tu hành theo đúng lời Phật dạy để cúng dường”. Ngài luôn dùng hành động cụ thể để làm lợi ích cho chúng sanh, niệm Phật độ hóa những chúng sanh vô hình, đây là “làm lợi ích cho chúng sanh để cúng dường”. Ngài thân thiện, hòa nhã, từ bi, khiến chúng sanh thích gần gũi rồi được cảm hóa, đây là “nhiếp thọ chúng sanh để cúng dường”. Ngài vâng theo lời dặn dò của A Di Đà Phật trụ thế nhiều năm để làm biểu pháp cho chúng sanh, đây là “chịu khổ thay cho chúng sanh để cúng dường”. Hằng ngày, Ngài tinh tấn niệm Phật, tụng kinh hành; nhìn

thấu buông xả mọi việc thế gian, có lòng tin kiên định với pháp môn Tịnh Độ, đây là “siêng năng tu tập căn lành để cúng dường”. Trong mọi lúc, Ngài đều tu hành lục độ, có thể làm những chuyện khó làm, có thể nhẫn những điều khó nhẫn, không mệt mỏi không chán chường, đây là “không xả hạnh Bồ tát để cúng dường”. Trong mọi lúc, Ngài đều không nỡ để chúng sanh chịu khổ, không nỡ để Thánh giáo suy vi, bất kỳ lúc nào cũng niệm Phật không gián đoạn, “niệm Phật niệm đến một thời gian nhất định thì bất luận lúc nào cũng đang niệm Phật... đừng thấy ta đang làm việc, trong tâm ta lúc nào cũng đang niệm Phật đó”, đây là “không rời tâm Bồ đề để cúng dường”.

#### **4. Sám hối nghiệp chướng:**

Mỗi ngày, Hiền công đều lạy Phật sám hối, ngay cả trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa cũng chưa từng gián đoạn. Mấy chục năm lạy Phật không dùng đến bồ đoàn, Ngài chân thành đến tột cùng. Cả đời Ngài, bất kể là lúc rảnh rỗi hay bận rộn thì Phật hiệu cũng chưa bao giờ rời miệng, Ngài làm được “giữ gìn miệng, nhiếp phục tâm ý, thân không phạm”, đây là “tâm địa vô phi tự tánh giới” (tâm địa không lỗi lầm là tự tánh giới). Đúng như Kế Sám Hối đã nói:

Tội từ tâm khởi đem tâm sám, Tâm được tịnh rồi tội liền tiêu. Tâm tịnh tội tiêu thấy đều không, Đó mới gọi là chân sám hối.

## **5. Tùy hỷ công đức:**

Hiền công tùy hỷ công đức hoằng pháp của các vị Pháp sư giảng kinh, tùy hỷ công đức tu hành của các vị Pháp sư kết am tranh cộng tu với Ngài. Cả đời Ngài ân ái dương thiện, tùy hỷ công đức của hết thảy chúng sanh, thực hành đến chỗ vi diệu của hạnh “tùy hỷ công đức”.

## **6. Thỉnh chuyển pháp luân:**

Cả đời Hiền công xây dựng lại tổ đình, khôi phục lại đạo tràng, giúp đại chúng được thân cận Phật pháp, ngày đêm huân tu, đây chính là hạnh “thỉnh chuyển pháp luân”. Ngài tán thán các vị Pháp sư giảng kinh, khiến đại chúng sanh khởi tín tâm yêu thích nghe giảng kinh, đây cũng là thỉnh chuyển pháp luân. Ngài phương tiện khai thị cho đại chúng, giúp họ có được chánh tín, chánh kiến, chánh hạnh là thỉnh chính mình chuyển pháp luân. Tâm không rời Phật, minh tâm kiến tánh chính là thỉnh tự tánh Phật thường chuyển pháp luân.

## **7. Thỉnh Phật trụ thế:**

Cả đời Hiền công xây dựng mười một đạo tràng, trong đó có rất nhiều ngôi chùa cổ ngàn năm. Ngài khiến Phật pháp được trụ thế lâu dài, đây là hạnh “thỉnh Phật trụ thế”. Phật không rời tâm, triệt ngộ tự tánh, thị hiện làm tấm gương tu hành cho chúng sanh, chính là thỉnh tự tánh Phật trụ thế.

## **8. Thường tùy Phật học:**



Hiền công sinh ra trong gia đình học Phật, mẹ ăn chay trường, Hiền công đã được huân tập Phật pháp từ nhỏ, thiện căn sâu dày. Ba nghiệp thân, khẩu và ý của Ngài trong một đời đều khế hợp với Phật pháp, sống theo tinh thần của Phật pháp, lấy từ bi làm hoài bão, lấy phương tiện trí huệ làm cửa ngõ, đây là hạnh “thường tùy Phật học”.

### **9. Hằng thuận chúng sanh:**

Ở mọi nơi, Hiền công đều “hằng thuận chúng sanh”. Ngài thấy việc gì cũng nói tốt, thấy điều gì cũng vui vẻ. Bất luận là nam nữ già trẻ, xuất gia hay tại gia, mọi người đều sanh tâm hoan hỷ khi thân cận Hiền công. Khi tín chúng thỉnh cầu chụp ảnh, Hiền công chủ động phối hợp, thỏa mãn hết thấy thỉnh cầu của họ, dù thân thể trăm tuổi gian lao vất vả cũng không chối từ, từ bi đến tột cùng.

### **10. Phổ giai hồi hướng:**

Hiền công tu hết thấy công đức đều hồi hướng cầu sanh thế giới Cực Lạc, một đời viên mãn thành Phật, đây là “hồi hướng Bồ đề”. Hiền công hồi hướng tất cả công đức đã tu tập cho hết thấy chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, đây là “hồi hướng chúng sanh”. Hiền công tu tập tất cả công đức, biết rõ hết thấy là hư ảo, không có một pháp nào có thể đạt được, đây là “hồi hướng thực tế”.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Thường tập tương ưng vô biên chư hạnh, thành thực Bồ tát vô biên thiện căn” (Thường tu vô biên các hạnh tương ưng, thành thực vô

biên căn lành Bồ tát). Ngạn ngữ có câu: “Nói một trượng, không bằng làm được một tấc”. Cả đời Hiền công chân tu thực chứng, hành trì viên mãn lời dạy trong Kinh Vô Lượng Thọ. Ngài thực hành được 20 chữ “chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi; nhìn thấu, buông xả, tự tại, tùy duyên, niệm Phật”. Mấu chốt để Ngài thành tựu nằm ở tinh chuyên. Mặc dù không biết chữ, nhưng Ngài cũng có thể niệm một câu “Nam mô A Di Đà Phật” đến minh tâm kiến tánh. Tôn Ngài là Tổ sư đời thứ 14 của Tịnh tông, có thể nói là thật sự có thành tựu thì tự nhiên có danh tiếng, danh xứng với thực.

Hàng hậu học Tịnh tông chúng ta nên học tập theo tấm gương Hiền công, “thật thà, nghe lời, thật làm”, “chân thành, thanh tịnh, cung kính” thì mọi người đều có thể thành tựu tịnh nghiệp, viên mãn vô thượng Bồ đề.

Thiền tông đời nhà Đường xuất hiện một vị Tổ sư không biết chữ là Đại sư Lục Tổ Huệ Năng, Tịnh Độ tông thời nay xuất hiện một Tổ sư không biết chữ là lão Hòa thượng Hải Hiền, thể hiện rõ pháp môn Tịnh Độ nhiếp trọn ba căn cơ, tinh thâm rộng lớn.

Pháp sư Ân Chí và cư sĩ Nhân Duyên Sanh đã dốc sức thu thập những sự tích của lão Hòa thượng Hiền công, biên soạn tỉ mỉ thành sách để lợi ích rộng khắp chúng sanh, công đức vô lượng!

Các vị ấy nhờ tôi viết lời tựa, cho nên tôi dẫn chứng những việc tu hành hạnh Tịnh độ viên mãn của Hiền công đề tán thán Ngài, kính mong cùng các đồng tu Tịnh tông gắng sức [thực hành].

Giữa tháng 8 năm Giáp Ngọ 2014  
Thích Tịnh Không căn ghi tại Toowoomba, Australia

## **CHƯƠNG 1 - TRƯỚC KHI XUẤT GIA**

Hòa thượng Hải Hiền (1900 – 2013) họ Văn, tên Xuyên Hiền, tự Thanh Tuyền, quê quán ở trấn Thiểu Bái Tự huyện Đường Hà thành phố Nam Dương, nằm phía tây nam tỉnh Hà Nam ngày nay. Ngài sinh ngày 19 tháng 8 năm Quang Tự thứ 26 cuối đời nhà Thanh (năm 1900). Cha mẹ và ông bà nội của Hòa thượng Hải Hiền đều là đệ tử Phật kiên thành. Truyền thống gia đình Ngài vừa làm ruộng vừa dạy học, thích làm việc thiện, hay bố thí, nên được đồng hương gọi là “đại thiện nhân”. Hòa thượng Hải Hiền bản tính thật thà chất phác, túc căn sâu dày, ăn chay với mẹ từ nhỏ, khi còn bé đã nổi tiếng trong thôn về hiếu hạnh.

Mẹ Ngài là phu nhân Hoàng Thị, sinh năm Đồng Trị thứ 10 đời nhà Thanh (năm 1871), quê ở thôn Tì Viên xã

Chu Tập huyện Xã Kỳ thành phố Nam Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay, nằm ở phía tây nam của tỉnh Hà Nam. Tổ tiên đều là những người nông dân an phận thật thà. Bởi vì cha mẹ đều là đệ tử Phật giáo kiên thành, cho nên bà bỏ mặn ăn chay, quy y cửa Phật từ nhỏ. Năm 17 tuổi, bà gả vào nhà họ Văn ở trấn Thiệu Bái Tự huyện Đường Hà; chồng tên là Văn Tu Cần, lớn hơn Hoàng Thị 8 tuổi. Tổ tiên nhà họ Văn là gia đình có truyền thống học vấn, gia tộc thượng lưu, nhưng đến đời của ông Tu Cần đã sa sút, gia cảnh thuộc bậc trung. Nhưng nhà họ Văn đã tiếp nối kế thừa truyền thống tốt đẹp là cung kính thờ phụng Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng), cho nên phụ nữ và trẻ em trong vài chục dặm đều biết danh tiếng “thiện nhân” của cha mẹ ông Tu Cần.

Tuy bà Hoàng Thị và ông Tu Cần là đôi phu thê trẻ, nhưng lại có thể chí đồng đạo hợp, hai người tôn kính lẫn nhau, vô cùng đầm thắm. Vào năm xuất giá, bà Hoàng Thị liền sanh một người con trai (anh hai của Hòa thượng Hải Hiền), ba năm sau lại sanh một đứa con gái (chị ba của Hòa thượng Hải Hiền). Người con trai thứ hai (anh tư của Hòa thượng Hải Hiền) ra đời không bao lâu, bà Hoàng Thị bị viêm tuyến nhũ cấp tính, thông thường gọi là viêm tuyến sữa, nên không cách nào cho con bú sữa được. Không biết phải làm sao, hai vợ chồng đành phải đem con cho một gia đình thân thích nuôi nấng.

Năm Hòa thượng Hải Hiền ra đời, bà Hoàng Thị 29 tuổi. Nhà họ Văn là đại gia tộc, Hòa thượng Hải Hiền xếp thứ bảy trong anh em chú bác. Năm 35 tuổi, bà Hoàng Thị lại sanh thêm một người con trai, tướng mạo vô cùng tuấn tú, xếp thứ tám trong anh em chú bác. Khi đứa trẻ được mấy tháng, có một vị đạo sĩ đến nhà hóa duyên nói với bà Hoàng Thị: Tuy đứa trẻ này tướng mạo tuấn tú, nhưng lại không thể lớn lên ở nhà họ Văn được. Quả nhiên như lời đạo sĩ nói, đứa trẻ này thường ốm yếu nhiều bệnh, đi đứng không vững. Đến năm 3 tuổi, vì thương con trai, nên sau khi bàn bạc với chồng, bà Hoàng Thị đã đem con cho một người họ hàng không có con để làm con thừa tự.

Nạn thiên tai và trộm cướp nhiều năm liền làm cho gia đình vốn không giàu có lại nhanh chóng rơi vào cảnh khốn khó. Hơn nữa, chị của Hòa thượng Hải Hiền mắc phải bệnh lao phổi rất khó chữa vào thời điểm đó, điều này càng làm cho gia đình vốn đã khó khăn lại rơi vào cảnh khốn cùng. Để trị bệnh cho con gái, ông Tu Cần đã bán đi bảy mẫu đất khô cằn do ông cha để lại, rồi cùng người con trai lớn đi làm thuê cho một cửa tiệm gia công bông vải, cán bông, đánh bông cho người ta. Năm đó, Hòa thượng Hải Hiền mới 9 tuổi đã phải đi chăn bò cho nhà giàu có để phụ giúp chi phí trong gia đình.

Vào năm Hòa thượng Hải Hiền 12 tuổi, Hà Nam bị hạn nặng, không thu hoạch được hạt thóc nào, cửa tiệm thuê cha con ông Tu Cần làm việc cũng buộc phải ngừng kinh

doanh. Không còn cách nào khác, ông Tu Cần chỉ có thể đến cạnh thành phố Tuy Châu, tỉnh Hồ Bắc ăn xin để duy trì kế sinh nhai của cả nhà. Không ngờ gặp phải thổ phỉ hung ác, ông đã bỏ mạng nơi đất khách. Năm đó, ông mới 48 tuổi.

Lúc đó, đang trên đường đi ăn xin, gặp phải thổ phỉ cướp bóc và phóng hỏa đốt nhà dân, ông Tu Cần bèn gánh nước đến chữa cháy, nhưng bị thổ phỉ quay trở lại kiểm tra thấy được và đánh chết ông. Nhiều ngày sau, khi thôn dân chạy nạn quay trở lại thôn trang đã nhìn thấy một cảnh tượng đáng kinh ngạc: chỉ thấy một xác chết đang đứng thẳng ôm chặt một cây to, một đám chó đói ngồi vây quanh ông. Thôn dân vốn cho rằng những con chó đói này muốn giành nhau ăn người chết, bèn cùng nhau đến đuổi chúng. Không ngờ, những con chó đói này bị đánh đến chảy nước mắt cũng không chịu tản ra. Lúc này mọi người mới biết, hóa ra bầy chó này đang giữ xác ân nhân bảo vệ quê hương của chúng! Người nhìn thấy không ai không khóc nức nở. Thôn dân đưa thi thể về quê nhà của ông và an táng theo nghi thức trưởng bối.

Năm ấy, Trung Quốc lâm vào thời kỳ Dân Quốc hỗn chiến của quân phiệt chính quyền Bắc Dương. Cha qua đời không lâu, anh hai của Hòa thượng Hải Hiền bị bắt đi lính, hai anh em xa cách nhau 24 năm.

Tiếp đó, gia đình thân thích nhận anh hai của Hòa thượng Hải Hiền làm con nuôi xảy ra biến cố, nên đành

phải gửi trả lại đứa trẻ đã 15 tuổi cho nhà họ Văn. Do sức khỏe kém, nhiều bệnh nên anh hai trở về càng làm tăng thêm gánh nặng cho gia đình. Điều may mắn là bệnh tình của chị cuối cùng đã được trị khỏi và xuất giá vào năm sau đó.

Mẹ của Hòa thượng Hải Hiền khéo tay, may vá thêu thùa rất giỏi. Trong nhà không còn ruộng đất, bà Hoàng Thị đành phải dựa vào may vá, giặt và hồ quần áo cho người khác, kiếm chút tiền công để chống đỡ cho gia đình đang khốn cùng. Bà thường thức trắng đêm để thêu khăn tay, làm giày thêu hoa, sau đó đem bán đổi lấy lương thực. Hòa thượng Hải Hiền thấy mẹ quá vất vả, bèn lén giấu mẹ ra ngoài ăn xin, muốn dùng cách này để giảm bớt gánh nặng cho mẹ. Hơn ba tháng sau, cuối cùng Ngài cũng bị mẹ phát hiện. Mẹ ôm chầm lấy con trai khóc nức nở, không cho Ngài ra ngoài xin ăn nữa.

Trên đường Chu Tập có một ông chủ tiệm cơm họ Thôi, sau khi nghe nói về hiếu hạnh của Hòa thượng Hải Hiền, ông rất cảm động, đích thân đến nhà thăm hỏi, mời Ngài Hải Hiền mới 13 tuổi vào tiệm cơm làm công. Từ đó, hoàn cảnh trong nhà dần chuyển biến tốt hơn. Hòa thượng Hải Hiền làm ở tiệm cơm cho đến năm 18 tuổi. Năm ấy, trên chân của Ngài nổi mụn độc, suýt nữa vì thế mà mất mạng.

Những sự việc xảy ra xung quanh Ngài trong thời niên thiếu, có tác dụng thúc giục mạnh mẽ giúp Ngài kiên định đi trên con đường xuất gia sau này.

Thím tám của Hòa thượng tính tình không tốt, rất ngang ngược, thường đánh mắng người nhà và hàng xóm. Có một lần, khi đánh mắng thím năm, bà đã xé rách và lột hết quần áo của thím năm. Về sau, có rất nhiều chuyện liên tiếp xảy ra với bà, ứng với câu tục ngữ “ác có ác báo”. Thím tám sinh được bốn người con trai nhưng đều bị chết yểu; lưỡi của thím tám luôn bị răng của mình cắn thủng (người ta hay nói là “nhai cuống lưỡi”) chảy máu tươi, đến nỗi cả cái lưỡi đã bị chính mình cắn nát, không ăn cơm được. Sau đó, năm 32 tuổi, thím tám sinh con gái rồi chết một cách đau đớn trong thời gian ở cũ. Tình cảnh bi thảm lúc bà chết khiến chị của Hòa thượng Hải Hiền sợ đến mắc bệnh thần kinh, chú tám cũng vừa tức vừa bệnh nên đã vĩnh biệt nhân thế. Mẹ của Hòa thượng Hải Hiền nhìn thấy thím tám từ sáng đến tối gây chuyện thị phi, đến khi chết khó coi như vậy, nên nói với Hòa thượng Hải Hiền rằng: Con nhất định phải ghi nhớ, tuyệt đối không thể học theo thím tám. Bà nói với Hòa thượng Hải Hiền: “Làm người phải hòa nhã độ lượng, tuyệt đối đừng làm ác tạo tội!”. Lời của mẹ đã khắc sâu trong tâm trí của Ngài.

Lúc nhỏ, còn có một việc cũng ảnh hưởng rất lớn đối với Hòa thượng Hải Hiền. Một lần, Ngài trông được một trái bí đao lớn nhưng bị em trai họ lấy trộm mất. Hòa



thượng thì thâm niệm ba ngày liền: “Ai trộm bí đao của tôi thì cho người đó nổi mụn nhọt, bị bệnh”. Nào ngờ ba ngày sau, em họ của Ngài thật sự bị bệnh nổi mụn nhọt, nằm liệt giường, khổ không nói nên lời. Sau khi biết được, thím đến nói với Ngài: “Con đừng niệm nữa, em trai con chỉ hái một trái bí đao thôi mà con nguyên rửa khiến nó toàn thân nổi mụn nhọt, đau đớn đến mức kêu cha kêu mẹ”. Hòa thượng Hải Hiền vô cùng kinh ngạc, thâm nghĩ: “Ý nghĩ của con người thật sự có sức mạnh lớn đến vậy sao?” Thế là lập tức sửa lại niệm rằng: “Mau làm cho em ấy khỏe lại đi! Mau làm cho em ấy khỏe lại đi!”. Em họ thật sự đã nhanh chóng khỏe lại.

Nghĩ điều gì thì sẽ hiện điều đó, không thể nghĩ điều ác được. Bất kể có phải là trùng hợp hay không, nhưng từ đó về sau, Ngài cũng không dám nguyên rửa, không dám oán hận người khác nữa. Việc này làm cho Ngài biết được sức mạnh không thể nghĩ bàn của ý niệm. Tuy Ngài chưa từng đọc sách Thánh Hiền, chưa từng học kinh điển của Thánh Hiền, thế nhưng, với bản tính lương thiện, tâm địa thanh tịnh từ bi, Ngài thường xuyên có được sự dẫn dắt trong cuộc sống hằng ngày.

Theo lời kể lại, vào năm Hòa thượng Hải Hiền 18 tuổi, chân của Ngài nổi mụn độc, lở loét diện rộng, vô cùng nghiêm trọng. Mẹ Ngài đi khắp nơi tìm thầy cầu thuốc, nhưng cũng không có cách cứu chữa. Sau cùng, Ngài biết rằng đây là bệnh nghiệp chướng, Ngài hiểu được nhân quả

báo ứng, cảm thán rằng: “Thuốc hay khó chữa được bệnh oan nghiệp”. Thế là Ngài từ bỏ thuốc men, chuyển sang cầu Quán Âm Bồ tát.

Dân gian Trung Quốc, không ai không biết Quán Thế Âm Bồ tát. Quán Thế Âm Bồ tát đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, có cầu tất ứng, vì thế Ngài rất chân thành một lòng xưng niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát. Sau khi niệm hơn một tháng thì mụn độc tự nhiên khỏi. Đây là cảm ứng! Vì vậy, Ngài tin sâu không nghi Quán Thế Âm Bồ tát cứu khổ cứu nạn, lại càng tin chắc Bồ tát thật sự từ bi, tuyệt đối không vọng ngữ. Niệm Phật, niệm Quán Âm Bồ tát thật sự có thể giải quyết được vấn đề.

Công đức của danh hiệu không thể nghĩ bàn, niệm lực không thể nghĩ bàn. Thế nhưng tại sao có người niệm thì không linh, Ngài niệm thì linh vậy? Đó là vì ý niệm của Ngài thuần nhất, Ngài chuyên tâm, không có nhiều vọng tưởng và tạp niệm. Nếu một lòng chuyên niệm thì mỗi niệm đều linh nghiệm. Hòa thượng Hải Hiền bản tính thật thà, nghe lời, thật làm, có tâm chân thành, tâm thanh tịnh và tâm cung kính, đầy đủ những điều kiện này, nên Ngài niệm thì hữu hiệu. Đó là do lòng tin và ý niệm của Ngài đã trị khỏi bệnh cho chính mình.

Từ đó, Hòa thượng Hải Hiền nhận ra đường sanh tử hiểm trở, việc tử sanh là việc lớn nên Ngài sanh khởi tâm xuất ly. Năm Ngài 19 tuổi, anh hai 22 tuổi vì bệnh mà mất

sớm. Điều này khiến cho Hòa thượng Hải Hiền kiên định đến cùng quyết tâm xuất gia tu hành.

## CHƯƠNG 2 - XUẤT GIA

Năm 1920, Hòa thượng Hải Hiền 20 tuổi, Ngài xuất gia với lão Hòa thượng Truyền Giới tại Thiên tự Vân Đài trên đỉnh Thái Bạch, núi Đổng Bách – nơi giao nhau giữa Hà Nam và Hồ Bắc. Lão Hòa thượng Truyền Giới thế độ cho Ngài, ban cho pháp danh là Hải Hiền, tự Tánh Thành. Năm 23 tuổi, Ngài đến chùa Vinh Bảo ở Hồ Bắc thọ giới Cụ túc (giới Tỳ kheo).

---

Thiên tự Vân Đài là Tổ đình hệ Bạch Vân tông Lâm Tế của Thiên tông Trung Quốc, được gọi là “Cung Potala của Trung Nguyên”. Tông Lâm Tế là một trong năm Thiên tông của Phật giáo Trung Quốc. Tông phong của tông này là đơn đao trực nhập (nói thẳng không vòng vo), lời nói sắc bén mãnh liệt khiến người bỗng nhiên tỉnh ngộ là nét đặc sắc của tông phong, nên rất được quân nhân, dân thường ưa chuộng. Tướng sĩ, chính khách v.v... phần lớn cũng hành trì pháp Thiên của tông này. Đến triều nhà Thanh, chính vì phong cách thiên tự do nên tông Lâm Tế đã trở thành dòng chính của Thiên tông Trung Quốc.

Thầy thế độ cho Hòa thượng Hải Hiền là Hòa thượng Truyền Giới, người Bạch Khưu huyện Hà Nam Đường (tên huyện cũ của Hà Nam), Ngài từng y chỉ Thiền sư Trúc Tánh (tự Chân Không) là bậc Thạc đức Thiền môn đương thời. Về sau, Ngài theo Thiền sư Trúc Tánh đến viện Di Lạc ở Bắc Kinh để hầu hạ bên cạnh, đồng thời giữ chức đường chủ. Sau khi thành lập nước Trung Quốc mới, Ngài trở về núi Đồng Bách, hướng dẫn đồ đệ kết am tranh khai hoang, trồng cây dược liệu, đích thân làm công việc chữa bệnh.

Là một vị Đại đức của hệ Bạch Vân tông Lâm Tế, nhưng Hòa thượng Truyền Giới lại không truyền trao cho Ngài Hải Hiền tinh tọa tham thiền, cũng không dạy Ngài giảng kinh thuyết pháp, mà chỉ truyền sáu chữ hồng danh “Nam mô A Di Đà Phật”, dặn Ngài niệm liên tục. Cả đời Hòa thượng Hải Hiền đều thực hành lời khuyên dạy của thầy.

Sau khi xuất gia, Hòa thượng Hải Hiền lần lượt thường trú ở chùa Phổ Hóa, chùa Vân Đài, chùa Tháp Viện trên núi Đồng Bách. Năm 1976, nhiều vị cư sĩ nghênh thỉnh Ngài đến chùa Lai Phật dưới chân núi ở huyện Xã Kỳ để chủ trì chánh pháp. Khoảng năm 1981, Hòa thượng Hải Hiền thường trú ở chùa Lai Phật, đến tận năm 2013 thì vãng sanh.

## CHƯƠNG 3 - HIẾU THÂN

Thời thơ ấu, Hòa thượng Hải Hiền đã vang danh trong thôn về hiếu hạnh. Từ rất nhỏ, Ngài đã bắt đầu lao động vất vả để phụ giúp chi phí sinh hoạt trong gia đình. Khi Ngài xuất gia ở núi Đồng Bách, đúng vào những năm đầu Dân Quốc nắm quyền, quân phiệt cát cứ, thời cuộc rối ren. Mẹ của Ngài – bà Hoàng Thị – và con nhỏ sống nương tựa lẫn nhau, trải qua những ngày tháng gian nan. Hòa thượng Hải Hiền rất hiếu thảo. Ngài ở trên núi khai hoang làm ruộng, đào thảo dược đổi lấy lương thực, sau đó đi bộ hơn trăm dặm để mang lương thực về quê nhà cúng dường cho mẹ, chín năm như thế không hề gián đoạn.

Dân Quốc năm thứ 18 (năm 1929), em trai 22 tuổi của Hòa thượng Hải Hiền bất hạnh qua đời. Lúc này, mẹ của Ngài tuổi tác đã cao, không ai bên cạnh phụng dưỡng, khiến cho Hòa thượng Hải Hiền vô cùng lo lắng. Để tiện cho việc chăm sóc, Hòa thượng Hải Hiền bèn đón mẹ đến động Đào Hoa trên đỉnh Thái Bạch, núi Đồng Bách để phụng dưỡng mẹ. Bà sống trên núi được 27 năm, cho đến một năm trước khi vãng sanh, bà mới được Hòa thượng Hải Hiền đưa xuống núi, cùng trở về quê nhà.

Theo quy chế nhà Phật, người nào muốn xuất gia thì cần phải thừa thỉnh cha mẹ. Nếu như có anh em, con cháu

có thể phó thác thì người đó mới được thỉnh cầu cha mẹ đi xuất gia. Cha mẹ đồng ý mới có thể xuất gia, nếu không thì không được thế độ. Sau khi xuất gia, giả sử anh em qua đời, cha mẹ không có nơi nương tựa, thì người đó cũng phải giảm chi phí sinh hoạt để phụng dưỡng song thân. Vì thế, trong lịch sử mới có câu chuyện được mọi người ca tụng là Thiền sư Trường Lô Tông Trách nuôi mẹ.

Trong Tịnh độ Thánh Hiền Lục có ghi, Thiền sư Tông Trách triều nhà Tống, tuổi nhỏ đã mất cha, do mẹ Trần Thị nuôi dưỡng. Khi trưởng thành, Thiền sư học vấn uyên bác, thông suốt sách vở thế gian. Ngài xuất gia năm 29 tuổi, hiểu biết sâu rộng yếu nghĩa thiền lý. Về sau, Ngài sống ở chùa Trường Lô, đón mẹ đến ở thất phía đông phòng phương trượng, khuyên mẹ niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Bảy năm sau, mẹ của Ngài niệm Phật mà tạ thế.

Mẹ của Hòa thượng Hải Hiền đã sống trên núi bảy năm, người anh hai 24 năm trước bị bắt đi lính cuối cùng đã trở về, ông tìm được Hòa thượng Hải Hiền. Hai anh em xa cách nhau nhiều năm, nhưng mới gặp lại không lâu thì anh hai qua đời trong vòng tay của Hòa thượng Hải Hiền do xuất huyết não đột ngột. Vì điều kiện lúc bấy giờ quá khó khăn, Hòa thượng Hải Hiền không có khả năng đưa anh hai về quê nhà, nên đành phải an táng sơ sài trên núi Đồng Bách.

Năm 1956, mẹ của Hòa thượng Hải Hiền 86 tuổi đề xuất muốn về quê nhà, Hòa thượng Hải Hiền bèn cùng mẹ

trở về quê. Ngài ở quê nhà bầu bạn và chăm sóc mẹ cho đến khi mẹ vãng sanh vào năm sau đó.

Hòa thượng Hải Hiền là người con hiếu thảo. Ngay cả khi đã trên trăm tuổi, nhưng đến lễ Thanh Minh hoặc mừng 1 tháng 10 âm lịch mỗi năm, Ngài vẫn không quên cúng tế tổ tiên. Mỗi năm đến thời điểm này, bất luận là ở chùa nào hay niệm Phật đường nào, Ngài cũng luôn nói: “Tôi phải mau chóng trở về, sắp đến mừng 1 tháng 10 rồi, tôi phải về quê, đến mộ phần cúng tế tổ tiên, còn phải đến chùa ở núi Đồng Bách cúng bái thầy tôi”.

Cổ nhân Trung Quốc đề xướng hiếu đạo, một năm cúng tế tổ tiên hai lần. Giáo dục thời xưa của Trung Quốc, trước hết là dạy mọi người hiếu thuận cha mẹ, yêu thương anh em, áp dụng nhân nghĩa lễ trí tín. Có nghĩa là: ai cũng phải học cách làm người trước, làm được hiếu đễ, trung tín, lễ nghĩa, liêm sỉ, nhân ái, hòa bình, thì mới được xem là người có đạo đức, sau đó mới học cách làm việc.

Phật pháp Đại thừa cũng đề xướng hiếu đạo. “Tịnh Nghiệp Tam Phước” trích từ Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là nguyên tắc chỉ dẫn cao nhất cho người học Phật. Phước thứ nhất trong tam phước có bốn câu: “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”.

Từ đó có thể biết, hiếu thân tôn sư là căn bản của tất cả đức hạnh. Hòa thượng Hải Hiền thật sự đã thực tiễn được

hai gốc rễ là “hiếu” và “kính”, điều này đã đặt nền tảng vững chắc cho việc thành tựu đạo nghiệp cả đời Ngài.

## **CHƯƠNG 4 - PHỤNG SỰ SỰ TRƯỞNG**

Phật dạy: Cha mẹ có ơn dưỡng dục, sư trưởng có ơn dạy dỗ; nếu có thể cung kính cúng dường, thì chẳng những báo đáp được ơn sâu, mà còn tự nhiên được phước, gọi là phước điền báo ơn. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng là những thiện pháp trong hiếu để trung tín, v.v... vốn đã tồn tại ở thế gian, đồng thời cũng là tịnh nghiệp mà hành giả Tịnh Độ niệm Phật vãng sanh Cực Lạc cần phải tu tập.

Hòa thượng Truyền Giới – sư phụ của Hòa thượng Hải Hiền – từng ở núi Đồng Bách y chỉ Thiền sư Trục Tánh. Về sau, Thiền sư Trục Tánh chuyển đến viện Di Lặc ở Bắc Kinh (cuối đời nhà Thanh, viện Di Lặc là một trong những hạ viện trực thuộc chùa Quảng Tế ở kinh thành). Hòa thượng Truyền Giới vì muốn báo ơn pháp nhũ của thầy, nên theo Thiền sư Trục Tánh đến viện Di Lặc ở Bắc Kinh để hầu hạ bên cạnh, đồng thời nhận chức đường chủ. Hòa thượng Hải Hiền từng nói cho đệ tử là Pháp sư Ấn Chí biết, sư phụ của Ngài tu hành tại chùa Quảng Tế ở Bắc Kinh, 12 năm không ra khỏi Thiền đường. Sau khi thành



lập nước Trung Quốc mới, Thiên đường [buộc phải] dừng hoạt động, Hòa thượng Truyền Giới mới trở về núi Đổng Bách kết am tranh, khai hoang, dẫn dắt đồ đệ vất vả cày cấy canh tác và trồng dược liệu, đích thân làm công việc chữa bệnh.

Từ triều đại Tùy Đường đến giữa triều đại nhà Thanh, Phật pháp ở Trung Quốc hưng thịnh, trong mỗi một tông phái đều có cao Tăng Đại đức xuất hiện, thật sự có người minh tâm kiến tánh. Hòa thượng Hải Hiền đã minh tâm kiến tánh rồi, Hòa thượng Truyền Giới – sư phụ của Ngài – cũng là người minh tâm kiến tánh. Sư phụ có thể nhìn ra người đệ tử này là bậc pháp khí, đây là công phu của sư phụ. Nhìn ra từ đâu? Chính là từ tư chất của Ngài, chúng ta gọi là tính bẩm sinh. Hòa thượng Truyền Giới biết Ngài tuy là một đứa trẻ rất nghèo khổ, chưa từng đi học, nhưng bản tính rất tốt, chân thành, thật thà, nghe lời, thật làm. Những người như Ngài sẽ có thành tựu, chỉ cần chỉ dẫn con đường đúng đắn, Ngài thật sự có thể thành công.

Sư phụ của Hòa thượng Hải Hiền có thể quán sát căn cơ, Ngài giảng dạy tùy theo căn cơ mỗi người, đối với người thế nào thì dạy pháp thế ấy. Nếu người này giác ngộ, biết thế giới này khổ, mong được lìa khổ, cũng nghe nói thế giới Cực Lạc vui, nguyện cầu vãng sanh, đây là người thượng căn. Người thượng căn thì khuyên họ niệm Phật để vào cửa Phật; người trung căn thì khuyên tu chỉ

quán đê vào cửa Phật; người hạ căn thì khuyên lễ sám đê vào cửa Phật.

Sư phụ của Hòa thượng Hải Hiền chỉ dạy Ngài một câu “Nam mô A Di Đà Phật”, dặn Ngài niệm liên tục, Ngài thật sự hoan hỷ tiếp nhận. Ngài không trái thầy phản đạo, tuân thủ giáo huấn của thầy, từ sáng đến tối niệm một câu “A Di Đà Phật”, câu này tiếp nối câu kia không gián đoạn, một đời không thay đổi. Sau khi minh tâm kiến tánh thì điều gì cũng biết, thế nhưng Ngài không nói. Nếu có người hỏi thì Ngài cười mà không đáp, không thừa nhận cũng không phủ nhận.

Thời kỳ đại Cách mạng Văn hóa, tháp của Hòa thượng Truyền Giới bị phá hủy, nhưng lại phát hiện huyết mộ trống rỗng, không thấy tro cốt. Hòa thượng Truyền Giới nhìn xa trông rộng, đem tro cốt giấu dưới tháp nên không bị phát hiện. Về sau, Hòa thượng Hải Hiền tìm thấy tro cốt của sư phụ dưới một phiến đá xanh nằm dưới huyết mộ. Ngài gặp vô vàn khó khăn mới giữ lại được tro cốt của sư phụ.

Mãi đến năm 1991, Hòa thượng Hải Hiền mới đích thân dẫn dắt các đệ tử xây tháp bên động Đào Hoa trên núi Đồng Bách, rồi an táng lại tro cốt của sư phụ. Mỗi năm đến ngày lễ cúng tế, Hòa thượng Hải Hiền nhất định đến bái tế mộ tháp của sư phụ.

Thiền sư Trục Tánh – sư phụ của Pháp sư Truyền Giới, sư ông của Hòa thượng Hải Hiền – có thể được tôn xưng là Thạc đức Thiền môn, đạo đức thanh cao vào cuối đời nhà Thanh đầu Dân Quốc. Những năm cuối đời, theo lời thỉnh cầu của các đệ tử ở phía bắc, Ngài chuyển đến viện Di Lạc ở Bắc Kinh. Thiền khách trong nước nghe danh nườm nượp tìm đến. Không lâu sau, viện Di Lạc đã biến thành tùng lâm (tự viện lớn), có liên kết từ xa với chùa Cao Môn và chùa Kim Sơn ở miền nam. Lúc bấy giờ, thiền khách đều biết “Nam có Cao Môn, Kim Sơn; bắc có Thiền viện Di Lạc”. Năm 1952, sau khi Thượng nhân Chân Không (Thiền sư Trục Tánh) nhập định 14 ngày đã đoan tọa viên tịch, hưởng thọ 80 tuổi. Sau khi trà tỳ (hỏa táng), được hơn 120 viên xá lợi màu đỏ, trắng.

Năm 1954, các đệ tử của Thượng nhân Chân Không đi bộ đến Bắc Kinh, nghênh thỉnh và hộ tống linh cốt của Ngài về an táng tại chùa Tháp Viện núi Đồng Bách. Những vị từng kết am tranh cộng tu với Hòa thượng Hải Hiền trên núi Đồng Bách là Pháp sư Hải Mặc, Pháp sư Hải Viên và bản thân Hòa thượng Hải Hiền cũng tham gia hàng ngũ hộ tống lần ấy.

Hòa thượng Hải Hiền không những thực hiện đầy đủ đức hạnh tôn sư trọng đạo đối với sư phụ, sư ông, mà vào những năm tháng khó khăn, một mình Ngài còn phụng dưỡng năm vị trưởng lão cao tuổi.

Đầu năm 1948, một nhóm du côn giả mạo quân đội đến chùa Vân Đài, chùa Phổ Hóa và chùa Bảo An, v.v... cướp bóc, đồng thời ép buộc chư Tăng Ni rời khỏi chùa. Các vị Tăng trẻ ồ ạt phân tán, để lại năm vị trưởng lão già yếu không đủ sức xuống núi, Hòa thượng Hải Hiền bèn đón các Ngài đến chùa Tháp Viện chăm sóc.

Trong suốt thời gian dài mấy chục năm, chùa cũng không có người cúng dường hương hỏa. Hầu như một mình Hòa thượng Hải Hiền vất vả cần cù lao động cả ngày, mãi đến khi từng vị một vắng sanh. Trong thời gian ấy, lão Hòa thượng còn phải chăm sóc mẹ già. Ngài ban ngày làm ruộng, đào thảo dược; buổi tối lạy Phật, thường lạy đến hoa mắt chóng mặt! Hòa thượng lao động vất vả cực nhọc như thế từ ngày này qua ngày khác.

Phật dạy phải “hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng”. Trong đó, hiếu là cha mẹ làm đại diện, kính là thầy giáo làm đại diện, phải tôn kính sư trưởng, tôn trọng đạo do thầy truyền trao, gọi là tôn sư trọng đạo. Thân mạng của chúng ta có được từ cha mẹ, huệ mạng (trí huệ) của chúng ta có được từ thầy. Một người muốn cuộc đời mình có thành tích thì không thể quên hai ân nhân này.

Hiếu dưỡng cha mẹ là đức hạnh tốt đẹp của văn hóa truyền thống Trung Quốc. Hiếu là gốc của văn hóa truyền thống Trung Quốc, kính là rễ của văn hóa truyền thống Trung Quốc. Chúng ta lấy thực vật làm ví dụ, gốc là thân cây chính, từ rễ sinh ra, trên thân cây chính có cành cây, từ

cành cây lại chia ra nhánh cây, lại có thêm cành lá hoa quả, những cành lá hoa quả này đều từ một gốc rễ mà sinh ra.

Nền tảng của giáo dục Thánh Hiền và Phật pháp Đại thừa đều là hiếu thân tôn sư, cho nên văn hóa truyền thống Trung Quốc và Phật pháp Đại thừa là cùng một gốc rễ. Lễ thanh minh hằng năm và mừng 1 tháng 10, lão Hòa thượng Hải Hiền nhất định trở về quê nhà để viếng mộ cúng tế tổ tiên, bái tế sư trưởng; một là hiếu thân, hai là tôn sư. Về hai chữ “hiếu kính”, Ngài đã làm gương cho người đời xem rôi.

## **CHƯƠNG 5 -NHỮNG NĂM ĐẦU TRÊN NÚI ĐỒNG BÁCH**

Từ năm 20 tuổi xuất gia đến năm 81 tuổi, trước khi thường trú ở chùa Lai Phật, Hòa thượng Hải Hiền luôn sống trên núi Đồng Bách. Bây giờ do đường núi gập ghềnh, chùa chiền lại ở nơi xa xôi, hẻo lánh nên rất ít người dân và cư sĩ lui tới cúng dường, đời sống hoàn toàn dựa vào công việc đồng áng của chính mình.

Hòa thượng Hải Hiền vô cùng cần mẫn, làm việc gì cũng không tiếc công sức. Gánh nước, rửa rau, nấu cơm,

rửa chén, cọ nồi, việc nào Ngài cũng giành làm. Hòa thượng cố gắng hết sức không để các sư huynh đệ nhúng tay vào, trong tâm Ngài luôn muốn mọi người có nhiều thời gian hơn để tu tập. Những việc trong chùa, từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, bao gồm nhà vệ sinh, Hòa thượng Hải Hiền đều sắp xếp, quét dọn thật sạch sẽ, khiến mọi người khi bước vào chùa đều cảm thấy thoải mái vui vẻ. Quần áo và đồ dùng hằng ngày của các sư huynh đệ, các dụng cụ nhà Phật, pháp khí và phẩm vật trang trí trong chùa, Hòa thượng cũng luôn lau chùi sạch sẽ kịp thời, không để bám bụi. Lúc đó, Pháp sư Truyền Giới – sư phụ của Ngài Hải Hiền – thường nói với các đệ tử: “Hải Hiền đang tu Phật ngay trong đời sống thực tế đây, đây là điều hiếm có nhất!”.

Không những tận tâm tận lực quản lý việc trên dưới trong chùa, mà Hòa thượng Hải Hiền còn cố gắng hết sức làm công việc đồng áng nhiều hơn. Từ năm 1940 đến năm 1942, Hòa thượng Hải Hiền đã cùng với những vị cao Tăng trong tông môn như Pháp sư Hải Mặc, Pháp sư Hải Viên, Pháp sư Thê Quang kết am tranh cộng tu ở chùa Tháp Viện, núi Đồng Bách. Bảy giờ, chùa Tháp Viện phân chia đất đai để các Ngài cày bừa trồng trọt, một mình Hòa thượng Hải Hiền đảm nhiệm toàn bộ đất đai của ba vị còn lại. Hòa thượng Hải Hiền nhớ lại và nói: “Chùa Tháp Viện phân chia đất đai cho ba người là Thê Quang, Hải Mặc, Hải Viên. Đất của ba thầy ấy bỏ hoang, một mình tôi khai thác đấy”.

Pháp sư Diễn Cường và Hòa thượng Hải Hiền là bạn bè hơn 40 năm. Do nhiều năm trước Pháp sư Diễn Cường bị bệnh phong thấp, chân đau không chịu nổi, đi chân trần một thời gian nên Ngài có biệt hiệu là “Thiết Cước Tăng” (vị Tăng chân sắt).

Pháp sư Diễn Cường ca ngợi Hòa thượng Hải Hiền là bậc cao Tăng Đại đức một thời. Lúc Ngài quen biết lão Hòa Thượng, lão Hòa Thượng đã sáu bảy mươi tuổi rồi, thế nhưng thân thể vẫn rất mạnh khỏe. Pháp sư Diễn Cường nói: “Mỗi ngày Hiền công đều lên núi để lao động”.

Nhân duyên xuất gia của Pháp sư Diễn Cường được gọi là “Thiết Cước Tăng” này rất đặc biệt. Một buổi tối trước khi xuất gia, Ngài nằm mơ thấy Quán Âm Bồ tát nói với Ngài: “Đã đến lúc rồi, chuẩn bị khởi hành thôi!”. Chính là [nhân duyên] như vậy, Ngài đã xuất gia ở núi Đồng Bách.

Bảy giờ đời sống rất gian khổ, không có thức ăn, nên Pháp sư Diễn Cường không thể an tâm tu hành. Ngài không quên hồng trần, không quên gia đình, cho đến một ngày, Ngài gặp được Hòa thượng Hải Hiền ở động Đào Hoa. Đến nay, Pháp sư Diễn Cường vẫn còn nhớ rõ sự giúp đỡ của Hòa thượng Hải Hiền lần đó: “Ngài ấy tặng cho tôi một số cao thông, một cân đường đỏ và 40 cân giống khoai sọ. Tôi trở về trồng khoai sọ, đến mùa thu

được thu hoạch lớn, khoai sọ đó sinh trưởng thật tốt! Từ lúc đó trở đi, tôi mới bắt đầu an tâm tu hành”.

Đời sống lúc đó của Hòa thượng Hải Hiền cũng chẳng hề dư dả. Hễ Pháp sư Diễn Cường nhắc đến cuộc sống lúc bấy giờ của Hòa thượng Hải Hiền, thì nước mắt lưng tròng, Ngài nói: “Đời sống lúc bấy giờ gian khổ lắm!”.

Khi ấy, Hòa thượng Hải Hiền đang khai hoang trồng trọt trên núi. Sau khi khai khẩn đất hoang, Ngài trồng khoai lang, khoai sọ, đây là thức ăn chính của các Ngài. Nếu có người tu hành lên núi, Ngài còn tặng thêm cho họ một ít. Bản thân không đủ ăn thì đào thảo dược, đem bán đổi về chút lương thực. Đến mùa thu, Ngài hái hạt dẻ trên núi, đem phơi khô để dự trữ. Ngoài việc khai hoang trồng trọt, Hòa thượng Hải Hiền còn trồng cây trên núi. Ngài đích thân gây trồng cây giống, hoặc là vào lâm trường đào rễ cây ngô đồng, rồi đem lên núi trồng. Pháp sư Diễn Cường không khỏi bùi ngùi mà nói: “Số lượng cây trên núi Đồng Bách do chính tay Hiền công trồng thật là nhiều không đếm xuể! Lúc mới lên núi, tôi đã cùng Ngài trồng rất nhiều cây”.

Sau khi xuất gia, Hòa thượng Hải Hiền đã trải qua những năm tháng với hàng loạt động loạn bất an, quân phiệt cát cứ, tám năm chiến tranh chống Nhật, ba năm nội chiến và Cách mạng Văn hóa sau này, v.v... Trong những ngày gian khổ như vậy, Ngài đã khai khẩn tổng cộng 14 ngọn núi hoang, hàng trăm mẫu đất; cúng dường hàng



ngàn hàng vạn Tăng chúng, cư sĩ. Cây trồng trên núi hoang, cầu cống, đường sông, phòng xá mà Ngài đã tham gia xây dựng ở địa phương cũng nhiều vô số kể. Trước và sau thời kỳ Cách mạng Văn hóa, Hòa thượng Hải Hiền vẫn thường xuyên cùng người địa phương đi tu sửa cầu đường, hễ đi thường là mấy tháng.

Cũng như Pháp sư Diễn Cường, mỗi lần nhắc đến sư phụ, Pháp sư Ân Chí – đệ tử của Hòa thượng Hải Hiền – lúc nào cũng vô vàn cảm xúc. Một lần, khi dùng cách biểu đạt đơn giản mà sinh động của mình để người bên cạnh hình dung sư phụ của Ngài cần cù biết bao, Ngài bùi ngùi nói: “Sự cần cù lao động của lão Hòa thượng thật là không cách gì hình dung được!”.

“Một ngày không làm, một ngày không ăn”, Hòa thượng Hải Hiền sống một ngày thì làm một ngày. Ngài làm việc rất chuyên chú, rất chăm chỉ, không hề trốn tránh khó nhọc. Ngài đã từng nói với Pháp sư Diễn Cường: “Văn độ chúng sanh, võ tu hành! Ông muốn thành Phật mà ông không ra sức, không lao động, không đổ mồ hôi, ở đâu có việc dễ dàng vậy chứ?”.

Nông Thiên là cơ sở kinh tế để tự viện Thiên tông của Trung Quốc thời xưa sinh tồn và phát triển. Khai khẩn đất hoang và “một ngày không làm, một ngày không ăn” là phong thái được lưu lại từ đời nhà Đường. Hứa Lý Hòa (Erik Zürcher 1928 – 2008) là nhà Hán học nổi tiếng người Hà Lan, ông nói: Phật giáo ở Trung Quốc không

phải là một kiểu mẫu hay một hệ thống tư tưởng, mà trước hết nó là một cách thức sinh hoạt và một cách thức hành vi được kỷ luật hóa cao độ. Điều này đã được thể hiện tập trung ở nơi Tăng lữ của Thiên tông.

Hòa thượng Hải Hiền xem “nông tịnh” đều quan trọng như nhau. Ngài ban ngày lao động, buổi tối niệm Phật. Pháp sư Diễn Cường diễn tả cuộc sống lúc đó của Hòa thượng Hải Hiền: “Bấy giờ tôi là người rõ nhất. Ban ngày Ngài làm việc mệt đến hoa mắt chóng mặt! Tối đến, Ngài còn niệm Phật, lạy Phật cả đêm”.

Hòa thượng Hải Hiền đã thị hiện phương pháp tu hành tốt nhất trong thời đại hiện nay, Ngài vừa làm việc (công việc của Ngài là trồng trọt), vừa niệm một câu Phật hiệu đến cùng.

## **CHƯƠNG 6 - KẾT AM TRANH CỘNG TU**

Từ năm 1940 đến năm 1942, Hòa thượng Hải Hiền đã cùng các bậc cao Tăng Thiên môn là Pháp sư Hải Mặc, Pháp sư Hải Viên và Pháp sư Thể Quang kết am tranh cộng tu tại chùa Tháp Viện, núi Đồng Bách.

Mỗi lần nhắc đến chuyện xưa, Hòa thượng Hải Hiền luôn hết lời khen ngợi công phu tu trì của ba vị Pháp sư

kia. Một ngày vào năm 2012, bốn tháng trước khi vãng sanh, Hòa thượng Hải Hiền đáp ứng yêu cầu của các cư sĩ Nam Dương nên đã kể lại chuyện kết am tranh cộng tu năm xưa. Ngài nói: “Hải Viên ở tháp Phật Nha – Bắc Kinh, Hải Mặc viên tịch tại một hang động ở chùa Tây Linh Sơn, đến nay thầy ấy đã mất hơn 40 năm rồi. Hải Mặc biết giảng, thầy ấy giảng kinh, kinh gì cũng biết giảng”.

Pháp sư Hải Mặc (1896 – 1968), tự Đại Hắc, lớn hơn Hòa thượng Hải Hiền 4 tuổi, Hòa thượng Hải Hiền quen gọi Ngài là “lão Hòa thượng Đại Hắc”. Pháp sư Hải Mặc họ Phương, tổ tiên là người rất giàu có ở thành phố Nam Dương. Từ nhỏ, cha mẹ đều mất sớm, Pháp sư Hải Mặc được bà nội nuôi dưỡng. Ngài từng là học viên trường Quân đội Hoàng Phố, trường Sĩ quan Nhật Bản, từng làm trưởng tham mưu quân đoàn 30 của quân cách mạng quốc dân. Ban đầu không tin Phật, Ngài đã tu sửa một ngôi chùa thành trường học. Một lần tá túc nhà người bạn, Ngài tiện tay lấy Kinh Lăng Nghiêm đọc, bỗng nhiên giác ngộ. Vô cùng ăn năn về lỗi lầm năm xưa, thế là Ngài tu sửa rồi trả lại cho chùa. Không lâu sau thì Ngài tìm đến chùa Thanh Lương, lễ Hòa thượng Truyền Kiệt (sư bá của Hòa thượng Hải Hiền, trong Thiên môn lúc bấy giờ có lời ca ngợi rằng “Nam có Hư Vân, Bắc có Truyền Kiệt”) xuất gia. Pháp sư Hải Mặc đi theo chúng Tăng, chặt đốn cây, gánh nước, làm ruộng cả ngày, không hề có thói quan liêu, nhà giàu. Ngài thích nghiên cứu kinh giáo, diễn thuyết rất giỏi.

Dân Quốc năm thứ 26 (năm 1937), bà nội của Pháp sư Hải Mặc qua đời. Ngài dựng nhà tranh bên cạnh ngôi mộ, đọc tụng kinh điển Đại thừa cho bà nội, thủ hiếu ba năm, siêu độ cho người bà quá cố. Mùa thu năm 2008, lúc kể câu chuyện này cho mọi người nghe, Hòa thượng Hải Hiền rung rung nước mắt khen ngợi rằng: “Lòng hiếu thảo của lão Hòa thượng Đại Hắc thật sự cảm động trời đất! Tôi đoán chắc hẳn là thầy ấy đã khai ngộ trong ba năm niệm Phật giữ mộ rồi”.

Năm 1964, Pháp sư Hải Mặc sống ở chùa Linh Sơn huyện Nghi Dương, thành phố Lạc Dương, tỉnh Hà Nam. Ngài buông xả vạn duyên, đào một động đất phía sau chùa, tự đặt tên là “động Đại Hắc”, ở trong động tinh tấn niệm Phật. Ngài đã cảm được đức Di Đà phóng quang hai lần, báo trước ngày vãng sanh. Ngày 23 tháng 9 âm lịch năm 1968, Pháp sư Hải Mặc cáo biệt chúng đệ tử, vãng sanh Tây Phương, hưởng thọ 72 tuổi.

Mối quan hệ của Pháp sư Hải Mặc và Hòa thượng Hải Hiền rất tốt. Hòa thượng Hải Hiền lúc còn sống từng kể rất nhiều sự tích của Pháp sư Hải Mặc, Ngài còn nhớ rất rõ lão Hòa thượng Đại Hắc thích ăn bánh rán.

Thời kỳ đầu thành lập nước Trung Quốc mới, Pháp sư Hải Mặc cũng ở chùa Lai Phật hai ba năm. Lúc bấy giờ, Pháp sư Hải Mặc bị mọi người vây quanh cả ngày đòi Ngài kể chuyện cho nghe. Ngài ngồi xếp bằng trên phiến đá ngoài sân, mọi người vây quanh nghe Ngài kể chuyện

thời cổ đại và thời kỳ kháng chiến chống Nhật. Một lần, mọi người đang nghe Ngài kể chuyện, chợt nghe thấy có tiếng động bên ngoài chùa. Có người hỏi: “Có khách đến phải không?”. Lão Hòa thượng Đại Hắc nói: “Không cần quan tâm, là thợ cắt tóc đi qua con đường này”. Mọi người chạy ra cổng chùa nhìn, quả thật là thợ cắt tóc! Cho nên mọi người bội phục lão Hòa thượng đến năm vóc sát đất.

Pháp sư Hải Viên (1904 – 2000) họ Chương, người thôn Chương Lôu, xã Đại Hà Đồn, huyện Đường Hà, tỉnh Hà Nam. Từ bé, Ngài chịu ảnh hưởng của cô nên còn rất nhỏ đã lập chí nguyện hoằng truyền Phật pháp. Năm 13 tuổi (năm 1919), Ngài lễ Hòa thượng Truyền Tái chùa Vân Đài đỉnh Thái Bạch xuống tóc xuất gia. Năm 16 tuổi, Ngài đến chùa Quy Nguyên ở Vũ Hán thọ giới Cụ túc. Pháp sư Hải Viên là truyền nhân đời thứ 11 của tông Lâm Tế. Mùa xuân Dân Quốc năm thứ 33 (năm 1944), Pháp sư Hải Viên 40 tuổi, xuống núi Đồng Bách đến Bắc Kinh tham học, thường trú ở viện Di Lạc và chùa Quảng Tế. Ngài đi một mạch hơn 50 năm không quay trở lại.

Pháp sư Hải Viên tài trí siêu quần, cả đời trì tụng Kinh Lăng Nghiêm, Thiên Tịnh song tu. Năm 1979, Ủy ban Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc cử Pháp sư Hải Viên đến chùa Linh Quang ở Bát Đại Xứ, Tây Sơn, Bắc Kinh trông giữ tháp xá lợi răng Phật, Ngài đã giữ tháp 21 năm. Lúc đến chùa Linh Quang, Pháp sư Hải Viên đã 75 tuổi. Bây giờ, Cách mạng Văn hóa vừa kết thúc, du khách ở Bát Đại

Xứ không nhiều, mùa đông càng ít người hơn, cả khu Tây Sơn tám mặt trống trải, vắng tanh không dấu chân người. Cơm phải tự nấu, rau phải tự trồng, uống nước phải gánh từ nơi xa, một mình Ngài giữ tháp, sự gian khổ đó không cần nói cũng có thể biết. Tình hình của Ngài lúc đó có thể cảm nhận được một chút từ trong lời bài thơ tên là “Tảo Khóa” (Khóa Sáng) mà Ngài viết lúc bấy giờ.

“Nguyệt thị Thiên đăng, tinh vi bạn,  
Phật nha tháp bàng tọa bồ đoàn,  
Linh đài thâm xứ Bồ đề trú,  
Cao tụng Lăng Nghiêm chấn tam thiên.”

Tam dịch:

“Trăng là đèn Thiên, sao là bạn,  
Ngồi bồ đoàn cạnh tháp răng Phật,  
Non thiêng chốn thăm Bồ đề trú,  
Cao tụng Lăng Nghiêm chấn tam thiên.”

Dưới sự chủ trì của Pháp sư Hải Viên, chùa đã được khôi phục, đồng thời cũng rộng mở để mọi người được chiêm ngưỡng xá lợi răng Phật, một trong hai viên còn được bảo tồn trên thế giới.

Ngày 1 tháng 2 năm 2000, Pháp sư Hải Viên đức cao vọng trọng an tường thị tịch, hưởng thọ 96 tuổi. Sau khi trà tỳ được gần hai ngàn viên xá lợi. Đến nay, tôn tượng

của Pháp sư Hải Viên được tạo dựng ở chùa Linh Quang, người đến chiêm ngưỡng nườm nượp không ngớt.

Mỗi khi nhắc đến Pháp sư Hải Viên, Hòa thượng Hải Hiền đều hết sức ca ngợi: “Hải Viên tu hành, đó không phải là sự tinh tấn thông thường đâu! Khi chúng tôi ở cùng nhau, thầy ấy thường quên ăn cơm, quên ngủ nghỉ!”.

Pháp sư Hải Viên viết thư cho Hòa thượng Hải Hiền mấy chục năm rồi, mỗi lần Hòa thượng Hải Hiền nhận được thư đều tìm cư sĩ Vương Xuân Sanh đọc cho Ngài nghe. Sau Cách mạng Văn hóa, do Pháp sư Hải Viên gửi thư nói cho Hòa thượng Hải Hiền biết về định hướng của chính sách tôn giáo, nên chùa Lai Phật mới có thể trùng tu kịp thời.

Pháp sư Thê Quang (1924 – 2005) họ Viên, người thành phố Hạng Thành tỉnh Hà Nam, tự Ấn Huyền, đời 52 chánh tông Lâm Tế, Hòa thượng Hải Hiền quen gọi Ngài là “Ấn Huyền”. Năm 14 tuổi, một mình Pháp sư Thê Quang vào Phát Sơn ở trấn Hắc Long huyện Đường Hà tỉnh Hà Nam, xuống tóc xuất gia với Pháp sư Hải Sơn chùa Phổ Hóa. Căn tánh của Ngài phi phàm, từng thân cận với các bậc cao Tăng Đại đức như lão Hòa thượng Hư Vân, Pháp sư Viên Anh, Thiền sư Lai Quả v.v... Ngài rất được lão Hòa thượng Hư Vân khen ngợi, được công nhận là người được tâm ấn của lão Hòa thượng Hư Vân. Ngày 24 tháng 1 năm 2005, Pháp sư Thê Quang đốn tọa nhập diệt.

Cả đời Pháp sư Thê Quang kiên trì lấy giới làm thầy, xem việc nông và tham thiền đều quan trọng như nhau, quá ngộ không ăn, quanh năm một chiếc cà sa rách. Cho dù vào thời kỳ Cách mạng Văn hóa, người xuất gia bị buộc phải thay đổi cách ăn mặc như đời thường, nhưng Pháp sư Thê Quang vẫn mặc một chiếc cà sa rách. Ngài thường nói: “Xuất gia phải trì giới ngồi thiền, tuân thủ thanh quy do Tổ sư đặt ra”. Lúc sinh tiền, Ngài từng nhận chức phó hội trưởng ban trị sự khóa hai của Hiệp hội Phật giáo tỉnh Giang Tây, thủ tọa chùa Đông Lâm – Lô Sơn, v.v...

Căn cứ theo ghi chép trong niên phổ của Pháp sư Thê Quang, năm 19 tuổi, sau khi Pháp sư Thê Quang đến chùa Bảo Thông ở thành phố Vũ Hán tỉnh Hồ Bắc thọ giới Cụ túc, Ngài thành kính lên núi Linh Nham tham bái xá lợi của Đại sư Ấn Quang và thường trú nhiều năm tại đạo tràng. Kế đó, Pháp sư Thê Quang tìm đến chùa Vân Môn theo lão Hòa Thượng Hư Vân tham thiền tu định, trải qua “biến động ở Vân Môn”. Lúc Pháp sư Thê Quang đến thăm hỏi tình trạng vết thương của lão Hòa thượng Hư Vân, lão Hòa thượng tặng một bài kệ, giục Ngài lập tức rời khỏi. Kệ rằng:

“Giá cá a sư huýnh bất đồng,

Khôi đầu thổ liễm biến sát trần.

Hoạch thang lư thán thường du hí,



Phi mao đới giác tùy chuyên luân.

Xú khí huân thiên nhân nan cận,

Tam giới nội ngoại mịch vô tung.

Nhược vấn hành niên kinh kỷ hứa,

Phi sắc phi không phi cổ kim.”

Tam dịch:

“Hòa thượng, Sư đây thật khác thường,

Mặt mày nhem nhuốc đạo muôn phương.

Vạc đồng lò lửa thường vui đến,

Thú cầm tùy hiện chuyên pháp luân.

Toàn thân hôi hám khó ai gần,

Trong ngoài ba cõi bật dấu chân.

Người hỏi thăm Ngài bao nhiêu tuổi,

Chẳng sắc chẳng không chẳng xưa nay.”

Thời đó, Pháp sư Thê Quang mới 27 tuổi.

Sau khi rời khỏi chùa Vân Môn, Pháp sư Thê Quang về chùa Tháp Viện sống gần hai năm. Thập niên 80 thế kỷ XX, Ngài cũng đã nhiều lần trở về núi Đồng Bách thăm viếng đạo hữu năm xưa. Hòa thượng Hải Hiền từng kể một câu chuyện về Pháp sư Thê Quang trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa bị Hồng vệ binh trách phạt.

“Hồng vệ binh để Ân Huyền đứng trên băng ghé dài, trên cổ đeo một cối xay nhỏ. Ai dè Ân Huyền biết công phu! Đứng tấn trên băng ghé không hề nhúc nhích. Có một Hồng vệ binh dùng chân đá băng ghé, kết quả là đá thế nào băng ghé cũng không nhúc nhích. Hấn bèn gọi rất nhiều người đến cùng nhau đá, băng ghé ngã xuống, cả nhóm Hồng vệ binh cũng té ngã, nhìn lại Ân Huyền vẫn đứng tấn vững vàng trên đất. Nhóm Hồng vệ binh này sợ khiếp vía, không dám đấu với thầy ấy nữa”.

Pháp sư Thê Quang ở chùa Chân Như trên núi Vân Cư hơn 30 năm. Về sau, Ngài nhận lời mời của tín chúng Giang Tây, trụ trì thiền tự Tịnh Cư ở núi Thanh Nguyên từ năm 1990. Theo lời kể lại, rất nhiều cây cổ trong chùa Tịnh Cư đã chết khô, nhưng sau khi Pháp sư Thê Quang dời đến núi Thanh Nguyên, Ngài đã phục hưng đạo tràng của Tổ sư trong điều kiện cực kỳ gian khổ. Cây khô mà trở lá mới, phục hồi được sức sống. Pháp sư Thê Quang trụ trì tổ đình chùa Tịnh Cư 15 năm. Ngài sáng lập tông lâm, giáo quy, kế thừa truyền thống xem nông và thiền quan trọng như nhau của Phật giáo Trung Quốc, phục hưng đạo tràng của Tổ sư cho đến khi viên tịch.

Lão Hòa thượng Bản Hoán đức cao vọng trọng ca ngợi Pháp sư Thê Quang rằng: “Thiền sư Thê Quang xuất gia khi còn trẻ, trình khiết vào đạo, chấp trì giới cấm, thấu triệt thực học. Ngài phục hưng tổ đình Thanh Nguyên, tiếp tục phát huy tông phong của Tổ Bách Trượng, an tĩnh tiếp

độ chúng sanh vô số, phẩm hạnh đạo đức truyền xa. Thật là tấm gương của người xuất gia vậy!”.

Trước khi viên tịch, Pháp sư Thê Quang từng dặn dò môn đồ đệ tử ở Giang Tây, xây tháp ở chùa Tháp Viện – nơi mà năm xưa bốn người cộng tu – để kỷ niệm. Sau khi Ngài viên tịch, các đệ tử trình trọng tuân thủ di mệnh của lão Hòa Thượng, cử người đến chùa Lai Phật thưa thỉnh lão Hòa thượng Hải Hiền, báo cáo về việc muốn xây tháp thờ phụng móng tay và tóc của Pháp sư Thê Quang. Lão Hòa thượng Hải Hiền hoan hỷ tán thán, bèn đích thân đến chùa Tháp Viện chọn địa điểm xây dựng. Pháp sư Diên Tự – đệ tử của Pháp sư Thê Quang – nói: “Chúng con chọn mấy nơi cũng có chút không hợp ý. Hình như lão Hòa thượng gia trì thì phải, kết quả lại chọn đúng nơi kết am tranh năm xưa của lão Hòa thượng. Mọi người đều rất hài lòng”.

Ngày 12 tháng 11 năm 2011, tháp xá lợi của Pháp sư Thê Quang ở chùa Tháp Viện được hoàn thành.

Hòa thượng Hải Hiền cùng ba vị đồng tham đạo hữu kết am tranh cộng tu trên núi, tâm của Ngài an trú trong câu Phật hiệu “Nam mô A Di Đà Phật”, Ngài không xen tạp, tâm được định.

Căn tánh của mỗi người không như nhau nên sự phụ truyền pháp cũng bất đồng. Vì vậy, pháp môn tu học của bốn vị tự nhiên cũng khác nhau, có vị tu Thiền, có vị tu

Tịnh Độ, có vị học Giáo. Các Ngài không cùng tông phái, không cùng pháp môn, thế nhưng có thể chung sống hòa thuận, tôn trọng lẫn nhau, chỉ ca ngợi, không hủy báng, không phê bình nhau, không tranh luận, không có quan điểm riêng của từng môn phái. Đây là Tăng đoàn lục hòa danh xứng với thực.

## CHƯƠNG 7 - MẪU THÂN VĨNG SANH

Năm 1956, mẹ của Hòa thượng Hải Hiền 86 tuổi. Sau khi sống 27 năm trên núi, một hôm, bỗng nhiên bà đề cập muốn trở về quê nhà sinh sống. Bà nói với Hòa thượng Hải Hiền: “Thầy có thể để già chết trên đỉnh núi này sao?”. Nghe mẹ nói như vậy, Hòa thượng Hải Hiền đành phải theo ý mẹ, cùng mẹ trở về quê nhà ở thôn Thảo Tự huyện Đường Hà.

Nhà đã không còn nữa. Về đến thôn, trước tiên Hòa thượng Hải Hiền sắp xếp ổn thỏa cho mẹ sống ở nhà một người hàng xóm cũ, còn mình thì đi tìm trưởng thôn nhờ giúp đỡ. Được sự đồng ý của chi bộ trong thôn, Hòa thượng Hải Hiền thu dọn lại căn nhà tranh ba gian trong vườn rau của đội sản xuất, vào ở cùng mẹ.

Một năm trước khi vãng sanh, một vài vị cư sĩ ở Nam Dương đã có một buổi phỏng vấn, lão Hòa thượng bình lặng tường thuật lại câu chuyện vãng sanh này cho mọi người nghe:

- Trong vườn rau có ba gian phòng... chúng tôi làm gì có nhà! Đó là nhà của đội sản xuất. Tôi dọn cho trống chỗ, dành ra ba gian phòng, chúng tôi sống ở đó, phải trồng rau đấy.

Các cư sĩ nghe chưa hiểu, rất ngạc nhiên hỏi:

- Bà cụ vẫn có thể trồng rau được sao?

Lão Hòa thượng trả lời lớn tiếng hơn một chút:

- Tôi vẫn còn khỏe mà, có thể làm được! Chúng tôi trồng rau.

Mẹ Ngài ăn chay từ nhỏ, cho nên lúc hai người xuống núi, Hòa thượng Hải Hiền mang theo một cái nồi riêng. Ngài nói:

- Chúng tôi có thể ăn cơm của người ta sao? Không được ăn mặn phá giới.

Lão Hòa thượng nhớ rất rõ, Ngài và mẹ xuống núi vào ngày 20 tháng 8 âm lịch. Qua năm sau, vào mùng 5 tháng 7 năm 1957, mẹ Ngài vãng sanh.

Một ngày trước khi vãng sanh, bà còn tự gói sủi cảo và kêu Hòa thượng Hải Hiền báo tin cho chị và một người em gái họ, bảo họ hôm sau nhất định phải đến. Bà còn dặn

Hòa thượng Hải Hiền giúp bà chuyển giường ra ngoài phòng, bà muốn ngủ ở ngoài. Bà nói với lão Hòa thượng:

- Thầy à, già ra bên ngoài ngủ nhé! Lão Hòa thượng hỏi:

- Mẹ ngủ bên ngoài làm gì? Bên ngoài nhiều muỗi lắm.

Bà nghiêng mặt nói:

- Ngày mai thầy có thể để già chết trong phòng này sao?

Lão Hòa thượng nhanh chóng đồng ý:

- Được! Được!

Ngài khiêng giường nệm ra ngoài, đặt ngay cửa lớn. Ngày hôm sau, chị và em gái họ của lão Hòa thượng Hải Hiền đều đến, bà còn nấu cơm cho mọi người. Bà chỉ vào đường trắng và đồ hộp mà hai chị em mang đến và nói:

- Đã mang đến đây mà không cho già ăn được sao?

Bà ăn hết đồ hộp, ngay cả nước súp trong đồ hộp cũng húp hết, sau đó nói với mọi người:

- Già uống nước rồi, trưa nay không ăn cơm nữa.

Sau bữa cơm trưa, bà vào nhà vệ sinh đại tiểu tiện. Sau khi trở ra, lại nằm một chút rồi nói với Hòa thượng Hải Hiền:

- Thầy à, già ngồi dậy một chút có được không? Hòa thượng Hải Hiền nói:

- Mẹ nằm tốt hơn.

- Đúng vậy! Nằm một chút, đúng vậy!

Nói xong bà lại nằm xuống. Bà quay mặt qua, nằm nghiêng người. Bà nằm xuống một cách an tường, sau đó thở một hơi dài thì vãng sanh rồi. Lão Hòa thượng nói đến đây, khua tay trái lên trên một cái rồi nói: “Mẹ tôi không bị hành hạ gì!”.

Mẹ của lão Hòa thượng Hải Hiền là một vị cư sĩ tại gia. Giống như lão Hòa thượng vậy, bà không đi học, không biết chữ, cả đời chỉ niệm một câu “A Di Đà Phật”. Bà vãng sanh năm 87 tuổi, biết trước ngày giờ, không có đau bệnh, tự hành hóa tha.

Sau nhiều năm rời khỏi quê nhà, đột nhiên bà đề xuất muốn về quê, trên thực tế là muốn về quê để vãng sanh. Ở quê còn có con gái và cháu gái, bà trở về làm gương cho con gái, cháu gái xem, để họ thấy một câu “A Di Đà Phật” có thể giúp người ta ra đi thanh thản tự tại đến như vậy. Vì thế, trước khi vãng sanh, bà đã gọi con gái, cháu gái đến, cả nhà đoàn tụ rất vui vẻ. Con gái của bà, cũng chính là chị của lão Hòa thượng Hải Hiền tận mắt thấy mẹ mình vãng sanh không thể nghĩ bàn, nên sau khi mẹ vãng sanh không lâu thì dắt con trai cùng lên núi Đồng Bách xuất gia.

Người niệm Phật, sống thì biết từ đâu đến, chết thì biết đi về đâu, vui vẻ hạnh phúc, không chút lo âu, không chút

sợ hãi. Nhiệm vụ hóa độ chúng sanh ở thế giới này đã hoàn thành, công đức của mình đã viên mãn, biết trước ngày giờ, không cần người khác trợ niệm, nói đi liền đi ngay, tự tại vãng sanh.

Thích Ca Mâu Ni Phật nói: Người ở thế gian có nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử. Người thông thường thật không dễ gì tránh khỏi bốn nỗi khổ này. Bất kỳ vật báu nào trong thế gian cũng không thể giải trừ được nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử. Nếu muốn giải trừ bốn nỗi khổ đó thì câu “A Di Đà Phật” này hữu hiệu, một câu “A Di Đà Phật” này là báu vật. Lão Hòa thượng Hải Hiền, mẹ của Ngài – Hoàng lão phu nhân, còn có sư đệ của Ngài – Pháp sư Hải Khánh, ba người cũng chỉ có nỗi khổ của sanh, không có nỗi khổ của lão, bệnh, tử. Đây là các Ngài thị hiện cho chúng ta xem.

Hoàn cảnh lúc bấy giờ của Hòa thượng Hải Hiền cực kỳ gian khổ, ngôi chùa nhỏ ở nông thôn, hương hỏa rất ít, toàn bộ đều dựa vào chính mình vất vả cần cù trông rọt để duy trì sự no ấm. Cho nên, ba ngày sau khi niệm Phật cho mẹ, Ngài chỉ dùng chiếc quan tài mỏng, mai táng mẹ một cách đơn giản. Ngài là người con hiếu thảo, dù bị hoàn cảnh bức bách, nhưng trong tâm Ngài vẫn luôn bất an. Ngài luôn hổ thẹn về việc này, cảm thấy có lỗi với mẹ. Tám năm sau, tình hình chuyển biến tốt hơn, Hòa thượng Hải Hiền muốn dựng bia cải táng cho mẹ. Nhưng không ngờ, khi đào mộ huyệt lên, mở quan tài ra, không thấy



người đầu, bên trong chỉ có mấy cây đinh lớn dùng để đóng quan tài.

Trong lịch sử Trung Quốc đã từng có một tiền lệ như thế. Sơ tổ Thiên tông Trung Quốc là Tổ sư Đạt Ma từ nước Nam Thiên Trúc (cách gọi nước Ấn Độ thời xưa) đến Trung Quốc truyền pháp. Sau khi viên tịch, Ngài được an táng ở Trung Quốc. Mấy tháng sau, một người từ Tây Vực đến, ông ấy nói gặp được Tổ sư Đạt Ma ở Tây Vực. Ông còn nói, lúc đó Tổ sư Đạt Ma một chân mang giày cỏ, một chân đi chân trần. Thời gian ấy vừa đúng lúc mới chôn cất Tổ sư Đạt Ma được mấy ngày. Mọi người không tin, Ngài đã viên tịch rồi, làm sao có thể đi đến Tây Vực được? Sau đó đào quan tài lên, vừa mở ra xem, quả nhiên không thấy người đầu, trong quan tài chỉ có một chiếc giày cỏ.

Hơn một ngàn năm sau, chúng ta lại gặp được câu chuyện tương tự. Do đó có người nói, mẹ của Hòa thượng Hải Hiền có phải là Bồ tát tái lai hay không? Trên lý nói như thế thì thông, nhưng trên sự thì không có chứng cứ, phàm phu tục tử chúng ta không có thần thông nên không dám đoán bừa.

## CHƯƠNG 8 - LÀM ĐỘI TRƯỞNG ĐỘI SẢN XUẤT

Năm 1966, đại Cách mạng Văn hóa nổ ra, Phật giáo bị xem là đối tượng cần quản chế. Chùa chiền, kinh sách, tượng Phật bị hủy hoại, người xuất gia bị giải đi điều hành trên phố, còn bị ép phải hoàn tục.

Pháp sư Ân Chí từng hỏi Pháp sư Diễn Cường “Thiết Cước Tăng”, năm xưa Hòa thượng Hải Hiền có bị sắp đặt đến đội sản xuất hay không? Pháp sư Diễn Cường đẩy kính phục, không cần suy nghĩ mà nói ngay: “Vào đội sản xuất nhưng Ngài không hoàn tục!”.

Lúc bấy giờ, Hồng vệ binh nói với mọi người: “Trên núi không cần Hòa thượng nữa! Ai muốn về nhà thì về nhà đi”. Hòa thượng Hải Hiền nói: “Tôi không có nhà, tôi không về nhà”. Không còn cách nào khác, Hòa thượng Hải Hiền bị sắp đặt đến Ngô Gia Loan dưới núi Đồng Bách tham gia lao động, làm đội trưởng đội sản xuất.

Tuy đã rời khỏi chùa, xuống núi tham gia lao động, nhưng Ngài vẫn luôn mặc Tăng phục, quyết không hoàn tục. Thật sự là hi hữu đáng quý! Nhiều năm sau, đệ tử hỏi Hòa thượng Hải Hiền tại sao lúc bấy giờ kiên quyết không hoàn tục thì vị lão Hòa thượng chưa từng đi học này nói: “Học đạo phải biết tâm là Phật, tu hành phải lấy giới làm thầy. Xuất gia mà trở về nhà, chẳng bằng hoa không nở”.

Bây giờ không cho phép niệm Phật, Hòa thượng Hải Hiền niệm thầm trong tâm; không cho phép lạy Phật, Ngài âm thầm lạy vào buổi tối. Công phu của Ngài chưa từng gián đoạn.

Trong thời gian lao động ở đội sản xuất, vì Hòa thượng Hải Hiền là người trung hậu lương thiện, đối đãi hòa nhã thân thiện, nên mọi người đều muốn gần gũi Ngài. Lão Hòa thượng họ Văn, cho nên mọi người đều gọi Ngài một cách thân thiết là “Văn Trai Công”, nghĩa là nói Ngài là người ăn chay. Lúc đội sản xuất ăn cơm tập thể, nếu trong nồi có thức ăn mặn thì Ngài chỉ ăn rau canh nồi. “Tôi cứ hầm một ít củ cải để ăn, tôi cai cái miệng của tôi, tôi không ăn (mặn)”. Lão Hòa thượng Hải Hiền nói: “Trai Công tôi đây, bất luận thế nào cũng không được phép ăn mặn phá giới”.

Trong lần phỏng vấn lão Hòa thượng, cư sĩ Lưu đã hỏi Ngài:

- Cả đời Ngài đều không uống rượu, có phải vậy không?

Hòa thượng Hải Hiền nói:

- Rượu à? Thời còn trẻ sao không uống rượu chứ!

- Thời còn trẻ Ngài thích uống rượu à? Hòa thượng Hải Hiền hỏi ngược lại rằng:

- Lúc trẻ ở đội sản xuất, quý vị dọn nhà cho người ta, có thể không uống rượu được sao?

Cư sĩ Lưu hiểu rõ liền gật đầu đáp rằng:

- Ô, không uống không được
- Bắt buộc mà! – Một chàng trai bên cạnh nói chen vào.

Người địa phương thích uống rượu. Ở đó có một tập tục: nếu như chủ nhà uống rượu mà khách được mời không uống thì không được, như vậy là không tôn trọng chủ nhà.

Cư sĩ Lưu thuận miệng nói một câu tựa như kết luận:

- Ít nhiều cũng uống một chút, đúng không ạ?

Không ngờ gương mặt lão Hòa thượng Hải Hiền tươi cười nói rằng:

- Khoảng một cân rượu cũng không đủ cho tôi uống đó!

Vừa dứt lời, các cư sĩ ở đó không nhịn được, vui vẻ cười phá lên.

Phật giáo là linh hoạt. Hòa thượng Hải Hiền uống rượu gọi là khai duyên, như vậy không phải là phá giới. Ngài muốn mọi người hoan hỷ, để mọi người hiểu rõ Phật giáo.

Giới luật mà Phật chế định cho chúng ta, điều căn bản nhất là “sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ”, bản thân bốn điều này chính là tội. Giới sau cùng trong năm giới là “không uống rượu”. Vốn dĩ việc uống rượu không có lỗi lầm, cho nên giới này và bốn giới phía trước không giống

nhau. Không có tội, tại sao phải quy định thành giới trọng vậy? Bởi vì sau khi say rượu sẽ loạn tánh, sẽ phạm bốn giới trọng phía trước. Vì vậy, giới “không uống rượu” gọi là giá giới, có tính chất phòng bị, dự phòng.

Trịnh Huyền là Đại sư Kinh học những năm cuối triều nhà Đông Hán, chú thích rất nhiều kinh điển nhà Nho. Sau khi uống hết 300 ly rượu, cả một lễ nghi và phép tắc nhỏ, ông cũng không đánh mất, thật là tởu lượng cao. Vì vậy, năm xưa thầy Lý Bình Nam từng nói với học trò của thầy rằng: Nếu như mọi người đều có tởu lượng như Trịnh Huyền, thì có thể không cần giới “không uống rượu” của Thích Ca Mâu Ni Phật nữa, bởi vì điều giới này trở nên vô hiệu.

Khoảng thời gian trong đội sản xuất, Hòa thượng Hải Hiền vẫn lao động niệm Phật, niệm Phật lao động như xưa. Những năm đó không được niệm Phật, nói theo lời của Hòa thượng Hải Hiền là: “Người ta không cho niệm đâu! Vì sao vậy? Toàn là ‘quần chúng’, quý vị dám niệm Phật sao?”.

Hết thảy mọi việc, Hòa thượng Hải Hiền đều hằng thuận chúng sanh. Không cho niệm Phật thì Ngài niệm thầm trong tâm, không được phép lạy Phật thì Ngài âm thầm lạy Phật trong đêm. Lúc chăn bò, sau khi thả bò lên đỉnh núi, Ngài ngồi trên tảng đá niệm Phật. Thời khóa công phu hằng ngày của Ngài không gián đoạn. Trên hình

thức có giảm thiểu một số, nhưng trong tâm thì không hề giảm, niệm niệm đều là Phật hiệu.

Qua thời kỳ đầu Cách mạng Văn hóa, tình hình có chút nói lỏng, Hòa thượng Hải Hiền bèn rời khỏi đội sản xuất trở về chùa.

## CHƯƠNG 9 - HÀNG PHỤC CON BÒ LỚN

Bất luận là làm việc gì, lão Hòa thượng Hải Hiền cũng hết sức thành thạo, hơn nữa Ngài rất có trí huệ.

Khi Ngài làm đội trưởng đội sản xuất trong thôn, đội sản xuất có nuôi một con bò lớn. Con bò này có cái đầu rất lớn, làm việc rất giỏi, nhưng nó hay cáu, đang làm việc mà không muốn làm là không làm, nằm xuống thì không chịu dậy nữa, không ai có cách bắt nó dậy. Người trong đội sản xuất đều nói muốn bán nó đi, Hòa thượng Hải Hiền nói: “Đừng bán nó, để tôi thương lượng với nó”. Thế nhưng nó không chịu nghe, thỉnh thoảng vẫn giở trò phát cáu.

Con bò nằm ở đó giở trò lười biếng không chịu dậy, làm thế nào đây? Nó to như vậy, dùng roi và gậy đánh cũng không có tác dụng, bởi vì cái đầu nó quả thực quá to. Hòa thượng Hải Hiền bèn nghĩ ra một cách, chẳng phải là con bò đang nằm ở đó sao? Hòa thượng Hải Hiền liền

---

dùng xẻng đào một cái hố bên dưới miệng bò. Đến khi đào được một cái hố nhỏ, Ngài liền cởi áo ra, trải lên miệng hố, rồi ra sức ấn mạnh đầu nó vào trong hố. Nhưng đầu nó rất lớn, cổ rất thô nên Ngài không ấn xuống hố được. Hòa thượng Hải Hiền dứt khoát kéo áo lên quấn lại, khiến miệng và mũi của con bò bị áo trùm kín hết. Nó thở không được, vội vàng đứng dậy bỏ chạy.

Nó làm được một chút thì không muốn làm nữa, lại nằm xuống. Lão Hòa thượng cầm xẻng đi đến đó lần nữa. Ngài lại bắt đầu đào hố, sau đó lại cởi áo ra, trải lên hố, lấy áo quấn chặt miệng và mũi con bò, rồi nó lại đứng dậy bỏ chạy.

Những lần sau đó, chỉ cần nó vừa nằm xuống, lão Hòa thượng bèn cầm xẻng, cầm áo đi về hướng nó. Nó vừa nhìn thấy thì vội vàng đứng dậy bắt đầu làm việc. Vì nó biết đợi đến khi đào xong hố thì nó sẽ không thở được nữa.

Lão Hòa thượng đã kể câu chuyện này cho mọi người nghe mấy lần: “Mỗi lần nó vừa nằm xuống, thì tôi đi đến đó, cầm xẻng, cầm áo đến trước mặt nó thì nó liền vội vàng đứng dậy bỏ chạy”. Mỗi khi kể đến đoạn này, lão Hòa thượng cũng luôn cười vui vẻ.

## CHƯƠNG 10 - LÃO HÒA THƯỢNG VÀ MỘT CON MĂNG XÀ

Cả đời Hòa thượng Hải Hiền tùy duyên giữ tròn bổn phận, không bao giờ làm cho đại chúng khởi chút phiền não. Ngài từ bi thương vật, đối đãi chân thành với tất cả chúng sanh. Ngài thường dùng tiền do các cư sĩ cúng dường vào việc ấn tống kinh sách và phóng sanh. Cả đời lão Hòa thượng ăn chay, phóng sanh— hai việc này đều là đoạn ác tu thiện.

Năm xưa, khi ở trên núi Đồng Bách, mỗi lần trước lúc làm việc, Ngài đều đi vòng quanh thông báo nhiều lần cho các loài côn trùng nhỏ dưới đất: “Cuộc xẻng xuống đất, côn trùng tránh xa. Nếu tổn tánh mạng, liền sanh cõi Phật”. Sau đó, Ngài lại niệm Phật hiệu một hồi rồi mới bắt đầu trồng trọt.

Thường ngày, bất luận ở trong hay ngoài chùa, chỉ cần nhìn thấy những động vật nhỏ như chó mèo, Hòa thượng Hải Hiền cũng sẽ chia những trái cây hoặc thức ăn cúng Phật cho chúng ăn, đồng thời dặn dò mọi người đừng đánh chúng, đừng làm tổn thương chúng. Ngài nói: “Đó cũng là chúng sanh, giống như con người chúng ta vậy, đều có tánh linh”.



Hòa thượng Hải Hiền từ bi, đối với động vật nhỏ cũng yêu thương đến thế, huống chi là đối với mọi người!

Lúc thường trú ở chùa Tháp Viện trên núi Đồng Bách, có một hôm đi bộ trên núi, lão Hòa thượng nhìn thấy bên đường có một con rắn bị một hòn đá to đè chặt, không bò được. Con rắn nhỏ này dài khoảng một mét. Lúc khối núi bị sạt lở, một hòn đá từ trên núi lăn xuống đè trúng nó. Lão Hòa thượng lấy hòn đá ra, chỉ thấy con rắn đó đã bị đè đến gần chết. Lão Hòa thượng sợ nó lại bị người đi đường làm tổn thương, nên kéo nó vào bên đường – nơi người ta không giẫm đạp lên. Lão Hòa thượng niệm Phật, quy y cho nó xong mới rời khỏi.

Về sau, con rắn này đến chùa Tháp Viện thăm Hòa thượng Hải Hiền theo định kỳ. Một năm nó đến mấy lần, còn ở chùa một thời gian rồi mới rời khỏi.

Con rắn này càng lớn thì càng to, to đến mức nào? To đến mức giống như miệng chén hay ly trà lớn vậy. Thanh xà ngang trong phòng dài khoảng bốn mét, nó bò lên trên đó, thân hình bắc từ đầu này đến đầu kia của thanh xà ngang, đầu nó còn có thể rũ xuống. Nó luôn đến thăm lão Hòa thượng, bởi vì từ nhỏ nó đã đến thường xuyên rồi, cho nên lão Hòa thượng nhận ra nó, biết đây là con rắn mình đã từng cứu nên cũng không sợ. Con rắn này cũng không sợ lão Hòa thượng. Mỗi khi đến chùa chơi, nó đều ở chơi một thời gian, không biết đi lúc nào. Những người

thường đến chùa Tháp Viện cũng đã nhìn thấy con rắn này nhiều lần.

Một lần, có một người phụ nữ mang thai lần tránh sự kiểm tra của ban kế hoạch hóa gia đình nên cô đến chùa Tháp Viện ở mấy ngày. Một hôm ra ngoài, lúc trở về, cô vừa đẩy cửa ra thì nhìn thấy con rắn to đó, khiếp sợ đến ngất ngay tại chỗ. Không biết là cô ngất bao lâu mới tỉnh lại. Cô không dám ở lại chùa nữa, bèn vội vàng rời khỏi.

Lão Hòa thượng nghiêm khắc phê bình con rắn một trận, bảo nó không được phép ra ngoài dọa người khác nữa. Nó rất nghe lời. Về sau, khi trở lại chùa, nó ngoan ngoãn cuộn tròn trên xà nhà, không đi lung tung bên ngoài nữa.

Mãi cho đến sau khi lão Hòa thượng đến chùa Lai Phật, con rắn này không còn đến chùa Tháp Viện nữa.

## **CHƯƠNG 11 - CÂU CHUYỆN VỀ LÃO HÒA THƯỢNG VÀ CHÓ SÓI**

Lão Hòa thượng Hải Hiền xuất gia 92 năm, gặp phải việc gì cũng chỉ niệm một câu Phật hiệu, không có ý niệm thứ hai. Ngài đã gặp phải không ít chương ngại và tai nạn, lần nguy hiểm nhất chính là lần gặp sói trên núi. Câu

chuyện này là Pháp sư Ân Sanh kể lại trong Pháp Hội lập bia kỷ niệm một trăm ngày lão Hòa thượng Hải Hiền quy Tây.

Hơn 20 năm trước, có một hôm Hòa thượng Hải Hiền đến lều nắm hương thăm Pháp sư Ân Sanh, trên tay Ngài cầm một mảng mật ong núi. Pháp sư Ân Sanh hỏi: “Mật ong của sư phụ từ đâu có vậy ạ?”. Lão Hòa thượng bèn kể cho Pháp sư nghe về cuộc gặp gỡ kỳ lạ của mình.

Hôm đó, lão Hòa thượng Hải Hiền đến Giải Gia Hà làm việc. Lúc đi ngang qua Thái Đàm Câu, trên con đường nhỏ hẹp quanh co ở vách núi cao dựng đứng, Ngài gặp một con sói lớn đang đứng ở phía trước. Thật là oan gia ngõ hẹp! Lão Hòa thượng tin sâu nhân quả nên Ngài chẳng hề tránh né, đương nhiên cũng không có chỗ để tránh, Ngài thâm nghĩ: Nếu là nợ mạng thì phải đền mạng, chỉ cần ăn thịt tôi thì trả hết nợ rồi. Miệng Ngài chỉ niệm Phật.

Ai dè, con sói đi đến trước mặt lão Hòa thượng, cắn chặt ống quần rồi kéo Ngài đến một ổ sói ở trong sơn động. Lão Hòa thượng nhìn thấy một con sói mẹ sinh khó. Lão Hòa thượng đã hiểu con sói đực này không phải muốn ăn thịt Ngài, mà muốn được Ngài giúp đỡ. Ngài nhắm mắt, định tâm lại, bắt đầu niệm Phật hồi hương. Hơn mười phút sau, sói mẹ sinh ra một đàn sói con. Sói đực khấu đầu lạy tạ lão Hòa thượng bày tỏ sự cảm ơn.

Nhân đó, lão Hòa thượng khai thị cho sói đực: “Con phải bớt làm việc ác, làm nhiều việc thiện, sau này đừng đi vào đường súc sanh nữa, thành tựu Phật đạo thì tốt biết mấy!”.

Lão Hòa thượng không phân biệt, Ngài đối với tất cả chúng sanh cũng như đối với Phật vậy. Ngài có thể buông xả vạn duyên, dùng tâm thanh tịnh, bình đẳng để hành Bồ tát đạo, giúp tất cả chúng sanh lìa khổ được vui. Ngày hôm sau, lão Hòa thượng làm xong việc, từ Giải Gia Hà trở về. Khi đi đến vách núi, Ngài phát hiện sói đực đang đứng đợi mình trên con đường nhỏ. Sói đực chặn lão Hòa thượng lại, sau đó ngậm một mảng mật ong núi từ trong đám cỏ đặt trước mặt Ngài, rồi cúi đầu nghiêng mình bày tỏ lòng cảm ân một lần nữa.

Nói đến đây, lão Hòa thượng bảo Pháp sư Ân Sanh: “Ân Sanh à! Con xem đấy, động vật hoang dã cũng biết báo ân đó!”.

Lúc này Pháp sư Ân Sanh vừa xúc động, vừa cảm thấy chân động. Pháp sư nói đùa với lão Hòa thượng rằng: “Sư phụ à! Sư phụ là thân nam nhi, không ngờ lần này còn làm bà đỡ đẻ!”. Lão Hòa thượng cũng cười ha ha.

Pháp sư Ân Sanh quen biết lão Hòa thượng Hải Hiền thời gian dài, đương nhiên Pháp sư biết những việc lão Hòa thượng đã từng trải nhiều hơn một chút. Pháp sư nói: Năm xưa, lúc lão Hòa thượng sống ở chùa Tháp Viện, mọi

người thầy lão Hòa thượng không biết giảng kinh thuyết pháp, cả ngày chỉ lo làm việc, nên chẳng hề quan tâm, chẳng chú ý đến những việc xảy ra đối với lão Hòa thượng.

Khi Hòa thượng Hải Hiền còn tại thế, không ai tôn trọng Ngài, không ai nghiêm túc phát tâm học tập theo Ngài. Rõ ràng Ngài là Thánh Hiền ứng hóa, nhưng mọi người đều đối đãi với Ngài như người bình thường, mãi đến bây giờ cũng như vậy.

## **CHƯƠNG 12 - LAI PHẬT CỔ TỰ**

Chùa Lai Phật nằm ở thôn An Trang, trấn Nhiêu Lương, huyện Xã Kỳ, thành phố Nam Dương, tỉnh Hà Nam. Huyện thành Xã Kỳ được gọi là “Trung Nguyên đệ nhất cổ trấn”, chùa Lai Phật cũng là một ngôi chùa có bề dày văn hóa và lịch sử được tích lũy lâu đời. Căn cứ theo ghi chép trên văn bia, chùa bắt đầu xây dựng vào thời Tùy Đường, trùng tu vào năm 1976. Hiện tại, chùa có diện tích chín mẫu, trong đó có sáu mẫu năm phần đất trồng trọt, 21 gian phòng. Trong Kim Cang quán ở phía đông đại điện có tôn tượng nhục thân Bồ tát Pháp sư Hải Khánh thiếp vàng, thờ phụng đến nay đã hơn mười năm.

Tương truyền vào những năm Tùy Đường, một vị cư sĩ họ Vương ở trấn Dương Sách lái xe bò đến trấn Nguyên Đàm buôn bán lương thực. Trên đường đi, ông gặp ba cụ già ngồi nhờ xe đi cùng. Đi đến đêm khuya, ông dừng xe bên đường nghỉ ngơi. Sáng hôm sau, ông thấy ba cụ già đã hóa thành ba tượng Phật bằng đá. Do đó, các tín đồ khởi công xây dựng đạo tràng ngay chỗ ấy, đặt tên là “Chùa Lai Phật”, ý là đức Phật đã hóa thân đến nơi này.

Một truyền thuyết khác, lúc đó cư sĩ Vương nhìn thấy ba tượng Phật bằng đá ở giữa đường, trên đầu của mỗi tôn tượng đều đội một thỏi bạc. Ông bèn dùng ba thỏi bạc này, tổ chức cho tín đồ trong thôn tu sửa từ đường họ Vương thành chùa, thờ phụng ba tôn tượng Phật tự đến (ba tôn tượng bằng đá). Bởi vì chùa được xây dựng lại từ Từ đường họ Vương, cho nên địa phương cũng có người quản lý nơi này gọi là “Miếu Vương Đường”. Sau đó, đổi tên là “Chùa Lai Phật” mãi đến nay.

Trước đại Cách mạng Văn hóa, kiến trúc của chùa khí thế hào hùng, trong sân có bia đá và tùng bách trên ngàn năm, vô cùng trang nghiêm, ba tượng Phật bằng đá nổi tiếng xa gần. Vào thập niên 50 thế kỷ XX, vị trụ trì lúc ấy là Pháp sư Ấn Tạng, Ngài cũng tham dự một cuộc họp do Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc tổ chức với tư cách là đại diện Phật giáo của huyện Tát Dương (lúc bấy giờ huyện Xã Kỳ chưa thành lập).

Bắt đầu đại Cách mạng Văn hóa, Hồng vệ binh đến chùa thiêu hủy kinh sách, tượng Phật. Chùa Lai Phật trở thành một nơi bình địa. Chư Tăng trong chùa đều bị sắp đặt đến tham gia lao động ở đội sản xuất, Pháp sư Hải Khánh cũng là một trong số đó. Thôn dân địa phương và cư sĩ hộ pháp lâu năm của chùa đều xót xa cảm thán rằng:

“Không chỉ bị ép buộc làm việc đơn giản vậy đâu! Lúc ấy, động một tí thì bị người khác đổ tội rồi giải đi điều hành trên phố. Ngày nay, chúng ta thấy Hòa thượng Hải Khánh có sự thành tựu thù thắng như vậy, đâu ai biết Ngài đã chịu bao nhiêu sự sỉ nhục đánh mắng!”.

### **.: Trùng tu chùa Lai Phật .:**

Cuối năm 1976, lão Hòa thượng Hải Hiền từ núi Đồng Bách đến chùa Lai Phật trong thôn thăm Pháp sư Hải Khánh, còn mang theo một lá thư của Pháp sư Hải Viên gửi về từ Bắc Kinh. Trong thư nói: Cách mạng Văn hóa đã kết thúc, chính sách tôn giáo sẽ rộng mở, đạo tràng bị hủy hoại có thể được khôi phục. Sau khi mọi người nhận được tin này đều vô cùng phấn khởi, liền bắt đầu xúc tiến, khôi phục chùa Lai Phật.

Việc trùng tu lại tự viện vô vàn khó khăn. Trải qua nhiều gian nan, sau cùng mới xây được mấy gian nhà tranh phía đông. Lúc bấy giờ không có tượng Phật Bồ tát,

đàn phả mời một họa sĩ đến vẽ một bức hình Tây Phương Tam Thánh trên vải bông trắng để thờ phụng.

Rất nhiều cư sĩ hộ pháp ở thành phố Nam Dương và huyện Xả Kỳ hẹn nhau đến chùa Tháp Viện trên núi Đồng Bách lễ thỉnh lão Hòa thượng Hải Hiền đến chủ trì đạo tràng chùa Lai Phật. Nhưng lúc đó, lão Hòa thượng Hải Hiền đang chuẩn bị khôi phục chùa Tháp Viện, cho nên Ngài cử bốn vị đệ tử đến thường trú ở chùa Lai Phật trước, còn Ngài chỉ thỉnh thoảng đến ở một thời gian. Về sau, trải qua nhiều khó khăn, các cư sĩ đòi lại được bảy, tám mẫu đất cho chùa, rồi xây thêm mấy gian phòng ở phía bắc, chính là đại điện ngày nay. Vì vậy, chùa Lai Phật chỉ xây lại ba gian đại điện và ba gian điện La Hán, mãi đến ngày nay, tượng Phật được thờ phụng trong chùa toàn bộ là tượng bằng đất sét.

Đạo tràng xây dựng đơn giản mộc mạc, có lợi cho việc tu tâm dưỡng đạo, cuộc đời lão Hòa thượng Hải Hiền thật sự rất thận trọng vững chắc. Đối với việc xây dựng đạo tràng, Ngài thường nói: “Không sợ không có chùa, chỉ sợ không có đạo”. Khoảng năm 1981, lão Hòa thượng Hải Hiền đến thường trú ở chùa Lai Phật. Mùa thu năm ấy, mọi người đều bắt đầu cày cấy chuẩn bị trồng lúa mạch. Một hôm, trên đường về nhà, khi ngang qua chùa, cư sĩ Vương – người mời lão Hòa thượng Hải Hiền về chủ trì đạo tràng – nhìn thấy lão Hòa thượng Hải Hiền 81 tuổi và Pháp sư Hải Khánh 72 tuổi đang làm việc ngoài ruộng,



một vị đang cầm cào cào đất, một vị đang cầm xẻng xới đất. Ông nhìn thấy trong lòng rất áy náy, bèn thỉnh các Ngài mau dừng lại. Lão Hòa thượng Hải Hiền nói:

- Nếu không cày xới đất kịp thời thì sẽ để lỡ việc trồng lúa mì.

Cư sĩ Vương nói:

- Quý Ngài có công việc gì cứ tìm con, sao con có thể để quý Ngài làm những việc nặng nhọc như vậy chứ!

Lão Hòa thượng nói:

- Các ông cũng là hộ cá nhân, không thể việc gì cũng làm phiền các ông.

Cư sĩ Vương cảm động nói:

- Sau này Ngài đừng nói như vậy nữa, có việc gì nhất định phải đến tìm con. Cho dù đang bận công việc thì con cũng để đó, làm xong cho thầy rồi tính sau. Người ta đều biết con dẫn đầu thỉnh thầy đến đây, kết quả để Ngài đến đây chịu khổ rồi, người hộ pháp như con còn mặt mũi nào nữa chứ? Quý Ngài đừng cào xới nữa. Bây giờ con về nhà dắt bò ra cày.

### **.: Nhục thân Bồ tát .:**

Ngôi chùa nhỏ ở nông thôn, mặc dù không có gì nổi bật, nhưng lại xuất hiện hai vị Bồ tát chân chánh: một vị là

lão Hòa thượng Hải Hiền; còn có một vị Pháp sư bất phàm có thành tựu, đó chính là Pháp sư Hải Khánh. Pháp sư Hải Khánh cũng giống như Hòa thượng Hải Hiền, không đi học, không biết chữ. Các Ngài có một điểm chung, đó chính là các Ngài đều là người thật thà, đều là người nghe lời, đều là người thật làm.

Pháp sư Hải Khánh cũng là người Hà Nam, xuất gia năm 11 tuổi, đến thường trú ở chùa Lai Phật năm 42 tuổi. Ngài chuyên tu Tịnh Độ, thành thật niệm Phật. Người dân xung quanh chùa Lai Phật đều biết Pháp sư Hải Khánh là người trung hậu thật thà, tính tình hiền lành, chỉ biết niệm “A Di Đà Phật”. Ngài nói lắp rất nặng, chỉ có lúc niệm “A Di Đà Phật” mới phát âm rõ ràng.

Pháp sư Hải Khánh sống bần hàn cả đời, thế nhưng Ngài rất vui vẻ. Ở trong đạo tràng, Ngài làm hết tất cả những công việc nặng nhọc mà người khác không muốn làm, mà còn sanh tâm hoan hỷ. Cả đời Ngài lấy giới làm thầy, xem khổ là thầy. Khi còn tại thế, không ai tôn trọng Ngài, thế nhưng người phàm mắt thịt ở thế gian đã nhìn lầm Ngài rồi. Ngài đã để lại thân kim cang bất hoại, đây không phải là điều mà người thường có thể làm được.

Tháng chạp năm 1991, Pháp sư Hải Khánh 82 tuổi tự tại sanh Tây. Sau khi ngồi trong chum sáu năm chín tháng, lão Hòa thượng Hải Hiền phát tâm làm lễ trà tỳ và nhập tháp cho Ngài. Mở chum ra, chỉ thấy Pháp sư Hải Khánh ngồi xếp bằng sừng sững, diện mạo như còn sống, thậm

chí quần áo trên người cũng không chút hư hoại. Tứ chúng đệ tử liền thờ phụng nhục thân trong chùa. Cứ vào mùng 1, 15 mỗi tháng, mọi người đều đi lễ bái nhục thân của Pháp sư Hải Khánh; nhà nào gặp phải việc khó khăn, cũng đến cầu xin nhục thân vị Bồ tát này.

Chùa Lai Phật vì xuất hiện nhục thân Bồ tát cũng trở nên náo nhiệt hơn.

Khoảng năm 2000, có một vài người từ miền nam đến tìm lão Hòa thượng Hải Hiền, thương lượng với Ngài rằng: Chùa Lai Phật quá thô sơ, tử thân cho nhục thân Bồ tát, họ sẵn lòng cúng năm vạn tệ cho chùa rồi đưa nhục thân của Pháp sư Hải Khánh đến chùa lớn ở miền nam thờ phụng. Lão Hòa thượng Hải Hiền vô cùng trí huệ, Ngài không trực tiếp từ chối họ, mà nói với họ rằng: “Tôi không ở chùa này từ khi khai thiên lập địa, nên không thể đưa ra quyết định được! Quý vị vào thôn tìm cư sĩ Vương Xuân Sanh. Chùa này là do ông ấy chủ trì trùng tu, quý vị phải thương lượng với ông ấy mới được”.

Họ rất nghe lời, liền đi tìm cư sĩ Vương thương lượng. Cư sĩ Vương nghe nói như vậy, vừa giận vừa cười mà nói với họ: “Đừng nói đưa năm vạn tệ cho chùa, cho dù các ông kéo ba xe lửa chứa đầy 100 tệ, dùng vàng ròng làm điện đường cho chùa Lai Phật, chúng tôi cũng không thể giao nhục thân của Pháp sư Hải Khánh cho các ông được!”.

Về sau, lại có vài chuyện cũng khôi hài giống như vậy.

### **:: Mất trộm gặp cướp ::**

Chùa Lai Phật nằm ở vùng nông thôn, hoang vu hẻo lánh, nhiều năm không có người cúng dường, cuộc sống rất bần hàn. Những ngày lễ khánh đản Phật Bồ tát, có nhiều người đến chùa, chần đệm dành cho mọi người nghỉ ngơi cũng phải mượn của người dân trong thôn. Khi Pháp sư Hải Khánh vãng sanh, thậm chí không có một chiếc Tăng phục hợp chuẩn trên người.

Một mặt, chùa không có người cúng dường trong nhiều năm; mặt khác, liên tục có người đến chùa trộm cắp. Những văn vật trân quý may mắn còn sót lại cũng bị trộm, bò cày ruộng bị người khác trộm mất, cái khóa thùng công đức không biết đã bị người khác cạy qua biết bao nhiêu lần...

Những năm ở chùa Lai Phật, lão Hòa thượng Hải Hiền chịu đủ mọi gian khổ. Mãi đến mười mấy năm trước khi vãng sanh, hoàn cảnh của lão Hòa thượng mới có chuyển biến tốt, nhưng những sự việc tương tự vẫn có lúc xảy ra.

Mùa thu năm 2012, vừa từ niệm Phật đường Nghĩa Ô - thành phố Nam Dương trở về [chùa Lai Phật], lão Hòa thượng liền cầm cuốc ra ruộng. Ba người thanh niên chạy xe gắn máy tìm đến lão Hòa thượng, nói muốn đổi một ít tiền lẻ. Lão Hòa thượng nói: “Không có”. Kết quả, hai

người thanh niên trong nhóm giữ chặt lão Hòa thượng, người còn lại thì cướp hết số tiền lão Hòa thượng đang để trong người do các cư sĩ ở Nam Dương cúng dường.

Còn có một số người không hiểu nhân quả, mượn tiền lão Hòa Thượng nhiều năm nhưng không chịu trả. Lão Hòa thượng từ bi, bảo Pháp sư Ấn Thuyên đến hỏi trả. Nào ngờ, người mượn tiền chẳng những không trả, mà còn nói năng vô lễ, mắng lão Hòa thượng là người sắp xuống lỗ rồi mà vẫn không quên đòi nợ, chết rồi có thể dùng số tiền này được không?

### **:: Gìn giữ tự viện ::**

Lão Hòa thượng Hải Hiền sống những ngày tháng an tĩnh mà lại nghèo khó ở chùa Lai Phật. May mà Ngài am hiểu nghề nông, con người lại cần mẫn, thích làm việc, không một ngày nhàn rỗi.

Mùa hè năm 2007, có một vài tín đồ cùng nhau đến chùa Lai Phật thăm lão Hòa thượng Hải Hiền. Cổng chùa đang mở, trong sân không một bóng người. Họ đợi rất lâu, lão Hòa thượng mới trở về, thì ra một mình Ngài làm việc ngoài ruộng đấy! Lão Hòa thượng nói: “Hiện nay, một mình tôi sống ở chùa. Việc đồng áng đến, không làm cũng không được, việc đồng áng không đợi ai”.

Nghe câu nói của lão Hòa thượng, trong lòng của họ bỗng chốc trở nên nặng trĩu: Ngài đã hơn 100 tuổi rồi mà

vẫn kiên trì ở đây một mình, còn trồng nhiều ruộng đất như vậy, ngay cả một người bên cạnh chăm sóc cũng không có. Trời rất nóng, giữa trưa rồi Ngài vẫn làm việc ngoài ruộng, trở về còn phải tự nấu cơm, giặt quần áo, Ngay cả một thanh niên cũng không chịu nổi!

Họ có ý tốt khuyên rằng:

- Ngài hơn 100 tuổi rồi, hằng ngày còn làm lụng vất vả như vậy, cuối cùng mưu cầu điều gì chứ? Với phẩm hạnh của Ngài, hoàn toàn có thể đến đạo tràng có điều kiện tốt để an hưởng tuổi già!

Lão Hòa thượng nói:

- Nếu người xuất gia không giữ được đạo tràng, ngay cả chùa của mình mà cũng vứt bỏ, thế thì còn tu hành gì nữa? Quý vị để người ta nói đến có dễ nghe hay không?

Hộ khẩu của lão Hòa thượng Hải Hiền vẫn ở huyện Đồng Bách, cách hơn 100km, nhưng Ngài luôn muốn chuyển hộ khẩu của mình về chùa Lai Phật. Ngài nói bản thân đã sống mấy chục năm ở chùa Lai Phật, xem như lá rụng về cội, tôi cũng muốn chuyển hộ khẩu về đây. Năm 2012, một năm trước khi vãng sanh, dưới sự thúc giục nhiều lần của Ngài nên hai vị cư sĩ cùng nhau đi làm thủ tục chuyển hộ khẩu cho lão Hòa thượng Hải Hiền. Lần đầu, do thiếu mất một bản chứng minh của công an thôn Hương Đình chỗ chùa Lai Phật, nên hôm đó chưa chuyển

được. Mấy ngày sau lại đi tiếp, các cư sĩ mới chuyên được hộ khẩu của lão Hòa thượng về chùa Lai Phật.

Lão Hòa thượng 111 tuổi biết được hộ khẩu chuyên về rồi, rất vui vẻ nói: “Tôi sống ở chùa Lai Phật mấy chục năm rồi, hộ khẩu còn ở bên ngoài, tôi muốn chuyên hộ khẩu về lâu rồi, cuối cùng hôm nay đã mãn nguyện”. Ngài cười rất vui vẻ.

Mùa thu năm 2008, lão Hòa thượng trình trọng ủy thác chùa Lai Phật cho đệ tử của Ngài là Pháp sư Ấn Chí. Về việc quản lý chùa, Ngài nói với Pháp sư Ấn Chí:

“Đừng sợ không có chùa, chỉ sợ không có đạo”. Ngài còn căn dặn Pháp sư Ấn Chí: “Không điếc không mù, không xứng làm trụ trì”, ý là bảo Pháp sư phải kham nhẫn, phải nhường nhịn.

Ngôi chùa nhỏ ở thôn quê không có gì nổi bật, không ai muốn ở, cũng không ai đến tranh giành. Người chân chánh tu hành ở đây thì tâm sẽ được an. Lão Hòa thượng Hải Hiền đã sống bình yên ở đây mấy chục năm, không tranh với người, không cầu nơi đời. Ngài hoàn toàn dựa vào nghề nông để sinh sống, cho nên Ngài không cầu ai, không cần ai cúng dường. Lúc vãng sanh, Ngài thị hiện tướng tốt, dùng điều này để độ hóa chúng sanh.

## **.: Sau khi lão Hòa thượng vãng sanh .:**

Sau khi lão Hòa thượng vãng sanh, trụ trì chùa Lai Phật là Pháp sư Ân Chí trình trọng tuyên bố một số quy định:

- Thứ nhất: Chùa Lai Phật vì kế thừa hoàn toàn gia phong của lão Hòa thượng Hải Hiền, sau này sẽ không cho quải đơn (nghĩa là ngủ lại trong chùa). Cũng tức là, bất luận là xuất gia hay tại gia, nếu có ý muốn nghỉ lại ở chùa Lai Phật, chùa cũng không tiếp đãi.

- Thứ hai: Nếu có người đến chùa Lai Phật chiêm ngưỡng Thánh tích, bao gồm mộ tháp của lão Hòa thượng Hải Hiền và nhục thân của Pháp sư Hải Khánh, chùa đều hoan nghênh, nhưng không nhận tiền cúng dường. Chùa mong muốn duy trì gia phong của chính mình, tự trồng trọt để duy trì nguồn lương thực cho chính mình. Đây là gia phong được thành lập từ lão Hòa thượng Hải Hiền lao động không ngơi nghỉ suốt 92 năm, thật sự là Nông Tịnh song tu.

- Thứ ba: Nếu có phát tâm làm đĩa giảng hoặc ấn tống kinh sách thì có thể tự làm, vui lòng đừng gửi tịnh tài đến chùa Lai Phật. Vì chùa không lớn, người xuất gia cũng không nhiều, mong rằng những người xuất gia tu hành ở đây nhất tâm niệm Phật, không nhọc lòng vì việc khác.

- Sau cùng: Đạo phong của chùa Lai Phật là niệm một câu “A Di Đà Phật” đến cùng, không tham gia sự tranh



luận nào khác, “nếu muốn Phật pháp hưng, chỉ Tăng tán thán Tăng”.

Chùa Lai Phật hiện nay, chúng lưu trú khoảng 20 người, duy trì khóa tu Phật thất quanh năm, tịnh khẩu niệm Phật. Đệ tử xuất gia và tại gia đều phát nguyện lấy lão Hòa thượng Hải Hiền làm gương, tuân theo đạo phong của lão Hòa thượng Hải Hiền: Một câu Phật hiệu niệm đến cùng, lấy giới làm thầy, xem khổ là thầy, đạo tràng lục hòa, gia phong bách nhẫn, cần lao, tiết kiệm, áp dụng Phật pháp vào đời sống, công việc và đối người xử việc tiếp vật.

## **CHƯƠNG 13 - MỘT NGÀY KHÔNG LÀM, MỘT NGÀY KHÔNG ĂN**

Tổ sư Tịnh Độ tông – Pháp sư Ấn Quang dạy chúng ta: Vào thời đại này của chúng ta, đạo tràng càng nhỏ càng tốt, bởi vì không cần bận tâm tiếp đãi, chiêu cố khách khứa, bản thân có thể hạ thủ công phu.

Chùa Lai Phật không lớn, chúng thường trú cũng chỉ có năm người, có lúc còn ít hơn. Ngôi chùa nhỏ ở thôn quê này quanh năm không có người đến thập nhang. Không có nhang đèn, không có cúng dường, chùa hoàn toàn dựa vào

nghề nông để làm cơ sở kinh tế sinh sống. Nếu không siêng năng cày cấy, các Ngài cũng sẽ gặp khó khăn trong việc ăn uống.

“Một ngày không làm, một ngày không ăn”, đây là phong thái được lưu lại từ đời nhà Đường. Người tu đạo chân chánh trong và ngoài nước, từ xưa đến nay, đối với sự ham muốn hưởng thụ vật chất đều vô cùng nhợt nhạt. Sau khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, Đại sư Bách Trượng đề xướng tự cung tự cấp, đề xướng trồng trọt, lấy đó làm nguồn kinh tế của chùa. Có nguồn kinh tế ấy, người xuất gia có thể không dựa vào tín đồ, không hóa duyên, không quyên góp. Vậy thì tâm được định rồi, không phan duyên nữa.

Lão Hòa thượng Hải Hiền không biết chữ, công việc cả đời của Ngài chính là làm ruộng. Pháp sư Ấn Chí nói: “Cả đời sư phụ là người nông dân thuần túy chân chính, là một lão bá tánh, là một nông dân tận lực. Sư phụ thật sự là cả đời chưa từng rời khỏi ruộng đất, nhưng lão Hòa thượng lại hiện tướng xuất gia”.

Tất cả những ngôi chùa lão Hòa thượng thường trú, Phật đường Ngài thường đến như: chùa Thiên Phật, chùa Lai Phật, chùa Viên Minh, cư sĩ lâm Xã Kỳ, niệm Phật đường Nghĩa Ô, Phật đường Lục Phương, những nơi đó cũng có rất nhiều dụng cụ và nông cụ mà Ngài dùng để làm việc như: rìu, búa, cưa, kìm, cuốc, v.v..., để cùng một nơi tưởng chừng như bộ sưu tập lớn về dụng cụ vậy! Lão

Hòa thượng đi đến đâu thì làm đến đó. Thường nghe người khác mô tả về Ngài, đó là: “Cả ngày từ sáng đến tối Ngài đều không rảnh, hơn nữa việc gì Ngài cũng làm”. Ngài không làm việc này thì cũng làm việc kia. Nếu như có lúc nhìn thấy Ngài rảnh, nhất định là Ngài đang ngồi ở đó nhỏ tiếng niệm “A Di Đà Phật”.

Từ năm 2008 đến năm 2009, lão Hòa thượng Hải Hiền sống ở chùa Thiên Phật một năm. Vào một ngày mùa đông năm 2008, lão Hòa thượng đào một rễ cây rất lớn ngoài sân trước, Ngài đã đào được một cái hố to rất sâu ở dưới đất, khắp người khắp mặt lão Hòa thượng đều là đất. Trụ trì chùa Thiên Phật là Pháp sư Ân Hàm đứng bên cạnh nói:

- Sư phụ à, sư phụ đừng đào nữa, rễ cây lớn như vậy, thầy đào đến khi nào chứ? Vứt ở đó đợi nó tự mục là được rồi.

Lão Hòa thượng không dừng lại, Ngài vừa tiếp tục đào vừa nói:

- Con làm việc gì cũng đừng sợ khó khăn, ta đào tiếp thì nhất định có thể đào lên được. Đào lên rồi có thể [dùng đẽ] đun nấu, đất trồng lại có thể trồng rau, con để đây đợi nó tự mục nát, phải đợi đến khi nào chứ?

Lúc này, có ba người thanh niên vào chùa, họ đến thăm lão Hòa thượng. Pháp sư Ân Hàm lắc đầu, vẻ mặt không

biết làm sao, Pháp sư quay qua lại nói với một thanh niên quen biết:

- Vốn dĩ tôi đón thầy về đây để thầy hưởng những ngày phước thanh nhàn, kết quả là thầy đến làm việc cho tôi rồi. Cả ngày từ sáng đến tối thầy đều không rảnh, khuyên sao thầy cũng không nghe, tôi thật sự hết cách với thầy rồi!

Pháp sư vừa nói vừa xoay người đi ra sân sau. Lão Hòa thượng quay qua nhìn theo bóng của Pháp sư Ân Hàm, cười hi hi như một đứa trẻ vậy.

Pháp sư Ân Chí mô tả sự phụ của mình “thật sự đáng yêu!”. Pháp sư nói: “Lão Hòa thượng được mọi người tôn kính nhất, bởi dáng vẻ đáng yêu, dễ thương của Ngài, thật không thể dùng ngôn từ để diễn tả được!”.

Lão Hòa thượng đi đến đâu cũng không nghỉ ngơi.

Có một dịp, lão Hòa thượng ăn tết tại chùa Tháp Viện. Sáng mừng một tết, tuyết rơi rất lớn, bất chợt mọi người không thấy lão Hòa thượng đâu nữa. Các vị Pháp sư trong chùa đều rất lo lắng, nhanh chóng gọi điện thoại cho cư sĩ Vương và Pháp sư Ân Sanh trụ trì chùa Thanh Tuyên ở núi Đồng Bách. Khi nghe tin, hai vị ấy liền lái xe từ chùa Thanh Tuyên đến chùa Tháp Viện.

Tuyết rơi quá lớn, dấu chân người vừa đi qua liền bị tuyết phủ trắng xóa ngay, không để lại bất kỳ dấu vết nào. Mọi người hoàn toàn không thể đoán được lão Hòa thượng đã đi về hướng nào. Một nhóm người tìm kiếm xung

quanh trong một lúc cũng không có kết quả gì. Lúc này, mọi người bắt đầu cảm thấy bất an, trong lòng chỉ lo lão Hòa thượng gặp sự cố. Họ sốt ruột hướng lên đỉnh núi gọi to tên của lão Hòa thượng.

Đúng lúc mọi người đã hết cách, bỗng nhiên phát hiện trên đỉnh núi dường như có một dáng người đang đi xuống. Mọi người đều nói: Không thể nào là lão Hòa thượng, bởi vì gió tuyết quá lớn, ngay cả người trẻ tuổi cũng không dám tùy tiện lên đỉnh núi vào lúc này, huống chi Ngài đã trên trăm tuổi? Mọi người vừa bàn luận, vừa nhìn chăm chăm, chỉ lo dáng người ấy tan biến trong tầm mắt. Dáng người chậm chậm từ xa tiến đến, cuối cùng đã nhìn thấy rõ ràng, lão Hòa thượng đang vác một cây khô to bằng miệng bát, bước đến chậm rãi và vững vàng. Mọi người cùng nhau chen lên trước, đỡ lấy cành cây khô trên vai lão Hòa thượng. Lão Hòa thượng nhìn mọi người, mỉm cười và vui vẻ mà nói: “Nào, chúng ta đi sưởi ấm thôi!”. Ngài nói xong liền bước đi, để lại mọi người đứng đó, trở mắt nhìn nhau một hồi, dở khóc dở cười.

Bất kể là trời gió hay trời mưa, hễ lão Hòa thượng rảnh thì sẽ làm việc. Một lần, vào mùa gặt cải dầu, đột nhiên trời mưa xối xả, mọi người đều chạy về hướng cổng lớn của chùa để tránh mưa, nhưng lão Hòa thượng lại một mình cầm lưỡi liềm chạy ra ruộng. Ngài vừa ra đến ruộng thì mặt trời hiện ra, mưa cũng tạnh, một mình lão Hòa thượng bắt đầu gặt cải dầu.

Từ sáng đến tối, lão Hòa thượng không hề rảnh rỗi, Ngài luôn tìm ra việc để làm. Một ngày mùa đông năm 2008, trời rất lạnh, khi đang làm việc một mình trước cổng lớn chùa Thiên Phật, Ngài nhìn thấy xa xa có một cư sĩ đang chạy xe về hướng chùa, Ngài cười và chào hỏi:

- A Di Đà Phật, con về rồi à! Ngoài đường lạnh lắm, mau vào nhà đi!

Cư sĩ dừng xe lại hỏi Ngài:

- Trời lạnh như thế, sao Ngài còn làm việc ở đây vậy?  
Lão Hòa thượng nói:

- Bây giờ, cỏ mọc bên đường đã khô rồi, trông rất khó coi, trẻ con, học sinh đi lại cũng bất tiện. Tôi muốn dùng xẻng san bằng đám cỏ này rồi quét dọn lại, vừa dễ đi vừa đẹp mắt.

Lão Hòa thượng thật sự là người từ bi đến tột cùng, niệm niệm đều nghĩ cho người khác, không nghĩ đến bản thân.

Một ngày không làm, một ngày không ăn. Ngài sống một ngày thì làm việc một ngày, siêng năng làm việc, không hề lười nhác, cũng chưa từng trốn tránh khó nhọc. Pháp sư Khai Trung – một vị thường xuyên có cơ hội gần gũi với lão Hòa thượng – nói rằng: Lão Hòa thượng có “sự cần lao và kiên nhẫn hơn hẳn người thường”!

Trước đây, con đường trước cửa căn phòng nhỏ của lão Hòa thượng ở chùa Thiên Phật chính là con đường học

sinh đi học, phía trên đầy sỏi đá, rất cứng chắc. Ngài nói: Bây giờ con đường này không ai đi nữa, đất trống để đó thì tiếc lắm! Thế là Ngài dùng cuốc và xẻng đào bới gạch đá trên mặt đường, thật sự là “có công mài sắt, có ngày nên kim”. Trải qua nhiều ngày lao động không mệt mỏi, con đường nhỏ bị bỏ hoang, mặt đường cứng chắc lạ thường này thật sự đã được lão Hòa thượng cải tạo thành đất nông nghiệp tươi xốp, bằng phẳng. Ngài lại tự tay lấy từng hạt giống đậu phộng, sau đó gieo đều xuống đất. Từ khâu san bằng đất đến gieo hạt đều do Ngài tự làm. Trời không phụ lòng người, mùa thu năm ấy vui mừng vì có thu hoạch lớn.

Phía sau đại điện của chùa còn một mảnh đất trống rất hẹp, Hòa thượng Hải Hiền cũng lật sâu nhất kỹ, sau đó trồng khoai lang, cũng có được thu hoạch tốt.

Vào hôm trước khi vãng sanh, ban ngày lão Hòa thượng vẫn làm việc giống như mọi ngày. Ngài đã nhổ cỏ, tưới nước, làm đất trong vườn rau cả ngày. Đó gọi là làm Hòa thượng một ngày thì đánh chuông một ngày, một ngày không làm thì một ngày không ăn. Lão Hòa thượng Hải Hiền thật sự nghiêm túc, có trách nhiệm với công việc, Ngài kính việc, kính vật, đối với công việc của Ngài thì kính nghiệp.

# CHƯƠNG 14 - VIỆC GÌ CŨNG BẢO NGƯỜI KHÁC HẬU HẠ, VẬY THÌ THỰT LÙI RỒI

## **:: Không phiền người khác ::**

Chùa Lai Phật nằm ở một nơi hẻo lánh nghèo khó, không có người cúng dường, lương thực đều do tự trồng. Hằng ngày, trong mảnh ruộng ngoài chùa, mọi người gần như có thể nhìn thấy hình dáng của lão Hòa thượng Hải Hiền cuốc đất nhổ cỏ, trồng lương thực trồng rau, còn phải quét dọn sân, nhặt phân nhặt củi... Ngài bận rộn từ sáng đến tối, từ trong ra ngoài.

Có một lần, nhìn thấy lão Hòa thượng đang chẻ củi trong chùa, một vị cư sĩ khuyên Ngài:

- Ngài lớn tuổi vậy rồi, đừng làm những công việc này nữa, làm đến kiệt sức thì phải làm sao!

Lão Hòa thượng cười và nói:

- Làm người có nhiều công việc mà! Việc nào mình làm được thì tự làm, không nên trông chờ vào người khác.

Lão Hòa thượng không thích làm phiền người khác. Việc nào Ngài có thể làm được thì nhất định không để người khác làm; trừ khi thật sự không thể làm được, Ngài mới để người khác giúp đỡ. Đồ dùng, quần áo của chính mình, Ngài đều tự giặt; quần áo rách rồi, Ngài cài cái đê để tự khâu vá, chưa từng làm phiền người khác; cưa, búa,



kìm, cờ lê dùng để làm việc, Ngài đều tự ra phố mua. Thân thể Ngài khỏe mạnh, làm việc chuyên chú, động tác thành thạo, thủ công tỉ mỉ. Ngài nói: “Tôi còn có thể đi lại, cũng không bị hoa mắt, có thể làm được thì tự làm; việc gì cũng bảo người khác hầu hạ, vậy thì thụt lùi rồi”.

Từ “thụt lùi” này, ngoài ý nghĩa lùi bước, thụt lùi ra, cũng dùng để ví dụ ý chí lui sụt hoặc gặp phải khó khăn mà lùi bước.

Năm đó, lúc chuẩn bị trùng tu chùa Lai Phật, cư sĩ Vương Xuân Sanh lên núi Đồng Bách thỉnh lão Hòa thượng Hải Hiền đến chủ trì đạo tràng chùa Lai Phật. Nhưng lúc bấy giờ, lão Hòa thượng đang chuẩn bị khôi phục chùa Tháp Viện nên chỉ cử bốn đệ tử đến chùa Lai Phật, còn Ngài ở lại chùa Tháp Viện, chỉ thỉnh thoảng đến chùa Lai Phật ở vài hôm. Bấy giờ, xe hơi rất ít, mỗi lần đến chùa Lai Phật, lão Hòa thượng đều đi bộ khoảng hơn 60 – 65km. Tuy lúc bấy giờ cũng đã ngoài 70 rồi, nhưng sức khỏe của Ngài vẫn như thanh niên vậy.

Cư sĩ Vương rất thành khẩn nói với lão Hòa thượng: “ Sư phụ à! Sư phụ đừng đi bộ về nữa, khi nào con chạy xe đến rước thì sư phụ hãy về”. Nhưng lão Hòa thượng không muốn phiền ông, lần nào cũng tự đi bộ về.

Ngay cả khi đã hơn 100 tuổi, nhưng lão Hòa thượng vẫn như vậy, có thể đi bộ thì không làm phiền người khác. Có lúc, lão Hòa thượng đến chùa Thiên Phật của đệ tử là

Pháp sư Ân Hàm ở một thời gian. Thời gian đó, có lúc Ngài phải ra ngoài làm việc. Trạm xe cách chùa Thiên Phật cũng khoảng năm dặm, xuống xe thì lão Hòa thượng đi bộ về. Ngài không muốn tốn tiền thuê xe, cũng không muốn làm phiền đệ tử đến đón Ngài. Cả đời Ngài tiết kiệm, chịu khó, ở mọi nơi đều đặt việc giúp đỡ người khác, thuận tiện cho người khác lên hàng đầu, còn chính mình có vất vả hơn cũng không hề gì.

Cư sĩ ở Nam Dương thường đón lão Hòa thượng đến niệm Phật đường ở mấy ngày. Mỗi lần đến đó, một cư sĩ trẻ nhiệt tình phụ trách đón lão Hòa thượng đều nói với Ngài: “Ngài có việc gì thì cứ bảo họ gọi con bất cứ lúc nào, gọi lúc nào thì con đến lúc đó. Ngài muốn đến nơi nào chơi thì con chở đi ngay”.

Lão Hòa thượng chẳng bao giờ đi chơi. Thỉnh thoảng, Ngài sẽ đến huyện Tây Hiệp (cách thành phố Nam Dương 100km) để mua tràng hạt. Mỗi lần đến thời điểm đó, lão Hòa thượng luôn hỏi thăm cư sĩ Vương trước mấy ngày: “Gần đây con có việc gì không?”. Khi nghe cư sĩ Vương nói “không bận lắm”, lão Hòa thượng mới nói cho ông biết ý định và thời gian chuẩn bị đi huyện Tây Hiệp để cư sĩ Vương sắp xếp lái xe đưa Ngài đi.

Lúc sinh tiền, lão Hòa thượng Hải Hiền rất thích tự mình xâu tràng hạt. Trong túi xách tay của Ngài luôn chứa rất nhiều đồ lưu niệm như tượng Phật, xâu chuỗi, tràng hạt chuẩn bị sẵn để kết duyên với đại chúng bất cứ lúc nào.

Lão Hòa thượng luôn cẩn thận chu đáo đối với mọi người. Mỗi lần cư sĩ Vương đưa Ngài về đến chùa, Ngài cũng sẽ tìm một số đặc sản địa phương như khoai lang, đậu phộng tặng cho ông. Cư sĩ Vương muốn Ngài vui nên lần nào cũng ngoan ngoãn vui vẻ nhận lấy.

### **.: Công việc may vá .:**

Lão Hòa thượng khuyên răn các đệ tử: “Ăn khổ, mặc vá; muốn làm Hòa thượng thì phải biết làm phụ nữ”.

Những nơi lão Hòa thượng thường đến đều có các dụng cụ làm việc của Ngài. Mặc dù đã 112 tuổi, nhưng đi đâu Ngài cũng mang theo bên mình các dụng cụ nhỏ như túi kim chỉ, búa, kéo. Ngài không bị hoa mắt, vẫn có thể xỏ kim may quần áo.

Tháng 3 năm 2012, Pháp sư Ấn Vinh trụ trì chùa Viên Minh đón lão Hòa thượng đến chùa Viên Minh ở vài hôm. Pháp sư biểu sư phụ một chiếc Tăng bào, lão Hòa thượng nhận lấy liền mặc thử. Thấy áo hơi dài, Ngài liền bắt tay tự sửa biên áo. Ngài ngồi trên một chiếc ghế ở góc tường ngoài sân, mặc lên người chiếc y mới sáng rực này, lấy kim chỉ mang bên mình ra, xắn một đường biên đáy của tấm y hơi dài lên, tay trái cầm kim, từng mũi kim đường chỉ [trong chốc lát] đã sửa xong biên áo.

Lão Hòa thượng 112 tuổi không hoa mắt, cả may vá cũng không cần đeo kính, xỏ kim một lần là xong. Ngài

may vá động tác thành thạo, còn may rất đẹp. Ngài may xong đáy biên, nhìn từ bên trong, đường chỉ rất đều; nhìn từ mặt ngoài thì không nhìn thấy đường chỉ. Một vị nữ cư sĩ lớn tuổi ở bên cạnh nhìn thấy, không chịu được bèn đi đến cầm lấy một đoạn y mà lão Hòa thượng đã may xong, tỉ mỉ xem tay nghề của lão Hòa thượng, cô ấy chỉ có cảm khái mà thôi.

### **.: Lên cây hái hồng .:**

Lão Hòa thượng không muốn thêm phiền phức cho người khác, mấy năm trước khi vãng sanh, Ngài vẫn luôn nói: “Tôi muốn tranh thủ thời gian niệm Phật, khẩn cầu A Di Đà Phật đến đón tôi. Tuổi tác lớn rồi, nếu không đi thì sẽ thêm nhiều phiền phức cho người khác đấy”.

Kỳ thực, mãi đến khi vãng sanh, Ngài hoàn toàn có thể tự lo liệu, không cần người khác phục vụ và chăm sóc. Dù đã 112 tuổi, nhưng mỗi việc Ngài đều tự làm. Có tín đồ đến thăm, Ngài còn trèo lên cây hái trái hồng cho mọi người.

Mùng 9 tháng 8 âm lịch năm 2012, một vài vị cư sĩ ở Nam Dương đến chùa Lai Phật thăm lão Hòa thượng Hải Hiền. Ngài rất vui mừng, đích thân bắc thang gỗ, giống như người thanh niên vậy, rồi trèo lên cây hái trái hồng. Thân thể của Ngài khỏe mạnh thế nào, không cần nói cũng có thể biết được.

Chẳng bao lâu, lão Hòa thượng đã hái được một rổ hồng đầy ắp. Sau khi leo xuống, lão Hòa thượng chia những trái hồng còn nguyên lá cho từng vị cư sĩ. Nhìn thấy lão Hòa thượng từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài bận rộn vì mọi người, các cư sĩ đang có mặt ngoài kính phục và kinh ngạc cảm thán ra, đều cảm động trước sự từ bi và chân thành của lão Hòa thượng. Khi nhận lấy trái hồng trên tay lão Hòa thượng, mọi người ôm vào trong lòng, nước mắt tuôn rơi.

## **CHƯƠNG 15 - CÓ THỂ CHỊU KHỔ MỚI CÓ THỂ HẾT KHỔ**

Lão Hòa thượng là một người lao động cần cù. Mỗi ngày, Ngài thức dậy lúc ba giờ sáng. Sau khi thức dậy thì thắp nhang, lạy Phật, niệm Phật, kinh hành, đây chính là thời khóa công phu sáng của Ngài. Sau đó, Ngài bắt đầu một ngày lao động. Học Phật 92 năm, hằng ngày Ngài đều có thể làm được như thế, quả thật rất vất vả.

Cả đời Ngài rất cực khổ. Năm 12 tuổi, quê nhà bị hạn nặng, nông dân không có thu hoạch, cha Ngài đành phải ra ngoài ăn xin, trên đường đi bị thổ phỉ đánh chết; bản thân Ngài cũng từng đi ăn xin. Ngài biết bây giờ chịu khổ cực

một chút là lẽ đương nhiên, “có thể chịu khổ mới có thể hết khổ”. Vì thế, Ngài luôn dũng mãnh tinh tấn.

Trước khi Thích Ca Mâu Ni Phật nhập diệt, Tôn giả A Nan hỏi Phật: Phật tại thế thì chúng con nương Phật làm thầy, Phật không còn tại thế thì chúng con nương ai làm thầy đây? Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói hai câu: “Lấy giới làm thầy, xem khổ là thầy”.

Cuộc sống bần hàn khiến chúng ta thường có tâm xuất ly. Một người tu hành không thể trì giới, không thể chịu khổ thì chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi. Đối với người niệm Phật, mục tiêu đời này là cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nếu cuộc sống hiện tại quá thoải mái, quá tự tại thì chúng ta không muốn đến Tây Phương nữa. Vì vậy, một người tu đạo, bất luận là tại gia hay xuất gia, cuộc sống bần hàn là tốt nhất.

Trong sinh hoạt hằng ngày, lão Hòa thượng Hải Hiền không cần người khác chăm sóc, Ngài tự chăm sóc mình. Cả đời Ngài chấp nhận chịu khổ, đặc biệt có thể chịu khổ. Ngài nói với các cư sĩ đến chùa niệm Phật: “Các vị đến đây phải có thể chịu khổ, có thể chịu khổ mới có thể hết khổ”.

Cả đời lão Hòa thượng chưa từng hưởng thụ. Một năm trước khi vãng sanh, một vài vị cư sĩ ở Nam Dương có một buổi phỏng vấn lão Hòa thượng. Mọi người rất hứng thú đối với những việc từng trải của lão Hòa thượng nên

đã hỏi rất nhiều câu hỏi. Lão Hòa thượng nói với họ, năm xưa Ngài đã từng chăn bò, cày ruộng, lao động chân tay... còn khai khẩn 14 ngọn núi hoang trên núi Đồng Bách. “Quý vị nghĩ tôi hưởng thụ à?”. Lão Hòa thượng cười hỏi ngược lại. Không đợi các cư sĩ trả lời, Ngài lại nói tiếp: “Tôi không hưởng thụ đâu!”.

Ngày thường, hễ có cơ hội, lão Hòa thượng sẽ nhắc nhở mọi người: “Niệm Phật tu hành phải có thể chịu khổ, xem khổ là thầy, lấy giới làm thầy, không thể mong cầu cúng dường và hưởng thụ”. Ngài nói một cách sinh động với giọng Hà Nam: “Chịu khổ nha, mặc vá nha; muốn làm Hòa thượng thì phải biết làm phụ nữ”. Lão Hòa thượng nói “phải biết làm phụ nữ”, ý là phải biết hầu hạ người khác. Chịu một chút gian nan, chịu một chút khổ cực, lão Hòa thượng hoàn toàn không để trong tâm.

Ngày 23 tháng 7 năm 2011, hôm đó là tiết Trung Phục, thời tiết rất nóng. Lúc ba giờ chiều, người bình thường ngồi dưới bóng râm của cây cũng cảm thấy khô nóng không chịu nổi, thế nhưng lão Hòa thượng lại đội nắng gắt, chuyên tâm làm cỏ trong ruộng ngô hùng hực hơi nóng, chẳng lẽ lão Hòa thượng không ngại trời nóng bức sao?

Pháp sư Ấn Chí – đệ tử của lão Hòa thượng – đã chuẩn bị xong một thùng nước lạnh, rồi đến nói với lão Hòa thượng rằng: “ Sư phụ à, sư phụ rửa mặt rồi nghỉ ngơi chút đi, trời nóng lắm, sư phụ đừng làm nữa!”. Pháp sư kiên

quyết kéo lão Hòa thượng đến phía dưới cửa lầu của vườn tháp, tháo thùng giấy trải lên đất để lão Hòa thượng nằm nghỉ ngơi một chút.

Lão Hòa thượng thuận theo nằm xuống, nằm nghiêng bên phải, tay phải gối đầu, tay trái đặt lên trên đùi. Tư thế nằm ngủ này hoàn toàn tương ứng với oai nghi đi đứng nằm ngồi trong giới luật đã quy định.

Pháp sư Ân Chí sẵn sóc bên cạnh, dùng khăn ướt lau mồ hôi trên mặt của lão Hòa thượng, không còn cách nào, nửa cầu khẩn nửa dạn dò rằng: “Su phụ à, trời nóng như vậy, su phụ đừng làm nữa, đợi mát mẻ rồi chúng ta làm tiếp. Su phụ cứ làm như vậy, các đệ tử biết phải làm sao”. Lão Hòa thượng không trả lời Pháp sư, trong miệng chỉ niệm câu “A Di Đà Phật”.

Một lần khác, vào mùa đông cuối cùng trước khi lão Hòa thượng vãng sanh, có mấy vị khách đến chùa, họ muốn ở chùa Lai Phật một thời gian ngắn. Bởi vì ngày thường rất ít khi có người đến chùa, cho nên họ đến làm cho chùa trở nên náo nhiệt hơn. Một hôm, trước bữa cơm tối, lão Hòa thượng đang chẻ rế cây, mọi người vây quanh đợi Ngài khai thị.

Lúc này, một vị không quen biết lão Hòa thượng nhìn thấy tay Ngài bị cọ xát, liền ngồi xuống nói với lão Hòa thượng:

- Ngài đừng chẻ nữa, tay đã chảy máu rồi!



Lão Hòa thượng giơ tay lên xem, nhìn người thanh niên nhẹ nhàng nói một câu:

- Chỉ có chút máu thôi, con sợ gì chứ?

Nghe lão Hòa thượng nói như vậy, mọi người cười phá lên. Một câu nói của lão Hòa thượng, làm cho bầu không khí bỗng chốc trở nên nhẹ nhàng sinh động.

Một lúc sau, Pháp sư Ấn Thuyên qua mời lão Hòa thượng dùng cơm, Ngài chậm rãi nói:

- Để đó cho nguội một chút, ta chẻ nó ra rồi mới ăn.

Pháp sư Ấn Thuyên nghe xong, giành lấy dụng cụ trong tay lão Hòa thượng rồi nói:

- Sư phụ à! Sư phụ đi ăn đi, để con chẻ!

Nói xong, Pháp sư liền lấy rìu chặt lên rễ cây, giơ búa lên nện vào đầu rìu. Lão Hòa thượng vội vàng nói:

- Chậm một chút! Chậm một chút! Đừng nện hư rìu đấy!

Vừa dứt lời, cán rìu quả nhiên bị nện gãy. Lão Hòa thượng không có ý trách Pháp sư Ấn Thuyên, Ngài đứng dậy, cười và gọi mọi người: “Đi, chúng ta ăn cơm thôi!”.

## CHƯƠNG 16 - VUI LÀM VIỆC THIỆN, HAY BỐ THÍ

Công việc của Hòa thượng Hải Hiền là trồng trọt. Ngài là một người nông dân tiêu chuẩn, là một người nông dân mẫu mực. Ngài có thể lực, thích làm việc; đồng thời, Ngài có thể công phu niệm Phật trong lúc làm việc. Như thế, lúc làm việc, Ngài sẽ không cảm thấy mệt, cũng không phiền chán, mà càng làm càng hoan hỷ. Hằng ngày, ngoài công việc ra, trong đôi người xử việc tiếp vật, Ngài đã thành tựu sáu ba la mật một cách viên mãn.

Sáu ba la mật cũng gọi là lục độ, chính là: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát nhã (trí huệ). Sáu ba la mật là một trong những công khóa quan trọng của hành môn Tịnh tông, không những có thể giúp người tu học thành tựu công đức vãng sanh, tích lũy tư lương vãng sanh, mà còn có thể thành tựu công đức của chính mình – nhỏ thì gia đình mỹ mãn, sự nghiệp thành tựu; lớn thì xã hội hòa bình an định.

Nói một cách cụ thể, hoan hỷ bố thí có thể đoạn trừ tham lam keo kiệt – phiền não căn bản từ vô thủy kiếp đến nay của chính mình. Đối với tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, không khởi chút lòng tham thì bố thí ba la mật viên mãn rồi. Đối với tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, không khởi một niệm ác thì trì giới ba la mật viên mãn.

Đôi với thuận cảnh, không sanh tham luyến; đôi với nghịch cảnh, không khởi sân hận thì nhẫn nhục ba la mật viên mãn. Đôi với thiện pháp của thế gian và xuất thế gian, dũng mãnh tinh tấn không thoái chuyển thì tinh tấn ba la mật viên mãn. Trong sinh hoạt hằng ngày, giữ gìn tâm thanh tịnh, bình đẳng, giác, không bị ngoại cảnh làm dao động thì thiền định ba la mật viên mãn. Trong cuộc sống hằng ngày, thật sự quán sát được lời Phật đã dạy: “Nhất thiết pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”; tuy là “tất cánh không” nhưng lại không trụ vào “không”, chẳng những quán sát được mà còn có thể thật sự hiểu rõ, đây chính là bát nhã ba la mật viên mãn.

Sáu ba la mật viên mãn, đây là công phu, công phu đều ở trong sinh hoạt thường ngày, trong đối người xử việc tiếp vật. Rời xa đời sống thì còn có thể đến đâu để tu chứ!

Điều thứ nhất trong sáu ba la mật chính là bố thí, tức là bố thí tài vật, thể lực, trí huệ, v.v.... cho người khác. Bố thí có ba loại: bố thí tài, bố thí pháp và bố thí vô úy. Cả đời Hòa thượng Hải Hiền đều làm những việc này.

Năm xưa trên núi Đồng Bách, vì có rất ít cư sĩ và sự cúng dường nên sinh hoạt của các Ngài hoàn toàn dựa vào chính mình. Lúc bấy giờ còn trẻ, tất cả tạp vụ trong chùa từ trên xuống dưới, bao gồm quần áo của các sư huynh đệ, Hòa thượng Hải Hiền đều thu dọn giặt giũ. Ngài làm hết sức mình để các sư huynh đệ có nhiều thời gian tu tập hơn. Về sau, Ngài cùng Pháp sư Hải Mặc, Pháp sư Hải Viên và

Pháp sư Thê Quang kết am tranh cộng tu, chùa Tháp Viện chia đất cho các Ngài cày cấy, Hòa thượng Hải Hiền cũng giúp các Ngài quản lý. Về sau nữa, gặp Pháp sư Diễn Cường mới xuất gia không lâu, lão Hòa thượng cũng tặng thức ăn, giống khoai sọ để Pháp sư an tâm học đạo.

Số khoai sọ mà lão Hòa thượng tặng cho Pháp sư Diễn Cường là do Ngài tự khai hoang trồng trọt. Đất hoang trên núi không có chủ, Hòa thượng Hải Hiền khai hoang, trồng khoai lang, khoai sọ, những thứ này là nguồn thức ăn chính của Ngài lúc bấy giờ. Mỗi lần gặp người tu hành lên núi, Ngài thường chia ra tặng cho họ một ít. Nếu như tặng hết cho người khác mà mình không đủ ăn, thì Ngài lại đào thảo dược đem đổi lấy lương thực. Trong ba năm khó khăn (từ năm 1959 đến năm 1961), cả nước thiếu hụt lương thực và mất mùa, kể sinh nhai càng thêm gian nan, lão Hòa thượng vẫn làm hết sức mình để bố thí giúp người. Lúc đó, nhờ vào sự cần lao và trí huệ của mình, Ngài đã cứu được rất nhiều mạng người. Mùa hè năm 1989, địa phương bị thiên tai lũ lụt, lương thực thiếu thốn, lão Hòa thượng Hải Hiền tự nguyện tự giác đích thân vận chuyển 600kg lúa mì trồng ở chùa đến quốc khố, Ngài không nhận tiền lương thực. Vì thế, một người dân địa phương ca ngợi lão Hòa thượng “cảnh giới tư tưởng rất cao”, còn nói cử chỉ này đã thể hiện lòng “yêu nước, yêu đạo, giúp đỡ quốc gia, luôn nghĩ đến chúng sanh” của Ngài.

Bồ thí tài có hai loại: Bồ thí ngoại tài và bồ thí nội tài. Gia đình giàu sang có của cải, việc bồ thí của họ là bồ thí ngoại tài. Trong việc bồ thí tài của Hòa thượng Hải Hiền, vừa có bồ thí nội tài vừa có bồ thí ngoại tài. Ngoại tài là số lương thực mà Ngài cày cấy trồng trọt thu hoạch được; nội tài là thể lực của Ngài, công sức cày cấy trồng trọt.

Một lần, dù đã hơn trăm tuổi, nhưng sau giờ ngộ Ngài vẫn không nghỉ ngơi, ra ruộng ngô ngoài chùa để tản bộ như mọi ngày. Ruộng ngô này là của chùa, ngô thu hoạch được là nguồn trợ cấp phí sinh hoạt cho Tăng chúng và các cư sĩ tá túc trong chùa. Lúc đi đến góc đông bắc của ruộng ngô, lão Hòa thượng bỗng nhiên nghe tiếng sột soạt và “răng rắc răng rắc” trong ruộng ngô. Ngài nhìn vào trong ruộng theo âm thanh đó, thấy một người trung niên trong làng đang bẻ trộm ngô. Anh ta bỏ trái ngô bẻ được vào trong một túi vải lớn đã được chuẩn bị trước đó.

Lúc này, anh ta cũng đã nhìn thấy lão Hòa thượng nên cảm thấy rất ngại. Anh đứng ở đó, trong một lúc không biết nên làm thế nào mới phải. Lão Hòa thượng vội vàng ra dấu, nhẹ nhàng an ủi anh ta rằng: “Đừng vội, con muốn bẻ thì chọn trái to mà bẻ!”. Nói xong, Ngài liền rời khỏi.

Lão Hòa thượng Hải Hiền có tâm lượng rộng lớn. Ngài không đòi lại ngô mà người dân làng đã trộm, cũng không cho anh ta một bài học, mà còn tặng cho anh ta, bảo anh ta chọn trái to mà hái. Ngài làm như vậy khiến anh ta luôn cảm kích ân đức, không dám hái trộm nữa. Về sau, mỗi

lần gặp lại lão Hòa thượng, ánh mắt anh ta luôn tràn đầy sự khâm phục và kính ngưỡng.

“Bồ tát ở nơi đâu đều khiến hết thảy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ”. Cả đời lão Hòa thượng Hải Hiền không hề phân biệt người nào là người thiện, người nào là người ác. Ngài đối đãi bình đẳng với tất cả mọi người, không có người nào Ngài không thích, Ngài cũng không oán hận bất kỳ người nào. Ngài bố thí ân đức, không kết oán thù với người khác, mọi việc đều lo nghĩ cho người khác, không hề nghĩ đến bản thân, luôn khiến mọi người hoan hỷ. Ngài bố thí sự hỷ duyệt nên chính mình được hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn.

Cả đời lão Hòa thượng Hải Hiền thích làm việc thiện, hay bố thí, tạo sự thuận tiện cho mọi người, đời sống của bản thân lại vô cùng tiết kiệm, thậm chí đệ tử của Ngài là Pháp sư Ân Vinh, đã từng có lần có cảm giác sự phụ của mình quá keo kiệt. Ngài không có tâm tham, mỗi một việc đều là cúng dường đại chúng, cúng dường người khác, không hưởng thụ một mình. Người khác cúng dường tiền, Ngài dùng để in kinh, phóng sanh, dùng để giúp người khác xây đạo tràng, cả đời Ngài đã giúp người khác xây dựng tổng cộng 11 đạo tràng! Đệ tử bên ngoài mời đến, lúc rời khỏi, Ngài sẽ để lại toàn bộ số tiền của cư sĩ cúng dường ở ngôi chùa ấy, bản thân không giữ lấy đồng nào. Tài trợ trường học và đạo tràng địa phương mua giống cây, Ngài cũng đặc biệt hào phóng. Nhưng bản thân Ngài

thì sao? Ngoài mấy chiếc áo ra thì không có gì cả. Cho nên Ngài nói: Ở trong ngôi chùa nhỏ này của tôi, ăn là ăn cực, mặc là mặc vá.

Lão Hòa thượng đã hành trì viên mãn ba sự bố thí, Ngài thường sanh tâm hoan hỷ. Với Ngài mà nói, hiện tại Ngài đang sống ở thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc ở ngay đây. Phật dạy chúng ta: Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, cảnh tùy tâm chuyển. Trong tâm của lão Hòa thượng, người nào cũng là người tốt, việc gì cũng là việc tốt, người trộm ngô của Ngài cũng là người tốt, việc anh ta làm cũng là việc tốt.

Bố thí có thể tích lũy công đức, công đức là trợ duyên cho việc vãng sanh thế giới Cực Lạc. Nếu bố thí mà còn tham cầu đền ơn thì công đức liền biến thành phước đức. Quả báo của phước đức ở ba đường thiện, không ra khỏi lục đạo luân hồi. Người học Phật trên thế gian rất nhiều, nhưng họ tu tập tích lũy một đời đều là phước đức, không phải công đức! Họ để trong tâm toàn bộ những việc tốt mà họ đã làm; không những để trong tâm, mà còn thường treo ngoài cửa miệng, chỉ sợ người khác không biết. Làm sao mới có thể thu hoạch được công đức vậy? Nếu không để trong tâm những việc tốt mình đã làm mà gần như quên hết thì phước đức liền biến thành công đức.

Việc bố thí của lão Hòa thượng Hải Hiền là công đức, Ngài bố thí không mong cầu đền ơn. Tâm địa Ngài thanh

tĩnh đến thế, không nhiễm một bụi trần. Ngoài một câu Phật hiệu ra, trong tâm Ngài không có gì cả.

## **CHƯƠNG 17 - LẶT RAU KHÔNG VỨT PHẦN CÒN NON, HƠN HẸN TỤNG KINH TẶNG**

Lão tử nói: “Ta có ba vật báu luôn giữ gìn rất cẩn thận, một là từ, hai là kiệm, ba là không dám ở trước thiên hạ”. Một vật báu trong số đó chính là tiết kiệm. Rất nhiều người từng tiếp xúc với lão Hòa thượng Hải Hiền, khi nhớ về Ngài, họ đều có ấn tượng đặc biệt sâu sắc về tính tiết kiệm của Ngài.

Lão Hòa thượng Hải Hiền thường nói với những người có duyên bên cạnh: “Một hạt gạo của chúng sanh nặng như núi Tu Di”, “vật của Tăng thường trụ là phước điền của thí chủ, nhất định phải giữ gìn vật thường trụ như giữ gìn con ngươi trong mắt mình”.

Vật thường trụ là chỉ vật dụng Tăng đoàn thọ dụng, nếu chiếm làm của riêng hoặc mua bán thì phạm tội nặng. Vật của Tăng bao gồm vật cúng dường đến từ nơi khác, như bếp, kho, phòng ốc, ruộng vườn, cơm, quần áo, thuốc thang v.v...; còn bao gồm vật của Tăng hiện tiền và di vật của vị Tăng đã tịch.



Lão Hòa thượng Hải Hiền rất quý trọng vật thường trụ. Ngài tiết kiệm nước, tiết kiệm điện, không chút lãng phí. Ngài ngủ rất sớm, buổi tối lúc không cần ánh sáng thì không mở đèn điện.

Thập niên 80 thế kỷ XX, chùa Lai Phật vẫn chưa có nước máy, nước sinh hoạt của chư Tăng được lấy từ một giếng nước cạn tự đào. Lão Hòa thượng dùng nước rất tiết kiệm. Mỗi lần rửa tay rửa mặt, Ngài đều dùng một cái gáo nhỏ múc nước đổ vào chậu rửa mặt để rửa, chậu rửa mặt trong phòng Ngài thường chỉ có hơn một bát nước. Về sau chùa đã lắp nước máy, nhưng Ngài vẫn không lãng phí nước.

Một buổi chiều mùa hè năm 2010, lúc lão Hòa thượng đang cuốc đất trong vườn tháp, bỗng dung trời đổ mưa to, Pháp sư Ấn Chí vội vàng mang dù đón lão Hòa thượng về chùa. Trong lúc Pháp sư Ấn Chí đi lấy đôi giày khô, lão Hòa thượng lấy nước đã rửa rau trong chậu to để rửa chân. Lúc này, một cư sĩ đặt một chậu nước sạch xuống mời lão Hòa thượng rửa nhưng Ngài kiên quyết không chịu, còn nói với cô rằng: “Chúng ta phải tiết kiệm nước, phải biết tiếc phước!”.

Từ những việc nhỏ này có thể nhận ra lão Hòa thượng Hải Hiền quý trọng vật lực biết bao. Phước đến từ tiết kiệm, không lãng phí, lão Hòa thượng tiếc phước.

Ngài thường nói với mọi người: “Lặt rau không vứt phần còn non, hơn hẳn tụng Kinh Tạng”. Nếu nhìn thấy một lá rau bị rơi ở cửa bếp, Ngài sẽ nhặt lên rửa sạch rồi để lại trong bếp. Ngài ăn cơm cũng không bao giờ kén chọn, không bao giờ dùng thức ăn đặc biệt dành riêng cho mình, hằng ngày đều dùng bữa giống hết mọi người. Sau mỗi bữa ăn, Ngài luôn dùng nước sôi tráng đi tráng lại bát cơm.

Một lần, lão Hòa thượng trộn một ít rau cần. Sau khi trộn xong, Ngài chỉ vào một hũ dầu mè to dưới đất nói với Pháp sư Ấn Hàm: “Con dùng đôi đũa nhúng một ít, trộn sơ sơ rau cần này nha!”.

Mặc dù đã qua rất nhiều năm, nhưng mỗi khi nhắc đến chuyện này, Pháp sư Ấn Hàm vẫn rung rung nước mắt. Pháp sư nói: “Đó là một hũ dầu mè 50 cân; vậy mà sư phụ lại bảo tôi dùng đôi đũa nhúng một chút rồi trộn sơ rau. Chỉ dựa vào điểm này, tôi đã khâm phục sư phụ cả đời rồi! Những năm này, tôi cố gắng học tập sự cần kiệm của sư phụ. Bây giờ nói về mặt cần cù thì tôi còn tạm được, nhưng nói đến tiết kiệm thì vẫn còn kém xa sư phụ”.

Một vị đệ tử khác của lão Hòa thượng là Pháp sư Ấn Vinh cũng khâm phục Ngài đến năm vóc sát đất. Pháp sư nói: “Lúc đầu, tôi cũng có chút không vừa ý vì sư phụ quá keo kiệt, muốn mua hai đồng đậu hủ mà sư phụ cũng không cho mua. Thế nhưng về sau nhìn thấy sư phụ quỳ tiền mua cây giống cho các trường học và đạo tràng, giữ

tay một cái lại lấy ra mấy ngàn tệ, điều này đã khiến tôi khâm phục đến năm vóc sát đất!”.

Lão Hòa thượng dùng nông sản thu hoạch do chính mình cực khổ trồng trọt để cứu tế, bố thí, Ngài làm rất vui vẻ, không biết chán; với bản thân mình thì lão Hòa thượng không hề lãng phí dù chỉ một hạt gạo.

Vớ của lão Hòa thượng vá hết lớp này sang lớp khác. Có lần, một vị cư sĩ hỏi Ngài: “Ngài có việc gì chúng con có thể giúp không?”. Lão Hòa thượng bèn tìm đôi vớ của mình để cho cô vá lại giúp. Cô nhìn thấy hai chiếc vớ đã rách nát hơn nửa, cơ bản là không biết nên bắt tay vá lại như thế nào! Thế là cô lén đem đôi vớ rách giấu đi. Khi lão Hòa thượng hỏi đến đôi vớ, mọi người đều nói không tìm thấy. Không còn cách nào khác, lão Hòa thượng đành phải đổi đôi mới. Đôi vớ đã cũ rách như vậy mà lão Hòa thượng cũng không nỡ bỏ. Còn đồ vật mà mọi người cho rằng không dùng được nữa, Ngài vẫn luôn có thể tìm được cách sử dụng vật bỏ đi đó.

Một lần, nhìn thấy người khác bỏ chiếc áo len không dùng, lão Hòa thượng cảm thấy rất đáng tiếc, bèn nhặt về. Ngài giặt sạch áo len cũ rồi tháo áo len ra thành sợi, dùng những sợi này bện thành hai cuộn dây thừng to. Lần này không những không cần mua thêm dây thừng, mà cuộn dây thừng của lão Hòa thượng còn đẹp hơn, bền hơn so với dây thừng mua bên ngoài. Ai nhìn thấy cũng rất khâm phục lão Hòa thượng lại có thể nghĩ ra chiêu này!

Mọi người cảm thấy có thể tái sử dụng vật dụng bỏ đi như vậy thì thật sự rất tốt, thế là trở về đều học làm theo.

Cây chổi mà lão Hòa thượng dùng để quét dọn cũng là Ngài tự bó lấy, cây chổi (tên một loài cây) dùng để bó chổi là do Ngài tự trồng. Sở dĩ loài cây này tên là cây chổi bởi vì cành cây này rất dày, sau khi trưởng thành thì chặt đi phơi khô, bó lại có thể dùng làm chổi.

Đồ vật mà lão Hòa thượng dùng đều hết sức bình thường. Cây gậy mà Ngài thường chống đi chỉ là thân một loại rau dại tên là “rau muôi” mọc dưới đất. Mọi người chưa bao giờ thấy Ngài chống cây gậy mới. Một lần, lão Hòa thượng đến niệm Phật đường Nghĩa Ô, cư sĩ Trương ở Nam Dương cúng dường cho lão Hòa thượng một cây gậy, một chiếc nhẫn mã não đỏ và một chuỗi hạt đeo tay màu tía. Lúc đó lão Hòa thượng đã nói:

- Có người xuất gia nào đeo nhẫn đâu chứ? Không đúng pháp. Ông cầm lấy đi! Gậy tôi cũng có rồi.

Cây gậy này là cư sĩ Trương đặc biệt mua tặng cho lão Hòa thượng, cho nên ông ấy rất kiên trì nói:

- Không sao, có thể cả đời Ngài cũng chưa từng đeo những thứ này, Ngài đeo lên để con xem có đẹp không. Còn cây gậy đó đã cũ lắm rồi, phần dưới đã bị nứt, sau này Ngài dùng cây gậy mới này nha!

Lão Hòa thượng vui vẻ tiếp nhận những vật cúng dường này.

Một tuần sau, cư sĩ Trương lại đến niệm Phật đường, có người nói với ông:

- Lão Hòa thượng có việc về chùa rồi. Trước khi đi đã để lại nhẫn và tràng hạt đeo tay của ông cúng dường, Ngài còn nói người xuất gia không nên đeo những vật này, màu sắc quá tươi, không đúng pháp.

Cư sĩ Trương nghe xong, thâm nghĩ: “Lão Hòa thượng thật sự là bậc đại tu hành! Thấy mình chấp trước như vậy, muốn mình sanh tâm hoan hỷ, nên Ngài hằng thuận chúng sanh, nhận lấy vật cúng dường. Đến khi sắp rời khỏi, Ngài mới để lại những vật này. Thật sự là từ bi thiện xảo! ‘Bồ tát ở nơi đâu đều khiến hết thấy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ’, đúng là như vậy!”. Không những ông không buồn, mà còn sanh tâm kính trọng lão Hòa thượng.

Một thời gian sau, lúc lão Hòa thượng đến niệm Phật đường Nghĩa Ô, cư sĩ Trương đến thăm Ngài, vừa nhìn cây gậy trong tay lão Hòa thượng không phải là cây gậy mới mà mình tặng lần trước, ông hỏi:

- Sao Ngài không dùng cây gậy con đã tặng cho Ngài? Lão Hòa thượng cười ha ha nói:

- Tôi không có phước báo lớn như ông, tôi dùng cây gậy này là được rồi.

Lão Hòa thượng đã đem tặng cây gậy mới cho người khác.

Đời sống của lão Hòa thượng giản dị, tất cả chuyện vặt trong sinh hoạt hằng ngày đều là tự mình lo liệu.

Chùa ở nông thôn, điều kiện tương đối kém, trong phòng không có lò sưởi, cho nên vào mùa đông thì khá lạnh, lão Hòa thượng dùng chậu than nhóm lửa sưởi ấm. Do đó, sau mỗi mùa thu qua, lão Hòa thượng bắt đầu đi đào rễ cây, sau đó chẻ ra phơi khô để chuẩn bị dùng cho mùa đông. Tuy đã hơn trăm tuổi, nhưng Ngài vẫn giống như thanh niên vậy, chỉ đắp một tấm chăn bông, bên ngoài [giăng] thêm một lớp [màn] là qua được mùa đông. Có một lần, các vị cư sĩ giúp lão Hòa thượng quét dọn phòng, tiện thể muốn giặt quần áo và tấm trải giường giúp Ngài. Khi lật tấm chăn lên, mọi người phát hiện phần chăn ở phía dưới chân giữ thế nào cũng không ra. Nhìn kỹ lại, thì ra lão Hòa thượng vì muốn ấm hơn một chút nên đã dùng một sợi dây thừng cột đầu chăn ở phía chân lại. Mọi người đều cười lão Hòa thượng thật biết nghĩ cách.

Cuộc sống của lão Hòa thượng rất đơn giản, một vị Pháp sư tiếp xúc với Ngài gần hai năm, phát hiện lão Hòa thượng trước nay chưa từng uống trà. Pháp sư hỏi Ngài tại sao trước nay không uống trà. Lão Hòa thượng Hải Hiền nói: “Uống nước lọc tốt, uống nước lọc đơn giản, các cư sĩ cũng đỡ phải tốn kém nhiều tiền để cúng dường trà cho chúng ta. Sở thích uống trà cũng là tập khí. Nước lọc cũng có thể giải khát, vậy tại sao nhất định phải uống trà chứ?”.

Lão Hòa thượng không thích các cư sĩ bận rộn vì Ngài. Ngày 20 tháng 8 âm lịch năm 2012, các cư sĩ ở Nam Dương vui vẻ tổ chức cho lão Hòa thượng một bàn tiệc chay để chúc mừng sinh nhật 112 tuổi của Ngài. Nhưng lão Hòa thượng không ăn những món ăn đó, sau cùng chỉ ăn một bát mì lá mè. Vì sao vậy? Đây là lão Hòa thượng biểu pháp: Tất cả để tự nhiên, bình thường là tốt; đặc biệt vì Ngài mà làm, điều này không tốt; những việc không bình thường, không tự nhiên đều không phải việc tốt. Cho nên Ngài không ăn dù chỉ một miếng.

Tuy hôm đó lão Hòa thượng không vui, nhưng các cư sĩ vẫn muốn chụp ảnh lưu niệm với Ngài. Sau khi rửa ảnh ra, cư sĩ Lưu – người quen biết với lão Hòa thượng – nói: Đây là bức ảnh không vui nhất trong đời của lão Hòa thượng.

Vẻ mặt không vui của lão Hòa thượng trong tấm ảnh, trước nay Ngài chưa hề dùng gương mặt như vậy đối với mọi người, biểu hiện này của Ngài là nói cho các cư sĩ biết: Các vị làm như vậy, thực tế là quá lãng phí rồi. Trong tâm của lão Hòa thượng không phân biệt, không chấp trước. Nhất cử nhất động của Ngài đều đang độ chúng sanh, đều đang dạy người khác. Cách ứng xử hôm đó của Ngài chẳng qua là muốn nói với mọi người phải tiết kiệm, phải chịu khổ.

Chịu khổ thì sẽ không lưu luyến thế gian này, một lòng một dạ muốn đến thế giới Cực Lạc. Nếu thế giới này vẫn còn món ngon, vẫn còn thú vị thì không đành lòng ra đi.

Trong kinh điển, Phật thường nói, thế giới này của chúng ta là tám loại khổ pha trộn vào nhau: Sanh lão bệnh tử khổ, oán tắng hội khổ (khổ vì gặp gỡ người mà mình oán ghét), ái biệt ly khổ (khổ vì phải xa lìa những người thân thương), cầu bất đắc khổ (khổ vì những mong cầu không được toại nguyện), ngũ ấm sí thành khổ (khổ vì năm ấm đầy dẫy khổ não). Ai có thể tránh được tám loại khổ này? Hằng ngày chúng ta đều sống trong tám loại khổ này, lại không muốn rời khỏi. Trong cuộc sống thường ngày, những gì mà mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân tiếp xúc... tất cả hiện tượng này đang bày ra trước mặt chúng ta, trước nay chưa từng gián đoạn, chỉ là chúng ta không phát giác được. Lão Hòa thượng Hải Hiền đã phát giác nên Ngài không lưu luyến thế gian này chút nào.

## **CHƯƠNG 18 - CÚNG DƯỜNG A LA HÁN**

Một hôm, một cư sĩ trẻ tuổi dẫn theo hai người bạn của anh đến thăm lão Hòa thượng Hải Hiền. Lúc đó, Ngài đang đào một rãnh cây rất to ở trước sân chùa, dưới đất đã đào được một cái hố to, Ngài đứng trong hố, khắp người



khắp mặt đều là đất. Ba người nhìn thấy lão Hòa thượng liền vội vàng đánh lễ, lão Hòa thượng liền tục cản lại: “Đừng lạy! Đừng lạy! Dưới đất dơ lắm!”.

Người thanh niên và lão Hòa thượng rất thân quen, hai người bạn của anh ấy cũng đã từng sống chung với lão Hòa thượng ba tháng ở chùa Thiên Phật. Vì vậy, lão Hòa thượng nhìn thấy họ đến thì rất vui mừng, dừng lại việc đang làm và trò chuyện với họ. Ngài nói với người thanh niên rằng:

- Người trong thôn các con có thiện căn sâu dày, người học Phật nhiều.

- Dạ phải. Trong thôn chúng con hầu hết nhà nào cũng thờ Phật.

Lão Hòa thượng hỏi:

- Nhiều năm trước, trong thôn các con có một vị lão Hòa thượng đã sống ở đó, con còn nhớ không?

Cư sĩ trả lời:

- Lúc đó con vẫn còn nhỏ nhưng có ấn tượng, vì bà nội con hộ trì vị Pháp sư ấy mà. Về sau, Ngài ấy đến chùa Bạch Mã rồi.

Lão Hòa thượng nói:

- Lúc đó, ta mời lão ấy đến chùa Lai Phật, nhưng lão ấy không chịu... không biết hiện nay còn sống hay không.

- Nghe nói đã tịch rồi ạ.

- Lão ấy tịch khi nào vậy?

- Ngài ấy đã tịch rồi, đó là việc của thế kỷ trước rồi ạ. Cư sĩ nói xong không nhịn được mà cười phá lên, thâm nghĩ: “Nếu vị Pháp sư ấy còn sống, chắc cũng hơn trăm tuổi rồi, Ngài cho rằng ai cũng trường thọ như Ngài sao?”. Lão Hòa thượng nhìn anh ấy, không hiểu mà hỏi:

- Con cười gì vậy?

Cư sĩ nói đùa với lão Hòa thượng:

- Có phải Ngài cho rằng Từ Hy thái hậu vẫn còn sống không?

Lão Hòa thượng cũng bị anh ấy chọc đến cười vang rồi nói:

- Ta vẫn chưa hồ đồ như vậy. Ấy da! Ta đây nghiệp chướng nặng, muốn đi mà không đi được. Nhìn thấy các lão đồng tu từng người một ra đi, còn ta thành lão yêu tinh rồi.

Cư sĩ trẻ vừa dìu lão Hòa thượng từ trong hố ra vừa nói:

- Ngài nghỉ ngơi một chút rồi kể chuyện cho chúng con nghe được không ạ?

Lão Hòa thượng ngồi trên một tấm gỗ, rồi chỉ vào mấy tấm gỗ bên cạnh kêu mọi người ngồi xuống. Hai người trong nhóm nói không muốn ngồi. Lão Hòa thượng bèn nói với họ:

- Không muốn ngồi trên tấm gỗ thì trong phòng có ghế đây.

Sau đó, Ngài cười ha hả nói:

- Ta kể cho các con nghe một công án trong kinh Phật, hay lắm đây!

Có một vị A la hán cầm bát ra ngoài khát thực, gặp một nữ quý xinh đẹp, nữ quý nói muốn cúng dường La hán, nên mời La hán vào trong nhà. La hán nhìn thấy ngọc ngà châu báu chói sáng trong nhà của nữ quý này hết sức sang trọng! Nữ quý đem đồ ăn thức uống cúng dường La hán bày trên bàn, rồi mời La hán dùng bữa. La hán cúi đầu xuống nhìn thấy bốn chân bàn buộc bốn ngạ quỷ đói đến mức còn da bọc xương, nên cảm thấy rất hiếu kỳ. Lúc này, nữ quý nói rằng: “Xin Tôn giả đợi một chút, đệ tử có chút việc quan trọng ra ngoài một chút rồi sẽ trở lại ngay. Xin Tôn giả từ bi, tuyệt đối đừng bỏ thí thức ăn cho bốn người họ!”.

Nữ quý ra ngoài, La hán vừa ăn vừa cảm thấy khó hiểu: Tại sao không cho mình bỏ thí thức ăn cho bốn người họ chứ? Bốn ngạ quỷ nhìn chăm chăm La hán đang ăn ở đó, không dám lên tiếng. La hán cảm thấy như vậy quá tàn nhẫn, Ngài thật sự không kiềm lòng được, bèn chia chút thức ăn cho bốn ngạ quỷ này. Không ngờ, bốn ngạ quỷ này đưa thức ăn vào trong miệng, thì mỗi ngạ quỷ lại đau khổ kêu gào lòng lộn: Một ngạ quỷ đưa thức ăn

vào miệng thì biến thành thịt của chính mình; một ngạ quỷ đưa thức ăn vào miệng thì biến thành viên sắt; một ngạ quỷ đưa thức ăn vào miệng thì biến thành phân; một ngạ quỷ đưa thức ăn vào miệng thì biến thành máu mủ. La hán nhìn thấy tình cảnh như vậy vô cùng hoảng hốt.

Nữ quỷ xinh đẹp kia vội vàng từ bên ngoài chạy vào nhà, rất đau khổ nói với La hán:

- Lúc con ra ngoài đã dặn Tôn giả tuyệt đối không thể bỏ thí thức ăn cho họ, sao Tôn giả không nghe chứ? Chẳng lẽ Tôn giả thương yêu họ hơn cả con sao? Họ là chồng, con trai, con dâu và a hoàn kiếp trước của con đây!

La hán không hiểu, hỏi rằng:

- Đây là nguyên nhân gì vậy? Nữ quỷ nói:

- Kiếp trước con đã cúng dường một vị A la hán, con nói cho chồng con biết, mong rằng anh ấy tùy hỷ công đức. Ai dè sau khi nghe xong anh ấy lại buông lời phỉ báng: “Sao ông ấy lại ăn thức ăn của chúng ta chứ? Sao không ăn thịt của mình đi?”. Con rất đau lòng, lại kể chuyện này với con trai của con, nhưng không ngờ nó cũng mở miệng hủy báng: “Sao ông ấy không ăn viên sắt đi?”. Con càng đau lòng hơn nữa. Bữa đó đúng lúc có thông gia tặng cho con một số thực phẩm nhưng bị con dâu của con lấy trộm ăn hết. Con đi hỏi nó, nhưng nó không thừa nhận, còn nói: “Ăn phân còn hơn ăn thức ăn của mẹ!”. Con tặng thực phẩm đáp lễ thông gia, nhưng

trên đường đi lại bị a hoàn lấy trộm ăn hết, con trách mắng nhưng nó không thừa nhận, còn nói: “Ăn máu mủ còn hơn ăn thức ăn của bà”. Trong tâm con khởi lòng sân hận lớn đối với bốn người họ, bèn phát một lời nguyện, nguyện kiếp sau con sẽ sống ở nơi có thể nhìn thấy bốn người họ chịu ác báo. Cho nên kiếp này con làm đại lực quỷ vương. Nếu không phải do ác nguyện này, chỉ dựa vào phước đức con cúng dường A la hán, thì kiếp này con đã được sanh lên trời Đao Lợi hưởng phước trời rồi.

Lão Hòa thượng kể xong câu chuyện, cười phá lên và hỏi:

- Nghe có hay không?

Cư sĩ trẻ nghe đến rợn tóc gáy. Anh ấy thay đổi suy nghĩ: “Ngài tuyệt đối không phải là người hồ đồ!”. Anh ấy vốn cho rằng lão Hòa thượng chỉ biết lao động, niệm Phật, chưa chắc hiểu được những đạo lý quá sâu trong Phật Pháp, thế nhưng lần này anh ấy thật sự bội phục lão Hòa thượng rồi.

Nhìn anh ấy đang ngẩn người, lão Hòa thượng nói tiếp:

- Câu chuyện này chính là dạy người ta nói chuyện đừng “ngôn sàm khẩu mãn”, “năng cật quá thiên thực, bất thuyết quá thiên thoại” (có thể ăn uống lung tung nhưng không được nói năng lung tung), nói chuyện ngông cuồng sẽ khiến người ta oán hận, sẽ gây bất hòa với mọi người.

Cũng đừng khởi ý niệm xấu, có ý niệm xấu thì người chịu thiệt là chính mình.

Câu “ngôn sàm khẩu mãn” lão Hòa thượng nói là một câu tục ngữ tiếng địa phương ở Nam Dương, hầu hết là những người già thích dùng. “Ngôn sàm” là chỉ lời nói chua ngoa cay nghiệt; “khẩu mãn” là nói chuyện cuồng vọng. “Năng cật quá thiên thực, bất thuyết quá thiên thoại” cũng là tục ngữ của người Nam Dương, cũng dạy người không thể quá cuồng vọng.

“Tùy hỷ” mà nữ quý nói là chỉ tùy thuận người khác tu tập nhân thiện, vui khi người khác đạt được quả thiện; cũng tức là thấy người khác hành thiện thì tùy thuận việc đó mà sanh tâm hoan hỷ.

Năm xưa, Thích Ca Mâu Ni Phật đã dùng một ví dụ đơn giản để một đôi vợ chồng hiểu được ý nghĩa của việc cúng dường bố thí sẽ được quả báo thiện.

Khi Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh ở tinh xá Kỳ Viên thành Xá Vệ, Ngài đã nhận một bát cơm do một đôi vợ chồng cúng dường. Đức Phật nói với họ:

- Trồng một thu hoạch mười, trồng mười thu hoạch trăm, trồng trăm thu hoạch vạn. Do công đức bố thí một bát cơm này, các con sẽ thu hoạch được vô lượng phước báo.

Hai người họ nghi ngờ hỏi rằng:

- Thừa đức Phật! Kẻ tâm thường ngu dốt chúng con thật không thể hiểu được, chỉ bố thí một bát cơm thì có thể được phước báo lớn thế nào vậy?

Đức Phật giải thích cho họ:

- Các con thấy cây ni câu đà không? Một cây sum sê dài đến bốn năm dặm, mỗi năm quả của nó rơi xuống nhiều hơn cả vạn đầu (đơn vị đo dung tích thời xưa). Lúc đầu, hạt giống cây ni câu đà cũng chỉ là một hạt quả [mà thôi].

Từ đó, nhân dân trong thành Xá Vệ càng vui vẻ hăng hái cúng dường đức Phật và các vị Tỳ kheo.

## **CHƯƠNG 19 - TRÍ HUỆ CỦA LÃO HÒA THƯỢNG**

Tuy Hòa thượng Hải Hiền không biết chữ, nhưng khi nói chuyện lại thường nói những lời hay ý đẹp, luôn khiến người nghe cảm thấy bất ngờ lớn.

Một lần, lão Hòa thượng Hải Hiền và một vị Pháp sư đào khoai sọ trong mảnh đất hoang được khai khẩn ở phía đông chùa Thiên Phật. Pháp sư đào ra bên ngoài, còn lão Hòa thượng bóc đất trên khoai sọ, hai vị cư sĩ nhìn thấy

liền đến giúp đỡ. Bởi vì trời hơi trở lạnh, nên nước mũi lão Hòa thượng đã chảy dài. Hai vị cư sĩ nói:

- Sư ông, con đưa Sư ông vài tờ giấy lau nước mũi nha.

Lão Hòa thượng nói:

- Mặc kệ, việc đó của nó.

Hai người đều cười. Một cư sĩ hỏi Ngài:

- Sư ông ơi, Sư ông nói “mặc kệ, việc đó của nó”, vậy là việc của ai thế?

Lão Hòa thượng nói:

- Không biết.

Mọi người đều cười vang.

Sau khi đào xong khoai sọ về đến chùa, toàn thân lão Hòa thượng đều là đất. Một vị cư sĩ nói:

- Ngài cởi áo ra đi, con giặt giúp Ngài.

Lão Hòa thượng cởi áo ra, vị cư sĩ đó cầm lấy áo nói:

- Ngài nhìn xem, áo mới mặc hôm nay mà lại bẩn như thế này.

Lão Hòa thượng nói:

- Áo đó không phải của ta.

- Vừa cởi từ trên người Ngài ra, không phải của Ngài thì của ai chứ?



Lão Hòa thượng lại nói một câu:

- Không biết.

Lúc đó, vị Pháp sư ấy không thể lý giải được những lời này của lão Hòa thượng, thậm chí Ngài cảm thấy những câu đối đáp này rất buồn cười. Mãi đến sau khi lão Hòa thượng vãng sanh, Pháp sư mới biết lão Hòa thượng vốn không phải là một người già hồ đồ! Mà ngược lại, trí huệ, đức năng của lão Hòa thượng không thể nghĩ bàn. Thật sự đúng với câu nói mà Pháp sư Diên Cường nói về lão Hòa thượng Hải Hiền: “Phàm phu chúng ta đây không nhận ra sự áo diệu của chơn Phật đâu!”.

## **CHƯƠNG 20 - ĐƯỜNG THÁI TÔNG TIẾC PHƯỚC**

Mùa thu năm 2004, người thanh niên từng nghe lão Hòa thượng kể chuyện nữ quý đã đưa bác trai đến chùa Lai Phật vấn an lão Hòa thượng Hải Hiền. Lúc đó, anh ấy mới ngoài hai mươi. Bác trai anh nhiều năm trước là đệ tử quy y với lão Hòa thượng. Về sau xuất gia, tuy không phải do lão Hòa thượng thế độ, nhưng bác ấy vẫn dùng lễ thầy trò để phụng sự Ngài.

Lão Hòa thượng nhìn thấy hai người thì vô cùng vui mừng, lục khắp nơi tìm một ít trái cây và thức ăn vặt tiếp đãi người thanh niên này. Người thanh niên nói:

- Hay Ngài giữ lại ăn đi.

Lão Hòa thượng cười rồi nói:

- Ta không ăn những thức ăn này, để cho trẻ con ăn thôi.

Người thanh niên cũng cười và nói:

- Năm nay con cũng ngoài hai mươi rồi, không còn là trẻ con nữa.

Lão Hòa thượng chỉ vào anh ấy lớn tiếng cười ha ha:

- Con hai mươi tuổi, con nói với ta con không phải là trẻ con mà không thấy ngại sao? Ở chỗ ta đây, con chính là trẻ con.

Buổi trưa, lão Hòa thượng dùng cơm trưa chung với mọi người, mỗi người một bát mì. Người thanh niên nhìn thấy có sợi mì rơi trên bàn bèn nhặt lên ăn. Hòa thượng Hải Hiền nhìn thấy liền nói với bác trai của người thanh niên này:

- Đứa trẻ nhà ông thật có thiện căn. Thời nay, những thanh niên không lãng phí lương thực thì hiếm thấy lắm!

Nói xong, Ngài bỏ bát mì xuống, nói với người thanh niên rằng:

- Con biết con nhật sợi mì này lên có thể tăng bao nhiêu phước không?

- Đây có là gì đâu, từ nhỏ bà nội con đã dạy con làm như vậy, nhưng con chưa từng nghĩ sẽ được tăng phước.

- Tốt! Tốt! Tốt! Thiện căn này mầm thiện đấy!

Lão Hòa thượng Hải Hiền cũng buông đũa xuống bàn một cách dứt khoát rồi nói:

- Ta kể cho con nghe một câu chuyện nhé!

Đời nhà Đường, có hai người tài dưới quyền của Lý Thế Dân, một người tên Viên Thiên Cang, một người tên Lý Thuần Phong. Hai người này đều tinh thông Kinh Dịch, thần cơ diệu toán. Một hôm, hai người cùng nói chuyện phiếm với Lý Thế Dân, hai người họ tự xưng là biết tất cả những việc trong quá khứ và tương lai. Lý Thế Dân cũng nhất thời hào hứng nói với họ:

- Vậy các khanh đoán thử xem tuổi thọ của quả nhân còn bao nhiêu?

Họ đều nói không dám tính, Lý Thế Dân nói:

- Không hề gì, các khanh cứ mạnh dạn mà nói, quả nhân không kiêng kỵ!

Thế là mỗi người họ tự bói một quẻ cho Lý Thế Dân.

Lý Thế Dân hỏi:

- Kết quả thế nào vậy?

Hai người nhìn nhau, không nói lời nào. Lý Thế Dân nói:

- Các khanh không cần lo lắng gì cả, bất luận kết quả ra sao cũng phải nói thật, quả nhân nhất định sẽ không trách tội các khanh.

Hai người họ nghe Hoàng thượng nói sẽ không trách tội nên cùng nói rằng:

- Kết quả suy đoán của chúng thần như nhau, vào giờ tý đêm nay Hoàng thượng phải về trời.

Sau khi Lý Thế Dân nghe xong thì cười rồi nói:

- Lần này chắc chắn là hai vị ái khanh tính sai rồi, các khanh xem tinh thần của quả nhân đây có giống như người sắp chết không?

Hai người họ đều nói:

- Thật sự không giống.

Đêm hôm đó, Viên Thiên Cang và Lý Thuần Phong bàn riêng với nhau, giả sử đêm nay Hoàng thượng không chết, vậy ngày mai chắc chắn sẽ truy cứu tội khi quân của họ. Họ càng nghĩ càng không có lòng tin, cuối cùng quyết định chạy trốn ngay trong đêm hôm ấy. Mỗi người cưỡi một con lừa, chạy vội vã suốt đêm, sáng sớm ngày hôm sau chạy đến một ngã ba đường, chỉ thấy ở giữa đường mọc lên một cây, thân cây tách ra giống như một người đang duỗi hai cánh tay ra vậy. Lúc này, phía trước có một

ông lão chống cặp gậy đi đến. Hai người ghì chặt con lừa định nghỉ ngơi một lát, đúng là bệnh nghề nghiệp, Viên Thiên Cang nói với Lý Thuần Phong:

- Đạo huynh, chúng ta đoán thử xem ông lão sẽ đi qua từ bên trái hay từ bên phải của cây này nhé!

Lý Thuần Phong nói:

- Đạo huynh, tôi đoán lão ấy chắc chắn sẽ đi qua từ bên trái.

Viên Thiên Cang nói:

- Không phải đâu, đạo huynh! Sao tôi lại đoán ra lão ấy đi qua từ bên phải nhỉ?

Hai người họ đang tranh cãi không ngớt thì thấy ông lão chống cặp gậy đi đến dưới cây, gác cặp gậy lên trên cây, nhảy qua từ giữa chạc cây. Hai người vô cùng kinh ngạc, lập tức dừng tranh cãi, họ rất muốn biết tại sao ông lão này lại nghĩ ra cách nhảy qua từ giữa chạc cây, thế là họ bước đến thỉnh giáo ông lão. Ông lão cười hỏi rằng:

- Sao hai vị thần tiên sống lại đến chỗ này vậy?

Hai người họ càng kinh ngạc hơn, bèn đem câu chuyện bói quẻ cho Lý Thế Dân kể hết một lượt. Ông lão nói:

- Việc này có gì đâu, hai người trở về đi! Họ vội vàng hỏi:

- Vậy ông có biết Hoàng thượng hiện nay ra sao không?

- Bình an mạnh khỏe.

Họ nghe xong rất hoảng sợ:

- Vậy chúng tôi càng không dám quay về. Ông lão nói:

- Sau khi hai người trở về, nếu như Hoàng thượng hỏi chuyện thì hai người nói: Giờ tý đêm qua, Bệ hạ bỗng cảm thấy buồn phiền trong lòng, muốn uống một bát canh hạt kê. Lúc uống không cẩn thận làm rơi một hạt kê xuống đôi ủng, Bệ hạ đưa tay nhặt hạt kê này lên. Bởi vì Bệ hạ nhặt hạt kê này nên cảm động được ông trời. Ngọc Đế ca ngợi Bệ hạ là thiên tử cao quý, mà lại có thể quý trọng một hạt kê, vậy thì đối với con dân, sao Bệ hạ có thể không yêu quý được chứ? Thế là tặng thêm 20 năm tuổi thọ cho Bệ hạ.

Họ nghe ông lão này nói như vậy, bội phục đến năm vóc sát đất, ca ngợi ông lão:

- Ngài mới là thần tiên sống! Chúng con so với ngài, chẳng khác nào nước trong sông ngòi so với nước ngoài biển cả.

Ông lão xua tay liên hồi, nói rằng:

- Tuyệt đối không thể so sánh như vậy được, điều ta đã học chẳng qua chỉ là một bình nước được lấy ra từ trong biển cả mà thôi, vẫn chưa đầy lắm.

Viên Thiên Cang và Lý Thuần Phong nghe xong, hồ thẹn đến không còn mặt mũi nào mà nói với ông lão:

- Ngài là một bình không đầy, còn hai chúng con lạch cách nửa bình thôi!

Lão Hòa thượng Hải Hiền kể xong câu chuyện này, cười nói với người thanh niên:

- Đây là truyền thuyết, chưa chắc là câu chuyện có thật, nhưng rất có ý nghĩa. Con nghe có hiểu không?

- Dạ con nghe hiểu được một chút, [câu chuyện này] dạy mọi người tiếc phước, cũng dạy mọi người phải khiêm tốn.

Lão Hòa thượng cầm đôi đũa lên gấp mì trong bát, vẫn cười tít mắt mà nói:

- Tốt! Tốt! Tốt! Con xem, con nhặt sợi mì này lên được phước lớn biết bao, tăng thêm 20 năm tuổi thọ, còn tăng thêm học vấn nữa! Nếu như có thể kiên trì tiếc phước, khiêm tốn cả đời thì chắc chắn con sẽ có thành tựu lớn.

Lão Hòa thượng nói rất hay. Ngài nói tuy chỉ là một câu chuyện, chưa chắc là thật, nhưng có ý nghĩa rất hay, rất chính xác. Làm người nhất định phải tiếc phước, làm gì cũng không được thái quá.

## CHƯƠNG 21 - TRÌ GIỚI TINH NGHIÊM

Giới luật của nhà Phật vô cùng quan trọng. Các bậc Đại đức ngày xưa đã phân chia toàn bộ kinh giáo của Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết giảng trong một đời thành tam học giới định huệ. Giới là quy củ, giữ quy củ thì được thiên định. Phật dạy chúng ta không có điều gì khác ngoài việc tu thiên định, rời khỏi thiên định thì không phải là Phật Pháp. Thiên định khởi tác dụng thì trí huệ được khai mở. Vậy thì trí huệ, đức tướng giống với Phật vốn sẵn có trong mỗi người sẽ hiện tiền. Cho nên nói: Do giới được định, do định khai huệ. Từ đó có thể biết, trí huệ mới là mục tiêu thật sự của việc tu học Phật pháp.

Giới là quy củ, làm người không thể không có quy củ, quy củ là căn bản.

Giới trong nhà Nho nói chính là lễ tiết. Nhà Nho nói nhân nghĩa lễ trí tín, tứ duy bát đức, những điều này đều là đức hạnh cơ bản mà con người cần phải có đủ. “Lễ nhạc” mà nhà Nho nói là phương pháp dạy học điều chỉnh tâm hành: “Lễ” dùng để ràng buộc thân thể chúng ta; cử chỉ hành động, lời nói nụ cười của chúng ta đều phải hợp với lễ, lễ là tiêu chuẩn của hành vi. “Nhạc” dùng để điều tâm, tu tâm dưỡng tánh, hỷ nộ ai lạc (vui mừng, nổi giận, buồn đau, sung sướng) phải nằm trong phạm vi đó, không nên thái quá.



Trong nhà Phật cũng không ngoại lệ, đối với “lễ nhạc” cũng hết sức xem trọng. “Giới” thì tương đương với “lễ”, “Phạm bái” (âm thanh tán tụng) thì tương đương với “nhạc”. Nếu như mất đi “lễ nhạc” thì không còn phương tiện dạy học, cũng không đạt được hiệu quả giáo dục nữa.

Khi Phật tại thế, vì sao người thế gian tôn kính Phật như vậy? Ngay cả người thời nay, khi nhắc đến Thích Ca Mâu Ni Phật, họ vẫn vô cùng cung kính. Đây là sự cảm hóa của đức hạnh, được biểu hiện rõ trong giới học. Sự hành trì của Phật không phải là gượng ép, mà hết sức tự nhiên.

Giới luật là thân của Phật, thiên là tâm của Phật, giáo là lời nói của Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh là dùng thân giáo, dùng ngôn giáo; lão Hòa thượng Hải Hiền dạy mọi người cũng là thân hành ngôn giáo.

Lão Hòa thượng Hải Hiền không biết chữ, cho nên tâm địa thanh tịnh, không có tạp niệm, không có vọng tưởng. Sư phụ dạy Ngài niệm một câu “Nam mô A Di Đà Phật”, câu Phật hiệu này là thượng thượng thiên, là tổng cương yếu trong giáo học của Như Lai. Sư phụ dặn Ngài phải niệm liên tục, đây chính là giới luật dành cho Ngài, Ngài thật sự thọ trì, không thay đổi, cứ niệm suốt như vậy.

Cả đời lão Hòa thượng Hải Hiền lao động tay chân; Đại sư Lục tổ Huệ Năng ở trong đạo tràng của Ngũ tổ tám tháng, Ngũ tổ giao cho Đại sư công việc giã gạo bỏ củi,

cũng là lao động tay chân. Các Ngài dùng chung một công phu, đều là đang tu thiền định. Đại sư Huệ Năng định tâm ở chỗ không khởi tâm, không động niệm, điều này không phải người thông thường có thể làm được. Lão Hòa thượng Hải Hiền dụng công là một câu Phật hiệu trong mọi lúc mọi nơi, hết thảy cảnh duyên, đều định tâm trong câu Phật hiệu.

Lão Hòa thượng Hải Hiền vô cùng xem trọng việc trì giới. Ngài thường nói: “Không được phép ăn mặn phá giới”. Sau khi sống 27 năm trên núi với Ngài, mẹ của Ngài đề xuất muốn trở về quê nhà sinh sống, Ngài bèn đưa mẹ cùng trở về quê hương. Khi làm việc ở đội sản xuất trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, vào giờ ăn tập thể, lão Hòa thượng không còn cách nào khác, chỉ có thể ăn rau bên cạnh nồi. Lần này lão Hòa thượng đưa mẹ về quê, tự mình mang theo một cái nồi, bởi vì Ngài và mẹ đều ăn chay. Ngài giải thích: “Sao chúng tôi có thể ăn cơm của người ta được! Không được phép ăn mặn phá giới”.

Luật là hành môn. Học giới luật chính là học theo đời sống của Thích Ca Mâu Ni Phật, học tập oai nghi, cử chỉ của Phật. Lão Hòa thượng Hải Hiền có thể thị hiện đầy đủ oai nghi của Ngài trong đời sống cho người thế gian thấy.

Buổi chiều Phục Thiên (tháng nóng nhất mùa hè) năm 2011, Hòa thượng Hải Hiền 111 tuổi một mình làm cỏ trong ruộng ngô với hơi nóng hừng hực. Pháp sư Ấn Chí thương sư phụ, trải thùng giấy cỡ lớn ở phía dưới cửa lều

vườn tháp, xem như giường chiếu tạm thời. Sau đó, Pháp sư kéo lão Hòa thượng qua đó, mời Ngài nghỉ ngơi một chút. Lão Hòa thượng nằm xuống nghỉ ngơi theo tư thế nằm kiết tường. Đức Phật quy định chúng xuất gia trong lúc nằm xuống nghỉ ngơi, phải giữ tư thế nằm nghiêng bên phải, cách nằm này cũng gọi là tư thế nằm kiết tường. Lão Hòa thượng đi đứng nằm ngồi đều không mất oai nghi, lúc nào cũng làm đến thập toàn thập mỹ.

Không những chính mình trì giới luật tinh nghiêm, mà lão Hòa thượng còn thường xuyên khuyên bảo các đệ tử của Ngài giữ giới luật. Năm 2009, lão Hòa thượng Hải Hiền sống ở chùa Thiên Phật. Một lần, sau khi dâng cơm cho lão Hòa thượng, Pháp sư Diệu Liễu liền ngồi xôm bên cạnh Ngài, cầm bát cơm bắt đầu ăn. Lão Hòa thượng nhìn thấy Pháp sư Diệu Liễu ngồi xôm dưới đất ăn cơm, nét mặt rất nghiêm khắc mà nói với Pháp sư: “Đừng ngồi xôm dưới đất ăn! Người xuất gia nhất định phải giữ giới, phải chú ý oai nghi, làm tấm gương tốt cho hàng trời người, không giữ giới thì không ai hoan hỷ đâu!”.

Lão Hòa thượng còn khuyến khích đại chúng giữ giới luật. Giới luật không vẹn vẹn là chỉ ngũ giới, thập giới, Tỳ kheo giới, Bồ tát giới, mà quan trọng hơn là quy ước sống chung, cũng tức là mọi người chung sống, sinh hoạt với nhau phải có quy củ, hơn nữa đều phải tuân thủ quy củ này. Trong ngôi chùa nhỏ của Ngài, phải chịu khổ, phải giữ giới thì mới có thể sống chung với Ngài.

Một ngày tháng tám năm 2012, một vài vị cư sĩ ở nơi khác đến chùa Lai Phật niệm Phật. Họ đến chùa đánh lễ lão Hòa thượng và thỉnh cầu Ngài khai thị cho mọi người. Lão Hòa thượng ngồi đó, vừa tiếp tục chẻ củi vừa nói: “Không có gì để khai thị, chăm chỉ niệm Phật thôi! Trên đời không có việc gì khó, chỉ sợ tâm không chuyên”. Mọi người nghe xong rất hoan hỷ, đều vỗ tay. Lão Hòa thượng nhấn mạnh nói: “Thật sự không có việc gì khó đâu!”.

Sau đó, lão Hòa thượng bèn hỏi thăm họ từ đâu đến? Sau khi nghe từng người trả lời xong, lão Hòa thượng cười và nói rằng: “Chỗ tôi đây là chùa nhỏ, ăn là ăn cực, mặc là mặc vá. Quý vị đến đây phải có thể chịu khổ, có thể chịu khổ mới có thể hết khổ. Quý vị không đến, tôi không trách, đến rồi thì phải giữ giới của tôi. Đi đến đâu cũng phải giữ quy củ nơi đó”.

Lão Hòa thượng dạy mọi người phải chăm chỉ niệm Phật, trì giới niệm Phật. Thân hành của chính Ngài vẫn là trì giới niệm Phật.

Năm 2005, lão Hòa thượng Hải Hiền đã 105 tuổi, đề trang hoàng cho kim thân cho nhục thân của sư đệ Pháp sư Hải Khánh nên Ngài đến Quảng Châu xa xôi. Có một nhà thư pháp thấy lão Hòa thượng đã hơn trăm tuổi mà thân thể lại khỏe mạnh như vậy, không cần người chăm sóc mà tư duy còn nhanh nhạy nên rất bội phục Ngài, bèn thỉnh giáo Ngài về đạo dưỡng sinh. Lão Hòa thượng trả lời ông một cách đơn giản: “Trì giới niệm Phật”.

Trì giới niệm Phật là tổng cương lĩnh tự hành hóa tha của chư Phật Như Lai. Lão Hòa thượng giữ giới luật gì? Tam quy, ngũ giới, thập thiện, lục độ. Ngài giữ những điều này cả đời không vi phạm, cho nên Ngài được định, được khai ngộ, có thể tự tại vãng sanh.

Tam quy là nguyên tắc chung, phương hướng chung, mục tiêu chung của giáo học Phật pháp.

- Thứ nhất: “Quy y Phật”, giác thì không mê. “Quy” là trở về, quay đầu; “y” là nương tựa; “Phật” là giác; nghĩa là phải từ trong tất cả mê hoặc điên đảo, quay đầu lại nương vào tự tánh giác. Cho nên quy y Phật tuyệt đối không phải là nương tựa Phật bên ngoài tự tâm, đó gọi là cầu pháp ngoài tâm.

- Thứ hai: “Quy y Pháp”, chánh thì không tà. Pháp là kinh điển, những lời Phật đã nói, những điều Phật đã thực hành là chánh tri chánh kiến, là tám gương cho chúng ta. Chúng ta từ trong tà tri tà kiến quay đầu lại nương vào chánh tri chánh kiến, đây là quy y Pháp.

- Thứ ba: “Quy y Tăng”, tịnh thì không nhiễm. “Tăng” đại diện cho sáu căn thanh tịnh không nhiễm một bụi trần, chúng ta từ trong ô nhiễm quay đầu lại nương vào tâm thanh tịnh.

Tam quy là quy y Tam Bảo. Đặc biệt là khi nhìn thấy hình tướng Tam Bảo, phải lập tức hồi quang phản chiếu quay về tự tánh Tam Bảo, đây là đệ tử Phật chân chánh.

Cho nên học Phật là học giác, chánh, tịnh – giác thì không mê, chánh thì không tà, tịnh thì không nhiễm.

Học Phật dùng phương pháp trì giới, thiền định và trí huệ. Trước tiên, Phật dạy mọi người phải trì giới, giới chính là ngũ giới và thập thiện.

Ngũ giới là không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Thập thiện có ba phương diện thân, khẩu, ý. Thân: không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm; khẩu: không vọng ngữ (không nói dối), không lưỡng thiệt (không nói lời ly gián), không ác khẩu (không nói lời thô ác), không ỷ ngữ (không nói lời thù dật); ý: không tham, không sân, không si. Giới và thiện có sự khác biệt: thiện là hành vi thiện, không có tác dụng ràng buộc; giới thì có tác dụng ràng buộc.

Tam quy, ngũ giới, thập thiện là giới luật cơ bản của nhà Phật. Nâng cao hơn nữa là lục độ và thập nguyện Phổ Hiền. Đây là hành môn, có thể thành tựu đức hạnh của chúng ta.

Lão Hòa thượng Hải Hiền nói đạo dưỡng sinh của Ngài là “trì giới niệm Phật”. Trì giới là dưỡng thân, niệm Phật là dưỡng tâm. Chúng ta thực hành nghiêm túc về ngũ giới, thập thiện trong Phật pháp chính là dưỡng thân; trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, thì tâm này là tốt trong tốt. Ngũ giới cũng chính là ngũ thường mà tổ tiên đã dạy: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Không sát sanh là nhân, không trộm cướp là

nghĩa, không tà dâm là lễ, không vọng ngữ là tín, không uống rượu là trí. Tâm thì sao? Tâm phải thanh tịnh. Niệm Phật có thể giúp tâm thanh tịnh, có thể khiến cho tâm chuyên nhất. Ngoài câu Phật hiệu ra thì không có vọng tưởng, không có tạp niệm, thân tâm thanh tịnh, tự nhiên khỏe mạnh.

Cả đời lão Hòa thượng Hải Hiền không phạm giới, thật sự thực hành được trì giới niệm Phật. Ngài sẵn sàng chịu khổ, có thể chịu đựng; Ngài đã hành trì viên mãn nhận nhục ba la mật trong lục độ. Cả đời Ngài lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy, không tranh với người, không cầu nơi đời. Không có người chăm sóc, Ngài tự chăm sóc chính mình. Tuy cuộc sống gian khổ, nhưng khi đối nhân tiếp vật, nét mặt Ngài luôn rạng rỡ, vui vẻ thân thiện. Sự hoan hỷ của Ngài là chân thật, là từ trong nội tâm sanh ra. Ở thế gian này chịu mọi gian khổ cũng có thể không khởi tâm động niệm, đây thật sự gọi là công phu.

Lão Hòa thượng Hải Hiền thật sự trì giới tinh nghiêm. Ngài không chấp vào tướng trì giới, nhưng tâm địa Ngài thanh tịnh bình đẳng, đó chính là giới thành tựu.

## **CHƯƠNG 22 - NGƯỜI KHAM NHẬN TỰ ĐƯỢC BÌNH AN**

Lục độ của Bồ tát, nói đơn giản là pháp môn có sáu hạnh, có thể đưa người từ bờ sanh tử khổ não bên này sang bờ Niết bàn an lạc bên kia. Sáu hạnh đó chính là: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát nhã. Bố thí có thể vượt khỏi tham lam keo kiệt, trì giới có thể vượt khỏi hủy phạm, nhẫn nhục có thể vượt khỏi sân hận, tinh tấn có thể vượt khỏi giải đãi, thiền định có thể vượt khỏi tán loạn, bát nhã có thể vượt khỏi ngu si. Không có tâm lượng bố thí thì không thể trì giới, trì giới là tiền phương tiện của nhẫn nhục; có định thì chắc chắn có khả năng nhường nhịn. Vì vậy, mối quan hệ của sáu hạnh này là hạnh sau bao gồm hạnh trước, hạnh trước không bao gồm hạnh sau, hạnh trước làm phương tiện cho hạnh sau.

Lão Hòa thượng Hải Hiền tu lục độ đều thể hiện đầy đủ viên mãn trong sinh hoạt hằng ngày, đáng tiếc là chúng ta thường không biết quan sát. Đối với cuộc sống của Ngài, chúng ta không nhận ra những phương pháp này, không nhận ra sự hoạt bát sống động của Phật pháp Đại thừa, cũng không nhận ra sự học tập và ứng dụng linh hoạt của lão Hòa thượng. Trước nay Ngài không nói ra, chỉ giữ đúng bốn phận – bốn phận thành thật, không rêu rao, không sinh sự. Nếu mỗi người chúng ta luôn bằng lòng để mọi người xem thường thì cả đời sẽ bình an vô sự.

Năm xưa, lúc lão Hòa thượng Hải Hiền sống trên núi, có một khoảng thời gian Ngài luôn bị một vài sư huynh đệ nói xấu, nhưng Ngài chẳng hề để tâm. Về sau, sư phụ gọi



Ngài lên phòng phương trượng hỏi Ngài có vụng trộm với nữ cư sĩ hay không. Đến lúc này, Hòa thượng Hải Hiền mới hiểu, thì ra có người vu cáo mình, các sư huynh đệ bàn tán xôn xao nên câu chuyện này đã truyền đến tai sư phụ.

Có người nói: “Đối tượng của Hải Hiền nhiều như một khu rừng”. Lời nói thật khó nghe. Chuyện đó càng truyền càng ly kỳ, thậm chí về sau còn có thêm thời gian và địa điểm. Vì vậy, Hòa thượng Hải Hiền bị bài xích, một số sư huynh đệ cũng không muốn gần gũi Ngài nữa. Nhưng trong lòng Ngài rất bình thản, không lên tiếng, cũng không biện luận. Mãi đến khi du học bên ngoài trở về, một sư huynh nghe đến việc này lập tức đứng ra thanh minh cho Ngài: Mấy hôm đó, hai huynh đệ cùng thu hoạch ngô trên sườn núi, có thôn dân dưới núi đến phụ giúp. Khoảng thời gian đó, sư huynh và Ngài luôn ở cùng nhau. Đến lúc này, lời ong tiếng ve mới chấm dứt.

“Nhất thiết pháp đắc thành ư nhẫn” (Tất cả pháp thành tựu đều do nhẫn), kham nhẫn mới thật sự đạt được lợi ích. Nhẫn nhục có hai loại: Một là khi được cung kính cúng dường, không sanh [tâm] kiêu ngạo phóng túng; khi bị sân giận đánh mắng, không khởi [tâm] oán hận. Hai là khi nóng lạnh, mưa gió, đói khát và não hại cũng có thể an nhẫn, không khởi [tâm] sân hận lo phiền.

Công phu nhẫn nhục của Hòa thượng Hải Hiền rất cao. Người khác hủy báng Ngài, ức hiếp Ngài, chướng ngại

Ngài, hãm hại Ngài nhưng trong tâm Ngài hết thấy đều không có gì. Hằng ngày, Ngài vẫn làm việc, niệm Phật như thường, Ngài rất vui vẻ, không có thời gian để tranh luận những việc này với người khác. Nhân quả của ai thì người ấy nhận lãnh, khởi ý ác đối với người khác, nếu họ không nhận thì ý ác này vẫn sẽ quay trở lại chính mình.

Hòa thượng Hải Hiền giống như người đang sống ở thế giới Cực Lạc vậy. Mỗi khi gặp chuyện, cách nghĩ, cách làm của Ngài hoàn toàn khác với chúng ta. Có lúc, chúng ta thấy sự việc đó rất lớn, nhưng đối với Ngài thì chẳng hề gì!

Nhiều năm trước, có lần, một thợ điện đến thu tiền điện của lão Hòa thượng theo thường lệ. Lão Hòa thượng thấy tiền điện quá cao nên hỏi anh ta: “Sao tiền điện tháng này cao hơn tháng trước nhiều như vậy?”. Thợ điện không nói lời nào liền tát lão Hòa thượng Hải Hiền hai cái, lão Hòa thượng không nói lời nào, liền lấy tiền điện ra trả cho thợ điện. Sau khi thợ điện đi rồi, những vị cư sĩ có mặt hết sức tức giận. Mọi người đều tỏ ra bất bình mà nói:

- Như vậy không được, chúng ta phải tìm anh ta nói cho ra lẽ mới được! Anh ta làm như vậy là vô lý!

Lão Hòa thượng ngăn mọi người lại nói:

- Bỏ đi bỏ đi! Anh ta đánh tôi thì xem như gãi ngứa cho tôi; nhổ nước bọt vào mặt thì xem như rửa mặt thôi mà. Không tranh luận cao thấp với người khác thì không phiền

não. Người xuất gia chúng ta nhất định phải độ lượng, khoan dung người khác, phải luôn ghi nhớ: Người kham nhẫn tự được bình an.

Làm người không thể không có lương tâm, người thu tiền điện này lấy tiền của người khác mà còn ức hiếp người khác. Anh ấy đã tạo tội nghiệp mà bản thân còn không biết. Nhưng ngược lại, lão Hòa thượng thấy rất rõ ràng, nhân thế nào thì quả như thế đó, báo như thế đó, nhân quả báo ứng chẳng sai mấy may.

Con người sống trên thế gian này, [nếu] có thể xoay chuyển cảnh giới thì được tự tại. Tật xấu của phàm phu chúng ta là nếu hoàn cảnh thuận lợi thì người qua lại đều là người tốt, bèn ưa thích, khởi tâm tham luyến. Tham luyến là phiền não, sanh phiền não thì không sanh trí huệ; nếu là nghịch cảnh, gặp phải người xấu, người ác, người ức hiếp quý vị thì sanh phiền não, có oán hận. Chúng ta bị cảnh giới xoay chuyển rồi. Hòa thượng Hải Hiền không bị cảnh giới xoay chuyển, mà Ngài có thể chuyển cảnh giới! Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nhược năng chuyển cảnh, tác đồng Như Lai” (Nếu có thể chuyển cảnh thì tương đồng với Như Lai), quý vị có thể không bị cảnh giới quấy nhiễu, không bị cảnh giới xoay chuyển thì quý vị và Như Lai chẳng hề khác biệt, vậy thì quý vị thành Phật rồi. Cho nên, chúng ta ở trong thuận cảnh, gặp thiện duyên, không nên sanh tâm tham luyến, phải dùng tâm bình thường đối

đãi; đối với nghịch cảnh, gặp ác duyên, không nên khởi tâm sân hận.

Tâm oán hận chiêu cảm hậu quả là oan oan tương báo. Thế gian này tất cả đều là giả, hà tất phải so đo? (Chữ “giả” ở đây, tuyệt đối không phải là giả trong ý nghĩa truyền thống. Đây là thuật ngữ trong Phật học. Giả nghĩa là hư vọng không thực, các pháp do nhân duyên hòa hợp mà có, huyễn sanh huyễn diệt, hư vọng mà không có thực thể. Chữ “giả” trong quyển sách này đều đồng nghĩa với chữ “giả” ở đây). Tha thứ cho người khác, không so đo tính toán với người khác là tu phước, những việc nhỏ như vậy đều là tích công lũy đức. Chịu thiệt là phước, phải có thể chịu thiệt, tuyệt đối không làm những việc chiếm lợi ích. Làm người cần phải hồ đồ, nhưng không phải hồ đồ thật, mà là hồ đồ giả, đây là sự hồ đồ hiếm có. Không so đo với người, cam tâm tình nguyện mắc lừa chịu thiệt, tuyệt đối không để trong tâm, người như vậy về sau sẽ có phước lớn!

Pháp sư Diên Cường – người bạn lâu năm của Hòa thượng Hải Hiền – nói: “Trong tâm Ngài cũng không chất chứa việc gì, cũng không sinh sự. Tôi đã nói, Hiền công chắc chắn là Phật Bồ tát ứng hóa đến thế gian đây! Suốt cuộc đời Ngài, tôi chưa từng nghe nói Ngài tranh cãi với người nào vì giành vật gì đó. Điểm này của lão Hòa thượng rất đáng ca ngợi, công phu nhẫn nhục thật tốt! Cả đời không có khoảng cách với bất kỳ ai, Ngài nói họ đều

là cha mẹ, anh em, thầy giáo nhiều đời nhiều kiếp của chính mình! Bất luận quý vị có tu hành hay không, đến chỗ của Hiền công thì tất cả đều tốt. Ngài không bàn tốt, cũng không nói xấu, đều khiến mọi người sanh tâm hoan hỷ. Hiền công ngày thường cũng không thích nói chuyện phiếm, đi đứng nằm ngồi đều niệm Di Đà, Ngài thật sự đạt đến trình độ đó rồi, Ngài quán sát vào bên trong, không nhìn ra bên ngoài”.

Tâm của lão Hòa thượng Hải Hiền thanh tịnh, không chút dăm nhiễm. Ngài có công phu nhẫn nại, không so đo tính toán với người khác. Lão Hòa thượng trụ thế 112 năm, xuất gia 92 năm, cả đời Ngài luôn hành Bồ tát đạo. Bất luận gặp phải khó khăn gì, uất ức ra sao, bị sỉ nhục như thế nào, Ngài đều có thể nhẫn nại, như không có việc gì, chẳng để trong tâm. Trong tâm của Ngài chỉ có một câu “A Di Đà Phật”, đây là chánh tri chánh kiến. [Những ai] có được phẩm hạnh như Ngài thì nhất định được thành tựu. Những uất ức và oan uổng mà Ngài đã chịu đều là tích lũy vô lượng công đức.

## **CHƯƠNG 23 - ÔN HÒA NHÂN HẬU**

Ôn, lương, cung, kiệm, nhượng là năm đức hạnh do nhà Nho khởi xướng: Ôn hòa, lương thiện, cung kính, tiết

kiệm, khiêm tốn. Học trò của Khổng tử nhìn thấy Khổng tử có đầy đủ năm đức trong cuộc sống hằng ngày: ôn, lương, cung, kiệm, nhượng. Khi suy ngẫm lại hành trạng cả đời của lão Hòa thượng, các đệ tử đã ca ngợi Ngài cũng đầy đủ viên mãn năm đức hạnh tốt đẹp này.

Đức hạnh tương ứng với tự tánh, nên pháp thế gian, pháp xuất thế gian đều không ngoại lệ. Quốc sư Hiền Thủ đời nhà Đường nêu ra bốn đức hạnh mà tất cả chư Phật Bồ tát đã thị hiện, đó chính là: “Tùy duyên diệu dụng vô phương đức, oai nghi trụ trì hữu tác đức, nhu hòa chất trực nhiếp sanh đức, phổ đại chúng sanh thọ khổ đức”. Bốn đức hạnh này còn viên mãn và sâu rộng hơn so với năm đức ở trên của Phu tử.

“Tùy duyên diệu dụng” là có thể tùy thuận tất cả chúng sanh. “Oai nghi trụ trì” chính là biểu hiện đạo đức, đi đứng nằm ngồi không mất oai nghi, làm được thập toàn thập mỹ. Đây là thân giáo, không phải ngôn giáo, trong đây đã bao gồm ôn lương cung kiệm nhượng. Thứ ba là “nhu hòa chất trực”. Đối với bất kỳ người nào thì gương mặt cũng tươi cười, dùng tâm hoan hỷ tiếp đãi mọi người, đây là nhu hòa; chất trực là chân tâm, tâm chân thành. Bên trong phải dùng chân tâm, bên ngoài phải nhu hòa, tiếp xúc với người khác như vậy thì có thể khiến họ sanh tâm hoan hỷ. Không ai thấy Hòa thượng Hải Hiền nổi giận, suốt đời Ngài không dùng tâm thái kiêu mạn để đối nhân tiếp vật, Ngài khiêm tốn, nhường nhịn, tuyệt vời vô cùng.

Đối với người bắt nạt Ngài, xúc phạm Ngài, Ngài sẽ tha thứ, Ngài không để trong tâm. Sống trên thế gian này, Ngài vất vả cực nhọc – “thay chúng sanh chịu khổ”, làm một tấm gương tốt.

Trong cuộc sống, Ngài đi đứng nằm ngồi, sinh hoạt, làm việc, đối nhân tiếp vật đều đầy đủ viên mãn bốn đức hạnh này. Mọi người tiếp xúc với Ngài đều cảm thấy rất dễ chịu, rất vui vẻ.

Mùa xuân năm 1992, một thanh niên mới bắt đầu đi làm nhìn thấy người cậu cầm máy niệm Phật màu đen đang nghe Phật hiệu “A Di Đà Phật”, anh rất hiếu kỳ, bèn hỏi cậu:

- Máy này cậu mua ở đâu vậy?

- Không phải mua, cậu thỉnh ở chỗ Hòa thượng Hải Hiền chùa Lai Phật.

Người thanh niên nghe rồi cũng muốn có một cái máy, thế là người cậu bèn dẫn anh đến chùa Lai Phật.

Lúc ấy, lão Hòa thượng ở trong một gian phòng lợp ngói rất thấp trong sân sau phía tây đại điện. Người thanh niên gặp lão Hòa thượng Hải Hiền lần đầu tiên ở đây, chỉ thấy một vị Hòa thượng dáng cao cao, gương mặt hiền từ, tuy nói không nhiều, nhưng làm cho người khác cảm giác rất thân thiết.

Sau khi hai người họ nói rõ mục đích đến của mình, lão Hòa thượng nghiêm túc suy nghĩ trong chốc lát, rồi cười

nói: “Hình như vẫn còn một máy, để tôi tìm thử xem”. Nói xong, Ngài lục lọi khắp nơi trong phòng và tìm được rồi.

Kỳ thực, chẳng qua là người thanh niên này muốn thỏa mãn tính hiếu kỳ của mình; còn máy niệm Phật đối với anh mà nói, thật sự là có hay không cũng không quan trọng. Nhưng lão Hòa thượng Hải Hiền lại nghiêm túc đến thế, Ngài đã tốn rất nhiều thời gian, cuối cùng mới tìm được một cái máy. Lão Hòa thượng hết sức chu đáo, Ngài lắp pin vào máy niệm Phật, thử xem có âm thanh không, rồi mới đưa máy niệm Phật tận tay người thanh niên này và dặn dò anh ấy về nhà phải nghe nhiều, niệm nhiều. Sau cùng, lão Hòa thượng còn kể cho anh ấy nghe một vài đạo lý Phật pháp và lợi ích của việc niệm Phật.

Người thanh niên một mặt nghe, một mặt đã hoàn toàn quên hết những lời nói của lão Hòa thượng Hải Hiền, anh ấy chỉ cảm thấy lão Hòa thượng vô cùng thân thiết. Gương mặt hiền từ, ngữ điệu thân thiết của lão Hòa thượng Hải Hiền mãi luôn khắc sâu trong tâm trí của người thanh niên này.

Hiền từ, thân thiết, điềm đạm, dạy mọi người niệm Phật, dường như đây là ấn tượng đầu tiên của rất nhiều người đối với lão Hòa thượng Hải Hiền.

Một ngày vào năm 1988, một cô gái trẻ cùng vài người bạn đến chùa Lai Phật. Lúc đó, cô ấy không hiểu biết và cũng không có hứng thú với Phật pháp. Cô ấy chỉ muốn



xem thử một cách sống khác nên giấu lãnh đạo và đồng nghiệp, âm thầm đến chùa Lai Phật thấp nhang.

Lúc cô đến chùa, Hòa thượng Hải Hiền mặc một chiếc áo ngắn rất cũ đang làm việc đồng áng, gương mặt hiền từ, vui vẻ dễ gần. Lão Hòa thượng vừa làm việc, vừa nói chuyện với mọi người. Ngài khuyên mọi người phải chăm chỉ niệm Phật như thường lệ, còn nói rất nhiều lợi ích của việc niệm Phật. Cô gái trẻ nhìn lão Hòa thượng, cảm giác như nhìn thấy ông nội của mình vậy.

Cũng như nhiều người khác, tâm của cô gái trẻ rất nông nổi, cơ bản là không để vào tai những lời của Hòa thượng Hải Hiền. Cô ấy thậm chí nghĩ: Niệm Phật là việc của người già, việc đó rất xa vời với người trẻ tuổi chúng con.

Cũng giống như người thanh niên tìm lão Hòa thượng thỉnh máy niệm Phật vậy, sau nhiều năm, cô ấy vẫn nhớ rất rõ cảnh tượng lần đầu tiên gặp lão Hòa thượng Hải Hiền.

Về sau, không đợi đến tuổi già, cô đã quy y cửa Phật. 20 năm sau, mùa hè năm 2007, vị nữ cư sĩ này cùng ba người bạn khác đến chùa Lai Phật, đây là lần thứ hai cô đến thăm lão Hòa thượng Hải Hiền. Họ đến chùa, chỉ nhìn thấy cổng lớn đang mở, trong chùa lại vắng không một bóng người. Họ kiên nhẫn đợi rất lâu, cuối cùng cũng đợi được lão Hòa thượng về. Thì ra, Ngài luôn làm việc một mình ngoài đồng ruộng! Lão Hòa thượng nói với họ, hiện

tại chỉ một mình Ngài ở chùa, “việc đồng áng đến, không làm cũng không được, việc đồng áng không đợi người”.

Trong lòng họ đều cảm thấy nặng trĩu! Lão Hòa thượng hơn 100 tuổi rồi vẫn kiên trì ở đây một mình, còn làm nhiều mẫu ruộng như vậy! Ngay cả một người bên cạnh chăm sóc Ngài cũng không có. Trời nóng như thế, đã trưa rồi nhưng Ngài vẫn làm việc ngoài đồng ruộng, trở về còn phải tự mình nấu cơm, giặt quần áo, ngay cả một người thanh niên cũng không chịu nổi! Họ đều nói:

- Ngài hơn 100 tuổi rồi, hằng ngày vẫn vất vả chịu khó làm việc như vậy, cuối cùng mưu cầu điều gì chứ? Với phẩm hạnh của Ngài, hoàn toàn có thể đến đạo tràng có điều kiện tốt để an hưởng tuổi già!

Lão Hòa thượng nhẹ nhàng nói rằng:

- Nếu người xuất gia không giữ được đạo tràng, ngay cả chùa của mình mà cũng vứt bỏ, thế thì còn tu hành gì nữa? Quý vị để người ta nói đến có dễ nghe hay không?

Mấy người họ nghe xong chợt khởi tâm cung kính, nể phục lão Hòa thượng.

Mùa đông năm sau, vào một hôm trời rất lạnh, một mình lão Hòa thượng làm việc trước cổng chùa Thiên Phật. Lúc này, một cư sĩ mà Ngài mới gặp mặt hai lần đang đi xe đạp đến. Lão Hòa thượng có thị lực tốt, trí nhớ cũng rất tốt, nên vừa nhìn thấy cô ấy liền tươi cười chào

hỏi: “A Di Đà Phật, con về rồi à! Ngoài đường lạnh lắm, mau vào nhà đi!”.

Bất luận nhìn thấy người quen hay người lạ, lão Hòa thượng cũng chào hỏi trước: “A Di Đà Phật, về rồi à!”. Ngài chưa từng ra về ta đây, làm cho tín chúng đến đạo tràng đều cảm thấy ấm áp như về đến nhà của mình vậy.

Về sau, nữ cư sĩ này ở chùa Thiên Phật niệm Phật một thời gian. Khoảng thời gian đó, đúng lúc lão Hòa thượng cũng ở chùa Thiên Phật nên cô ấy được tiếp xúc với Ngài nhiều hơn. Trong mắt của cô, lão Hòa thượng luôn là người rất bình dị, dễ gần, hiền từ, vui vẻ và tiết kiệm.

Sau tết Trung Thu năm 2012, chùa Lai Phật – ngôi chùa nhỏ yên tĩnh này – bỗng chốc tụ hội mười vị cư sĩ đến từ các nơi như Nam Dương, Lạc Dương, Trú Mã Điếm, Giang Tô và Thiểm Tây, v.v... Lúc bấy giờ, chùa chưa được nhiều người biết đến, cho nên ngày thường rất ít người đến viếng. Pháp sư Ấn Chí rất vui mừng, bèn nói với mọi người: “Mọi người từ nhiều nơi tập hợp tại chùa Lai Phật cũng không biết là duyên bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp, cho nên tôi đề nghị mọi người cùng nhau tu Phật thật có được không?”. Mọi người đều nhất trí tán thành.

Trong đó có một đôi vợ chồng còn dắt theo con trai 5 tuổi đến, đứa trẻ rất tinh nghịch. Khi các vị cư sĩ niệm Phật, lão Hòa thượng ở trong liêu phòng vừa xâu chuỗi hạt bo bo, vừa chăm nom đứa trẻ này. Bình thường lão Hòa

thượng không dễ gì mới xâu được một chuỗi hạt, nhưng lại bị đứa trẻ này nắm kéo xuống đất, làm hạt chuỗi lăn khắp mặt đất. Lão Hòa thượng không chút nóng giận, Ngài nhặt lại từng hạt một rồi xâu lại từ đầu.

Hòa thượng Hải Hiền tính tình ôn hòa, cả đời kính cẩn mọi người. Không ai thấy Ngài nổi giận, cũng không bao giờ thấy Ngài chê bai, xem thường bất kỳ người nào. Cả đời Hòa thượng Hải Hiền chưa từng vọng ngữ, không những chưa từng nói, mà ngay cả ngữ khí đó cũng chưa từng xuất hiện. Vì thế, bất luận là nam nữ già trẻ, tại gia hay xuất gia, những người gần gũi Hòa thượng Hải Hiền đều sanh tâm hoan hỷ. Ngài đã khuyên bảo các đệ tử rất nhiều lần: “Thà ăn mặn niệm Phật, không được ăn chay mà mắng người”.

Quốc sư Hiền Thủ nói: Đối nhân phải “nhu hòa chất trực”, chất trực chính là chân tâm, đối với mọi người không dùng vọng tâm mà dùng chân tâm. Nhu hòa là biểu hiện của sự từ bi, có lòng yêu thương người khác thì nhất định sẽ nghĩ cho người khác nhiều hơn, phê bình người khác ít lại. Phê bình người khác thì rất dễ kết oán thù với họ. Người nói vô tâm nhưng người nghe để ý, kết oán thù rồi thì rất khó hóa giải, cho nên nhất định phải cẩn thận dè dặt. Trong chùa đều đặt tượng Di Lạc Bồ tát (Hòa thượng Bồ Đại) ở ngay cổng chính, khiến mọi người vừa bước vào sẽ nhìn thấy một tấm gương đáng để học tập, học Ngài tươi cười đón khách, học tấm lòng từ bi của Ngài.

“Ăn chay mắng người” là chỉ người ăn chay trường mà mắng người khác, đối xử không tốt với người khác. Cả đời Hòa thượng Hải Hiền không xem thường bất kỳ ai, không dùng thái độ không tốt để đối đãi với bất kỳ người nào. Ngài thấy ai cũng hoan hỷ, biểu lộ sự từ bi chân thành từ tận đáy lòng. Bất luận đối với người tốt hay người xấu, Ngài đều cười tít mắt. Trong tâm Ngài không phân biệt người này tốt, người kia xấu, cũng không có thích người này, ghét người nọ, Ngài luôn [đối đãi] bình đẳng nên mọi người đều thích gần gũi Ngài. Ngài rất hiền hòa, lại luôn dùng phương tiện thiện xảo để thỏa mãn yêu cầu của người khác, làm cho mọi người sanh khởi tâm hoan hỷ.

Hòa thượng Hải Hiền đối với tất cả người, việc và vật đều không hề có chút ác ý. Quý vị xúc phạm Ngài, Ngài xem như không có gì, không để trong tâm. Quý vị nói sai, làm sai trước mặt Ngài, Ngài cũng không quở trách. Biết nguyên nhân quý vị làm việc không đúng, Ngài sẽ chỉ dạy quý vị [cách làm tốt hơn], không trách quý vị.

Đầu mùa xuân năm 2012, ở niệm Phật đường Nghĩa Ô – thành phố Nam Dương, một cư sĩ nhiệt tình, ăn nói thẳng thắn, mô tả bản thân là kiểu người “đầu óc đơn giản, nghĩ thế nào thì nói thế đó”, lần đầu tiên anh ấy gặp lão Hòa thượng. Tuy biết mình có những tật xấu này, nhưng hôm đó, lúc anh ấy nói chuyện vẫn là nghĩ sao thì nói vậy. Điều lão Hòa thượng không thích nhất là chỉ trích, phê bình người khác, lần này Ngài vừa gặp mặt liền khuyên

anh ấy rằng: “Quản tốt cái miệng của con đi, đừng ăn nói lung tung!”.

Anh ấy nghe xong câu này, thâm nghĩ: Lão Hòa thượng thấy lỗi lầm của mình thì lập tức chỉ ra cho mình, Ngài thật sự đối đãi với mình như con của Ngài vậy. Nghĩ đến điều này, bất chợt trong lòng tràn đầy sự cảm kích biết ơn đối với lão Hòa thượng.

Khi ở cùng lão Hòa thượng, anh cảm thấy mình thật sự giống như một đứa trẻ. Anh ấy luôn thích tinh nghịch trước mặt lão Hòa thượng, luôn hỏi đi hỏi lại lão Hòa thượng:

- Ngài đã thấy A Di Đà Phật chưa? Phật có nói với Ngài điều gì không?

Lần nào lão Hòa thượng trả lời cũng giống như đùa với anh ấy vậy:

- Lão Phật Gia không cho nói!

Vị cư sĩ này vô cùng kính yêu lão Hòa thượng Hải Hiền. Sau khi lão Hòa thượng vãng sanh, anh ấy nhớ kỹ lại những khoảnh khắc ở cùng với lão Hòa thượng, hầu như lão Hòa thượng chưa bao giờ nói điều gì huyền diệu với anh ấy, mà chỉ dạy anh phải niệm Phật. Cuối cùng anh ấy đã hiểu rõ: Từ đầu đến cuối, lão Hòa thượng liên tục dạy anh ấy phải thành thật, chăm chỉ niệm Phật.

Tại sao Hòa thượng Hải Hiền có thể thường xuyên thấy được thế giới Cực Lạc, thường xuyên thấy được A Di Đà Phật? Vì trong tâm Ngài không có tạp niệm, Ngài đã buông tất cả người, việc và vật của thế gian này từ lâu rồi, cho nên được đại tự tại trong tùy duyên. Bên trong tùy duyên lưu lộ ra trí huệ, Ngài không có phiền não.

Cả đời lão Hòa thượng Hải Hiền đều dùng chân tâm. Trong cuộc sống hằng ngày, Ngài dùng chân tâm để đối nhân tiếp vật. Chân tâm là tâm chân thành mà chính mình vốn sẵn có, trong chân tâm không có chút hư ngụy, không có chút dối gạt nào, không gạt mình cũng không gạt người. Lúc mới sanh ra, đứa trẻ hoàn toàn dùng chân tâm, cho nên ai cũng đã từng dùng chân tâm, thật đáng tiếc là chân tâm đã bị môi trường làm ô nhiễm rồi. Sau khi ô nhiễm thì không thể quay đầu được nữa, mà dùng mãi cho đến lúc già chết. Không dùng chân tâm thì dùng vọng tâm, niệm niệm của vọng tâm đều tạo nhân luân hồi, nên sau khi chết phải luân hồi trong lục đạo, vĩnh viễn không ra khỏi. Đây là việc vô cùng bi thảm.

Từ sáng đến tối, tất cả người, việc, vật mà lão Hòa thượng nhìn thấy, không có gì khiến Ngài chán ghét, không có gì khiến Ngài không hoan hỷ cả. Ngài luôn hòa hợp thân thiện, nét mặt tươi cười đối với tất cả người, việc và vật. Ngài hằng thuận chúng sanh, trước nay chưa từng nói: “Tôi muốn.....”.

Đôi nhân xử thế ở thế gian, cứ tùy thuận theo đó là tốt, như vậy có thể làm cho mọi người sanh tâm hoan hỷ. Vậy bản thân có được lợi ích trong đó không? Có lúc có, có lúc hoàn toàn không có, nhưng bất luận là có hay không thì cũng luôn hoan hỷ.

Mỗi lần cư sĩ hộ pháp sắp xếp cho lão Hòa thượng tham gia hoạt động gì, Ngài chưa từng khước từ. Ngài không nghĩ đến bản thân, chỉ nghĩ đến việc khiến chúng sanh sanh tâm hoan hỷ. Nếu tham gia pháp hội phóng sanh quy mô lớn, lão Hòa thượng bao giờ cũng chuẩn bị trước Tăng phục và pháp khí, ăn mặc rất sạch sẽ gọn gàng, đến pháp hội sớm. Bất luận thời gian phóng sanh kéo dài bao lâu, lão Hòa thượng lúc nào cũng vui tươi mà lại không mất đi vẻ trang trọng và oai nghi.

Trong đoàn người, lúc có người cúi chào hoặc cúng dường, nét mặt lão Hòa thượng bao giờ cũng hiền từ, hòa nhã thân thiện, khiến mỗi vị cư sĩ đều cảm thấy ấm áp và hạnh phúc vô cùng. Tất cả số tiền mọi người cúng dường, Ngài luôn để lại cho chùa hoặc Phật đường đã thỉnh Ngài để làm kinh phí phóng sanh hoặc ấn tống kinh sách. Lúc phóng sanh chim, lão Hòa thượng sẽ tự tay mở lồng chim, dùng ánh mắt tràn đầy từ bi nhìn từng chú chim nhỏ bay về rừng cây, bay lên trời xanh. Lúc này, trên gương mặt đầy những nếp nhăn của Ngài dạt dào nét hiền hòa và đôn hậu! Gương mặt hiền hòa và lòng từ bi của Ngài luôn có thể khiến cho những người đang có mặt cảm động.



Hoạt động phóng sanh thường kéo dài từ sáng sớm đến một hai giờ chiều. Người trẻ cũng có thể cảm thấy hơi mệt, nhưng tinh thần của lão Hòa thượng hơn trăm tuổi lại luôn sung mãn, không nhận ra Ngài có chút phiền chán và mệt mỏi gì.

Một số người gặp được lão Hòa thượng đều muốn chụp hình riêng với Ngài, lão Hòa thượng trước nay chưa từng từ chối, ngược lại còn chủ động phối hợp, cố gắng hết sức thỏa mãn ý muốn của đại chúng. Từ đầu chí cuối, Ngài vẫn giữ nguyên nét mặt tươi cười, không ngại phiền phức chụp hình lưu niệm chung với từng nhóm cư sĩ, hoặc chụp riêng với một người, hoặc chụp với nhiều người, hoặc chụp ảnh gia đình, Ngài có lòng nhẫn nại, không sợ mỏi mệt. Mọi người đều rất thích Ngài.

Liên tục vài tiếng đồng hồ, Ngài không nghỉ ngơi, đừng nói là người hơn trăm tuổi, mà ngay cả người trẻ tuổi cũng không chịu nổi. Một lần, hoạt động kết thúc, vị cư sĩ Nam Dương ăn nói thẳng thắn kia lái xe đưa lão Hòa thượng về niệm Phật đường. Lúc xuống xe, lão Hòa thượng nói với anh ấy một cách e ngại:

- Đã làm xe của con ứt hết rồi... Cư sĩ hỏi Ngài:

- Làm sao ạ?

Ngài nói:

- Tiểu ra quần rồi...

Thì ra, hiện trường hoạt động không có nhà vệ sinh, sau hoạt động thì mọi người dồn dập đến chụp ảnh chung với lão Hòa Thượng. Để thỏa mãn ý muốn của đại chúng, lão Hòa thượng cố nhịn. Cư sĩ liền cảm thấy xấu hổ và áy náy vô cùng, nước mắt bất chợt chảy ra: Chúng con thật sự chưa từng để tâm thông cảm cho Sư ông trên trăm tuổi!

Lão Hòa thượng Hải Hiền không chỉ tùy thuận người thế gian trong khi đối nhân xử thế, mà Ngài thật sự là một người hết sức thấu tình đạt lý.

Năm 12 tuổi, cha của Hòa thượng Hải Hiền qua đời. Ngài muốn giảm bớt áp lực cho mẹ nên ra ngoài ăn xin 3 tháng. Lòng hiếu thảo của Ngài đã cảm động ông chủ tiệm cơm, ông thuê Ngài vào làm việc. Từ năm 13 tuổi đến 18 tuổi, trong 5 năm này, Ngài liên tục làm công ở tiệm cơm đó. Ông chủ luôn chiêu cố cả nhà Ngài, cho nên Ngài rất biết ơn ông, không bao giờ quên. Tuy đã xuất gia, nhưng mỗi lần về quê, Ngài vẫn luôn nhớ đến thăm ông chủ lúc xưa.

Mùa thu năm 1938, Hòa thượng Hải Hiền trở về quê nhà giải quyết công việc. Lúc đó, con rể của ông chủ đang học ở Nam Dương, anh ấy cần người nhà gửi một số quần áo mùa đông và đồ dùng sinh hoạt. Nhưng nhà ông chủ có việc không thể rời khỏi, thế là ông nhờ Hòa thượng Hải Hiền mang giúp quần áo và đồ dùng đưa đến Nam Dương. Ngày đến Nam Dương, Hòa thượng Hải Hiền gặp phải quân Nhật điều động 40 phi cơ oanh tạc thành phố Nam

Dương. Ngài không sợ, ngồi dưới một góc tường chuyên tâm niệm “Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát”. Bảy giờ, bảy chiếc phi cơ lượn vòng trên đỉnh đầu Ngài, thay phiên nhau ném bom xuống, tình hình rất nguy hiểm, nhưng Hòa thượng Hải Hiền không chút thương tích. Trong kinh nói: “Thế gian thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu cấp nạn khủng bố, dẫn tự quy mạng Quán Thế Âm Bồ tát, vô bất đắc giải thoát giả” (Thiện nam tử, thiện nữ nhân trên thế gian, nếu có ách nạn nguy cấp, sợ hãi, chỉ cần tự quy mạng Quán Thế Âm Bồ tát thì không ai không thoát được ách nạn). Cả đời lão Hòa thượng Hải Hiền, đã nhiều lần ấn chứng cho bi nguyện của Bồ tát là chân thật không hư vọng.

Đầu thu năm 2008, Trương lão thái thái 88 tuổi đến chùa Lai Phật thăm lão Hòa thượng Hải Hiền. Trương lão thái thái ở trong chùa hai ba tháng, vì mắc bệnh tiểu đường nên mỗi ngày bà phải ăn bảy tám bữa, lão Hòa thượng đặc biệt sắp xếp Pháp sư Ân Vinh chuyên chăm lo cho đời sống hằng ngày của bà.

Cha của Trương lão thái thái lớn hơn lão Hòa thượng hai tuổi, là bạn chơi chung lúc nhỏ với lão Hòa thượng. Trương lão thái thái ra đời vào năm lão Hòa thượng Hải Hiền xuất gia. Hai thế hệ cha con nhà này luôn duy trì mối liên hệ với lão Hòa thượng. Pháp sư Ân Vinh chỉ cảm thấy đặc biệt rung động mà nói: “Hoa chẳng giữ được trăm ngày thắm tươi, người không thể ngàn ngày đều tốt”, vậy

mà bạn bè của lão Hòa thượng một khi kết giao thì đâu chỉ là một thế hệ chứ!

## CHƯƠNG 24 - KHIÊM TỐN CUNG KÍNH

Lão Hòa thượng Hải Hiền nhìn thế gian này điều gì cũng tốt: thuận cảnh tốt, nghịch cảnh cũng tốt; thiện duyên tốt, ác duyên cũng tốt; không có gì là không tốt, tất cả đều tốt. Ngài đã từng nói với các đệ tử: “Trong mắt của ta thì tất cả đều tốt, không có gì là không tốt. Thấy gì cũng nói tốt, thấy gì cũng vui vẻ thì trong tâm mới luôn được pháp hỷ sung mãn, trong tâm mới có thể thanh tịnh, không phiền não, không oán hờn người khác. Không phân biệt cái này tốt cái kia xấu, cũng không có món này ngon, món kia không ngon, tất cả đều tùy duyên thì tâm liền được an định”.

Ngài đối với tất cả người, việc và vật đều không có tâm phân biệt, không có tâm chấp trước, trong tâm tường tận thấu suốt, biết được tất cả đều do tự tánh biến hiện, có gì không tốt chứ? Trong Kinh Hoa Nghiêm có dạy: “Nhất thiết chúng sanh bản lai thị Phật” (Tất cả chúng sanh vốn là Phật), “nhất thiết chúng sanh giai hữu Như Lai trí huệ đức tướng” (tất cả chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng của Như Lai). Như vậy thì càng không thể khinh khi, xem

thường người khác được. Vì vậy, trong cuộc sống, mỗi người đều phải nuôi dưỡng đức tính khiêm tốn của mình, không kiêu căng, luôn tôn kính mọi người, hoan hỷ đối với mọi người thì tâm thanh tịnh bình đẳng mới có thể hiện tiền.

Cả đời lão Hòa thượng không chê bai, phê bình người nào. Kinh Vô Lượng Thọ dạy: “Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cư tha quá” (Khéo giữ khẩu nghiệp, không chê bai lỗi người), lão Hòa thượng Hải Hiền đã làm được rồi. Cả đời Ngài không nói lỗi của người khác, không xem thường ai, đối với mọi người đều chân thành, cung kính (trong cung kính có khiêm tốn). Đây là lời Phật dạy, bản thân lão Hòa thượng Hải Hiền thầy đều [hành trì] đầy đủ.

Người Trung Quốc nói về “lễ”, điều quan trọng nhất của lễ chính là oai nghi. Khúc Lễ có nói: “Vô bất kính, nghiêm nhược tư, an định từ, an dân tai”. Những câu trong Lễ Ký – Khúc Lễ đã nói lên hết tinh thần của lễ rồi. “Vô bất kính” cùng nghĩa với điều thứ nhất trong thập đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ tát là “lễ kính chư Phật”, câu đầu tiên đều nói trước hết phải cung kính tất cả. Từ đó biết được, giáo dục của pháp thế gian và xuất thế gian đều lấy lễ kính làm căn bản làm người. Lão Hòa thượng nhìn thấy gì cũng tốt, thấy gì cũng vui vẻ, đúng thật là “vô bất kính”. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy mười nghiệp thiện bao gồm thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp; “vô bất kính” là ý nghiệp. Trong tâm có “hiếu kính”, luôn giữ tâm cung

kính đối với người, việc và vật, không dám có chút ngạo mạn. Vì sao phải cung kính? Bởi vì cả vũ trụ với chính mình là một thể. Tất cả pháp là do tự tánh sanh ra, tự tánh là chân tâm, là lý thể; hay nói cách khác, tất cả pháp với chính mình là một thể.

“Nghiêm nhược tư” là thân nghiệp, giống như bản thân rất chuyên tâm suy nghĩ về một vấn đề trọng đại vậy, thái độ rất nghiêm túc, đây có nghĩa là thân phải đoan chánh, trang nghiêm.

Nói chuyện phải “an định từ”, lời nói khẳng định, nhẹ nhàng, đây là khẩu nghiệp. Đối với lời nói của chúng ta, Phật thường dạy chúng ta phải “không nói dối, không nói lời ly gián, không nói lời thù dật, không nói lời thô ác”, đây chính là an định từ.

Làm được ba điều trên rồi, hiệu quả chính là “an dân tai”, gia đình an hòa, xã hội an định, thiên hạ thái bình. Mọi người đều có thể làm được những điều này.

Tiếp theo, trong Lễ Ký nói: “Ngạo bất khả trưởng, dục bất khả túc, chí bất khả mãn, lạc bất khả cực” (Không được tăng trưởng ngạo mạn, không được phóng túng theo dục vọng, không được tự mãn với chí hướng của mình, không được hưởng lạc quá độ), nếu không thì sẽ trái ngược với tâm cung kính. Nếu có tâm cung kính thì mọi người tự nhiên sẽ khiêm tốn, tự nhiên có thể buông bỏ dục vọng. Chỉ khi tương ứng với tâm thanh tịnh, tương ứng

với đạo đức thì mọi người mới có thể thực tiễn hiếu kính, mới có thể nảy sinh tác dụng.

Một năm trước khi vãng sanh, khi nói đến chủ đề làm trụ trì, lão Hòa thượng nói với một vị cư sĩ: “Tôi không biết chữ, sao làm trụ trì được? ... Bây giờ tôi chỉ niệm Phật của tôi”. Thời đại này của chúng ta, Phật pháp đã suy rồi, một ngôi chùa nhỏ mà vẫn có người tranh làm trụ trì, tranh làm người quản lý. Lão Hòa thượng Hải Hiền khiêm tốn, không xem mình là trụ trì.

Người cung kính người khác là người có phước, người khiêm tốn là người có phước. Trong 64 quẻ của Kinh Dịch, mỗi một quẻ đều có hung có cát, trong tốt có xấu, trong xấu có tốt, chỉ có một quẻ có cát không có hung, sáu hào đều cát. Quẻ này gọi là quẻ Khiêm. Học giả Kinh Dịch giải quẻ này: Người được quẻ này, cát tường thuận lợi bình an, vạn sự đều có thể đạt được; người khiêm tốn nhường nhịn thì có tiền đồ lớn.

Quẻ tượng của quẻ Khiêm là “địa sơn khiêm”, phía trên là đất, phía dưới là núi, núi ở dưới đất, nội cao ngoại ti, ở trên cao mà không kiêu căng, đây là ý nghĩa của khiêm. Vì vậy cho dù chúng ta có trí cao, đức cao, hạnh cao, nhưng đối với tất cả người, việc và vật nên biểu hiện sự khiêm tốn, không có gì bằng người khác. Áp dụng đạo lý này vào cuộc sống, đối đãi với bất kỳ ai, cho dù người ngu ngốc nhất, người nghiệp chướng sâu dày nhất, chúng ta cũng nên khiêm tốn cung kính. Lão Hòa thượng Hải

Hiền đầy đủ sự khiêm tốn, cung kính, chân thành, thanh tịnh là phước đức; thành thật, nghe lời, thật làm là thiện căn của Ngài; sự phụ truyền dạy cho Ngài một câu Phật hiệu là duyên. Người đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên như vậy, sao có thể không thành tựu!

Khi giảng kinh, Pháp sư Tịnh Không nói, theo phán đoán của Ngài, lão Hòa thượng Hải Hiền xuất gia năm 20 tuổi, niệm Phật ba năm thì có thể đạt được công phu thành thiền. Đạt được công phu thành thiền, chắc chắn có thể vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhất định thấy Phật. Đây là mục tiêu của người học Tịnh tông. Nếu như lúc này vẫn còn thọ mạng, bản thân không cần nữa, Ngài khẩn cầu Phật tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc thì cũng không thành vấn đề. Nếu như niệm thêm ba năm nữa thì Ngài nhất định được sự nhất tâm bất loạn; thêm ba đến năm năm nữa, Ngài có thể đạt đến lý nhất tâm bất loạn, đây là cảnh giới cao nhất rồi. Vì vậy, Pháp sư Tịnh Không suy đoán: Cảnh giới lão Hòa thượng Hải Hiền chứng đắc là cùng cảnh giới đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh mà Thiền tông thường nói. Thời gian Ngài chứng đắc chắc hẳn là khoảng 40 tuổi. Chứng được địa vị này, vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, Ngài sẽ vãng sanh đến Thật Báo độ, cũng tức là thượng phẩm thượng sanh trong ba bậc chín phẩm. Đây là thành tựu lớn, không thể nghĩ bàn!



## CHƯƠNG 25 - TÔI CHƯA TỪNG HỌC BẤT CỨ ĐIỀU GÌ, CHỈ NIỆM A DI ĐÀ PHẬT

Hòa thượng Hải Hiền xuất gia năm 20 tuổi. Sư phụ Ngài là người rất giỏi, sư phụ biết người đệ tử này thật thà, nghe lời, thật làm, cho nên dạy cho Ngài một câu “A Di Đà Phật”, nói với Ngài phải niệm liên tục, Ngài thật sự đã niệm suốt 92 năm.

Có người từng hỏi Hòa thượng Hải Hiền:

- Ngài xuống tóc xuất gia rồi, sư phụ dạy gì cho Ngài vậy? Chỉ dạy Ngài niệm “A Di Đà Phật” phải không ạ?

Hòa thượng Hải Hiền nhẹ nhàng trả lời:

- Chỉ dạy niệm Phật. Cư sĩ lại hỏi:

- Ngài đã từng giảng kinh chưa?

- Tôi giảng kinh chưa à? Tôi chưa từng giảng kinh. Tôi chưa học qua bất cứ điều gì, chỉ niệm “A Di Đà Phật”. Tôi chưa đi học ngày nào, không biết đến một chữ. Sau khi lên núi thế độ, sư phụ dạy tôi chỉ cần niệm “A Di Đà Phật”, nói với tôi hiểu rõ rồi thì không được nói lung tung, không được khua tay múa chân.

Sư phụ Ngài nói “hiểu rõ rồi” chính là chỉ khai ngộ. Vì sao sư phụ nhắc nhở Ngài, sau khi hiểu rõ rồi thì không được nói lung tung? Thời khắc nhân duyên không giống nhau. Nếu lão Hòa thượng ở trong thời đại của Thích Ca

Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật nhất định cử Ngài đi giảng kinh dạy học. Năm xưa, các vị đại đệ tử của đức Phật đạt được lý nhất tâm bất loạn, trong một năm có chín tháng phải thay Phật ra ngoài thuyết Pháp. Nếu lão Hòa thượng sinh vào đời nhà Đường của Lục Tổ, có lẽ cũng phải né tránh sự đổ kỵ chướng ngại như Lục Tổ vậy. Đại sư Huệ Năng 24 tuổi đã làm Tổ sư, mọi người không phục, Đại sư chỉ còn cách trốn trong đội thợ săn 15 năm. Vì vậy, thời khắc nhân duyên không giống nhau.

Những lời dặn dò của sư phụ, Hòa thượng Hải Hiền đã làm được rồi. Sự biểu pháp này là Ngài làm cho người thời nay xem. Nếu sau khi khai ngộ mà nói cho người khác biết thì mọi người sẽ nói quý vị ăn nói lung tung, nói lời mê hoặc đại chúng, cho nên lão Hòa thượng Truyền Giới bảo Ngài “không được nói”, chỉ cần thành thật làm tốt việc của chính mình là được rồi.

Vì vậy, khi mọi người hỏi lão Hòa thượng niệm Phật có cảnh giới gì, lão Hòa thượng cười mà không trả lời. Thật ra biểu hiện của Ngài đã trả lời rồi.

Lần trò chuyện này là hơn 4 tháng trước khi lão Hòa thượng Hải Hiền vãng sanh, các cư sĩ ở niệm Phật đường Nghĩa Ô rất nghiêm túc chuẩn bị mấy câu hỏi để thỉnh giáo lão Hòa thượng.

Lão Hòa thượng Hải Hiền nói với họ:

- Bây giờ tôi đã hơn trăm tuổi rồi, phải vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, Lão Phật Gia là cội nguồn của lão Hòa thượng tôi! Tôi đã khẩn cầu Lão Phật Gia mấy lần, muốn đi theo Lão Phật Gia nhưng Lão Phật Gia không bảo tôi theo. Lão Phật Gia nói tôi tu rất tốt, kêu tôi sống thêm hai năm, làm tấm gương cho mọi người xem, Lão Phật Gia bảo tôi ở thế gian biểu pháp.

“Lão Phật Gia” mà Ngài nói chính là A Di Đà Phật. Trong suốt cuộc đời của mình, lão Hòa thượng Hải Hiền trải qua rất nhiều chuyện; nhưng trong bất kỳ tình huống nào, Ngài cũng không bị quấy nhiễu, không bị ảnh hưởng, một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Dùng câu nói của Pháp sư Diên Cường – người bạn lâu năm của Ngài – chính là: “Chỉ một câu ‘A Di Đà Phật’, niệm cả đời không thay đổi!”. Thời kỳ Cách mạng Văn hóa không cho niệm Phật, không sao cả, Ngài niệm thầm trong tâm, không lên tiếng. Buổi tối khi mọi người đang ngủ, Ngài thức dậy lay Phật. Ngài niệm niệm không quên Tam Bảo, niệm niệm không rời Tam Bảo.

Khi bắt đầu Cách mạng Văn hóa, người xuất gia đều bị yêu cầu hoàn tục về nhà, nhưng Hòa thượng Hải Hiền nói: “Tôi không có nhà, tôi không về nhà”. Sau đó Ngài bị sắp xếp làm đội trưởng đội sản xuất.

Cư sĩ Lưu hỏi Hòa thượng Hải Hiền:

- Ngài làm đội trưởng đội sản xuất bao nhiêu năm, Ngài có niệm Phật không?

Lão Hòa thượng Hải Hiền nhẹ nhàng trả lời:

- Thời đó, người ta đề quý vị niệm Phật sao? Người ta không cho niệm đâu! Bởi vì sao? Đề là “quần chúng”, quý vị dám niệm Phật à?

Cư sĩ Lưu tiếp tục hỏi:

- Không cho niệm thì niệm trong tâm? Lão Hòa thượng mỉm cười trả lời:

- Niệm trong tâm, sau khi thả bò trên đỉnh núi thì ngồi trên tảng đá niệm Phật.

Pháp sư Diên Cường nói năm xưa khi lão Hòa thượng ở trên núi, ban ngày làm việc mệt đến nổi hoa mắt chóng mặt, nhưng buổi tối vẫn niệm Phật, lạy Phật cả đêm. Ngài tán thán công phu niệm Phật của lão Hòa thượng, nói lão Hòa thượng “đi đứng nằm ngồi đều niệm Di Đà, Ngài đã đạt được trình độ này rồi”!

Lão Hòa thượng Hải Hiền tuân thủ giáo giới của Hòa thượng Truyền Giới, trọn đời thọ trì một câu danh hiệu A Di Đà Phật chưa từng gián đoạn. Ngài thường nói với mọi người, mấy chục năm nay, mỗi sáng đều thức dậy lúc ba giờ, sau khi thắp nhang thì Ngài bắt đầu ngồi xuống niệm Phật hoặc đứng dậy kinh hành. Nếu như buồn ngủ thì tựa vào đó, vẫn tiếp tục niệm Phật. Quanh năm suốt tháng đều như vậy.

Một vị cư sĩ có một khoảng thời gian đến niệm Phật ở chùa Thiên Phật, lúc đó lão Hòa thượng cũng đang ở chùa Thiên Phật. Vị cư sĩ ấy nói, mỗi ngày hai ba giờ sáng, lão Hòa thượng nhất định thức dậy. Khi mọi người nghe thấy ở bên ngoài cửa sổ lão Hòa thượng niệm một câu “A Di Đà Phật” bước một bước thì biết Ngài đã thức dậy rồi, đang trên đường đi vệ sinh. Mọi người hổ thẹn nên cũng không ngủ tiếp, nhanh chóng thức dậy theo Ngài.

Lão Hòa thượng rất thành khẩn nói với mọi người: Niệm Phật, không phải niệm một chút thì có thể tu tốt được!

Bản thân Ngài 92 năm chưa từng quên câu Phật hiệu này, Phật hiệu của Ngài là niệm niệm tương tục, ăn cơm cũng niệm Phật, mặc áo cũng niệm Phật, sinh hoạt của Ngài không rời Phật hiệu: Khi làm việc, mỗi cuộc mỗi xẻng cũng không rời Phật hiệu; khi đối nhân tiếp vật, vừa nói chuyện xong liền đề khởi Phật hiệu. Đây là người niệm Phật!

## **CHƯƠNG 26 - CÂU CHUYỆN CỦA HÒA THƯỢNG LÃO ĐỨC**

Hòa thượng Hải Hiền thường xuyên, thậm chí không ngại phiền phức kể cho mọi người nghe câu chuyện về Hòa thượng Lão Đức.

Hòa thượng Lão Đức cùng tuổi với Hòa thượng Hải Hiền, từ nhỏ mất cha, theo mẹ đi ăn xin sống qua ngày. Vào một ngày đông giá rét, hai mẹ con Lão Đức vừa đói vừa lạnh đi đến chùa Kim Sơn ở huyện Chí Đồng, trấn Bình Thị van nài thầy trụ trì là Pháp sư Hải Tham từ bi thu nhận Lão Đức làm đệ tử. Pháp sư Hải Tham không nhận lời thế độ cho Lão Đức mà đưa đến trước tượng Vi Đà Bồ tát, để Ngài bái Vi Đà Bồ tát làm thầy.

Bởi vì Lão Đức đàn độn, cho nên mẹ Ngài gọi Ngài là Lão Ngốc, tiếng địa phương của Nam Dương thì “Ngốc” và “Đức” đồng âm, do truyền lâu nên “Lão Ngốc” đã biến thành “Lão Đức”.

Hòa thượng Lão Đức đã xuất gia như vậy. Ngài không có sư phụ thế độ, cũng không có pháp danh, lại không được thọ giới. Từ đó, người dân trấn Bình Thị xa mấy chục dặm đều nhớ Hòa thượng Ngốc – một người vác túi vải trên vai ra ngoài hóa duyên mỗi ngày.

Pháp sư Hải Tham dạy Ngài khi đi đường thì niệm “A Di Đà Phật”, quả nhiên Ngài thật thà, vừa đi vừa niệm. Những người phụ nữ và trẻ con tinh nghịch trong thôn thấy Ngài đàn độn nên thường xuyên trêu chọc Ngài. Hòa thượng Lão Đức cũng không giận, chỉ chấp tay thi lễ với

họ, trong miệng vẫn không ngừng niệm “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật ...”.

Có người trêu chọc Ngài nói:

- Lão Đức, ông lạy một lạy, tôi cho ông lương thực.

Hòa thượng Lão Đức nói:

- Không có Phật thì tôi không lạy. Người ta chỉ vào một tảng đá nói:

- Bên trong đó có Phật.

Hòa thượng Lão Đức buông túi vải xuống, quỳ xuống đất dập đầu lễ lạy tảng đá. Mọi người cảm thấy thích thú nên thường xuyên trêu chọc Ngài. Thời gian lâu dần, Hòa thượng Lão Đức dập đầu thành cái u lớn như quả trứng gà trên trán.

Có một số người càng quá đáng hơn, chỉ vào đồng phân bò rồi nói với Hòa thượng Lão Đức rằng: “Bên trong này có Phật”. Hòa thượng Lão Đức nói: “Có Phật thì tôi lạy”. Nói xong, Ngài dập đầu xuống lạy đồng phân bò.

Một lần, có người để sợi dây trên tai của Ngài rồi nói:

- Lão Đức, tôi cột ông ở đây rồi, ông không động đậy được đâu!

Hòa thượng Lão Đức liền đứng đó khóc, Ngài cứ đứng yên không động đậy dưới ánh nắng mặt trời rất lâu. Sau đó có người đi qua nơi này, hỏi Ngài vì sao khóc, Ngài nói:

- Bị người ta cột lại rồi. Người đó hỏi Ngài:

- Dùng cái gì cột lại? Ngài nói:
- Dùng dây. Người đó hỏi:
- Cột ở đâu? Ngài nói:
- Cột cái lỗ tai.

Người qua đường lấy sợi dây từ trên tai Ngài xuống, nói với Ngài:

- Con đã mở ra giúp thầy, thầy có thể đi rồi.

Hòa thượng Lão Đức lập tức ngưng khóc rồi cười, sau đó chấp tay niệm Phật thi lễ với người đó.

Mỗi lần hóa duyên trở về chùa, Hòa thượng Lão Đức nhất định sẽ đến quỳ lạy Vi Đà Bồ tát trước, nói với Bồ tát: “Thưa sư phụ, con về rồi”. Sau đó mang những vật hóa duyên được lên chánh điện cúng Phật.

Ngài ban ngày ra ngoài hóa duyên, ban đêm lạy Vi Đà Bồ tát. Quanh năm suốt tháng, ngày nào cũng vậy.

Tháng chạp năm 1954, Hòa thượng Lão Đức bị bệnh, nhưng Ngài từ chối thuốc thang, gặp ai cũng hỏi: “Ngày nào là mừng 8 tháng chạp?”. Mỗi ngày đều hỏi mấy lần.

Pháp sư Hải Tham hỏi riêng Ngài:

- Thầy cứ hỏi mừng 8 tháng chạp, làm gì vậy? Hòa thượng Lão Đức trả lời rằng:

- Sư phụ tôi nói với tôi, vào ngày mừng 8 tháng chạp, A Di Đà Phật sẽ đến đón tôi đi.



Pháp sư Hải Tham thâm nhớ trong tâm, âm thầm tán thán. Chẳng mấy chốc đã tới mừng 8 tháng chạp, ngược lại Hòa thượng Lão Đức không hỏi nữa. Có người nói với Ngài: “Hôm nay chính là mừng 8 tháng chạp, rốt cuộc thầy muốn làm gì vậy?”. Hòa thượng Lão Đức nghe xong câu này, hình như rất ngạc nhiên mà nói: “Vậy sao? Vậy tôi phải đi đây”. Ngài nhờ người đem một chậu nước để tắm. Sau khi tắm rửa sạch sẽ thay y phục, Ngài ngồi ngay ngắn niệm Phật viên tịch.

Gần hai năm sau khi Hòa thượng Lão Đức vắng sanh, còn có một truyền thuyết được lưu truyền như vậy: Có vài thương gia đến Vũ Hán làm ăn, trên đường phố Vũ Hán, họ gặp được Hòa thượng Ngốc đang vác túi vải trên vai đi hóa duyên. Mọi người đều nói giống Hòa thượng Lão Đức, nên đã bước đến chào hỏi:

- Hòa thượng Lão Đức, sao Hòa thượng lại đến Vũ Hán vậy?

Hòa thượng Ngốc nhìn họ, cười ngây ngô nói:

- Hóa duyên mà! Mọi người nói:

- Về cùng chúng con nhé! Hòa thượng Ngốc nói:

- Mấy ngày nữa tôi mới về.

Khi những thương gia này từ Vũ Hán trở về, họ nói với người dân trấn Bình Thị rằng đã gặp được Hòa thượng Lão Đức ở đường phố Vũ Hán. Khi đó, họ mới biết rằng Hòa thượng Lão Đức đã vắng sanh hai năm rồi. Nhưng họ

một mục khăng định người họ gặp được chính là Hòa thượng Lão Đức.

Câu chuyện của Hòa thượng Lão Đức, chúng xuất gia ở Nam Dương không ai không biết. Trong Đồng Bách Huyện Chí cũng có ghi chép lại về vị Hòa thượng Lão Đức này: “Hòa thượng Lão Đức, tự Truyền Thật, ở chùa Kim Sơn trấn Bình Thị, bản tính ngây ngô, đi tiểu tiện không biết tránh né người khác, không biết đói khát, đi thẳng về phía trước không quay đầu, không dừng lại nhìn, hành tích kỳ lạ, khiến mọi người khó đoán. Hằng ngày, Ngài đi hóa duyên trong thôn, bị phụ nữ và trẻ con trêu chọc, buổi tối lễ bái Vi Đà Bồ tát, cả đêm không ngủ. Mỗi lần lạy Phật đầu đụng đất phát ra tiếng, đến nỗi sưng cả trán, cứ như vậy mười mấy năm không gián đoạn. Vào mùa đông năm 1954 bị bệnh, Ngài từ chối thuốc thang, mỗi ngày đều hỏi ngày nào là mừng 8 tháng chạp, mọi người trả lời đúng sự thật. Cho đến ngày mừng 8 tháng chạp, Hòa thượng Lão Đức tắm rửa thay y phục, ngồi ngay ngắn niệm Phật viên tịch”.

Hòa thượng Lão Đức, Hòa thượng Hải Hiền, Hòa thượng Hải Khánh – sư đệ của lão Hòa thượng Hải Hiền, cả đời các Ngài chính là [niệm] một câu danh hiệu. Phương pháp tu hành của các Ngài đều là lạy Phật, niệm Phật, kinh hành. Cuộc sống của các Ngài không rời Phật hiệu, làm việc cũng không rời Phật hiệu. Đối nhân tiếp vật, Phật hiệu của Ngài không gián đoạn. Chỉ khi ngủ thì

không niệm Phật, nhưng sau khi tỉnh giấc thì Phật hiệu lại tiếp nối. Các Ngài niệm Phật thành thói quen, trong tâm thật sự có A Di Đà Phật. Đây thật sự là tấm gương của người niệm Phật!

## **CHƯƠNG 27 - LÀM VIỆC KHÔNG TRỞ NGẠI NIỆM PHẬT**

Công việc của lão Hòa thượng Hải Hiền là trồng trọt, lao động. Ngài rất thông thạo những công việc đó, cho nên trong lúc làm việc Ngài không cần phải suy nghĩ, chỉ niệm Phật.

Khi nhớ đến lão Hòa thượng, Pháp sư Ấn Chí – đệ tử của lão Hòa thượng – nói rằng: “Lão Hòa thượng vừa làm việc vừa niệm Phật, rất ít khi nói chuyện. Cả đời lão Hòa thượng đối với một câu Thánh hiệu ‘A Di Đà Phật’ kiên định không lay động, niệm niệm không quên. Bởi vì Ngài gặp người khác thì khuyên người phải chăm chỉ niệm Phật, nên bản thân Ngài không thể không niệm Phật!”.

Lão Hòa thượng Hải Hiền làm thế nào tu hành thành tựu vậy? Chính là một câu Phật hiệu này. Ngài không có tạp niệm, không có vọng tưởng; bất luận đang làm việc gì, trong tâm và miệng Ngài đều niệm “A Di Đà Phật”.

Bất kể làm việc gì, Ngài cũng không để lỡ việc tu hành của chính mình. Công việc của Ngài không trở ngại tu hành, sinh hoạt không trở ngại tu hành, đối nhân tiếp vật không trở ngại tu hành. Tu hành, công việc và sinh hoạt của Ngài đã dung hòa thành một thể.

Pháp sư Ân Vinh – đệ tử của lão Hòa thượng – nhìn thấy sư phụ mỗi ngày bận rộn từ sáng đến tối, thầm nghĩ: Lão Hòa thượng đã lớn tuổi rồi, không nên để Ngài làm nhiều việc như vậy. Một hôm, Pháp sư nói với sư phụ: “Những việc này sư phụ giao cho tụi con làm đi, sư phụ chỉ cần niệm Phật là được rồi”. Nhưng lão Hòa thượng nói: “Làm việc không trở ngại niệm Phật đâu!”.

Bất luận lão Hòa thượng làm gì, Phật hiệu của Ngài cũng không gián đoạn, 92 năm không gián đoạn.

Lão Hòa thượng Hải Hiền chủ yếu là niệm thầm hoặc trì kim cang. Trong tâm niệm Phật, miệng không động gọi là niệm thầm; miệng động nhưng không có tiếng, đây gọi là trì kim cang.

Tiếp xúc với lão Hòa thượng lâu rồi sẽ phát hiện bất luận là đi đứng nằm ngồi, Ngài luôn nhẹ nhàng nhép môi. Có một lần, một vị Pháp sư trẻ và lão Hòa thượng cùng nhau đào đậu phộng ngoài ruộng. Pháp sư nhìn thấy khi lão Hòa thượng nhặt đậu phộng, luôn nhép môi, không nhin được nên hỏi: “Sư ông, Sư ông luôn nhép môi là đang

nói gì vậy?”. Lão Hòa thượng Hải Hiền trả lời: “A Di Đà Phật!”.

Sau mỗi mùa thu, lão Hòa thượng đào rễ cây, sau đó chẻ ra, phơi khô để dành sưởi ấm trong mùa đông. Có người nói: Sở trường của lão Hòa thượng chính là niệm Phật chẻ rễ cây. Rễ cây là khó chẻ nhất, nhưng lão Hòa thượng có lòng nhẫn nại, Ngài cầm rìu chẻ một cái thì niệm một tiếng “A Di Đà Phật”, niệm mãi cho đến khi chẻ rễ cây thành từng khúc.

Năm 112 tuổi, có một hôm ở chùa Viên Minh, lão Hòa thượng Hải Hiền nhìn thấy cành cây ngô đồng ở trước điện Quan Âm rủ xuống làm cản trở tín chúng vào ra, Ngài liền cầm cây rìu, lưỡi cưa, leo lên cây để chặt bớt. Các đệ tử nhìn thấy đều thầm nghĩ: Sư phụ đã hơn 100 tuổi rồi, mà còn có thể tự mình leo lên cây làm việc, sư phụ đúng thật là Tăng Bảo của nhà Phật! Nhưng ngẫm nghĩ lại: Sư phụ đã là ông cụ 112 tuổi rồi, lẽ như có gì sơ suất thì phải làm sao? Hình như lão Hòa thượng nhìn thấu được suy nghĩ của đệ tử, Ngài cười và nói: “Không sao, không sao! Ta đang niệm Phật mà!”.

Lão Hòa thượng là một người nông dân rất bình thường, chỉ biết trồng trọt. Xuất gia rồi, Ngài không biết giảng kinh, không biết năm thời khóa của người xuất gia, cũng không biết đánh pháp khí. Ngài không biết gì cả, chỉ biết niệm Phật, chỉ biết mỗi ngày lao động cần cù, nhưng không làm trở ngại Ngài niệm câu Phật hiệu này.

Pháp sư Hoằng Nhất từng nói: “A Di Đà Phật, vô thượng y vương, xả thủ bất cầu, thị vị si cuồng”. Không chịu niệm Phật, không phải ngu si thì là cuồng vọng. Thật sự biết được công đức, ý nghĩa của câu Phật hiệu này thì không có lý do gì mà không niệm! Niệm ở đâu? Như lão Hòa thượng Hải Hiền vậy, niệm vào tất cả mọi lúc, tất cả mọi nơi. Khi trong tâm có câu Phật hiệu này thì chính là đạo tràng – đạo tràng lớn của A Di Đà Phật, đạo tràng đâu đâu cũng có, lúc nào cũng có, đây là đạo tràng chánh pháp.

## **CHƯƠNG 28 - TRONG TÂM CÓ PHẬT, LÀM GÌ CŨNG KHÔNG MỆT**

Năm 1992, người thanh niên được cậu đưa đến chùa Lai Phật xin lão Hòa thượng Hải Hiền máy niệm Phật, vào năm 2010, dưới sự dẫn dắt của Pháp sư Ấn Chí, người thanh niên đó đã bước vào cửa Phật.

Có một lần lão Hòa thượng đang chẻ củi trong chùa, vị cư sĩ này nhìn thấy nên đi đến nói:

- Ngài đã lớn tuổi như vậy rồi, đừng làm những việc này nữa, mệt đến kiệt sức thì phải làm sao?

Lão Hòa thượng cười và nói:

- Làm người có nhiều công việc mà! Mình làm được thì tự làm, đừng trông chờ vào người khác.

Cư sĩ lại hỏi:

- Làm việc liên tục cả ngày, Ngài không mệt sao? Lão Hòa thượng nhẹ nhàng nói:

- Khi làm việc mệt rồi, trong tâm niệm “A Di Đà Phật” thì không mệt nữa.

Nói xong, Ngài cười rất hiền từ, cười rất vui vẻ, rất chân thật.

Mùa xuân năm 2011, một nhóm năm người của Pháp sư Khai Trung đến chùa Lai Phật thăm Hòa thượng Hải Hiền. Bình thường lão Hòa thượng rất ít nói chuyện, nhưng lần này Ngài nói chuyện với mọi người hơn 20 phút. Ngài khuyên mọi người nhất định phải nghe pháp của lão Pháp sư Tịnh Không, đừng bỏ lỡ cơ hội thành Phật trong đời này, đừng nên tham luyến tiền tài và mê tình của trần thế, đi qua thôn này thì không còn nhà trọ này nữa đâu; thế gian này là hư vô, đừng tiếp tục chịu khổ trong thế giới Ta Bà nữa, thế giới Cực Lạc tốt biết mấy, chăm chỉ niệm Phật thì có thể đến đó, tại sao không chăm chỉ niệm Phật chứ? Lão Pháp sư giảng kinh chính là để đón chúng ta đó, có thể đi đâu tìm được việc tốt như vậy chứ? Trong tâm thành thật niệm Phật, việc cần làm thì vẫn phải làm, không thể không làm, chỉ cần tâm thanh tịnh, chỉ có

A Di Đà Phật, không để tâm đến việc khác thì sẽ không làm lỡ việc thành Phật.

Lão Hòa thượng khai thị xong, nói với họ: “Trưa nay đừng đi, ở lại ăn mì hương xuân nhé”. Nói xong, Ngài tiện tay cầm lưỡi liềm cài vào thắt lưng, vác cái thang tựa vào cây hương xuân rồi leo lên, chỉ một lúc đã hái được một bó lớn.

Mọi người chụp lấy mâm hương xuân mà lão Hòa thượng ném xuống, rồi vịn chặt cái thang để Ngài đi xuống. Họ cùng nhau khuyên lão Hòa thượng nhất định phải giữ gìn sức khỏe, đừng suốt ngày làm những công việc này nữa. Lão Hòa thượng cười và nói: “Trong tâm có Phật, làm gì cũng không mệt”.

Lão Hòa thượng lớn tuổi như vậy, mỗi ngày làm việc từ sáng đến tối, sao lại không cảm thấy mệt mỏi vậy? Khi làm việc, Ngài không nghĩ mình đang làm việc, không nghĩ đến mệt, trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu. Tất cả pháp từ tâm tướng sanh, không nghĩ đến mệt thì không mệt, không nghĩ đến vất vả thì không cảm thấy vất vả, niệm niệm đều là “A Di Đà Phật” thì pháp hỷ sung mãn.

Khi làm việc, Ngài không có “ngã” (cái tôi), Ngài quên cái tôi, không có cái tôi. Có cái tôi thì mệt, dù có làm việc nhiều hơn, nhưng nếu không có cái tôi thì ai mệt chứ? Cho nên bất luận là lượng công việc của Ngài nhiều bao nhiêu, thời gian làm việc lâu thế nào, Ngài hoàn toàn không mệt



mỏi. Có người khen Ngài sức khỏe tốt, nhưng không biết vì sao sức khỏe của Ngài tốt như vậy. Đó là bởi vì Ngài đã buông xả vạn duyên rồi.

Lão Hòa thượng Hải Hiền thị hiện cho chúng ta thấy thật là vi diệu, Ngài thật sự buông xả vạn duyên.

Cả đời lão Hòa thượng Hải Hiền đều vất vả cần cù lao động, không có một ngày nghỉ ngơi. Ngài không biết mệt, biểu hiện ra một gương mặt hoan hỷ, gương mặt hỷ duyệt. Ngài làm ruộng chính là đang tu hành, Phật hiệu của Ngài 24 giờ không gián đoạn. Có thể làm được như vậy, chứng tỏ trong tâm Ngài không có tạp niệm, thấy đều tùy duyên, thấy đều tùy hỷ công đức. Tuy là tùy duyên, tùy hỷ nhưng Ngài lại không để chút gì trong tâm, luôn giữ gìn tâm thanh tịnh, bình đẳng, giác. Đây là lão Hòa thượng Hải Hiền đang tu Tịnh Độ, tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Ngài niệm như vậy suốt 92 năm, biết trước ngày giờ, tự tại vãng sanh đến Tịnh độ của A Di Đà Phật.

## **CHƯƠNG 29 - PHÁP MÔN NIỆM PHẬT**

Lão Hòa thượng Hải Hiền không biết chữ, chưa từng tụng kinh, cũng chưa từng nghe người khác giảng kinh; Ngài chỉ niệm một câu Phật hiệu suốt 92 năm. Hầu như

Ngài niệm Phật không nghỉ ngơi, chỉ cần khi còn thức thì sẽ niệm Phật. Công việc của Ngài là trồng trọt, hằng ngày làm ruộng, nhưng Phật hiệu trong tâm Ngài không gián đoạn. Niệm Phật không trở ngại công việc, công việc không trở ngại niệm Phật, đây là tấm gương tốt nhất của người học Tịnh tông cầu sanh Tịnh độ.

Ngài nói cho chúng ta biết một sự thật: Thế giới Tây Phương Cực Lạc được nói trong kinh điển là có thật! Ngài đã gặp A Di Đà Phật, khẩn cầu Phật đưa Ngài đến thế giới Cực Lạc. A Di Đà Phật không đưa đi mà nói Ngài nên tiếp tục ở thế gian biểu pháp. Ý nghĩa của biểu pháp là làm tấm gương tốt nhất để mọi người nhìn thấy có thể sanh khởi tín tâm, phát nguyện cầu sanh Tây Phương. Đây là phương thức phổ độ chúng sanh của Ngài.

Tại sao chúng ta có thể vãng sanh? Tại sao chúng ta có thể đến thế giới Cực Lạc làm Phật? Bởi vì chúng ta vốn là Phật, tự tánh của chúng sanh và tự tánh của Phật là một, không phải hai; chỉ do chúng ta mê rồi nên không biết được sự thật này. Chúng ta tùy thuận phiền não, trở thành bộ dạng hiện nay – làm một chúng sanh khổ não trong lục đạo luân hồi. Nếu như chúng ta tùy thuận giáo học xứng tánh viên mãn của Như Lai, vậy thì đến thế giới Cực Lạc làm Phật.

Mười pháp giới y chánh trang nghiêm, chúng ta làm Phật, làm Bồ tát, làm người, làm súc sanh hay ngã quý, đều do chính mình quyết định. Nhân của mười pháp giới

cũng chính là chủng tử trong A lại da thức. Hết thấy chúng ta đều có, không thiếu gì cả, đầy đủ viên mãn. Phật đã giới thiệu mười con đường (mười pháp giới) này cho chúng ta biết rõ, còn việc chọn con đường nào, muốn chủng tử nào mọc rễ, nảy mầm, sinh trưởng, ra hoa, kết trái thì tất cả đều do chính mình lựa chọn, chính mình kiên trì, không phải người khác làm chủ. Quyền chủ động nằm trong tay mình, chẳng qua là Phật Bồ tát làm tăng thượng duyên cho chúng ta mà thôi. Cho nên nói Phật không độ chúng sanh, chúng sanh thành Phật là tự độ mình.

Trong mười pháp giới, dưới là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la, người, trời, đây chính là sáu đường; trên là Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật.

Ba đường đầu tiên trong sáu đường gọi là ba đường ác, ba đường sau gọi là ba đường thiện. Có mười hành vi thiện thì đưa đến đường thiện. Mười nghiệp thiện có ba phương diện là thân, ngữ, ý. Thiện nghiệp của thân là không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm. Thiện nghiệp của ngữ là không nói dối, không nói lời ly gián, không nói lời thô ác, không nói lời thêu dệt. Thiện nghiệp của ý là không tham, không sân, không si. Thiện là thuận theo đạo lý, cũng tức là mười hành vi thiện này đều là hành vi thuận theo đạo lý.

Trong sáu đường, cõi trời là thiện nhất. Muốn sanh lên cõi trời thì phải tu thượng phẩm mười thiện, cộng thêm từ bi hỷ xả. Đây là người đại thiện, người chân thiện của thế

gian, có thể quên mình vì người. Tiếp theo là cõi người, phải tu trung phẩm mười thiện, giữ ngũ giới hoặc làm được nhân lễ nghĩa trí tín mà cõi nhân nói thì kiếp sau không mất thân người. Cõi a tu la ở giữa thiện và ác, tu hạ phẩm mười thiện. Kỳ thực, a tu la cũng giống với trời người, cũng tu thượng phẩm mười thiện. Nhưng khi tu mười thiện, họ mang theo tâm ngạo mạn, tâm hiếu thắng, tâm đố kỵ và oán hận (không vừa ý họ thì họ oán hận, thậm chí còn muốn trả thù). Vì vậy, khi tu thượng phẩm mười thiện, họ có xen lẫn ý niệm xấu ác. Tiếp theo, ngu si thì sanh vào cõi súc sanh. Ngu si là chỉ không phân rõ tà chánh, không phân rõ chân vọng, người ngu si nghe kinh, đọc kinh cũng ít, không có trí huệ. Người có tâm tham nặng, tham ngũ dục lục trần, tham tài sắc danh thực thùy thì sanh vào cõi naga quỷ. Nhân của sân hận là cõi địa ngục, trong sân hận nghiêm trọng nhất là kiêu mạn, đố kỵ.

Đây chính là nghiệp nhân của mười pháp giới.

Thông thường, người đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, 70% đến 80% đều vãng sanh lên trời Đao Lợi. Người Trung Quốc gọi chủ trời Đao Lợi là Ngọc Hoàng Đại Đế. Trời Đao Lợi có phước báo lớn, mọi sự hưởng thụ đều tự tại, tuổi thọ lâu dài. Một ngày trên trời Đao Lợi là một trăm năm của nhân gian chúng ta, một năm trên trời Đao Lợi cũng là 365 ngày, thọ mạng của chư thiên trên đó là một ngàn tuổi.

Phật nói cho chúng ta biết cõi trời tuy tốt, nhưng không cứu cánh, thọ mạng dù có dài hơn cũng có ngày kết thúc. Thọ mạng hết rồi thì phải làm sao? Không thể thăng tiến, chỉ có đọa lạc. Cho nên chư Phật Bồ tát đại từ đại bi, giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc cho chúng ta.

Thế giới ấy thuần thiện, không có điều ác, sống ở thế giới ấy toàn là Phật Bồ tát, chúng ta vãng sanh đến thế giới Cực Lạc thì làm A Duy Việt Trí Bồ tát. A Duy Việt Trí là dịch âm, dịch nghĩa là “bất thoái chuyển”, đây là Pháp thân Bồ tát, Bồ tát có địa vị rất cao. Vị trí này rất cao nhưng phương pháp tu hành lại quá dễ dàng. Phạm phu có thể đạt được bất thoái trong một đời toàn là nhờ vào bốn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Cho nên cơ hội này thật sự hiếm có khó gặp, tuyệt đối không được bỏ lỡ. Vì vậy, Tổ sư đại đức mới nói: “Nhu Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải”. Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian này là vì giới thiệu cho chúng ta biết Tây Phương Tịnh độ, khuyên mọi người cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Pháp môn này khó tin, vãng sanh đến thế giới Cực Lạc không phải dựa vào năng lực của chính mình, mà hoàn toàn nhờ vào tha lực. Tuy hoàn toàn nhờ vào tha lực, nhưng nếu bản thân không thật tin, thật sự phát nguyện, thật sự niệm Phật thì lực của A Di Đà Phật không gia trì được. Cũng có nghĩa là, nếu niệm lực của bản thân chúng ta không đầy đủ thì không thể kết thành một thể với

nguyện lực của A Di Đà Phật; nguyện lực của A Di Đà Phật có lớn hơn thì cũng không cách nào giúp chúng ta vãng sanh. Vì vậy, pháp môn Tịnh tông gọi là pháp môn nhị lực. Lực của bản thân chúng ta chính là nhớ Phật niệm Phật, chế ngự phiền não tập khí của chính mình, đạt đến công phu thành phiền. Sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đây là nhờ lực của A Di Đà Phật. Những pháp môn khác không có điều này.

Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật nói: “Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật” (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật), đây là căn cứ lý luận của pháp môn Tịnh Độ. Tâm của chúng ta là chân tâm, chính là “thị tâm thị Phật”, chính là bản tánh bốn thiện mà người Trung Quốc nói. Bây giờ chúng ta niệm A Di Đà Phật, vãng sanh đến thế giới Cực Lạc là “thị tâm tác Phật”. Ta vốn là Phật, bây giờ muốn làm Phật, thì đâu có lý nào không thành Phật! “Phật” nghĩa là giác, “tâm này là Phật” cũng chính là “tâm này là giác”. Nhưng hiện nay, chúng ta là “tâm này là mê”, không phải giác. Mê chính là chúng sanh, giác chính là Phật; chúng sanh giác rồi thì thành Phật.

“Tín, nguyện, trì danh” là đại đạo thành Phật khi vãng sanh thế giới Cực Lạc, thấy A Di Đà Phật. “Trì danh” là thành thật niệm Phật, giống như lão Hòa thượng Hải Hiền vậy. Nếu như chúng ta có thể kiên trì cả đời không thay đổi thì đời này nhất định có thể thành Phật.

## CHƯƠNG 30 - PHƯƠNG PHÁP TU HỌC CỦA TỊNH ĐỘ TÔNG

Phương pháp tu học của Tịnh Độ tông chính là “phát tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật”. Phương pháp này đơn giản dễ dàng, thẳng tắt, nhanh chóng, thuận tiện, cứu cánh, quả báo viên mãn — đến thế giới Cực Lạc làm A Duy Việt Trí Bồ tát.

Trong 28 tầng trời, bất kỳ tầng trời nào cũng không thể so sánh với thế giới Cực Lạc. Trong lục đạo, sự phú quý của Đạo Lợi Thiên Chủ, Đại Phạm Thiên Vương, Ma Hê Thủ La Thiên Vương ở cõi trời đều đã đạt đến đỉnh cao, không người nào có thể vượt qua, nhưng so với Bồ tát hạ phẩm hạ sanh ở thế giới Tây Phương thì cho dù là trí huệ, đạo hạnh hay thần thông cũng kém rất xa!

Vãng sanh thế giới Cực Lạc còn dễ dàng hơn sanh lên cõi trời. Pháp môn Tịnh Độ hoàn toàn nhờ vào bốn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Điều kiện đầu tiên để vãng sanh thế giới Cực Lạc là tín, nguyện, trì danh. Còn sanh lên cõi trời? Tín nguyện trì danh không thể sanh lên cõi trời. Muốn sanh lên cõi trời thì phải đoạn ác tu thiện, tu thượng phẩm mười nghiệp thiện, cũng tức là phải có tâm thiện, lời nói thiện và hành động thiện của thượng phẩm mới có thể sanh lên cõi trời. Tổ tiên dạy ngũ luân

ngũ thường, tứ duy bát đức, nếu như có thể nghiêm túc tu học, làm được 80% đến 90% thì có thể sanh lên cõi trời; làm được 50% đến 60% thì vẫn sanh vào cõi người. Vì vậy, từ đây mới biết 48 nguyện của A Di Đà Phật giúp chúng ta thành Phật, ân đức của Ngài đối với chúng ta thật sự vô cùng to lớn!

Nói một cách cụ thể, phương pháp tu học của pháp môn Tịnh Độ, Phật nói có 16 phương pháp. Phương pháp cuối cùng là dạy chúng ta trì danh niệm Phật, cũng chính là niệm danh hiệu “Nam mô A Di Đà Phật”, hoặc chỉ niệm bốn chữ “A Di Đà Phật”. “Nam mô” nghĩa là quy y, quy mạng, lễ bái. Danh hiệu của Phật chỉ có bốn chữ “A Di Đà Phật”. Chỉ cần thành thật niệm Phật, dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm cung kính niệm Phật thì gọi là chánh niệm, có thể giúp chúng ta chuyển ác thành thiện, chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh. Phật hiệu có công đức lớn như vậy!

Thật sự muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc, cần phải mất bao nhiêu thời gian? Trong Kinh A Di Đà nói: “Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật” (Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày), cho đến “nhược thất nhật” (hoặc bảy ngày). “Thất” (bảy) ở đây không phải là con số cụ thể, mà là đại diện cho sự viên mãn.

Trong kinh điển có ghi chép, rất nhiều người niệm Phật ba năm thì vãng sanh rồi, tại sao lão Hòa thượng Hải Hiền niệm đến 92 năm? Đó là do sứ mạng Phật giao cho Ngài.



Người khác hỏi Ngài:

- Ngài đã gặp A Di Đà Phật rồi, Phật có nói gì với Ngài không?

Lão Hòa thượng trả lời:

- Tôi khẩn cầu Lão Phật Gia đến rước tôi, nhưng Lão Phật Gia không đồng ý, Lão Phật Gia nói để tôi ở thế gian biểu pháp.

Phương pháp tu hành của lão Hòa thượng Hải Hiền rất hiệu quả với thời đại hiện nay. Một mình Ngài chăm chỉ thâm lặng mà khổ tu, tâm thanh tịnh, bình đẳng, tự tại, tùy duyên giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, siêng năng chăm chỉ làm việc. Cả đời Ngài không cần tiền tài, Ngài còn nói với người khác: Chân thật học Phật phải trì giới, phải có thể chịu khổ; không thể trì giới, không thể chịu khổ thì không phải là chân thật học Phật.

Ngài không làm kinh sám Phật sự, không làm Pháp Hội. Cho dù là làm việc hay đối nhân tiếp vật, trong tâm Ngài cũng không rời Phật hiệu. Ngài đã hình thành thói quen niệm Phật, Phật hiệu trong tâm Ngài không bao giờ mất đi. Đối với Hòa thượng Hải Hiền, cuộc sống là tu hành, công việc là tu hành, đối nhân tiếp vật cũng là tu hành. Phương pháp tu hành của Ngài chính là một câu “A Di Đà Phật”.

Hòa thượng Hải Hiền thật sự là tấm gương tốt nhất cho người niệm Phật trong Tịnh tông. Nếu người học Phật thật

sự muốn vãng sanh thì phải học tập theo Ngài; thật sự muốn vãng sanh thì Phật hiệu không thể gián đoạn.

### **.: Dùng chân tâm .:**

Nên dùng tâm thể nào để niệm Phật?

Phật hy vọng chúng ta dùng chân tâm làm người, không thể dùng vọng tâm. Vọng tâm là tâm sanh diệt, là tâm luân hồi, dùng vọng tâm thì nhất định không thể ra khỏi luân hồi. Vì vậy, niệm Phật phải dùng chân tâm để niệm, nhất chân nhất thiết chân, dùng chân tâm niệm Phật, dùng chân tâm để sống, dùng chân tâm đối nhân tiếp vật.

Dùng tâm khác nhau, kết quả có gì khác biệt? Nếu khởi tâm động niệm đều là tổn người lợi mình, tự tư tự lợi thì đây đều là nhân của ba đường ác trong lục đạo luân hồi, đời sau chắc chắn đọa vào ba đường ác. Nếu lúc nào cũng nghĩ làm sao lợi cho người, làm sao giúp đỡ người khác, làm sao thành tựu người khác, đây là tâm thiện, dùng tâm thiện thì sanh vào ba đường thiện. Nếu như đoạn ác tu thiện mà không để việc đoạn ác tu thiện trong tâm, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, trong miệng cũng chỉ niệm một câu “A Di Đà Phật”, không có tạp ngôn, không có tạp niệm, dùng tâm của A Di Đà Phật để đối người xử việc tiếp vật thì không lý nào không thể vãng sanh thế giới Cực Lạc!

Đa số người niệm Phật là niệm bằng miệng, không niệm bằng tâm nên không tương ưng với Phật, câu Phật hiệu này không thể đắc lực. Niệm Phật thì tâm và miệng phải luôn tương ưng, phải dùng chân tâm, dùng thành ý. Đại sư Ấn Quang nói với chúng ta: “Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”, chân thành đến tột bậc, thì sẽ cảm ứng đạo giao với Phật.

Hòa thượng Lão Đức dùng chân tâm, người khác gạt Ngài, trêu chọc Ngài, bắt nạt Ngài, những người đó dùng vọng tâm, nhưng Hòa thượng Lão Đức hoàn toàn dùng chân tâm. Người khác chà đạp Ngài, sỉ nhục Ngài, Ngài đều tiếp nhận. Ngài thấy Phật thì lạy, người khác chỉ vào phân bò nói: “Bên trong này có Phật”. Có Phật thì tôi lạy Phật, Ngài dập đầu xuống lạy phân bò, tâm của Ngài thật sự có Phật. Người thông thường đều xem Ngài là người ngốc, nhưng Ngài thật sự không ngốc chút nào. Ngài hoàn toàn dùng chân tâm, cho nên Ngài có được lợi ích chân thật.

Khi niệm Phật, kiêng kỵ nhất chính là dùng tâm tán loạn niệm. Trong tâm có quá nhiều vọng niệm, quá nhiều tạp niệm thì sẽ không thể tập trung tinh thần. Niệm Phật bằng tâm tán loạn thì không có công đức, chỉ gieo trồng hạt giống vào A lại da thức mà thôi, đời này không được thọ dụng. Đại sư Ấn Quang từ bi chỉ dạy cho chúng ta dùng phương pháp mười niệm nhớ số, từ một câu đến

mười câu, niệm thật rõ ràng, nhớ thật rõ ràng, nghe thật rõ ràng. Phương pháp này có thể nhiếp tâm, không để tạp niệm xen vào.

Tại sao lại có tạp niệm? Bởi vì không buông xả, rất nhiều việc canh cánh trong lòng. Thật sự buông xả thì tạp niệm không còn nữa, thật sự buông xả thì niệm Phật thấy Phật.

Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác đều là chân tâm. Buông xả chấp trước thì được tâm thanh tịnh; không còn chấp trước tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, có thể tùy duyên, được tâm thanh tịnh là cảnh giới của A la hán. Tiếp theo là buông xả phân biệt, được tâm bình đẳng, đó là cảnh giới Bồ tát. Cuối cùng là buông xả khởi tâm động niệm, chính là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, vậy thì thành Phật rồi.

Vì sao phàm phu không thể buông xả? Bởi vì phàm phu không hiểu rõ chân tướng sự thật, xem hết thấy là thật, không biết tất cả hiện tượng trong vũ trụ là giả, là vô thường, chúng ta có thể mất nó bất cứ lúc nào. Mạng người vô thường, ai có thể đảm bảo năm sau chúng ta vẫn còn sống? Không thể đảm bảo. Một hơi thở không còn thì luống qua đời này rồi. Vì vậy, Đại sư Ấn Quang dạy chúng ta đem chữ “CHẾT” dán lên trán, chính là để nói với những người không thể buông xả. Thật sự phải có tâm cảnh giác cao như vậy, hằng ngày dùng chữ này để nhắc

nhỏ bản thân, người niệm Phật như vậy nhất định được vãng sanh.

Tu tâm thanh tịnh như thế nào? Niệm Phật. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật. Ngoài A Di Đà Phật ra thì không để bất kỳ điều gì trong tâm, vậy thì tâm được thanh tịnh rồi. Chúng ta mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, khi sáu căn (mắt tai mũi lưỡi thân ý) tiếp xúc cảnh giới sáu trần (sắc thanh hương vị xúc pháp), để tất cả cảnh giới bên ngoài vào trong tâm thì phiền phức. Tâm của chúng ta động, tâm bị ô nhiễm rồi; tâm động thì không bình đẳng, tâm ô nhiễm thì không thanh tịnh, như vậy không thể giác ngộ mà chỉ bị mê hoặc.

Không phải Phật bảo chúng ta không nhìn, không nghe, không phải vậy. Phật bảo chúng ta nhìn thấy, nghe thấy nhưng không để trong tâm, luôn giữ gìn thanh tịnh, bình đẳng, giác; khôi phục lại thanh tịnh, bình đẳng, giác của chúng ta. Thanh tịnh, bình đẳng, giác chính là chân tâm, chính là tâm Phật, tâm này chính là Phật. Làm như vậy, chính là “tâm này làm Phật”.

Phật và chúng ta không có khoảng cách, không có trước sau; tức là Phật và chúng ta không có sự cách biệt về không gian và thời gian, mà [Phật] ở ngay đây. Nhưng tại sao chúng ta không thể thấy Phật? Vì có chướng ngại. Về phía Phật thì không có chướng ngại, mà là bản thân chúng ta có chướng ngại. Nếu chúng ta thật tin, thật nguyện, thật sự đoạn được hết vọng tưởng, tạp niệm của thế gian này,

chúng ta muốn thấy Phật thì Phật liền hiện tướng, chúng ta sẽ thấy Phật.

Đại sư Ngẫu Ích nói với chúng ta: Có thể vãng sanh hay không là do có tín nguyện hay không; có tín có nguyện thì nhất định vãng sanh; phẩm vị cao hay thấp là ở công phu niệm Phật sâu hay cạn, không phải là niệm nhiều hay ít. Công phu là gì? Công phu đều là buông xả. Buông xả triệt để thì công phu sâu, khi vãng sanh được thượng phẩm thượng sanh; buông xả một ít thì công phu đó cạn, được hạ phẩm hạ sanh.

Chúng ta phải hiểu rõ, thấu triệt sự và lý này thì có thể chọn lựa con đường chúng ta muốn đi trong đời này. Lão Hòa thượng Hải Hiền làm cho chúng ta thấy rồi; bất kỳ người nào, cho dù già trẻ lớn bé, thông minh đần độn, bất kể là căn tánh như thế nào, chỉ cần một câu “A Di Đà Phật” thì có thể trọn thành Phật đạo. Vì vậy, thật sự tin có thể giới Cực Lạc, thật sự tin rằng có A Di Đà Phật, phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, khi lâm chung, A Di Đà Phật nhất định sẽ đến tiếp dẫn chúng ta đến thế giới Cực Lạc, ở thế giới Cực Lạc một đời thành Phật.

## **CHƯƠNG 31 - CẢNH GIỚI NIỆM PHẬT CỦA LÃO HÒA THƯỢNG**

Ở Nam Dương, khi nói với mọi người về việc niệm Phật, lão Hòa thượng Hải Hiền khai thị: “Không niệm đến nhất tâm bất loạn thì không được xem là niệm”, có thể thấy được công phu niệm Phật của Ngài rất sâu!

Khi lão Hòa thượng Hải Hiền ở Nam Dương, đa số đều ở nhà cư sĩ Lưu của niệm Phật đường Nghĩa Ô. Mỗi ngày, Ngài đều thức dậy lúc hơn hai giờ sáng, sau đó thắp nhang, niệm Phật, lạy Phật, kinh hành. Một buổi sáng nọ, nhìn thấy trong lư hương có rất nhiều chân nhang, cư sĩ Lưu rất hiếu kỳ, tại sao hôm nay khác với mọi ngày? Lúc ăn sáng, cư sĩ Lưu bèn hỏi lão Hòa thượng:

- Sao hôm nay Ngài thắp nhiều nhang như vậy? Lão Hòa thượng nói:

- Thiên cơ không thể tiết lộ.

Cư sĩ Lưu lại càng hiếu kỳ hơn nên quán lấy lão Hòa thượng muốn Ngài nhất định phải nói cho mình biết. Cư sĩ Lưu bảo đảm với lão Hòa thượng sẽ không nói với người khác. Dừng một lúc, lão Hòa thượng nói với cư sĩ Lưu:

- Tôi thấy cả bầu trời đều là A Di Đà Phật!

Lão Hòa thượng Hải Hiền cũng đã nói với Pháp sư Ấn Chí nhiều lần: Khi Ngài niệm Phật, hoặc khi không niệm Phật, rất nhiều lần đều là trên trời đang niệm Phật, dưới đất cũng đang niệm Phật, tiếng niệm Phật của trời đất dung hòa thành một, trời đất đều đang niệm Phật. Có lúc là lão Hòa thượng niệm Phật, dẫn dắt trên trời, dưới đất

cùng nhau niệm Phật; có lúc là trên trời, dưới đất niệm Phật, dẫn dắt Ngài niệm Phật. Lão Hòa thượng còn nói với Pháp sư Ân Chí: Người trời đang niệm Phật, người trời đang tụng Kinh Vô Lượng Thọ, dưới đất đang niệm Phật, trời đất niệm Phật dung hòa thành một phiến, kết thành một thể.

Công phu niệm Phật của lão Hòa thượng thuần thực, không có tạp niệm nên Ngài mới có thể nhìn thấy tất cả pháp đều là A Di Đà Phật. Thông thường, người niệm Phật niệm đến công phu thành phiến thì có cảm ứng đạo giao với A Di Đà Phật. Công phu thành phiến là cảm, A Di Đà Phật sẽ có ứng. Niệm đến công phu thành phiến, trong tâm chỉ có một câu “A Di Đà Phật”, ngoài “A Di Đà Phật” ra thì không có ý niệm nào khác, lúc này Phật sẽ hiện tiền. Tất cả pháp từ tâm tướng sanh, Phật không phải từ thế giới Tây Phương Cực Lạc đến đây, Phật không có đến đi, mà là “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”. Đây là chân tướng của tất cả các pháp.

Tháng 10 năm 2012, mấy tháng trước khi lão Hòa thượng vãng sanh, trong buổi phỏng vấn, một vài vị cư sĩ trẻ ở Nam Dương hỏi lão Hòa thượng niệm Phật có cảm ứng gì, mọi người rất thích thú đối với việc này. Lão Hòa thượng nghe xong, nói với họ:

- Điều gì “cảm ứng” “hiếm lạ” thì đừng mong cầu, tất cả đề tự nhiên mới tốt!



Tiếp đó, lão Hòa thượng lại trầm ngâm suy nghĩ rồi nói:

- Niệm Phật à! Mỗi buổi tối khi niệm Phật, tôi chỉ thấy trên giường dưới giường, trong phòng ngoài phòng toàn là người, đầy khắp căn phòng, đều là chúng sanh đang nghe tôi niệm “A Di Đà Phật”. Đến khi trời sáng không thức dậy nổi, tôi nghe thấy có người gọi bên tai: “Mau thức dậy niệm Phật”. Thật sự rất kỳ diệu.

Những chuyện cảm ứng, hiếm lạ thì đừng mong cầu, cho dù đó là thật hay là giả. Nếu mong cầu những thứ này thì bản thân thụt lùi rồi. Bởi vì chúng quấy nhiễu tâm thanh tịnh của chúng ta, làm ô nhiễm tâm thanh tịnh của chúng ta, làm cho tâm chúng ta mất đi sự bình đẳng. Đây là chướng ngại lớn của chúng ta, vì vậy lão Hòa thượng nói “đừng mong cầu”.

Nhưng các vị cư sĩ thật sự rất muốn biết lão Hòa thượng đã niệm Phật đến cảnh giới nào, nên cư sĩ Lưu thay mọi người hỏi lão Hòa thượng:

- Các đồng tu muốn hỏi Ngài, xem Ngài niệm Phật có niệm ra [cảnh giới] gì chưa?

- Có cảnh giới gì có thể nói với quý vị sao? Lão Hòa thượng cười và nói:

- Chưa đến lúc! Nếu quý vị xuất gia, vào trong Giới Đàn thì sẽ có người nói cho quý vị biết.

Một vị nữ cư sĩ trẻ ở bên cạnh đang mong đợi đã không nhin được mà nói xen vào:

- Ngài nói cho chúng con nghe với!

Lão Hòa thượng cười và nói với cô ấy:

- Nói cho quý vị nghe à? Điều đó không nói được, không thể nói!

Nói xong, nét mặt Ngài trở nên nghiêm nghị:

- Nói chuyện khẩu mãn rồi, như vậy không tốt, sau này quý vị sẽ bị giảm thọ. Quý vị biết thiên cơ thế nào, thấy rồi cũng không được nói.

“Khẩu mãn” là chỉ nói chuyện cuồng vọng, nói khoác, đây là một câu tục ngữ của Nam Dương.

Vị nữ cư sĩ này không cam tâm, lại hỏi thêm một câu:

- Vậy Ngài đã thấy thế giới Tây Phương Cực Lạc chưa?

Lão Hòa thượng không trực tiếp trả lời cô ấy, mà Ngài quay sang bên kia, nhìn vị cư sĩ kế bên rồi nói tiếp:

- Trời tôi rồi, thấy gì chứ, Lão Phật Gia đã nói gì với quý vị cũng đừng nói ra!

Lão Hòa thượng vừa nói, vừa xua tay. Một chàng trai hỏi:

- Lão Phật Gia không cho nói à?

- Quý vị tiết lộ thiên cơ sẽ bị trời đánh đó! Lão Hòa thượng nói tiếp:

- Nếu như quý vị gặp ai cũng nói, lần sau Lão Phật Gia sẽ không nói cho quý vị biết. Nếu quý vị xuất gia, trong Giới Đàn, quý thầy sẽ nói cho quý vị biết phải tu hành như thế nào... Thích xuất gia thì có thể xuất gia; nếu không thích xuất gia, quý vị hãy làm một ông lão trường chay, chỉ niệm “A Di Đà Phật”. Niệm đến khi được nhất tâm bất loạn, Lão Phật Gia sẽ đến thăm quý vị. Những người nhanh miệng, Lão Phật Gia sẽ không nói. Không được nói! Niệm đến nhất tâm bất loạn, Lão Phật Gia đều biết. Nếu quý vị tu hành tốt rồi, trong tâm Lão Phật Gia đều biết rõ, đều nhìn quý vị, đều theo dõi quý vị đó! Thành thật niệm Phật đi!

Mọi người vẫn rất hứng thú muốn biết những việc liên quan đến cảnh giới. Vị cư sĩ lần đầu tiên gặp mặt đã bị lão Hòa thượng nhắc nhở phải “quản tốt cái miệng của con”, muốn truy hỏi lão Hòa thượng đến cùng xem “nhất tâm bất loạn” rốt cuộc là cảnh giới gì. Anh vừa mở lời thì bị lão Hòa thượng cắt ngang, mỉm cười nói với anh:

- Nhất tâm bất loạn làm sao nói cho con nghe được?

Không cách nào nói được!

Anh ấy nghe rồi chỉ cảm thấy rung động, bỗng từ ghé sô-pha đứng dậy, không nhịn được muốn chia sẻ với mọi người vài câu. Chưa nói lời nào, nhưng anh xúc động đến

mức không làm chủ được nên hai tay đã múa may trước rồi. Vẫn như thường ngày, lão Hòa thượng từ tốn nói với anh:

- Con đừng khua tay múa chân. Dùng miệng nói, đừng dùng tay nói.

Vừa nói, Ngài vừa học theo dáng vẻ của anh ấy cũng dùng tay khua vài cái!

Nếu có người hỏi lão Hòa thượng: Ngài đã thấy A Di Đà Phật chưa? Ngài sẽ khẳng định mà nói cho quý vị biết: Thấy rồi. Nhưng đã thấy bao nhiêu lần thì Ngài không nói. Khi giảng kinh, lão Pháp sư Tịnh Không đã nói rất nhiều lần, lão Pháp sư tin lão Hòa thượng Hải Hiền không chỉ thấy A Di Đà Phật một lần trong đời này, chỉ là lão Hòa thượng không nói mà thôi.

Lão Pháp sư Tịnh Không nói: Người có tính cách như lão Hòa thượng Hải Hiền, nhiều nhất là niệm Phật ba năm thì có thể được định. Trong Tịnh Độ Vãng Sanh Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, những tám gương niệm Phật ba năm được thành tựu, được định thì rất nhiều, rất phổ biến. Niệm Phật ba năm được định gọi là công phu thành phiền, đây không phải là định sâu lắm, nhưng chỉ cần công phu thành phiền thì chẳng những có thể vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, mà còn có thể tự tại vãng sanh. Cũng có không ít trường hợp sau khi đạt được công phu thành

phiền, những người vẫn còn thọ mạng nhưng không cần nữa, khẩn cầu A Di Đà Phật tiếp dẫn họ vãng sanh.

Sau khi đạt được công phu thành phiền, niệm thêm ba năm nữa nhất định có thể được sự nhất tâm bất loạn, chính là được tâm thanh tịnh. Lúc này, tất cả ô nhiễm trong tâm thấy đều không còn. Tâm thanh tịnh có thể khai mở tiểu trí huệ. Tâm thanh tịnh là cảnh giới của A la hán, Bích chi Phật. Đạt được sự nhất tâm bất loạn, hầu như họ biết cả pháp thế gian và xuất thế gian. Cho nên, lão Hòa thượng Hải Hiền nói Ngài “điều gì cũng biết”. Tiếp tục niệm thêm ba năm, từ sự nhất tâm bất loạn nâng cao lên được lý nhất tâm bất loạn.

Cảnh giới chứng được lý nhất tâm bất loạn trong Tịnh Độ tông chính là đại triệt đại ngộ trong Thiên tông, đại khai viên giải trong Giáo hạ. Pháp sư Tịnh Không nói: “Lão Hòa thượng Hải Hiền xuất gia năm 20 tuổi, sư phụ dạy Ngài một câu Phật hiệu. Đến năm 30 tuổi, Ngài chắc chắn chứng được niệm Phật tam muội; nhiều nhất là thêm mười năm, năm 40 tuổi thì được đại triệt đại ngộ”.

Đối với cảnh giới của chính mình, thật ra lão Hòa thượng đã để lộ một chút tin tức cho chúng ta. Ngài nói: “Điều gì tôi cũng biết”. Điều gì Ngài cũng biết, chỉ là Ngài không nói. Điều gì cũng biết chính là minh tâm kiến tánh, không minh tâm kiến tánh thì không thể nói câu này, nếu không thì là đại vọng ngữ.

Điều gì cũng biết! Phật pháp, thế gian pháp, quý vị đến hỏi Ngài, Ngài đều biết, không có gì là không biết. Lão Hòa thượng Hải Hiền giống như Đại sư Huệ Năng vậy, chưa từng tụng kinh điển, cũng không biết một chữ. Đại sư Huệ Năng còn được nghe Ngũ Tổ giảng nửa bộ Kinh Kim Cang, lão Hòa thượng Hải Hiền thì ngay cả một lần nghe giảng kinh cũng không có. Nhưng nếu quý vị đọc kinh văn cho Ngài nghe, Ngài sẽ giảng giải cho quý vị, những điều Ngài giảng chắc chắn không sai. Pháp sư Tịnh Không tán thán rằng: “Trong thời đại của chúng ta còn xuất hiện người như vậy là điều rất hiếm thấy! Thiên tông đời Đường xuất hiện một vị Đại sư Huệ Năng, Tịnh Độ tông ngày nay xuất hiện một vị lão Hòa thượng Hải Hiền”.

## **CHƯƠNG 32 - LẠY PHẬT PHẢI LẠY RA TỰ TÁNH**

Mùa xuân năm 2012, người thanh niên nhật sơi mì lên ăn năm xưa đã cùng bạn đến chùa Lai Phật. Nhìn thấy lão Hòa thượng Hải Hiền đang ngồi trong phòng vá đồ, anh ấy liền bước thẳng vào đánh lễ Ngài. Lão Hòa thượng cảm ơn anh lại, hỏi rằng:

- Con lạy Phật chưa?
- Dạ chưa.

Lão Hòa thượng chỉ bô đoàn dưới đất nói:

- Con lạy Phật trước đi.

Người thanh niên dôi bô đoàn dưới đất đến trước tượng Phật, đánh lễ ba lạy, lão Hòa thượng nhìn anh lạy xong rồi đứng lên, Ngài cười và nói:

- Ta đã dạy con lạy Phật như thế nào rồi, con vẫn chưa học được à! Lạy Phật phải giống như con cóc vậy, sống lưng phải thẳng.

Người thanh niên vội vàng đánh lễ lão Hòa thượng, cam đoan với lão Hòa thượng rằng:

- Con nhớ rồi, sau này con lạy Phật nhất định đạt chuẩn.

Lão Hòa thượng không ngừng nói:

- Tốt, tốt!

Sau đó, Ngài cố ý giải thích với anh:

- Con cóc chính là con ếch ộp đó! Ngài làm cho mọi người cười phá lên.

Mỗi khi có người đánh lễ lão Hòa thượng, Ngài đều vui cười hơn hờ mà nói: “Đừng lạy phàm Tăng như tôi, đi lạy Phật đi!”. Mỗi khi nhìn thấy tư thế của các cư sĩ tạp loạn, không có oai nghi, Ngài lập tức giảng giải cho mọi người: “Lạy Phật tâm phải thành, sống lưng phải thẳng, để chén nước cũng không đổ, khi lạy xuống tư thế phải như

con cóc vậy”. Ngài vừa nói, lại vừa làm mẫu mấy lần cho mọi người xem.

Lạy Phật cũng là phương pháp tu hành Phật pháp. Lạy Phật, cúng Phật đều là tu phước. Khi lạy Phật, tuy là thân cử động, nhưng tâm thanh tịnh, trong tâm không thể có ý niệm, không thể có vọng tưởng. Người mới bắt đầu học Phật luôn có ý niệm trong tâm, lúc này phải buông xả ý niệm, chuyên niệm “A Di Đà Phật”. Niệm “A Di Đà Phật” là tu định. Khi niệm Phật, ý niệm tập trung vào câu Phật hiệu này không để phân tán. Thời gian lâu dần, công phu sâu hơn, tự nhiên sẽ không còn vọng niệm nữa, khi đó thì thành công rồi, gọi là được định. Định có thể mở mang trí huệ, định khởi tác dụng chính là trí huệ, gọi là “do giới được định, do định khai huệ”. Một khi trí huệ hiện tiền thì điều gì cũng biết.

Cho dù cuộc sống khó khăn thế nào, công phu tu hành của Hòa thượng Hải Hiền cũng chưa hề gián đoạn. Hằng ngày, Ngài thấp nhang, lạy Phật, niệm Phật; đặc biệt là niệm Phật ngày đêm không gián đoạn. Ngài niệm mệt rồi thì lên giường nghỉ ngơi một chút, nghỉ ngơi xong thì ngồi dậy tiếp tục niệm, tiếp tục lạy, vô cùng linh hoạt, vô cùng tự tại, không có chút gò bó nào: Mệt rồi thì nghỉ, nghỉ xong thì tiếp tục niệm.

Bình thường, lão Hòa thượng Hải Hiền lạy Phật không quỳ trên bồ đoàn mà luôn quỳ trên mặt đất lạy Phật. Ngài đối với Phật chân thành cung kính đến cực độ. Ngài nói:



“Lạy Phật là phải lạy ra tự tánh, lạy ra tâm thanh tịnh!”. Có một lần, Ngài lạy Phật ở Phật đường Lục Phương, các cư sĩ muốn đặt một tượng Phật trong phòng Ngài, Ngài nghe xong rồi nói: “Chủ yếu là tôi phải niệm ra tự tánh Phật thì thành công rồi”.

Phật là chân tâm của chúng ta, là tự tánh của chúng ta. Chúng ta niệm Phật, lạy Phật, mục đích là phải niệm ra tự tánh Phật, lạy ra tự tánh Phật. A Di Đà Phật chính là chân tâm của chúng ta. Tâm của chúng ta, niệm niệm đều đang niệm “A Di Đà Phật”, chính là niệm niệm đang khai mở tự tánh của chúng ta. Niệm ra tự tánh Phật, lạy ra tự tánh Phật chính là minh tâm kiến tánh, vậy thì thành Phật rồi.

## **CHƯƠNG 33 - CHĂM CHỈ NIỆM PHẬT**

Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh là dùng thân giáo, dùng ngôn giáo. Lão Hòa thượng Hải Hiền vô cùng từ bi, Ngài hiện thân thuyết pháp cho chúng ta cũng là thân hành, ngôn giáo. Ngài đặt thân giáo lên hàng đầu, tức là làm cho mọi người thấy. Ngôn giáo của Ngài chính là dạy mọi người phải thành thật niệm Phật, trì giới niệm Phật, buông xả tự tư tự lợi. Khi có người đến thỉnh giáo Ngài, Ngài giải đáp ngắn gọn, rõ ràng, để người nghe xong dễ dàng ghi nhớ, đồng thời có thể hoan hỷ tiếp nhận.

Bình thường lão Hòa thượng Hải Hiền không thích nói chuyện, trừ khi nói đến việc niệm Phật. Ngài thường nhắc nhở những người bên cạnh phải “chăm chỉ niệm Phật, thành Phật là việc lớn, còn lại đều là giả!”. Đây là khẩu đầu thiền của lão Hòa thượng, là câu mà lão Hòa thượng nói nhiều nhất. Có cơ hội thì Ngài liền dùng câu này để khuyên bảo người khác, luôn nhắc nhở mọi người.

Ngài đúng thật từ bi đến tột cùng.

Trong Đại thừa giáo, Phật nói cho chúng ta biết vũ trụ là giả, không phải thật. Trong Kinh Kim Cang miêu tả: “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ung tác như thị quán” (Tất cả pháp hữu vi như mộng ảo bọt bóng, như sương như tia chớp, nên quán sát như vậy). Bài kệ này nói rõ chân tướng của vũ trụ là một giấc mộng. Nó tồn tại giống như hạt sương, mặt trời vừa mọc lên thì hạt sương sẽ mau chóng khô mất, không còn nữa; lại giống như tia chớp, sau khi chớp thì ngay cả dấu vết cũng không còn. Cho nên nói vũ trụ không phải là thật mà là giả.

Vũ trụ từ đâu đến? Vạn vật từ đâu đến? Sinh mạng từ đâu đến? Còn ta từ đâu đến? Lúc khai ngộ, Lục Tổ Thiền tông Đại sư Huệ Năng đã nói vài câu, câu cuối cùng trong đó đã giải đáp được những nghi vấn này, Đại sư nói: “Hà kỳ tự tánh, năng sanh vạn pháp”, không ngờ tự tánh của chúng ta có thể sanh ra vạn pháp! Cũng tức là tự tánh của chúng ta có thể sanh ra vũ trụ, có thể sanh ra tất cả pháp,

có thể sanh ra sinh mạng. Ta từ đâu đến? Từ tự tánh biến hiện.

Lão Hòa thượng Hải Hiền hiểu rõ đạo lý này, Ngài thường nói với mọi người phải niệm “A Di Đà Phật”, câu Phật hiệu này là thật, ngoài câu Phật hiệu ra đều là giả. Pháp sư Tịnh Không nói: “Chỉ có người minh tâm kiến tánh mới có thể nói ra những lời như vậy, đây là chân tướng sự thật”.

Đã là giả thì nên buông xả, không cần phải quan tâm đến; là thật thì phải nắm chắc. Thế giới Cực Lạc là thật, A Di Đà Phật là thật.

Niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc thì thành Phật. Đây là thật, còn lại đều là giả, không có gì là thật cả. Đại sư Vĩnh Gia đời Đường nói: “Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên” (Trong mộng rõ ràng có sáu đường, giác rồi đại thiên thế giới cũng không còn). “Mộng” đại diện cho mê, “giác” đại diện cho ngộ. Ý nghĩa của câu nói này là khi mê thì có lục đạo luân hồi, sau khi giác ngộ rồi mới biết vốn dĩ không có lục đạo luân hồi. Nếu người tu hành cái này cũng cần, cái kia cũng muốn, chuyện này cũng nghĩ, chuyện kia cũng nhớ, vậy thì phiền phức rồi. Lão Hòa thượng Hải Hiền cao minh, Ngài không nghĩ gì, cũng không cần gì cả, tất cả đều tùy duyên. Việc có lợi ích cho chúng sanh, nếu có duyên thì Ngài làm; không có duyên thì không làm, không phan duyên.

Lão Hòa thượng thường khuyên mọi người phải chăm chỉ niệm Phật. Tất cả những người từng thân cận với Ngài, bất luận là già trẻ lớn bé, khi gặp mọi người Ngài đều nói câu này: “Chăm chỉ niệm Phật, chỉ có chăm chỉ niệm Phật mới có thể lìa khổ, mới có thể được vui, mới có thể đi đến nơi tốt đẹp được!”. Ngài còn nói rất rõ với mọi người, niệm Phật nhất định phải niệm đến công phu thành thiền mới có thể tự tại vãng sanh Tây Phương. Một hôm, giữa mùa thu năm 2012, một vài vị cư sĩ từ vùng khác đến chùa Lai Phật. Tới nơi, họ liền đến hỏi thăm lão Hòa thượng Hải Hiền, Ngài đang ngồi chẻ củi. Sau khi đánh lễ Ngài, mọi người thỉnh cầu lão Hòa thượng khai thị vài câu cho mọi người. Lão Hòa thượng vẫn ngồi ở đó, vừa chẻ củi vừa nói: “Không có gì để khai thị, hãy chăm chỉ niệm Phật! Trên đời không có việc gì khó, chỉ sợ tâm không chuyên”. Mọi người nghe xong rất hoan hỷ, đều vỗ tay. Ngài tăng ngữ khí nhấn mạnh thêm lần nữa: “Thật sự không có việc gì khó đâu!”.

Câu nói “trên đời không có việc gì khó, chỉ sợ tâm không chuyên” của lão Hòa thượng Hải Hiền làm tăng thêm tín tâm và nguyện tâm của người niệm Phật. “Chuyên” là chuyên nhất, là “thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”, huân tu lâu rồi mới có chỗ ngộ, cũng là người xưa thường nói “đọc sách ngàn lần, tự hiểu nghĩa kia”. Đây là lý niệm và phương pháp liên quan đến việc học tập văn hóa truyền thống Trung Quốc: Lý niệm là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài; phương pháp chính là đọc sách

ngàn lần, tự hiểu nghĩa kia. Vì vậy, chỉ cần thâm nhập một môn, huân tu lâu dài thì nhất định có thể thành tựu.

Lão Hòa thượng Hải Hiền luôn nói với mọi người: Người có thể niệm Phật đều là người có phước đức lớn, thiện căn lớn. Nhất định phải nắm bắt nhân duyên lớn và tốt đẹp này, thành thật niệm Phật thì đời này sẽ thành tựu! Kinh Phật Thuyết A Di Đà là một trong ba bộ kinh Tịnh Độ, trong kinh có nói: “Bất khả dĩ thiếu thiện căn phước đức nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc” (Không thể dùng chút ít thiện căn phước đức nhân duyên mà được sanh về cõi nước kia). Nói cách khác, đối tượng của Tịnh tông là những người có [đầy đủ] thiện căn, phước đức, nhân duyên. Có đủ ba điều kiện này, bất luận là già trẻ lớn bé, thông minh hay đần độn, nhân rỗi hay bận bịu, không ai không thành tựu. Thiện căn là gì? Thiện căn là trí huệ, vừa tiếp xúc thì liền tin tưởng, không nghi ngờ, đây là thiện căn; “thật thà, nghe lời, thật làm” là thiên phú, sanh ra đã có, đây gọi là thiện căn. Phước đức là gì? Phước đức là định, là tâm thanh tịnh, trong tâm không bị ô nhiễm; dùng tâm chân thành đối đãi với mọi người, không dùng vọng tâm; cung kính tất cả. Một người có ba phẩm chất “chân thành, thanh tịnh, cung kính” thì người ấy có phước.

Trong những tháng cuối đời của lão Hòa thượng, cư sĩ ở Nam Dương đã có một buổi phỏng vấn lão Hòa thượng. Trong buổi trò chuyện đó, lão Hòa thượng Hải Hiền nói với mọi người: “Người Nam Dương có phước báo, bởi vì

nhieu người học Phật. Người học Phật đều có thiện căn, nếu không có thiện căn thì họ không thể niệm Phật được. [Quý vị] chăm chỉ niệm Phật để về thế giới Tây Phương Cực Lạc nhé!”.

Lão Hòa thượng còn giảng giải cho mọi người nghe về một đoạn công án trong Kinh Pháp Hoa: “Nhất xưng Nam mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo” (Vừa niệm Nam mô Phật, đều đã thành Phật đạo). Đoạn công án này nói khi Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, có một người muốn khẩn cầu Phật xuống tóc xuất gia cho mình, Phật để cho các đệ tử đã chứng đắc A la hán quan sát xem người này có thiện căn hay không. Bậc A la hán có thể nhìn thấy kiếp trước, kiếp trước nữa... của người khác, tổng cộng có thể nhìn thấy 500 kiếp. Kết quả các vị ấy nhìn thấy người này trong 500 kiếp chưa từng kết duyên với Phật. Không có thiện căn, làm sao học Phật? Nhưng Phật đồng ý cho ông xuất gia, tác thành ông xuất gia và nói với đại chúng: Vô lượng kiếp trước, ông từng là tiểu phu, mưu sinh bằng nghề đôn củi. Một lần, gặp phải con hổ trên núi, ông trèo lên cây để tránh nạn, trong lúc không biết phải làm thế nào, ông đã la lên một tiếng “Nam mô Phật”! Chính là chủng tử này, hôm nay đã chín muồi rồi, cho nên Phật độ ông xuất gia.

Thời gian vô lượng kiếp, thời gian này dài đến mức không cách nào hình dung được. Nghiệp duyên của một câu “Nam mô Phật” trong vô lượng kiếp trước, đến khi

gặp Thích Ca Mâu Ni Phật thì chín muồi. Vì vậy, có nhân thì nhất định có quả.

Nói xong đoạn công án này, lão Hòa thượng lại trước sau như một khuyên mọi người phải niệm Phật. Ngài nói:

- Chăm chỉ niệm Phật, siêng năng tu hành đều có thể thành Phật. Nếu quý vị không tu thì làm sao tốt được chứ? Quý vị hãy làm giống tôi mấy chục năm nay, mỗi ngày đều thức dậy lúc ba giờ sáng. Tôi thức dậy thắp nén nhang, ngồi xuống niệm Phật rồi đi kinh hành; niệm Phật mệt rồi thì dựa vào đó, dựa vào đó vẫn tiếp tục niệm Phật. Việc đó không phải chỉ trong chốc lát thì có thể tu tốt được!

Lão Hòa thượng Hải Hiền không ngại phiền hà dạy bảo mọi người niệm Phật. Ngài nhìn các cư sĩ, từ bi và khẩn thiết tiếp tục dặn dò:

- Phải chăm chỉ niệm Phật. Niệm Phật xong rồi vào Phật đường hồi hướng. Không được nói tôi niệm câu ‘A Di Đà Phật’ là được rồi, không niệm đến nhất tâm bất loạn thì không được xem là niệm! Người không học cho tốt thì không được.

Lão Hòa thượng nhắc nhở mọi người phải hồi hướng, hồi hướng là gì? Phật dạy cho chúng ta, đem công đức một đời tu học của chính mình, điều gì cũng không cầu, chỉ cầu vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật, như vậy gọi là hồi hướng.

## CHƯƠNG 34 - LÃO HÒA THƯỢNG VÀ CÁC ĐỆ TỬ

Trong số đệ tử của lão Hòa thượng Hải Hiền có rất nhiều vị đều vô cùng ưu tú. Sau khi xuống núi, các đệ tử của Ngài ở các chùa cổ nổi tiếng khắp Đại Giang Nam Bắc như Ngũ Đài Sơn, Phổ Đà Tự, Thiếu Lâm Tự, Bạch Mã Tự, v.v... Những nơi đó đều có đệ tử của Ngài truyền thừa sư đạo, hoằng pháp lợi sanh, và lại đa số đều đảm nhiệm việc chính trong đạo tràng tự viện. Ví dụ như: Pháp sư Ấn Tùng là thủ tọa Thiếu Lâm Tự được nhiều người biết đến là vị Pháp sư được lão Hòa thượng Hải Hiền thế độ, Pháp sư Ấn Tùng khôi phục lại hai ngôi chùa cổ ở Nam Dương, cũng là đệ tử của lão Hòa thượng. Ở đây chỉ ghi chép lại câu chuyện cuối đời của lão Hòa thượng cùng một vài vị đệ tử.

### **.: Pháp sư Ấn Chí :.**

Trụ trì chùa Lai Phật hiện nay là Pháp sư Ấn Chí – người tiếp nối của lão Hòa thượng. Ngày mùng 3 tháng 3 âm lịch năm 1986, Ngài và lão Hòa thượng Hải Hiền quen biết nhau. Lúc đó, Ngài vẫn chưa xuất gia.



Mấy ngày trước khi quen biết lão Hòa thượng, Ngài phát hiện một cháu trai cùng họ với Ngài, cũng là người bạn chơi với Ngài lúc nhỏ, không ăn thịt uống rượu với mình nữa. Ngài theo hỏi đến cùng [mới biết] thì ra cháu đã quy y Tam Bảo, thọ năm giới với lão Hòa thượng Hải Hiền ở chùa Lai Phật. Cả đời Pháp sư Ấn Chí được ảnh hưởng từ người mẹ ăn chay niệm Phật, không những không phản cảm đối với việc học Phật, mà còn hướng về Phật pháp. Chính là nhân duyên như vậy, mấy ngày sau Ngài cùng cháu trai này đến chùa Lai Phật xin quy y.

Pháp sư Ấn Chí vừa gặp lão Hòa thượng Hải Hiền thì cảm giác như gặp được người thân vậy. Trong mắt của Ngài, lão Hòa thượng thân thiết, từ bi, lương thiện biết bao! Từ đó về sau, chỉ cần vài ngày không đến chùa, không gặp được lão Hòa thượng thì Ngài cảm thấy rất nhớ, trong lòng rất nôn nóng. Thế là cứ cách khoảng mười ngày đến nửa tháng, Ngài đến chùa một lần. Khi đó, nhà Ngài vẫn chưa có xe đạp, mỗi lần đi về đều mất hai ba tiếng đồng hồ.

Tháng 9 năm 1987, vì bận việc đồng áng nên gần 3 tháng Pháp sư Ấn Chí không đến thăm lão Hòa thượng. Vào một buổi sáng, Pháp sư Ấn Chí đang ăn sáng với hàng xóm ở bên ngoài, chợt thấy lão Hòa thượng đang cầm cái túi đi về hướng mình. Pháp sư Ấn Chí để chén đĩa xuống, nhanh chóng chạy đến. Ngài cúi lạy lão Hòa thượng rồi hỏi:

- Thầy đi đâu vậy?
- Đến thăm con đó!

Pháp sư Ân Chí nắm chặt lấy tay của lão Hòa thượng, cảm động đến rơi nước mắt và hỏi:

- Thầy đến đây có việc gì sao?
- Không có gì! Thầy đến thăm con thôi. Lâu rồi con không đến chùa, xem con đang bận việc gì, niệm Phật có giải đãi hay không!

Làm phiền một vị lão Hòa thượng 87 tuổi đặc biệt lận lội đường xa đến thăm, Pháp sư Ân Chí cảm thấy muôn phần hổ thẹn.

Sau khi Pháp sư Ân Chí xuất gia ở chùa Lai Phật, lão Hòa thượng Hải Hiền nói với Ngài: “Ở chùa chúng ta chuyên tu niệm Phật, không làm kinh sám Phật sự. Thà không có chùa, chẳng thể không có đạo; thà không có người, chẳng thể không có Pháp”.

Khi mới ở đạo tràng, Pháp sư Ân Chí cảm thấy rất mới lạ. Vì vậy, Ngài tu học rất tinh tấn. Nhưng thời gian lâu dần, Ngài cảm thấy đơn điệu nhàm chán. Ngài không nhận được nên muốn ra ngoài để tham học, muốn tìm một con đường tắt khác. Dường như lão Hòa thượng đọc được suy nghĩ của Ngài, nói với Ngài: “Chạy nam chạy bắc không bằng giữ ngôi chùa nhỏ”. Nhưng Pháp sư Ân Chí nghe không lọt tai những lời của sư phụ. Thế là Ngài rời khỏi sư phụ, đến tự viện lớn ở các nơi tham học. Trải qua năm, sáu

năm tham học, Ngài mới phát hiện nhiều năm tu hành của mình đều phí công vô ích. Ngài hoàn toàn thất vọng.

Năm 2003, trong lúc thất vọng tột cùng, nhớ đến lời giáo huấn của sư phụ, Ngài bèn trở về bên cạnh sư phụ, sám hối với sư phụ. Lão Hòa thượng Hải Hiền không hề có một lời trách tội. Lão Hòa thượng nhìn Pháp sư Ấn Chí và Pháp sư Ấn Hàm, ôn tồn nói: “Nếu các con không muốn ở chùa Lai Phật, thì có thể đến núi Đồng Bách, chùa Tháp Viện cũng là đạo tràng ta kiến lập, hoàn cảnh bên đó tốt hơn bên này”. Lão Hòa thượng lấy mấy ngàn tệ ra nhờ người khác mua giúp một chiếc máy cày cho hai vị dùng để cày bừa ở trên núi. Nhưng khi hai vị đến ở chùa Tháp Viện không bao lâu thì chê đường núi quá dốc nên rủ nhau “bỏ trốn”.

Lão Hòa thượng Hải Hiền vẫn không trách hai đệ tử. Lão Hòa thượng lại đích thân đưa Pháp sư Ấn Hàm và Ấn Chí đến chùa Thiên Phật, dặn dò phải siêng năng tu hành, chấn hưng đạo tràng cổ có hai ngàn năm lịch sử này. Không lâu sau, Pháp sư Ấn Chí cũng đi theo các Ngài đến chùa Thiên Phật ở lại lâu dài.

Ngày 18 tháng 8 năm 2007, đại thọ 107 tuổi của lão Hòa thượng Hải Hiền, Pháp sư Ấn Chí về chùa Lai Phật chúc thọ sư phụ. Lão Hòa thượng gặp Ngài rồi, nước mắt chảy dài mà nói: “Ấn Chí à, con đừng đi nữa. Ta đã hơn trăm tuổi rồi, cũng không sống được mấy năm nữa, nhưng đến giờ chùa vẫn chưa tìm được người tiếp nối thích hợp.

Con đừng đi nữa!”. Nhìn nước mắt trên khuôn mặt sư phụ, Pháp sư Ân Chí thật sự không nhẫn tâm cự tuyệt, bèn ở lại bên cạnh sư phụ tận hiếu.

Từ lần đầu tiên Ngài gặp lão Hòa thượng Hải Hiền đến lúc này đã 21 năm rồi.

Mùa thu năm 2008, trước sự chứng kiến của những vị cư sĩ hộ pháp trong thôn, lão Hòa thượng trình trọng giao phó lại chùa Lai Phật cho đệ tử là Pháp sư Ân Chí. Lão Hòa thượng nói:

- Ta lớn tuổi rồi, đã đến lúc phải buông xuống. Chùa Lai Phật giao lại cho con thì ta yên tâm. Sau này con phải làm thật tốt.

Pháp sư Ân Chí quỳ trước mặt sư phụ nói:

- Xin sư phụ yên tâm, con nhất định không để sư phụ thất vọng, con sẽ khắc ghi lời dạy của sư phụ, một câu “A Di Đà Phật” niệm đến cùng, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận của mình, tùy duyên độ chúng, tiếp tục truyền thừa truyền thống tốt đẹp của chùa Lai Phật!

Về việc quản lý chùa, lão Hòa thượng thường khai thị: “Đừng sợ không có chùa, chỉ sợ không có đạo. Thà không có người, chẳng thể không có pháp”. “Con không đến ta không trách, đến rồi thì phải giữ giới của ta”.

Ngài lại dặn dò Pháp sư Ân Chí:

- Đừng sợ không có chùa, chỉ sợ không có đạo.

Ngài còn nói:

- Không điếc không mù, không xứng làm trụ trì!

Ý nghĩa của câu nói này là bảo Pháp sư Ấn Chí phải kham nhẫn, phải nhường nhịn, không thể giống như người khác.

Sau khi giao chùa cho Pháp sư Ấn Chí, hằng ngày lão Hòa thượng Hải Hiền vẫn làm việc, niệm Phật. Một năm trước khi vãng sanh, lão Hòa thượng từng nói với một vị cư sĩ: “Tôi không biết chữ, sao làm trụ trì? ... Bây giờ tôi chỉ niệm Phật của tôi”.

Pháp sư Ấn Chí thật là một người rất có hiếu. Tháng 11 năm 2011, lão Hòa thượng bị bệnh. Nghĩ sư phụ đã cao tuổi, sau khi cân nhắc cẩn trọng, Pháp sư Ấn Chí đưa lão Hòa thượng đến Bệnh viện Nhân Dân II, huyện Xã Kỳ để có điều kiện trị liệu tốt. Trong thời gian chữa trị, Pháp sư Ấn Chí luôn túc trực bên cạnh chăm sóc cho ân sư. Lão Hòa thượng bị tiêu chảy, đại tiện làm dơ hết quần áo, Pháp sư Ấn Chí hầu hạ cho lão Hòa thượng như cha mẹ mình, lau chùi cho lão Hòa thượng. Ngài đút từng muỗng từng muỗng cho lão Hòa thượng ăn, còn luôn thăm hỏi ân cần. Lão Hòa thượng nằm trên giường bệnh, miệng vẫn không ngừng niệm “A Di Đà Phật”.

Lão Hòa thượng phải nằm viện vài ngày. Những ngày đó, Pháp sư Ấn Chí không sao chớp mắt được. Đợi khi

bệnh tình chuyển biến tốt, lão Hòa thượng nói với Pháp sư Ân Chí:

- Ta không sao, con cũng nghỉ ngơi đi! Pháp sư Ân Chí xúc động mà nói:

- Sư phụ à! Sức khỏe của sư phụ quan trọng, con không dám lơ là. Chỉ cần sư phụ mạnh khỏe thì đó là phước báo của con! Con mong sư phụ sớm hồi phục, chúng ta về chùa!

Khi Pháp sư Ân Chí nói câu này, nước mắt lưng tròng, những cư sĩ có mặt ở đó cũng vì vậy mà xúc động. Cho đến khi lão Hòa thượng hồi phục xuất viện, Pháp sư Ân Chí mới thở phào nhẹ nhõm.

Sau khi lão Hòa thượng Hải Hiền vãng sanh, Pháp sư Ân Chí vô cùng xúc động nói với lão Pháp sư Tịnh Không mà Ngài tôn kính: “Sư phụ đi rồi, con nhớ lại từng lời nói, từng hành động của sư phụ, thật sự đáng kính! Khi sư phụ còn, chúng con đều kính phục đến năm vóc sát đất. Sau khi sư phụ đi rồi, nhớ lại từng lời nói, từng hành vi, nhất cử nhất động của sư phụ, quả thật không cầm được nước mắt!”.

Trong phòng thu âm giảng kinh hằng ngày của lão Pháp sư Tịnh Không treo một tấm ảnh của lão Hòa thượng Hải Hiền. Vào một ngày tháng 8 năm 2014, Pháp sư Ân Chí đến Hong Kong thăm Pháp sư Tịnh Không, khi nhìn thấy đức tướng của lão Hòa thượng Hải Hiền trong phòng

thu âm, Ngài liền khóc rung rức. Từ đây có thể thấy được tâm kính yêu của đệ tử đối với sư phụ.

Sau khi lão Hòa thượng Hải Hiền vãng sanh, vì muốn ghi chép lại phẩm hạnh cả đời của sư phụ để lưu truyền cho đời sau, Pháp sư Ân Chí cùng với một nhóm người trèo đèo lội suối, men theo dãy núi Đổng Bách, tìm kiếm dấu chân ở những nơi lão Hòa thượng đã đi qua. Có khi họ đi ở những vách núi dựng đứng, bất chợt gặp gió lớn, sức gió rất lớn, nếu sơ suất một chút thì sẽ bị thổi xuống dưới vách núi, lúc này họ chỉ có thể bám vào nham thạch trên đường núi để trèo về phía trước. Tuy là cực nhọc, nhưng mọi người đã thu thập được không ít tư liệu đáng quý.

Sau đó, cũng có không ít đệ tử Phật thân cận với lão Hòa thượng đã viết bài văn tưởng nhớ lại những khoảnh khắc khi ở cùng lão Hòa thượng. Pháp sư Ân Chí cùng mọi người chỉnh sửa những bài văn này để cúng dường đại chúng. Những tư liệu vô cùng quý giá này có thể giúp đỡ những người học Tịnh tông kiên định tín tâm học tập.

### **∴ Pháp sư Ân Hàm ∴**

Một vị đệ tử khác của lão Hòa thượng Hải Hiền là Pháp sư Ân Hàm trụ trì chùa Thiên Phật. Trước khi xuất gia, Ngài là một người mang đầy bệnh tật, mất hết lòng tin đối với cuộc sống.

Năm xưa, Ngài gặp những sự cố suýt mất mạng mấy lần, nhưng những sự cố này không giúp Ngài ý thức được đã đến lúc phải phản tỉnh lại chính mình. Năm 1982, Ngài lại bị trúng gió (trong y học gọi là “đứt mạch máu não”).

Đến năm 1989, bệnh tình của Ngài không những không thuyên giảm, mà còn ngày một nghiêm trọng hơn. Vào lúc này, có người tặng Ngài một quyển A Di Đà Kinh Bạch Thoại Giải Thích và một quyển sách nhỏ Năm Mươi Ba Lần Tham Vấn Của Thiện Tài Đồng Tử. Trước đó, Ngài chịu ảnh hưởng của thuyết vô thần nên không tin gì cả, cũng chưa từng đến mộ cúng tế tổ tiên, càng không tới chùa chiền thấp nhang lạy Phật. Nhưng lần này, Ngài tiếp nhận rồi. Khi đọc A Di Đà Kinh Bạch Thoại Giải Thích đến lần thứ 17, Ngài bắt đầu tin thật sự có thế giới Cực Lạc, thế nên Ngài hạ quyết tâm phải học Phật cầu sanh Cực Lạc.

Ngài có người em gái ruột (Pháp sư Ấn Chi) đã đến chùa Lai Phật xuống tóc xuất gia với lão Hòa thượng Hải Hiền vào năm 1985. Pháp sư Ấn Hàm xin Cô nói tình trạng của bản thân với lão Hòa thượng Hải Hiền. Lão Hòa thượng rất dứt khoát đồng ý nhận Ngài làm đệ tử. Ngài thành thật nói với lão Hòa thượng: “Con không có tiền, cũng không thể làm việc, chỉ có thể tự mang theo một ít lương thực đến thôi”.

Sau tết âm lịch năm 1990, người nhà đưa Ngài đến chùa Lai Phật, trong xe còn mang theo 400 cân lúa mì và



100 cân ngô. Ngài quy y Tam Bảo, chẳng lâu sau thì xuống tóc xuất gia.

Chùa Lai Phật có ruộng đất. Mỗi ngày, lão Hòa thượng Hải Hiền đều ra ruộng làm nông. Tuy Pháp sư Ân Hàm tự đem theo một ít lương thực, nhưng vào mỗi bữa cơm, Ngài vẫn cảm thấy bất an. Ngài nói với lão Hòa thượng:

- Con không thể ăn chén cơm này nữa, con muốn về nhà.

Lão Hòa thượng Hải Hiền an ủi Ngài:

- Đã đến đây rồi thì đừng về nữa. Lão Hòa thượng lại bảo Ngài:

- Lúc nửa đêm không có người, con có thể một mình lên chánh điện lạy Phật, cầu sám hối, phát đại nguyện. Nếu nguyện lực của con lớn hơn nghiệp lực, thì tự nhiên có thể thay đổi vận mệnh.

Pháp sư Ân Hàm nghe lời sư phụ, khoảng 12 giờ mỗi đêm, một mình Ngài lên chánh điện lạy Phật, sám hối. Ngài quỳ trước tượng Phật Bồ tát nói hết tất cả những ác nghiệp mà bản thân đã tạo, sám hối từ tận đáy lòng, Ngài thường khóc rung rức. Ngài phát nguyện đời này tuyệt đối không hoàn tục và phải luôn làm hình tượng tiêu chuẩn của người xuất gia, cả đời làm rạng danh nhà Phật, tuyệt đối không để nhà Phật mất thể diện, nguyện vì chúng sanh công hiến tất cả, chỉ lo trồng trọt, không hỏi thu hoạch.

Pháp sư Ân Hàm vẫn luôn ghi nhớ sâu sắc ngôn truyền thân giáo của lão Hòa thượng. Một lần, lão Hòa thượng bảo Ngài dùng đôi đũa nhúng vào hũ dầu mè 50 cân để trộn rau. Ngài nhìn thấy sự tiết kiệm của lão Hòa thượng nên khắc ghi trong lòng.

Sau nhiều năm, khi nhắc đến việc này, Ngài vẫn rất xúc động: “Chỉ dựa vào điểm này thì tôi đã khâm phục sư phụ cả đời rồi! Những năm này tôi cố gắng học tập sự cần kiệm của sư phụ, bây giờ nói về mặt cần cù thì tôi còn tạm được, nhưng nói đến tiết kiệm thì vẫn còn kém xa sư phụ”.

Năm 2004, Hòa thượng Hải Hiền đích thân đưa Ngài và [nữ] Pháp sư Ân Chi (hai anh em) đến chùa Thiên Phật, còn dặn dò Ngài: “Ở đây rất gian khổ, giống như tay trắng dựng cơ đồ. Ở chùa cổ, nếu không phải là người chân tu thì không thể ở lại được đâu, Thần Hộ Pháp sẽ gây phiền phức đấy. Ta hy vọng hai anh em con phải thật tu thật làm, nếu các con có phước báo thì chùa Thiên Phật dần dần sẽ được hưng thịnh”.

Chùa Thiên Phật ở huyện Xã Kỳ được xây dựng vào năm thứ sáu Vĩnh Bình thời Đông Hán (năm 63 công nguyên), còn sớm hơn bốn năm so với chùa Bạch Mã ở Lạc Dương được xây dựng vào năm thứ mười Vĩnh Bình thời Đông Hán. Thời kỳ Cách mạng Văn hóa, chùa Thiên Phật bị hủy hoại nghiêm trọng, phòng ốc của chùa bị lấy làm trường học nhiều năm, mãi đến năm 2006 mới trả lại toàn bộ về chùa. Sau này, khi xới đất trồng rau ở chùa,

Pháp sư Ân Hàm còn đào được một miếng gạch thời Hán, trên đó khắc bốn chữ “Vĩnh Bình lục niên” (năm thứ sáu Vĩnh Bình).

### **.: Pháp sư Ân Vinh :.**

Năm 2007, sau một khóa tu Phật thất viên mãn, khi ấy [nữ] Pháp sư Ân Vinh đã học Phật nhưng chưa xuất gia, Ngài đánh lễ đức tượng của lão Pháp sư Tịnh Không. Khi Ngài lạy đến lạy thứ hai, trong tâm phát nguyện: Cầu sư phụ Thượng nhân gia trì cho con có thể tìm được một vị minh sư và một đạo tràng Tịnh tông thuần chánh, con muốn đến đó chuyên tâm tu hành. Không lâu sau, có người giới thiệu Ngài đến chùa Lai Phật đánh lễ nhục thân Bồ tát Pháp sư Hải Khánh. Đến chùa Lai Phật, Ngài gặp được lão Hòa thượng Hải Hiền.

Ngài vừa nhìn thấy lão Hòa thượng liền sanh vô lượng hoan hỷ. Ngài đánh lễ lão Hòa thượng và xin được nhận làm đệ tử, lão Hòa thượng không từ chối. Ba ngày sau, lão Hòa thượng vui mừng nói với Ngài: “Quán Âm Bồ tát nói với ta, vẫn còn một đệ tử đến đây, sau đó thì con đến rồi”. Khi đó, Pháp sư Ân Vinh nghe xong cũng không để tâm lắm, Ngài còn tưởng lão Hòa thượng đang nói sáng.

Lúc này, người thôn dân bên cạnh nói với Ngài: “Vị lão Hòa thượng này thật không đơn giản! Có lần trong thôn đang khoan giếng, khoan mấy ngày rồi mà vẫn không

có nước. Lão Hòa thượng đến nhìn, rồi dùng gậy chỉ một nơi khác nói: Quý vị khoan ở đây, ở đây có nước sạch. Mọi người khoan giếng theo chỗ mà lão Hòa thượng nói, quả nhiên chẳng mấy chốc thì có nước rồi”.

Từ đó về sau, Pháp sư Ấn Vinh chứng kiến rất nhiều việc không thể nghĩ bàn của lão Hòa thượng.

Cuối năm 2009, một mình Pháp sư Ấn Vinh đến đạo tràng cổ là chùa Viên Minh đã bị bỏ hoang nhiều năm. Nhìn thấy một cảnh tượng hoang vắng đồ nát, Ngài bèn phát tâm khôi phục đạo tràng, hoằng dương pháp môn Tịnh Độ ở nơi đây.

Chùa Viên Minh được xây dựng vào đời nhà Kim, có gần 800 năm lịch sử. Đời nhà Minh, Thanh, Dân Quốc đều có trùng tu. Khi hơn 30 tuổi, lão Hòa thượng Hải Hiền đã đến chùa Viên Minh tham học, lúc đó chùa vô cùng hưng thịnh, có hơn 200 Tăng chúng thường trụ. Về sau, chùa đã bị hủy hoại trong cuộc Cách mạng Văn hóa. Chùa Viên Minh cách chùa Lai Phật khoảng 100km.

Bởi vì chùa Viên Minh chỉ có Pháp sư Ấn Vinh và một vị nấu bếp lớn tuổi, nên Ngài không thể thường xuyên về thăm lão Hòa thượng Hải Hiền. Để báo ân thầy, cứ cách một khoảng thời gian thì Pháp sư Ấn Vinh sẽ đón lão Hòa thượng qua đó ở một thời gian ngắn.

Hai, ba năm trước khi vãng sanh, tất cả những ngôi chùa mà lão Hòa thượng đã kiến lập hoặc chùa do các đệ

tử trụ trì, Ngài đều đến ở một thời gian. Đặc biệt là Ngài phải đến chùa Viên Minh, một là vì nơi này chỉ có một đệ tử mới xuất gia không lâu là Pháp sư Ân Vinh, hai là vì điều kiện sống ở chùa quá gian khổ. Lão Hòa thượng từng nói với một vị cư sĩ: “Chùa này rất nghèo! Tôi qua đó ở, hương hỏa sẽ hưng vượng hơn chút”.

Pháp sư Ân Vinh rất tận tâm, nghĩ rằng lão Hòa thượng ở trên lầu đi vệ sinh không thuận tiện, Ngài bèn xây riêng một căn phòng nhỏ có nhà vệ sinh dành cho lão Hòa thượng.

Lão Hòa thượng vẫn luôn kiên trì thức dậy rất sớm để lạy Phật niệm Phật, khoảng thời gian ở chùa Viên Minh cũng như vậy. Mỗi ngày, vào lúc mọi người công phu sáng, căn phòng nhỏ của Ngài đã sáng đèn, tiếp đó có thể nghe được Ngài đang niệm “A Di Đà Phật” ngoài sân. Thông thường, lão Hòa thượng trì kim cang, mỗi lần niệm Phật ra tiếng đều không quá lâu. Nhưng ở chùa Viên Minh thì khác, mỗi sáng đều có thể nghe thấy tiếng Ngài kinh hành niệm Phật ngoài sân trong thời gian rất dài.

Sau bữa ăn sáng hằng ngày, lão Hòa thượng bắt đầu tìm việc để làm, thường bắt tay làm thì vài tiếng đồng hồ. Lão Hòa thượng và Pháp sư Ân Vinh ở chùa khai phá đất hoang. Khi lão Hòa thượng nhìn thấy Pháp sư Ân Vinh muốn làm việc, Ngài đều nói:

- Con không cần làm nữa, đi niệm Phật đi! Pháp sư Ân Vinh nói:

- Sư phụ à! Làm sao có thể để sư phụ hơn trăm tuổi đi làm việc, còn thanh niên chúng con lại trốn đi hưởng sự an nhàn chứ?

Lão Hòa thượng nói:

- Con niệm Phật chưa niệm ra công phu nên phải niệm nhiều. Niệm đến mức độ nhất định thì bất cứ lúc nào cũng đang niệm Phật. Làm việc không trở ngại ta niệm Phật đâu!

Lão Hòa thượng thường nói với Pháp sư Ân Vinh:

- Đừng thấy ta đang làm việc, trong tâm ta lúc nào cũng đang niệm Phật đó.

Lão Hòa thượng lúc nào cũng vậy, bảo mọi người đi niệm Phật, còn mình thì làm việc.

Vào một ngày mùa hè năm 2010, chùa Lai Phật đang tổ chức Pháp Hội Tam Thời Hệ Niệm thì đột nhiên bị cúp điện. Một số cư sĩ không chịu được sự oi bức trong niệm Phật đường nên đã lui ra ngoài hóng gió, nhưng lại nhìn thấy Hòa thượng Hải Hiền đeo túi dụng cụ, khiêng chiếc thang dài từ vườn tháp đi đến. Lão Hòa thượng để thang tựa vào tường, leo lên trên, lấy dụng cụ ra rồi bắt đầu công việc. Một lúc sau, thật sự đã sửa được mạch điện rồi. Khi lão Hòa thượng khiêng chiếc thang chuẩn bị về vườn tháp, có cư sĩ muốn tới giúp đỡ, lão Hòa thượng xua tay, cười tít

mắt nói: “Quý vị tiếp tục niệm Phật đi! Tôi ở ngoài ruộng không nghe thấy tiếng niệm Phật nên biết là dây điện lại hư rồi”.

Lão Hòa thượng vô cùng quan tâm đệ tử. Ngài rất xem trọng thời khóa công phu sáng tối, hầu như mỗi ngày lão Hòa thượng đều cố ý hay vô tình hỏi Pháp sư Ân Vinh hai lần: “Con công phu chưa?”. Tuy chỉ là câu nói bình thường, nhưng câu nói này vẫn luôn khích lệ Pháp sư Ân Vinh dũng mãnh tinh tấn. Về sau, mỗi khi Ngài giải đãi thì hình như nghe được tiếng sư phụ hỏi Ngài: “Con công phu chưa?”.

Pháp sư Ân Vinh rất kính yêu sư phụ, tâm hiếu của Ngài đối với lão Hòa thượng cũng làm Pháp sư Ân Chí bội phục, tán thán.

Pháp sư Ân Chí, Pháp sư Ân Hàm và Pháp sư Ân Vinh trụ trì ba đạo tràng khác nhau. Sau khi lão Hòa thượng vãng sanh, các Ngài đều bày tỏ: Đời đời kiếp kiếp về sau, đạo tràng đều phải chuyên tu chuyên hoằng pháp môn Tịnh Độ, tuyệt đối không thể phụ lòng ân cần dạy dỗ và sự kỳ vọng tha thiết của ân sư, tiếp tục truyền thừa truyền thống tốt đẹp của lão Hòa thượng, tu tốt lục hòa kính, lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy, “một ngày không làm, một ngày không ăn”.

## CHƯƠNG 35 - DÌU DẮT, DẠY BẢO HẬU BỒI

Phật dạy chúng ta phải lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai. Hễ tương ưng với tánh đức thì chúng ta phải tán thán; không tương ưng với tánh đức thì chúng ta phải lễ kính nhưng không tán thán. Đây chính là lời cổ nhân nói: “Kính nhi viễn chi” (Kính trọng nhưng không thân cận). Tánh đức là gì? Tất cả chân, thiện, mỹ, huệ là tánh đức. Cổ nhân nói ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức là tánh đức; Phật pháp nói giới, định, huệ là tánh đức.

Lão Hòa thượng Hải Hiền luôn dìu dắt, dạy bảo hậu bối. Hễ thấy những ngôn hành của hậu bối trái với tánh đức, Ngài đều từ bi chỉ ra chỗ sai và dạy bảo đúng lúc.

Hôm đó là ngày lễ Phật giáo, một vị nữ cư sĩ đến chùa cứ bám lấy một vị Pháp sư không ngừng nói chuyện thị phi trong nhà cô ấy. Nói một thời gian dài, Pháp sư có chút không kiên nhẫn, bèn trả lời cô ấy một cách giận dữ. Sau đó, một mình lão Hòa thượng Hải Hiền đi đến phòng của Pháp sư, nói với Pháp sư: “Nói chuyện với người khác không được nổi giận, thái độ phải ôn hòa. Lần này con nổi giận như vậy, lần sau người ta có chuyện cũng không dám nói với con nữa. Vậy thì con sẽ mất đi cơ hội độ chúng sanh, thậm chí sẽ đoạn mất pháp thân huệ mạng của họ. Khi con lâm chung cũng sẽ gây chướng ngại con, không thể không chú ý!”. Lão Hòa thượng đúng thật là “dương



thiện ư công đình, quy quá ư tư thất” (tán dương điều thiện chốn công chúng, khuyên răn làm lỗi nơi phòng riêng).

Một buổi chập tối mùa hè năm 2009, thời tiết rất nóng nực, lão Hòa thượng Hải Hiền và vị Pháp sư này ngồi đối diện ngoài sân để hóng mát. Lão Hòa thượng nói với Pháp sư:

- Người xuất gia đừng xem trọng ăn, mặc, không được phan duyên, không nên mong cầu người khác cúng dường cho con. Người khác cúng dường, con cũng không thể nói không cần, con nhận rồi thì để vào thùng công đức hoặc là in ấn kinh sách đều được, tuyệt đối không được dùng để hưởng thụ riêng. Quần áo mùa hè có thể che thân là được, quần áo mùa đông không bị lạnh là được. Ăn cơm, cho dù cơm gì, ăn lót dạ là được rồi. Ăn ngon, mặc đẹp thì con không muốn đến Tây Phương nữa.

Lão Hòa thượng lại nói tiếp:

- Việc gì cũng đừng nhờ người khác, mọi việc đều phải tự mình làm. Các con không nghe người khác thường nói “nhân đáo vô cầu phẩm tự cao” (con người đạt đến chỗ không mong cầu thì phẩm hạnh tự nhiên được thanh cao) hay sao? Không thể kết oán thù với bất kỳ người nào, kết oán thù tức là chúng ta có ngã chấp. Tất cả mọi việc trên đời đều không phải là thật. Tranh đông giành tây, cuối cùng vẫn chỉ là một mảnh không; tranh qua giành lại, khi chết chỉ được một miếng đất để chôn, có gì đáng để tranh

giành chứ? Chỉ cần chăm chỉ niệm Phật, đến thế giới Cực Lạc thì cái gì cũng có.

Những lời lão Hòa thượng dặn dò hậu bối, bản thân lão Hòa thượng đều đã làm được rồi. Trong đời này, Ngài chỉ làm một việc, đó là cầu sanh Tịnh Độ; những việc khác, Ngài đều không chạm vào. Ở thế gian này, chỉ cần sống qua những ngày tháng bình thường, có thể sống qua ngày là được, quần áo chỉ cần mặc ấm, cơm chỉ cần ăn no, Ngài chưa từng đòi hỏi [điều gì]. Người khác cúng dường Ngài, Ngài lấy đi phóng sanh, in ấn kinh sách, bản thân không sử dụng.

Hành Bồ tát đạo mà không chấp tướng, lão Hòa thượng Hải Hiền thật sự làm được ở thế gian này rồi, Ngài làm tấm gương cho chúng ta. Phật dạy chúng ta: Ở thế gian này, không tranh với người, không cầu nơi đời; không tranh với tất cả người, việc và vật, không mong cầu tất cả vạn pháp. Vì sao vậy? Vì không phải là thật. Nếu có tranh giành, có mong cầu thì sai rồi, tạo tác tội nghiệp một cách oan uổng.

Đại sư Huệ Năng nói rất hay, tất cả vạn pháp từ đâu mà có? Từ tự tánh sanh ra, “nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp”. Vạn pháp chính là tự tánh, tự tánh chính là vạn pháp. Tự tánh thật có nhưng chẳng thể đạt được. Vì sao không đạt được? Tự tánh không hiện tướng, là một mảnh thường tịch quang. Vì vậy, Phật pháp gọi đó là “chân không”, vô sở hữu. Nhưng chân không lại bất không, tự

tánh có thể hiện ra vạn pháp, tất cả vạn pháp do tự tánh hiển hiện là giả, không phải là thật, bởi vì thể của tự tánh là không. Cho nên, vạn pháp do tự tánh hiển hiện thì có thể thường thức, nhưng không đạt được; bởi vì sanh diệt trong từng sát na, vì vậy tuyệt đối không thể chiếm hữu nó. Trong Phật Pháp thường nói “buông xả”, chính là “không tranh với người, không cầu nơi đời”. Thật sự buông xả, không cầu, không tranh, tất cả đều tùy duyên. Biểu hiện của tùy duyên là hoan hỷ, là tốt. Vì vậy, cho dù lão Hòa thượng nhìn thấy người như thế nào cũng tốt; nhìn thấy việc gì cũng tốt. Trong mắt của Ngài, không có gì là không tốt.

## **CHƯƠNG 36 - TÚI PHÂN BÓN CHE MƯA**

Có người nói lão Hòa thượng có thần thông, Pháp sư Ấn Chí thì không nghĩ như vậy. Nhưng có lúc Pháp sư Ấn Chí cũng có chút mơ hồ: “Chuyện này không biết nói như thế nào... Quý vị nói Ngài không có thần thông, nhưng những việc này đều bày ra đó... Sau đó nghĩ lại, lão Hòa thượng nhất định có thần thông, chỉ là lúc đó quý vị hoàn toàn không nhận ra... Rốt cuộc là kinh nghiệm của Ngài, hay là thần thông của Ngài? Không nói rõ được. Nhưng

chúng tôi thật sự không nghĩ Ngài có thần thông”. Xem ra, Ngài thật sự còn chút gì đó không nói rõ được.

Năm 1999, chùa trồng thêm năm sáu mẫu cải dầu, hạt giống cũng sinh trưởng rất tốt. Đến cuối tháng ba đầu tháng tư, đúng mùa gặt cải, chùa thu hoạch được năm đồng hạt cải lớn. Hai ngày đó, lão Hòa thượng Hải Hiền bắt đầu may túi phân bón, Ngài tháo từng cái túi, sau đó may hết những cái túi đó với nhau. Ngài may thành cái bao rất to (tám bạt lớn). Lớn thế nào? Mỗi tám bạt đều lớn bằng 10 đến 20 túi phân bón.

Lão Hòa thượng may hai ngày, cuối cùng đã may xong. Ngài nói với Pháp sư Ân Chí:

- Ân Chí, con lấy mấy cái bao lớn ra đây, che mấy đồng hạt cải đó lại cho ta, trời sắp mưa rồi.

Pháp sư Ân Chí nhìn năm bao lớn đó, [sao lại có] một đồng bao lớn nằm ở đó. Pháp sư không hiểu, nói rằng:

- Sư phụ ơi, những tám bạt đó không che mưa được! Những túi phân bón đã rách tươm, lại còn thủng lỗ nữa. Rất nhiều túi đã cũ, hỏng, mòn rách, thủng lỗ hết rồi.

Pháp sư nói tiếp:

- Sư phụ ơi, nó không che mưa được!

- Che mưa được, con che lại cho ta đi! Pháp sư Ân Chí vẫn rất kiên trì:

- Con không che cho sư phụ đâu, nó vốn dĩ không che mưa được mà.

- Che mưa được, con che lại cho ta đi! – Lão Hòa thượng lại nói thêm lần nữa.

Pháp sư Ân Chí đã hết cách với sư phụ, trầm nghĩ: Được thôi, vậy thì che lại. Vì sợ gió thổi nên sau khi che xong, Pháp sư Ân Chí còn lấy gạch dằn lên bốn góc, buộc lại trên đỉnh. Như vậy, năm đồng hạt cải dầu đều được che kín bởi tấm bạt do lão Hòa thượng may lại.

Cải dầu mới thu hoạch phải phơi dưới ánh nắng mặt trời, vỏ hạt cải dầu phơi đến khi giòn, lúc đó dùng cây đập thì rất dễ lấy được hạt cải ở trong vỏ ra. Nhưng nếu gặp trời mưa thì không thể phơi được. Năm đồng cải bị tấm bạt lớn của lão Hòa thượng Hải Hiền ủ gần mười ngày. Cải dầu mới thu hoạch bị ủ như vậy sẽ tỏa nhiệt, hạt cải dầu sẽ chín, vỏ cải rất dễ nứt ra khi gặp gió.

Trong mười ngày đó, quả nhiên đã có ba trận mưa, nhưng bên trong chùa không mưa. Pháp sư Ân Chí nhìn thấy mưa đang rơi, nhưng mưa không rơi xuống chùa, mà rơi ở bên cạnh chùa. Ngài dí dỏm nói:

- Lão Hòa thượng thật tài tình, cái này thật sự có thể che mưa, nhưng đâu có mưa, làm sao mà không che được chứ! Nếu thật sự mưa thì nó vốn dĩ không thể che mưa được, nhưng đâu có mưa!

Pháp sư Ân Chí nói: Sư phụ của Ngài có thể có “thần thông”. Túi phân bón che lên đồng cải, mưa sẽ không rơi ở chỗ đó. Ngài cười và nói đùa với lão Hòa thượng:

- Lão Hòa thượng, cái này thật sự che mưa được! Không những che mưa, mà còn che rất tốt nữa! Ngay cả mưa cũng không rơi xuống, thì làm sao không che mưa được chứ?

Lão Hòa thượng nghe xong cũng cười, không nói lời nào cả.

## **CHƯƠNG 37 - TRONG THANH TAO CÓ VI DIỆU**

Sau khi lão Hòa thượng Truyền Giới – sư phụ của Ngài Hải Hiền – thế độ cho Ngài xong, nói với Ngài một câu: “Nam mô A Di Đà Phật, cứ niệm liên tục”. Sau đó lại nói thêm một câu: “Hiểu rõ rồi thì không được nói lung tung, không được khua tay múa chân”. Câu nói “hiểu rõ rồi” của lão Hòa thượng Truyền Giới có ý gì vậy? Là chỉ khai ngộ. Khai ngộ rồi thì điều gì cũng biết, nhưng không được nói. Hòa thượng Hải Hiền nghe lời, thật làm, thật sự có trí huệ, thật sự có thần thông, nhưng Ngài không hiển hiện chút gì, dấu tích cũng không để lộ.

Nếu một người có tâm địa thanh tịnh, không sanh một vọng niệm nào thì sẽ hiểu rõ hết tất cả cảnh giới bên ngoài, không những hiểu rõ cảnh giới trước mắt, mà còn hiểu rõ cảnh giới của quá khứ và vị lai. Đây chính là thần thông hiện tiền. Thần thông là nhờ tu thiền định mà đạt được tác dụng tự tại vô ngại, siêu vượt nhân gian, không thể nghĩ bàn.

Lão Hòa thượng có trí huệ, có người nói Ngài có thần thông, nhưng lão Hòa thượng không để lộ chút gì. Pháp sư Ấn Chí nói: Lão Hòa thượng không nhìn nhận mình có thần thông.

Rốt cuộc lão Hòa thượng có thần thông hay không? Cho dù Ngài hiện thần thông, mọi người cũng không biết. Nếu có người hỏi, Ngài sẽ không thừa nhận! Đây gọi là thành thật, hà tất phải cho người khác biết? Đến khi mọi người đều biết, Ngài đã đến thế giới Cực Lạc rồi.

Sau khi lão Hòa thượng vãng sanh, Pháp sư Ấn Vinh đã nhớ lại những việc của sư phụ khiến bản thân Ngài không hiểu rõ được.

Lúc Pháp sư Ấn Vinh mới xuất gia không lâu, phía trước chùa còn có một vườn rau, bây giờ vườn rau đó đã trồng một hàng hoa tươi. Rau trong vườn luôn sinh trưởng rất tốt, nhưng vì không có mưa, lại thêm nhiệt độ cao trong nhiều ngày nên lá rau bị nắng chiếu khô héo. Những

người trong thôn phơi lúa mì ở trước cổng chùa nói: Trên tivi dự báo, vài ngày tới sẽ không có mưa.

Buổi chiều ngày hôm đó, bỗng nhiên lão Hòa thượng kêu Pháp sư Ân Chí, Ân Vinh cùng đào cống thoát nước ở vườn rau với Ngài. Pháp sư Ân Chí nói:

- Sư phụ, trời còn hạn lắm, sắp khô cạn chết rồi, đào cống thoát nước gì chứ?

Lão Hòa thượng chỉ trả lời nhẹ nhàng, ngắn gọn:

- Con đào đi!

Pháp sư Ân Vinh cũng không hiểu, thậm chí: Trời nóng như vậy, lại khô cạn, không có mưa, còn đào cống thoát nước gì nữa? Pháp sư Ân Chí đành chịu mà nói:

- Sư phụ kêu đào thì đào thôi!

Tuy Pháp sư Ân Vinh cảm thấy rất miễn cưỡng, nhưng không muốn làm cho lão Hòa thượng giận nên cũng làm theo. Mọi người đều cầm xẻng ra đào. Người dân trong thôn nhìn thấy còn cười Pháp sư Ân Vinh ngốc quá, lại nghe lời nói nhảm của lão Hòa thượng.

Chiều hôm trước đào xong cống thoát nước, không ngờ sáng hôm sau trời mưa như trút nước liên tục mấy tiếng đồng hồ. May mà đã chuẩn bị từ trước nên vườn rau và chùa mới không bị ú nước. Trời đang hạn hán, lão Hòa thượng nhất quyết bảo mọi người đào cống thoát nước, ngày hôm sau thì trời mưa thật. Pháp sư Ân Chí bội phục



lão Hòa thượng tận đáy lòng! Ngài cảm thấy lão Hòa thượng thật sự rất tài ba, kinh nghiệm phong phú, bất kể làm việc gì cũng rất tinh thông. Lần này, Pháp sư Ấn Chí đã thực lòng tin phục, không nói thêm gì như trước kia nữa. Pháp sư Ấn Vinh đối với việc này vẫn còn có chút khó đoán, nhưng trong lòng cũng đã bội phục lão Hòa thượng hơn.

Mùa hè năm 2012, có vài người lạ đến chùa Viên Minh. Họ hy vọng có thể ở đây quải đơn (tức là tá túc qua đêm trong chùa). Lúc đó, lão Hòa thượng Hải Hiền cũng đang ở chùa Viên Minh. Nghe nói trong chùa có vị cao Tăng hơn trăm tuổi, những người đó đều muốn đến chào hỏi. Lão Hòa thượng đang nằm trên giường nghỉ ngơi, thấy có khách đến nhưng Ngài cũng không ngồi dậy. Nếu là ngày thường, lão Hòa thượng nhất định hoan hỷ ngồi dậy chào hỏi khách, không ngờ cách xử sự lần này của Ngài rất lạnh nhạt. Ngài nằm ở đó không cử động, từ tốn nói rằng: “Tôi lớn tuổi rồi, chùa này chỉ có một mình Ấn Vinh, mà còn là nữ chúng, cho nên chỗ này của chúng tôi không hiếu khách, không thể qua đêm được”.

Cách ứng xử của lão Hòa thượng làm cho Pháp sư Ấn Vinh vô cùng kinh ngạc, Pháp sư thật sự không hiểu vì sao hôm nay lão Hòa thượng lại có thái độ khác thường như vậy. Sau đó, một vị cư sĩ biết rõ tình hình nói với Pháp sư Ấn Vinh: Những người đó là người truyền bá tà giáo.

Ngoài chùa Viên Minh có miếng đất trồng trồng một ít rau cải và hoa màu, có khi có người đi qua chỗ đó không cẩn thận nên giẫm lên mầm rau trong ruộng. Pháp sư Ấn Vinh muốn chặn con đường đó lại, đúng lúc bên cạnh đó có hai trục lãn lúa đã không còn dùng (trước đây nông dân dùng trục để cán lúa trên sân), nên Ngài qua đó đẩy trục. Trục lãn lúa nặng quá, Ngài dốc hết sức đẩy mấy lần, nhưng chiếc trục vẫn bất động. Sau khi thấy vậy, lão Hòa thượng Hải Hiền đi đến. Ngài khom lưng cúi xuống, vừa ra sức thì đã dịch chuyển được chiếc trục đến con đường bên vườn rau. Sao sư phụ lại có sức mạnh như vậy?

Hàng loạt những việc làm của lão Hòa thượng đều khiến Pháp sư cảm thấy khó hiểu. Ngài thật sự không biết phải làm sao cho đúng. Ngài cũng nghĩ như Pháp sư Ấn Chí, thật sự không cho rằng lão Hòa thượng có thần thông. Ngài chỉ cảm thấy lão Hòa thượng có kinh nghiệm phong phú, trong lòng vô cùng bội phục.

Còn có một lần, lão Hòa thượng lại giúp cư sĩ Vương tránh khỏi tai họa lao tù. Cư sĩ Vương hộ trì Pháp sư Ấn Sanh nhiều năm. Một ngày vào 20 năm trước, cư sĩ Vương đến chùa Lai Phật thăm lão Hòa thượng Hải Hiền, lão Hòa thượng giữ cư sĩ Vương ở lại chùa một đêm, nhưng cư sĩ Vương từ chối, nói không thể ở được, ông phải về nhà gấp để đưa cháu trai đi lính. Lão Hòa thượng nói: “Nó đâu phải là con nít, cũng không thể bị lạc, con cứ đòi đưa nó đi làm gì?”. Bất luận thế nào, lão Hòa thượng cũng ngăn cản

không cho cư sĩ Vương đi. Đây là lần duy nhất trong đời lão Hòa thượng ngăn cản người khác.

Thì ra hôm đó huyện Đồng Bách xảy ra một vụ án giết người, hung thủ quen biết với cư sĩ Vương. Hung thủ chạy đến nhà của cư sĩ Vương để trốn, thấy cư sĩ Vương không có nhà nên chuyển sang nhà của bí thư chi bộ. Ngày hôm sau, cục công an bắt được hung thủ, bí thư chi bộ là người chứa chấp tội phạm nên cũng bị bắt, phạt tám ngàn tệ, còn phải ngồi tù một năm. Nếu cư sĩ Vương ở nhà thì hậu quả không cần nói cũng biết.

Còn có vài lần gặp phải nguy hiểm, nhưng cuối cùng lão Hòa thượng cũng đều chuyển nguy thành an. Sau khi lão Hòa thượng vãng sanh, có lần Pháp sư Diển Cường nói với Pháp sư Ân Chí: “Thầy không biết những cửa ải mà Ngài đã trải qua đâu! Phạm phu chúng ta đây không thể nhìn ra chỗ áo diệm của chơn Phật!”.

Lão Hòa thượng Hải Hiền hơn người khác ở chỗ thành thật, nghe lời, thật làm nên Ngài thành tựu rất nhanh. Dựa vào một câu Phật hiệu được lý nhất tâm bất loạn, cho nên điều gì Ngài cũng biết, nhưng Ngài không nói. Tại sao không nói? Vì không ai nghe hiểu, không ai có thể làm được như Ngài. Cho nên Ngài đã biểu diễn đầy đủ trong sinh hoạt thường ngày. Người biết quan sát thì có thể nhận ra, người không biết quan sát thì nói với họ cũng vô dụng, chỉ chuốc phiền phức vào mình.

Vì vậy, cả đời lão Hòa thượng biểu diễn rất thanh tao, nhưng trong thanh tao có thần kỳ, trong thanh tao có vi diệu.

## **CHƯƠNG 38 - ĐỜI SỐNG GIỚI ĐỊNH HUỆ**

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “Nhất thiết chúng sanh giai hữu Như Lai trí huệ đức tướng” (Tất cả chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng của Như Lai). “Đức” là chỉ năng lực, hiện nay chúng ta gọi là tài nghệ, kỹ thuật; “tướng” là tướng hảo, tức là phước báo. Tất cả chúng sanh đều có trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, phước báo viên mãn. Nói cách khác, toàn tri toàn năng, “vô pháp bất tri, vô pháp bất kiến” (không pháp nào không biết, không pháp nào không thấy) là năng lực mà mỗi chúng sanh đều có đủ.

Làm sao khai mở được những kho báu vốn đầy đủ trong tự tánh của chúng ta? Chư Phật Như Lai đều dùng phương pháp giới định huệ, cũng tức là tam học giới định huệ có thể khai mở trí huệ, đức năng và tướng hảo trong tự tánh của chúng ta. Tịnh tông càng vi diệu hơn, đưa giới định huệ tập trung vào một câu “Nam mô A Di Đà Phật”. Câu Phật hiệu này hội tụ đầy đủ sự viên mãn giới định huệ, hơn nữa ai cũng có thể áp dụng phương pháp này.

Tam học giới định huệ, thực tế mà nói chính là đời sống của chính mình. Từ sáng đến tối, đối người xử việc tiếp vật là giới định huệ. Trên nguyên tắc, thế pháp và Phật pháp không phải là hai, học “giới” là học cách giữ khuôn phép, giữ quy tắc. Phật pháp thường nói: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành” (Chớ làm các việc ác, vâng làm các việc lành), tám chữ này bao hàm hết tất cả giới pháp rồi. Nói một cách cụ thể, ở Trung Quốc, Tổ sư Đại đức dạy chúng ta phải nội tu ngũ đức, ngoại tu lục hòa. Ngũ đức là ôn lương cung kiệm nhượng: ôn hòa, thiện lương, cung thận (cung kính thận trọng, bất luận làm việc gì cũng cẩn thận dè dặt, đây chính là cung kính), tiết kiệm và nhường nhịn. Lục hòa là chỉ lục hòa kính, chính là thân hòa kính, khẩu hòa kính, ý hòa kính, giới hòa kính, kiến hòa kính, lợi hòa kính. Ý nghĩa của hòa kính là phải “ngoại đồng tha thiện, nội tự khiêm ti” (bên ngoài cùng người khác hành thiện, bên trong thường tự khiêm tốn). Vì vậy, nội dưỡng ngũ đức, ngoại tu lục hòa.

“Định” là trong tâm có chủ tử, không tán loạn. Nhất tâm hướng về A Di Đà Phật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thì tâm có định.

“Huệ” là tường tận, thấu suốt tất cả cảnh giới bên ngoài, không bị mê hoặc, không chịu ảnh hưởng của nó, cũng tức là ngoại bất trước tướng, nội bất động tâm (ngoài không chấp tướng, trong không động tâm). Có thể làm được ngoài không chấp tướng, đây là huệ. Cảnh bên ngoài

thiện cũng được, ác cũng được, thuận cũng được, nghịch cũng được, tất cả không liên quan gì đến ta, ta ở trong cảnh giới này không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, một câu “A Di Đà Phật” niệm đến cùng.

Vì vậy, giới định huệ là hành vi sinh hoạt, từ sáng đến tối, mặc áo ăn cơm, cử chỉ và lời nói đều là giới định huệ. Như vậy mới hiểu rõ Phật pháp không phải nói suông, không phải huyền học, mà Phật pháp chính là đời sống, đời sống chính là Phật pháp. Chư Phật Bồ tát xuất hiện ở thế gian đã sinh hoạt, làm người và xử thế như vậy. Nhìn kỹ cả đời lão Hòa thượng Hải Hiền thì biết, cả đời Ngài chính là sự thực tiễn của Phật pháp, thực tiễn trong sinh hoạt, thực tiễn trong công việc, thực tiễn trong đối người xử việc tiếp vật, thật sự là thận trọng vững chắc. Các tín đồ đến thăm Ngài, Ngài sẽ khuyên họ: “Chăm chỉ niệm Phật, thành Phật là thật, còn lại đều là giả”.

Phật quyết không phải bảo chúng ta đừng tiếp xúc với mọi việc trong cuộc sống, mà mọi việc chúng ta đều có thể tiếp xúc. Trong khi tiếp xúc thì tu hành, tu không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đây là tu hành, thật sự hiệu nghiệm. Không khởi tâm động niệm, không phân biệt chấp trước, định này là linh hoạt; xếp bằng quay mặt vào vách nhập định thì định đó không khởi tác dụng.

Quốc sư Hiền Thủ đã nói tứ đức, có thể tùy thuận tứ đức này thì gọi là chư Phật Bồ tát, trái ngược với tứ đức này thì chính là phàm phu. Đức thứ nhất là “tùy duyên diệu dụng”. Mắt thấy, tai nghe là “tùy duyên”, phàm phu chúng ta vừa tùy duyên thì theo đó mà sanh phiền não, tạo nghiệp luân hồi; Bồ tát tùy duyên là Ngài nhìn thấy rõ, nghe thấy rõ, nhưng không sanh phiền não, không tạo nghiệp. Vì vậy, đừng để trong tâm, để trong tâm sẽ sanh phiền não. Không để trong tâm cũng tức là thấy sắc, nghe tiếng, ngửi hương, nếm vị đều không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đây chính là “diệu dụng”.

Tu hành chính là tu ở chỗ này, “diệu dụng” này có thể giúp chúng ta trở về tự tánh, trở về tự tánh chính là chứng được Vô thượng Bồ đề, đây gọi là chân thật tu hành. Lão Hòa thượng Hải Hiền ở chùa Lai Phật, Ngài tu như thế nào vậy? Không để mọi việc trong tâm. Từ sáng đến tối, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, Ngài đều thấu suốt, tường tận, đó là trí huệ, không để trong tâm chính là công phu định lực.

## **CHƯƠNG 39 - “LÃO PHẬT GIA ĐỀ TÔI Ở THẾ GIAN BIỂU PHÁP”**

Một lần, mấy vị tín đồ trẻ đến thăm, lão Hòa thượng dừng công việc để nói chuyện với mọi người. Lão Hòa thượng nói với một thanh niên trong nhóm đó:

- Người ở thôn các con thiện căn sâu dày, người học Phật nhiều.

- Đúng vậy. Thôn chúng con hầu như nhà nhà đều thờ Phật.

Lão Hòa thượng hỏi:

- Nhiều năm trước có một lão Hòa thượng đã sống ở thôn các con, con còn nhớ hay không?

Người thanh niên trả lời:

- Lúc đó con còn nhỏ nhưng có ấn tượng, bởi vì bà nội con hộ trì vị Pháp sư ấy mà. Về sau, Ngài ấy đến chùa Bạch Mã rồi.

Lão Hòa thượng nói:

- Lúc đó, ta mời lão ấy đến chùa Lai Phật, nhưng lão ấy không chịu... không biết hiện nay còn sống hay không.

- Nghe nói đã tịch rồi ạ.

- Lão ấy tịch khi nào vậy?

- Ngài ấy đã tịch lâu rồi, đó là việc của thế kỷ trước rồi ạ.

Nói xong, người thanh niên không nhịn được cười, thâm nghĩ: Nếu vị Pháp sư ấy còn sống thì cũng hơn 100 tuổi rồi, Ngài cho rằng ai cũng trường thọ như Ngài sao?



Lão Hòa thượng nhìn anh ấy, không hiểu và hỏi:

- Con cười gì vậy? Cư sĩ nói:

- Có phải Ngài cho rằng Từ Hy thái hậu vẫn còn sống không?

Lão Hòa thượng cũng cười lớn rồi nói:

- Ta vẫn chưa hồ đồ như vậy. Ấy da! Ta đây nghiệp chướng nặng, muốn đi mà không đi được. Nhìn thấy các lão đồng tu từng người một đều ra đi rồi, còn ta thành lão yêu tinh rồi.

Trước khi lão Hòa thượng vãng sanh không lâu, Ngài cũng từng nói những lời này với một vài cư sĩ khác. Đó là mùa thu năm 2012, ở niệm Phật đường Nghĩa Ô, khi lão Hòa thượng Hải Hiền 112 tuổi nói đến tuổi tác của mình, Ngài cười rồi nói:

- Tôi thành yêu tinh rồi.

Cư sĩ Lưu ngồi bên cạnh cười lớn, lặp lại lời của lão Hòa thượng:

- Thành yêu tinh rồi. Đồ đệ đồ tôn đều đi cả rồi. Lão Hòa thượng nói tiếp:

- Đến lúc chết thì phải chết. Chưa chết, tôi cũng không dám nói.

Cư sĩ Lưu hỏi Ngài:

- A Di Đà Phật bảo Ngài biểu pháp, có phải không?

Ngài tu rất tốt.

Lão Hòa thượng ôn tồn nói:

- Biểu pháp cho tốt, không cho tôi nói. Không được nói gì cả.

- Ai không cho Ngài nói? – Một vị cư sĩ khác không nhận được nên hỏi.

Mọi người cũng xôn xao chờ câu trả lời của lão Hòa thượng. Lão Hòa thượng nhìn vị cư sĩ ấy, dừng lại một chút, trên mặt nở nụ cười:

- Lão Phật Gia không cho tôi nói.

“Lão Phật Gia” mà lão Hòa thượng Hải Hiền nói chính là A Di Đà Phật. Cư sĩ Lưu đã từng nói với mọi người:

- Tôi hỏi Hòa thượng Hải Hiền, Ngài đã thấy A Di Đà Phật, vậy [A Di Đà Phật] có nói gì với Ngài không? Lão Hòa thượng Hải Hiền nói: Tôi khẩn cầu Lão Phật Gia đến rước tôi, nhưng Lão Phật Gia không đồng ý, Lão Phật Gia nói để tôi ở thế gian biểu pháp.

Niệm Phật có cảm ứng không thể nghĩ bàn, Ngài thấy được A Di Đà Phật! Công đức của danh hiệu không thể nghĩ bàn. Tất cả chư Phật trong mười phương ba đời đều là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là danh hiệu chung. Ý nghĩa của danh hiệu này, dịch sang tiếng Trung là vô lượng trí huệ, vô lượng giác ngộ. Niệm danh hiệu này là niệm hết danh hiệu của tất cả chư Phật trong mười phương

ba đời. Đồng thời, trong danh hiệu này bao gồm vô lượng vô biên kinh pháp của tất cả chư Phật đã thuyết. Vì vậy, sự phụ của lão Hòa thượng Hải Hiền dạy Ngài một câu Phật hiệu niệm đến cùng, ý nghĩa rất thâm sâu. Dùng phương pháp này, Ngài không cần đi đường vòng, đây là một con đường thẳng.

Lão Hòa thượng Hải Hiền “một câu A Di Đà Phật, niệm cả đời không thay đổi!”. Khi ca ngợi lão Hòa thượng Hải Hiền, Pháp sư Diễn Cường đều tràn đầy lòng tôn kính. Ngài nói với Pháp sư Ấn Chí: “Thầy xem, khi Ngài lâm chung thân không bệnh khổ, biết trước ngày giờ, tiêu điều tự tại biết bao! ..... Ngài là Bồ tát ứng thân, hóa độ chúng sanh đây. Ngài làm tấm gương cho hậu học, để hậu học đều noi theo gương đó tu hành, chứng đắc quả Phật!”.

Một hôm, một vị Pháp sư đi cùng lão Hòa thượng Hải Hiền đến huyện thành Xã Kỳ làm việc. Lão Hòa thượng ngồi trên xe lâm bảm một mình:

- Nhẹ đến nhẹ đi, đừng tìm người tại gia làm việc. Cư sĩ tại gia có việc của cư sĩ tại gia, người xuất gia có việc của người xuất gia, việc ai nấy làm.

Dừng một chút, Ngài lại nói:

- Người xuất gia biết giảng kinh thì giảng kinh cho người khác, không biết giảng kinh thì cũng làm biểu pháp tốt cho đại chúng. Tôi không biết gì cả, không biết giảng kinh, không biết tụng kinh, cũng không biết tán xướng, chỉ

biết niệm Phật, khai hoang làm ruộng. Vậy thì tôi làm biểu pháp này cho tốt. Nếu không biểu pháp thì tôi đã đi từ lâu rồi.

Biểu pháp là làm một tấm gương cho mọi người xem “như thế nào gọi là học Phật”; không giống Ngài thì không gọi là học Phật, giống như Ngài mới là chân thật học Phật.

Lão Hòa thượng Hải Hiền thật sự là người niệm Phật. Ngài buông xả vạn duyên, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra thì không có vọng tưởng, không có tạp niệm. Nếu quý vị hỏi Ngài, điều gì Ngài cũng biết. Điều gì cũng biết chính là khai ngộ, không khai ngộ thì không làm được. Ngài khai ngộ rồi, Ngài liễu sanh tử rồi. Niệm Phật có cảm ứng không thể nghĩ bàn. Điều này không liên quan gì đến việc có đi học hay không. Phật pháp không thể nghĩ bàn, Tịnh tông không thể nghĩ bàn, câu danh hiệu này không thể nghĩ bàn.

## **CHƯƠNG 40 - TRỢ NIỆM KHÔNG ĐÁNG TIN CẬY**

Lão Hòa thượng Hải Hiền rất chắc chắn về việc bản thân vãng sanh thế giới Cực Lạc, Ngài nói:

- Khi tôi vãng sanh không cần trợ niệm, bản thân tự niệm Phật; để người khác trợ niệm thì không chắc chắn, không đáng tin cậy.

Lão cư sĩ Yên ở Phật đường Lục Phương tỉnh Nam Dương – nơi mà lão Hòa thượng thường đến, ông nói với lão Hòa thượng:

- Khi nào Ngài vãng sanh, Ngài nói với con một tiếng, con tìm người đến trợ niệm cho Ngài.

Lão Hòa thượng Hải Hiền trả lời:

- Kêu người khác trợ niệm thì không tin chắc người đó có thể vãng sanh. Tôi đây không cần trợ niệm, tôi tự đi được rồi.

Học Phật, học Tịnh Độ tông, lão Hòa thượng Hải Hiền là tấm gương tốt nhất. Ngài có thể niệm Phật tự tại vãng sanh thành Phật, không cần người khác trợ niệm.

Ngài biết trước ngày giờ, biết ngày nào ra đi, A Di Đà Phật đã giao ước với Ngài rồi, đến khi đó Phật sẽ xuất hiện tiếp dẫn Ngài vãng sanh. Những câu nói đó của Ngài vô cùng quan trọng: Không nên nhờ vào trợ niệm, trợ niệm không đáng tin cậy.

Bản thân nhất định phải nắm chắc, nhờ người trợ niệm thật sự không chắc chắn. Nếu vào thời khắc then chốt khi quý vị vãng sanh, người trợ niệm muốn thăm dò thử xem quý vị đã vãng sanh hay chưa, quý vị đi đến cõi nào rồi,

thế là sờ lên đầu của quý vị một cái! Như vậy sẽ quấy nhiễu quý vị, quý vị sẽ không vui. Quý vị có chắc rằng khi người khác quấy nhiễu quý vị như vậy, trong tâm quý vị vẫn không sao, không bị họ ảnh hưởng không? Phải có công phu này mới được. Nếu không có công phu như vậy thì tốt nhất đừng để người khác làm phiền, nếu không thì không đến Tây Phương được đâu. Không để cho người khác quấy nhiễu, vậy thì phải tự mình vãng sanh. Thời gian Phật giao hẹn đến rồi thì Phật hiện tiền đến tiếp dẫn quý vị. Điều này thật sự chắc chắn, có thể tin tưởng được. Phật không đến tiếp dẫn thì quý vị sẽ không biết thế giới Cực Lạc ở đâu, cho nên nhất định phải có Phật tiếp dẫn.

Một niệm cuối cùng khi lâm chung là A Di Đà Phật thì nhất định vãng sanh Tây Phương. Làm sao chúng ta đảm bảo được niệm cuối cùng khi lâm chung là A Di Đà Phật, không có tạp niệm khác? Nhất định phải tu dưỡng công phu trong lúc bình thường. Lão Hòa thượng Hải Hiền tu dưỡng thành tựu rồi, niệm một câu Phật hiệu suốt 92 năm, Ngài đã thấu triệt câu Phật hiệu này rồi. Trong sinh hoạt hằng ngày, Ngài không có tạp niệm, mặc áo ăn cơm, trong tâm luôn niệm Phật; không nghĩ đến quần áo đã cũ kỹ, phải may vá lại, ăn cơm cũng không để ý mùi vị của món ăn, cũng không có món này ngon, món kia không ngon, những việc này Ngài đều không để trong tâm. Sinh hoạt như vậy, làm việc, đối nhân tiếp vật cũng đều như vậy. Công phu thành thực rồi, Ngài có thể tự tại vãng sanh, không cần người khác trợ giúp. Công phu này vô cùng vô

cùng quan trọng! Một niệm cuối cùng quan trọng hơn tất cả, liên quan đến đời sau.

Ra đi cũng sẽ không có chút đau bệnh nào. Buổi chiều hôm trước khi ra đi, lão Hòa thượng Hải Hiền vẫn cùng các đệ tử xới đất ở vườn rau trước cổng chùa, làm mãi đến khi trời tối. Mọi người nói: Lão Hòa thượng đã làm cả ngày, đến giờ nghỉ ngơi rồi, đừng làm nữa. Ngài trả lời: “Ta làm việc này xong rồi, sau này ta không làm nữa”. Buổi tối, lão Hòa thượng làm xong công việc, đến nửa đêm Ngài niệm Phật vãng sanh rồi.

Lão Hòa thượng làm biểu pháp cho chúng ta: Sống một ngày thì làm việc một ngày, sống một giờ thì làm việc một giờ. Nói buông xả liền đi, được đại tự tại! Mẹ của Ngài cũng ra đi như vậy, Pháp sư Hải Khánh – sư đệ của Ngài – cũng ra đi như thế, đều không cần người khác trợ niệm. Sự chắc chắn này từ đâu mà có? Từ buông xả. Căn bệnh chung của mọi người chính là không buông xả, dục vọng rất nhiều, rất vất vả, suy nghĩ quá nhiều.

Vì vậy, thật sự vãng sanh là do bản thân quyết định, nói đi liền đi, nói ở thì ở, sanh tử tự tại.

## **CHƯƠNG 41 - BIẾT TRƯỚC NGÀY GIỜ**

Lão Hòa thượng Hải Hiền biết trước ngày giờ [vãng sanh].

Hai mươi tám ngày trước khi lão Hòa thượng vãng sanh, cư sĩ Lý ở huyện Xã Kỳ đến chùa Lai Phật thăm Ngài. Về mặt của Ngài điềm nhiên, bình thản mà nói với vị cư sĩ này:

- Hãy nhớ chăm chỉ niệm Phật! Sống có tốt thế nào, chẳng qua cũng bảy tám mươi tuổi thôi. Tôi đã hơn trăm tuổi rồi, tôi nghĩ mình không thể sống đến độ tuổi lớn như vậy, tôi tình nguyện chết. Sau khi chết rồi, nếu như tu được tốt, linh hồn của cậu sẽ thành Phật, trên thế giới đều biết.

Hai mươi ngày trước khi vãng sanh, Ngài nói với mấy vị đệ tử trong chùa: “Ta không qua khỏi năm nay rồi”. Mọi người đều không nghĩ vậy, bởi vì thấy sư phụ vẫn rất khỏe mạnh, không có chút gì khác thường, sao nói đi thì đi chứ?

Trong mười mấy, hai mươi ngày trước khi vãng sanh, lão Hòa thượng lại đến thăm bạn bè, đồng tham của Ngài. Đây là việc không thường thấy trong cuộc đời của lão Hòa thượng.

Lão Hòa thượng đến chùa Cô Phong ở trấn Bình Thị, huyện Đồng Bách thăm người bạn đồng tu nhiều năm là Pháp sư Diễn Cường “Thiết Cước Tăng”. Cư sĩ Vương – lão hộ pháp của chùa Lai Phật – đi cùng Ngài. Sau Cách



mạng Văn hóa, chính cư sĩ Vương đã đi xe đạp đến núi Đổng Bách thỉnh lão Hòa thượng Hải Hiền đến chủ trì đạo tràng.

Trên đường đi, lão Hòa thượng nắm lấy tay của lão cư sĩ Vương nói:

- Ta đến lần này thôi, sau này sẽ không đến nữa.
- Sư phụ, sao sư phụ không đến nữa vậy?

Lão Hòa thượng nói rõ ràng với cư sĩ Vương:

- Sắp tới ta phải đi rồi. Ta báo cho hai vị để hai vị biết.

Lão cư sĩ nói:

- Không thể nào. Lần trước sư phụ nói với con, sư phụ nói Lão Phật Gia không cho sư phụ đi, để sư phụ ở lại thêm hai năm nữa, sao bây giờ sư phụ lại nói phải đi chứ?

- Con không biết. Hai hôm nay Lão Phật Gia lại dặn dò tôi, bảo ta phải đi ngay lập tức. Không đến một tháng nữa thì ta đi rồi.

Không muốn nghe những lời này của sư phụ, lão cư sĩ liền cắt ngang, không để lão Hòa thượng nói tiếp nữa. Pháp sư Diễn Cường “Thiết Cước Tăng” nói bản thân “có một chút cảnh giới”, ba ngày trước nhìn thấy lão Hòa thượng đến nói Ngài muốn một bồ đoàn màu nâu. Ba ngày sau, quả nhiên lão Hòa thượng đến rồi.

Sau khi dùng cơm trưa, Pháp sư Diễn Cường mời lão Hòa thượng nghỉ ngơi một chút, nhưng lão Hòa thượng

không nhận lời mà ngồi xe rời khỏi. Trong lòng Pháp sư Diễn Cường vẫn còn nhớ làm bồ đoàn màu nâu cho lão Hòa thượng, nhưng không ngờ sau vài ngày có người đến báo tin: Lão Hòa thượng Hải Hiền viên tịch rồi. Pháp sư Diễn Cường nghe rồi chấn động trong lòng. [Lúc này], Ngài mới hiểu rằng, thì ra lão Hòa thượng hỏi Ngài muốn bồ đoàn chính là nói với Ngài: Bản thân muốn tọa hóa viên tịch.

Rời khỏi chùa Cô Phong, lão Hòa thượng tiếp tục đến nhìn lại một lần ngôi chùa năm xưa Ngài xuống tóc xuất gia và ngôi chùa đã từng thường trú tu hành. Ngài nói với các đệ tử ở đó: “Sau này ta không đến nữa”. Nhìn sư phụ thân thể khỏe mạnh nên mọi người đều không để ý lời của Ngài.

Lão Hòa thượng cũng đến chùa Viên Minh của Pháp sư Ấn Vinh. Khi chuẩn bị rời khỏi, Ngài để lại cây gậy và một bộ quần áo. Sau khi phát hiện, Pháp sư Ấn Vinh đang định đi lấy thì lão Hòa thượng xua tay nói với Pháp sư Ấn Vinh: “Không cần nữa, ta không muốn dùng nữa”. Mọi người đều không nghĩ nhiều đến những hành động khác thường của lão Hòa thượng. Ở chùa Lai Phật cũng vậy, khoảng một tuần trước khi vãng sanh, một mình lão Hòa thượng âm thầm dờn thân cây ngô trên đường đi vào vườn tháp. Ngài chuyển từng chút vào trong góc tường của vườn tháp. Sau khi nhìn thấy, Pháp sư Ấn Chí nói với lão Hòa thượng: “Nó không trở ngại gì, sư phụ đừng dờn nữa”.

Nhưng lão Hòa thượng không nghe. Không khuyên được Ngài, Pháp sư Ấn Chí chỉ đành gọi mọi người đến giúp. Mọi người bận rộn hai ngày mới chuyển xong hết. Sau khi chuyển xong, lão Hòa thượng lại quét dọn sạch sẽ con đường đó.

Đối với việc làm của lão Hòa thượng, mọi người không cách nào lý giải được, cho rằng lão Hòa thượng chỉ làm những việc vô ích. Sau khi lão Hòa thượng vãng sanh, khi mọi người khiêng pháp thể của Ngài đi về phía vườn tháp, bỗng nhiên đại ngộ: Thì ra lão Hòa thượng làm vậy là đang dọn đường cho chính mình!

Hai ba ngày sau, cũng là bốn năm ngày trước khi lão Hòa thượng vãng sanh, một vị cư sĩ đến vườn tháp định mời lão Hòa thượng dùng cơm trưa. Khi đến vườn tháp, vị cư sĩ nhìn thấy lão Hòa thượng đang dời từng viên gạch trong đồng gạch vỡ ở bên tường của vườn tháp đến cạnh tháp mộ của mình, sau đó lại xếp ngay ngắn gọn gàng. Lão Hòa thượng nhìn thấy vị cư sĩ đi đến, liền nói rằng: “Mau, giúp tôi dời gạch chất lên kia”. Cư sĩ vâng theo và làm cùng lão Hòa thượng.

Trong lúc hai người đang chuyển gạch, Pháp sư Ấn Chí nhiều lần cử người đến mời lão Hòa thượng dùng cơm nhưng lão Hòa thượng đều không nhận lời, Ngài vẫn tiếp tục công việc của mình. Tuy vị cư sĩ ấy biết lão Hòa thượng không lâu nhưng cũng đã ở chùa ba tháng rồi, anh cảm thấy khó hiểu: Bình thường lão Hòa thượng không

phải ngang bướng như vậy, sao mấy ngày nay lại trở nên cố chấp thế chứ?

Sau khi lão Hòa thượng vãng sanh, Pháp sư Ân Chí chuẩn bị mua gạch để xây tháp cho lão Hòa thượng. Đến lúc này, mọi người mới hiểu được dụng tâm sâu xa của lão Hòa thượng, thì ra Ngài không muốn lãng phí, Ngài dòi những viên gạch vỡ này là dùng để xây tháp cho chính mình.

Lão Hòa thượng không bao giờ muốn làm phiền người khác. Những việc bản thân có thể làm được thì Ngài tự làm. Ngay cả việc hậu sự, Ngài cũng sắp xếp thỏa đáng hết mức có thể.

## **CHƯƠNG 42 - LỜI DẶN DÒ CUỐI CÙNG**

Ngày 13 tháng 1 năm 2013, bốn ngày trước khi vãng sanh, một nhóm năm người cư sĩ Vinh và cư sĩ Lưu ở niệm Phật đường Nghĩa Ô, từ Nam Dương đến chùa Lai Phật thăm hỏi lão Hòa thượng Hải Hiền 112 tuổi. Chính vào ngày hôm đó, lão Hòa thượng nhìn thấy quyển sách “Nếu Muốn Phật Pháp Hưng, Chỉ Tăng Tán Thán Tăng”.

Khi mọi người chuẩn bị ra về, lão Hòa thượng và mọi người từ biệt trong sự lưu luyến. Họ đi đến trước xe, lão

Hòa thượng cũng tiến đến trước xe. Lúc này, họ đánh lễ từ biệt lão Hòa thượng thêm lần nữa.

Lão Hòa thượng lớn tiếng nói với họ:

- Phải niệm Phật đó, những việc khác đều là giả!

Sau đó lão Hòa thượng lại không ngại phiền phức mà nói tường tận việc bản thân niệm Phật như thế nào thêm lần nữa:

- Mỗi ngày, ba giờ sáng tôi thức dậy Phật, có lúc thì một giờ đã thức niệm Phật, niệm 20 phút trước tượng Phật, sau đó kinh hành, tiếp theo lại ngồi xuống niệm, có khi niệm ra tiếng, có khi không ra tiếng, phần nhiều thời gian là niệm thầm, lúc nào Phật cũng ở trong tâm.

Lão Hòa thượng tiếp tục dặn dò họ:

- Bất cứ lúc nào cũng không được thêm phiền phức cho người khác! Bình thường họ bới cơm cho tôi, nhiều cũng được, ít cũng được, tôi không nói lời nào, có bao nhiêu ăn bấy nhiêu, nếu không thì người khác phải chạy tới chạy lui. Tôi không muốn làm phiền người khác.

Lão Hòa thượng dặn dò mọi người “phải niệm Phật đó, những việc khác đều là giả”. Câu nói này chính là miêu tả bản thân lão Hòa thượng Hải Hiền, trong tâm chỉ có một vị A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra thì việc gì Ngài cũng không để trong tâm. Đây là người niệm Phật chân chánh.

Lão Hòa thượng luôn dạy mọi người: “Chăm chỉ niệm Phật, thành Phật là thật, còn lại đều là giả”. Đây là câu nói hay nhất của lão Hòa thượng Hải Hiền để lại cho chúng ta, là một câu nói đáng để chúng ta nghiêm túc học tập. Chỉ có niệm Phật là thật, chỉ có vãng sanh thế giới Cực Lạc làm Phật là thật, còn lại toàn là giả, không có gì là thật cả. Trong Kinh Kim Cang nói: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng” (Những gì có tướng đều là hư vọng), “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh” (tất cả pháp hữu vi như mộng ảo bọt bóng), trong Kinh Bát Nhã nói: “Nhất thiết pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”.

Pháp sư Tịnh Không đã từng nói: “Nhất định phải biết rõ, cái giả không thể [đạt] được, cái thật cũng không thể [đạt] được. Vì sao vậy? Trong cái thật không có tướng, không có hiện tượng vật chất. Đây là nói tự tánh, tự tánh thanh tịnh, không có tướng. Tự tánh không sanh không diệt, trong đó không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần (tức là không có ý niệm), cũng không có hiện tượng tự nhiên, cho nên không thể [đạt] được. Tự tánh có thể hiện ra vạn pháp. Đại sư Huệ Năng nói rõ ràng nhất: ‘Hà kỳ tự tánh, năng sanh vạn pháp’ (Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp). Quý vị thật sự hiểu rõ thì sẽ niệm Phật thôi, chỉ để danh hiệu A Di Đà Phật trong tâm, không có tạp niệm, không có vọng tưởng. Tại sao? Vọng tưởng, tạp niệm đều là lục đạo luân hồi, phải biết rõ điều này. Không đoạn vọng tưởng, tạp niệm thì luân hồi trong lục đạo không dứt, quý vị không thể ra khỏi [lục đạo luân

hồi]. Vọng tưởng, tạp niệm không còn nữa, quý vị có thể ra đi bất kỳ lúc nào quý vị muốn, thật sự tự tại, lúc ra đi rất ung dung”.

## **CHƯƠNG 43 - CHÍN MƯỜI HAI NĂM, TRƯỚC SAU VỆN TOÀN**

Ngày 17 tháng 1 năm 2013 là ngày cuối cùng trước khi lão Hòa thượng Hải Hiền vãng sanh.

Hôm đó, lão Hòa thượng Hải Hiền nói với một vị cư sĩ, Ngài mơ thấy anh hai đến tìm Ngài cầu siêu độ và mong muốn được an táng hài cốt ở quê nhà. Buổi chiều, lão Hòa thượng cùng các đệ tử xới đất ở vườn rau trước chùa, làm mãi đến khi trời tối, mọi người đều khuyên Ngài nghỉ ngơi.

Pháp sư Ân Xuyên hỏi Ngài:

- Sư phụ à, sư phụ vẫn làm sao? Lão Hòa thượng trả lời:

- Ta không làm được lâu như vậy đâu, sắp làm xong rồi.

Ngài làm xong lại nói:

- Công việc này ta làm xong rồi, sau này ta không làm nữa.

Người khác nghe thấy giống như câu nói rất bình thường, không ngờ đêm hôm đó Ngài đi rồi. Sau này nghĩ lại, mọi người mới biết trong lời nói của lão Hòa thượng có hàm ý.

Chập tối, khi xem đĩa Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa do Pháp sư Tịnh Không giảng giải ở giảng đường, Pháp sư Ấn Chí và vài vị cư sĩ nghe tiếng lão Hòa thượng đánh khánh niệm Phật trong phòng của Ngài. Ngày thường, vào giờ đó, lão Hòa thượng cũng thắp nhang, lạy Phật, đánh khánh niệm Phật trong phòng, nhưng thời gian Ngài đánh khánh rất ngắn. Nhưng hôm đó, thời gian [đánh khánh] dài hơn nhiều so với ngày thường. Một vị cư sĩ đang nghe kinh cảm thấy có chút hiếu kỳ, liền hỏi một vị đồng tu bên cạnh: “Sao hôm nay lão Hòa thượng đánh khánh niệm Phật suốt vậy?”. Tuy hỏi như vậy, nhưng anh ấy cũng không quá để tâm đến sự kỳ lạ này.

Sau khi ăn cơm tối xong, cũng như thường ngày, lão Hòa thượng nghỉ ngơi rất sớm. Nửa đêm, hơn một giờ sáng, một cụ già trong chùa thức dậy đi vệ sinh, nhìn thấy đèn trong phòng của lão Hòa thượng đã mở. Sáng hôm sau, sau khi mọi người xong thời khóa sáng, Pháp sư Ấn Thiên dâng cơm cho lão Hòa thượng, Ngài đứng bên ngoài gọi lão Hòa thượng nhưng không ai trả lời. Ngài mở cửa vào, nhìn thấy lão Hòa thượng đang nằm trên giường,



y phục để trên giường được xếp rất chỉnh tề. Bình thường lão Hòa thượng tuyệt đối không ngủ nướng, y phục cũng chưa bao giờ xếp gọn gàng đến như vậy.

Gọi mấy lần cũng không thấy lão Hòa thượng trả lời, Pháp sư Ân Thuyên bèn đến gần một chút thì phát hiện lão Hòa thượng đã an tường vãng sanh rồi. Pháp sư Ân Chí nói: “Vẻ mặt tươi cười, gương mặt cũng rất hồng hào”.

Bởi vì bộ tiêu của lão Hòa thượng đã để trong nhà vệ sinh, vì vậy có thể kết luận là lão Hòa thượng thức dậy công phu thời khóa sáng xong rồi mới nằm lên giường [thị tịch].

Ngày 17 tháng 1 năm 2013, nhằm mùng 6 tháng chạp năm Nhâm Thìn, lão Hòa thượng Hải Hiền 112 tuổi thân không đau bệnh, an tường thị tịch.

Lão Hòa thượng biết trước ngày giờ vãng sanh, tuy Ngài không nói rõ, nhưng vẫn để lộ chút tin tức với cư sĩ Vương – lão hộ pháp của chùa Lai Phật. Mười mấy ngày trước khi lão Hòa thượng vãng sanh, Ngài nói với cư sĩ Vương: “Hai hôm nay Lão Phật Gia lại dặn dò tôi, bảo tôi phải đi ngay. Không đến một tháng thì tôi đi rồi”. Ngài không nói là ngày nào, thực ra Ngài đã biết, chỉ là Ngài không nói. Có cư sĩ tình nguyện trợ niệm nhưng Ngài không cần, Ngài nói: “Tôi tự đi được”. Ngài không để người khác trợ niệm là sợ người khác chướng ngại Ngài, lâm chung sợ nhất là không giữ được chánh niệm.

“Một ngày không làm, một ngày không ăn”, lão Hòa thượng thật sự có trách nhiệm. Buổi tối sắp đến thế giới Cực Lạc, nhưng ban ngày Ngài vẫn làm việc cả ngày, lợi ích chúng sanh. Không ai nghĩ rằng Ngài sẽ vãng sanh. Sức khỏe của Ngài còn rất tốt, đầu óc minh mẫn, không chút lú lẫn.

Lão Hòa thượng Hải Hiền xuất gia năm 20 tuổi, sư phụ chỉ dạy Ngài một câu “A Di Đà Phật”, dạy Ngài phải luôn niệm. Ngài lão thật, nghe lời, thật làm, niệm câu Phật hiệu này 92 năm.

92 năm trước sau vẹn toàn, 92 năm không phải là thời gian ngắn. Câu tục ngữ “thiện thủy thiện chung” (trước sau vẹn toàn) này chúng ta đã nghe nói, nhưng chưa từng thấy qua. Người vừa có mở đầu tốt đẹp, lại có thể kết thúc tốt đẹp thì không nhiều, không ngờ chúng ta đã thấy được ở lão Hòa thượng rồi.

## **CHƯƠNG 44 - TƯỚNG TỐT KHI VÃNG SANH**

Các đệ tử của lão Hòa thượng là Pháp sư Ân Chí, Ân Hàm, Ân Không, Ân Vinh, Ân Bảo dẫn dắt tứ chúng đệ tử hay tin trở về chùa, túc trực bên linh cữu của lão Hòa thượng bảy ngày, niệm Phật không gián đoạn.

Ngày thứ ba sau khi lão Hòa thượng viên tịch, một đệ tử [ở xa] mới trở về. Khi mở chiếc mền vãng sanh để chiêm ngưỡng dung nhan của lão Hòa thượng, [mọi người] kinh ngạc phát hiện: Gương mặt của Ngài mỉm cười, làn môi hồng tươi, râu và tóc lại chuyển từ trắng sang đen – lông mày của Ngài toàn bộ chuyển sang màu đen. Trước khi vãng sanh, râu của Ngài trắng hoàn toàn, bây giờ một phần ba râu chuyển sang màu đen, tóc cũng chuyển đen một nửa. Một tuần sau khi lão Hòa thượng viên tịch, thân thể của Ngài vẫn mềm mại, tướng tốt hi hữu.

Nhưng tướng tốt thù thắng nhất thì chẳng gì bằng tự tại vãng sanh! Có ai mà không cầu mong cả đời mình có thể không bị bệnh khổ, không có già khổ, không có chết khổ chứ?

Phật dạy: Chúng ta sống trong thế gian này có tám khổ đan xen vào nhau, tám khổ này là: Thân có sanh; lão; bệnh; tử; không đạt được những điều mong cầu; không thể nắm giữ mãi những gì mình ưa thích; thường phải cách biệt những người, việc và vật mình yêu thương; nhưng những người, việc và vật mà quý vị chán ghét lại không xa cách quý vị, khiến quý vị sanh phiền não. Bảy loại phía trước là quả khổ, là những gì chúng ta thọ nhận ở hiện tại. Còn điều sau cùng, ngũ âm sí thành là nhân khổ. Thân thể này của chúng ta là ngũ âm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức hội tụ lại; ngũ âm hòa hợp thì có thân tướng này, thân này là

căn nguyên của bảy loại khổ phía trước. Nếu không có thân này thì không sao rồi, nhưng lại có thân này, cộng thêm linh hồn mà người ta thường nói, Phật Pháp gọi là thần thức. “Sí thanh” là hình dung sự tạo tác của thân tâm vô cùng mãnh liệt, phiền não, tập khí ngày đêm không ngừng nghỉ, nên chiêu cảm bảy loại quả khổ phía trước.

Tám loại khổ này đều phải thọ hết, thọ cùng lúc, thọ cùng nơi, không ai có thể trốn tránh được. Vì vậy, Phật nói lục đạo luân hồi là biển khổ, biển khổ mênh mông.

Học Phật có lợi ích gì? Chăm chỉ niệm Phật, chân tín thiết nguyện cầu sanh Tịnh độ thì có thể thoát khỏi nỗi khổ của lão, bệnh, tử. Trước mắt chúng ta nhìn thấy lão Hòa thượng Hải Hiền, Ngài không tranh với người, không cầu nơi đời; Ngài không cần gì cả, cho nên Ngài không có cầu bất đắc khổ. Hai loại ái biệt ly khổ và oán tăng hội khổ, lão Hòa thượng cũng không có. Ngài đối xử với mọi người bình đẳng, nhìn người nào cũng tốt, thấy người nào cũng vui vẻ, thấy người nào cũng hoan hỷ, Ngài không có ái biệt ly khổ, không có oán tăng hội khổ. Ngay cả ngũ ấm sí thanh khổ Ngài cũng không có. Trong tâm Ngài chỉ có một câu “A Di Đà Phật” thì ngũ ấm từ đâu mà có? Như vậy không khác gì đang sống ở thế giới Cực Lạc.

## CHƯƠNG 45 - AN TÁNG TẠI CHÙA LAI PHẬT

Ngày 23 tháng 1 năm 2013, chiếu theo lễ an táng truyền thống của nhà Phật, trong tiếng niệm Phật trang nghiêm của tứ chúng đệ tử, pháp thể của lão Hòa thượng ngồi xếp bằng trong chum thọ, an táng tại vườn tháp trong chùa Lai Phật.

Khi lão Hòa thượng Hải Hiền vãng sanh 100 ngày, đại chúng cử hành Pháp Hội lập bia cho lão Hòa thượng. Pháp sư Tịnh Không gọi điện cho Pháp sư Ấn Chí, ca ngợi lão Hòa thượng Hải Hiền: “Chánh tri chánh kiến, lão thật tu hành, hộ trì pháp môn, tiếp nối huệ mạng Phật, đại đức đại nguyện, khiến mọi người vô cùng kính ngưỡng”.

Pháp sư Tịnh Không còn kêu gọi tứ chúng đệ tử Tịnh tông học tập lão Hòa thượng Hải Hiền, đồng thời đích thân viết câu đối phúng điếu và văn bia cho lão Hòa thượng Hải Hiền.

### **Câu đối phúng điếu:**

“Bốn mươi tám nguyện, một bộ Đại Kinh,  
Một câu Phật hiệu, vãng sanh Cực Lạc.  
Trăm mười hai tuổi, chuyên hoằng chánh pháp,  
Chuyên hộ chánh pháp, trở lại Ta Bà.”

## **Văn bia:**

“Hòa thượng Hiền công, tấm gương nhà Phật.  
Không làm kinh sám, lìa xa lợi dưỡng.  
Nghiêm trì giới luật, tứ chúng kính ngưỡng,  
Thành thật niệm Phật, đạo tại bình thường.  
Tịnh Độ Đại Kinh, mật tạng chư Phật,  
Một câu Di Đà, là thiên thâm diệu.  
Trăm mười hai tuổi, già nhưng mạnh khỏe,  
Tăng tán thán Tăng, pháp môn hưng vượng.  
Hoằng nguyện Phổ Hiền, biểu pháp ly chương,  
Tiếp huệ mạng Phật, công đức vô lượng,  
Tự tại vãng sanh, lái ngược thuyền từ.”

## **CHƯƠNG 46 - BIỂU PHÁP CỦA HÒA THƯỢNG HẢI HIỀN**

“Ngài đã nhìn thấy A Di Đà Phật, Phật đã nói gì với Ngài?”

“Lão Phật Gia không cho tôi đi, kêu tôi biểu pháp!”

Lão Hòa thượng Hải Hiền nói A Di Đà Phật không đưa Ngài đi, kêu Ngài biểu pháp, chính là để Ngài hoằng dương Tịnh Độ. Ngài dùng gì để hoằng dương? Ngài không dùng ngôn giáo mà dùng thân giáo, làm cho mọi người xem. Người biết quan sát sẽ hiểu rõ, người không biết quan sát thì nhìn thấy chiêu cuối cùng của Ngài mới bỗng nhiên đại ngộ. [Đến lúc đó], họ mới hiểu rằng trong sinh hoạt thường ngày của lão Hòa thượng, mỗi hành vi giơ tay hay nhắc chân cũng đều ẩn chứa huyền cơ; pháp vi diệu vô thượng trong khi mặc áo ăn cơm, trong tất cả động tác, giống như Pháp sư Ấn Hàm nói: “Từng lời nói, từng hành động của sư phụ đều đang biểu pháp”.

Hơn một năm trước khi vãng sanh, những tự viện do lão Hòa thượng xây dựng hoặc tự viện do các đệ tử trụ trì, Ngài đều phải đến ở một thời gian. Bất luận đến tự viện hay đạo tràng niệm Phật nào, trong vô hình, Ngài đều vì người khác mà diễn nói và biểu pháp. Khi mọi người biết cả đời Ngài ăn chay niệm Phật, đến bây giờ đã hơn trăm tuổi, nhưng Ngài vẫn có thể chẻ củi, cuốc đất, nhổ cỏ, xỏ kim để may vá thì không ai không tấm tắc khen ngợi. Không ít người vì vậy mà bước vào cửa Phật, sanh khởi thiện niệm ăn chay niệm Phật và tâm tinh tấn niệm Phật.

Tuyệt đối không thể cho rằng Ngài chỉ biết một câu Phật hiệu, ngoài ra thì không biết gì cả. Chúng ta có tâm lượng như Ngài không? Có thật thà như Ngài không? Ngài rất khiêm tốn, cung kính tất cả mọi người. Cả đời Ngài

sống trong bần khổ, xem khổ là thầy, nghiêm trì giới luật, sống chung với Ngài thì cũng phải trì giới, chịu khổ mới được.

Hằng ngày, từ sáng đến tối, Ngài đều làm việc ngoài đồng ruộng. Đạo tràng của Ngài là ngôi chùa nhỏ ở nông thôn, không có hương hỏa, cũng không có Phật sự và Pháp Hội, Ngài dựa vào gì để sinh sống? Dựa vào trồng trọt. Cả đời Ngài khai hoang hơn trăm mẫu ruộng đất, trồng lương thực, trồng rau, trồng trái cây. Thu hoạch của Ngài, ngoài việc duy trì cuộc sống của mọi người trong chùa, còn lại thì Ngài đem đi cứu giúp những người nghèo khổ. Hàng ngàn hàng vạn người đã nhận được sự cúng dường của Ngài. Ngài đã làm công việc này suốt 92 năm. Ngài thật làm, hơn nữa mỗi ngày còn làm rất hoan hỷ. Lão Hòa thượng thích bồ thí. Tiền người khác cúng dường, Ngài đều dùng để ấn tống kinh sách, phóng sanh, dùng để giúp đỡ người khác xây dựng đạo tràng.

Pháp sư Tịnh Không nói: “Tâm địa của Ngài thanh tịnh, trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu. Ngài nhìn tất cả mọi người đều là người tốt, nhìn tất cả mọi việc đều là việc tốt, Ngài không có phân biệt, Ngài không có chấp trước. Không những không phân biệt không chấp trước, mà tôi tin sau tuổi trung niên, cũng tức là sau năm 40 tuổi, có lẽ Ngài đã làm được không khởi tâm không động niệm khi sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần. Không khởi tâm, không động niệm chính là đại triệt đại ngộ, minh tâm



kiến tánh. Đây không phải là điều mà người thông thường có thể làm được”.

“Tu hành chi nhân, ưng xử không nhân, xả chư loạn ý, hệ tâm thật lý, tưởng niệm nhất Phật, chuyên xưng danh tự, tùy Phật phương sở, đoan thân chánh hướng, năng ư nhất Phật niệm niệm tương tục nhi bất giải đãi, ư nhất niệm trung tức năng đắc kiến thập phương chư Phật, hoạch đại biện tài dã”.

Đoạn này có nghĩa là người tu hành phải chọn nơi thanh tịnh ít người để tu hành, đạo tràng phải xây dựng thật đơn giản, giản dị, dễ dàng tu tâm dưỡng đạo; phải buông xả vọng tưởng, tạp niệm; phải để tâm trong chân lý, chân lý này chính là A Di Đà Phật; nhớ nghĩ A Di Đà Phật; chuyên xưng danh hiệu A Di Đà Phật, bởi vì A Di Đà Phật ở hướng tây của chúng ta, vì vậy chúng ta phải ngồi ở hướng đông mặt xoay về hướng tây, thường hướng về phía tây; một câu Phật hiệu niệm đến cùng; trong một niệm lập tức có thể nhìn thấy chư Phật mười phương, bởi vì chư Phật mười phương đều tán thán câu danh hiệu này, chư Phật mười phương đều khuyên chúng ta niệm câu danh hiệu này.

Những câu trên đây nói về nhất hạnh tam muội mà Văn Thù Bồ tát tu tập. Những câu nói này, lão Hòa thượng Hải Hiền làm được rồi, Ngài hoàn toàn tương ưng với những câu nói này.

Ngài biết trước ngày giờ [ra đi], không tật bệnh. Một ngày trước khi vãng sanh, Ngài vẫn còn làm việc ngoài đồng ruộng. Ngài ra đi rất an tường tự tại! Công phu Ngài dùng chính là một câu “Nam mô A Di Đà Phật”. Thị hiện cuối cùng của Ngài làm chứng chuyển cho người học Tịnh tông, chứng minh câu Phật hiệu này hữu hiệu, câu Phật hiệu này có thể giúp chúng ta liễu sanh tử, xuất tam giới, vãng sanh đến thế giới Cực Lạc để làm Phật.

Bồ tát thị hiện để chúng ta thật sự tin tưởng Tịnh Độ. Ở thời đại này, nếu như chúng ta chân thật học tập theo lão Hòa thượng thì không ai không vãng sanh, không ai không thành Phật.

Công đức biểu pháp vô lượng vô biên. “Lão Phật Gia” chưa tiếp dẫn Ngài đến thế giới Cực Lạc, kêu Ngài ở lại thế gian này biểu pháp, làm tấm gương cho mọi người xem, là bảo Ngài dùng thân giáo, không phải dùng ngôn giáo. Khi còn tại thế, ảnh hưởng của Ngài không lớn lắm, bởi vì Ngài ở nông thôn, phạm vi hoạt động cả đời Ngài chỉ trong một vài huyện và vài ngôi chùa nhỏ lân cận. Chỉ có lần đắp kim thân cho Pháp sư Hải Khánh, Ngài mới đến Quảng Châu một lần, đây là lần duy nhất Ngài đi xa đến vậy. Sau khi vãng sanh, danh tiếng Ngài vang xa, câu chuyện của Ngài có thể giáo hóa vô lượng vô biên chúng sanh.

Lão Hòa thượng Hải Hiền thường nói: “Chăm chỉ niệm Phật, thành Phật là thật, còn lại đều là giả”. Đây là câu nói

tuyệt vời nhất của lão Hòa thượng, [chúng ta] nên khắc sâu câu nói này vào tâm, mỗi giờ mỗi phút cũng không được quên. Niệm Phật vãng sanh làm Phật là thật, còn lại đều là giả. Giả, thì phải buông hết; thật, thì một ngày cũng không thể xả bỏ. Hành trì cả đời này của Ngài là tấm gương cho người niệm Phật, là tấm gương cho người cầu sanh Tây phương, cũng chính là tấm gương thật sự viên mãn đầy đủ tín nguyện hạnh. Ngài lấy đó để cổ vũ mọi người, hy vọng mọi người đều có thể thành tựu. Trong thời đại này, chúng ta tu Tịnh Độ như thế nào mới có thể thành tựu? Lão Hòa thượng Hải Hiền đã đến thế gian này thị hiện cho chúng ta thấy, chúng ta phải nhận biết được. Chân thật học Phật, lão Hòa thượng Hải Hiền là tấm gương tốt nhất. Tu học Tịnh tông như thế nào? Nhìn Ngài thì biết rồi: Ngài chỉ [niệm] một câu Phật hiệu.

A Di Đà Phật bảo Ngài ở thế gian biểu pháp, Ngài làm viên mãn, Phật liền rước Ngài đi. Biểu pháp cuối cùng của Ngài chính là “Nếu Muốn Phật Pháp Hưng, Chỉ Tăng Tán Thán Tăng”. Ba ngày sau khi biểu pháp, lão Hòa thượng vãng sanh rồi.

## **CHƯƠNG 47 - BIỂU PHÁP CUỐI CÙNG**

Lão Hòa thượng Hải Hiền làm tấm gương cho chúng ta xem. Ngài 20 tuổi xuất gia, 112 tuổi vãng sanh. Sư phụ dạy Ngài một câu Phật hiệu, Ngài đã niệm 92 năm. Ngài đã nhớ nghĩ thế giới Tây Phương Cực Lạc 92 năm rồi. Trên thực tế, Ngài nghĩ ba đến năm năm thì thành công. Những năm tháng còn lại về sau dài như vậy là do A Di Đà Phật bảo Ngài ở lại thế giới này làm tấm gương tốt của một người tu hành cho mọi người xem. Đây gọi là biểu pháp. Ngài làm tấm gương cho người học Phật, làm tấm gương cho người tu Tịnh Độ, làm đến khi nào? Đến khi Ngài thấy được quyển sách “Nếu Muốn Phật Pháp Hưng, Chỉ Tăng Tán Thán Tăng”. Khi ấy, Ngài đã biểu pháp viên mãn rồi.

Ngày 13 tháng 1 năm 2013, một nhóm năm người cư sĩ Lưu ở niệm Phật đường Nghĩa Ô đến chùa Lai Phật thăm hỏi lão Hòa thượng Hải Hiền 112 tuổi.

Hôm đó, trời quang mây tạnh, mặc dù là mùa đông tháng chạp âm lịch, nhưng lại khiến người ta cảm thấy ấm áp vô cùng.

Cư sĩ Lưu và cư sĩ Vinh đến phòng của lão Hòa thượng, nhìn thấy lão Hòa thượng đang cầm một quyển sổ nhỏ đã ố vàng. Mọi người đến gần mở ra xem, thì ra đây là giới điệp (chúng điệp thọ giới) của lão Hòa thượng. Nhìn thấy mọi người, lão Hòa thượng tỏ ra vô cùng hoan hỷ. Ngài lại lấy vài tấm hình chụp vào tháng trước ra tặng cho mỗi người một tấm. Cư sĩ Vinh vô cùng quý trọng tất cả

những gì liên quan đến lão Hòa thượng! Bà nhìn lão Hòa thượng từ bi, cẩn thận cất tấm hình vào một cái túi đặc biệt mang theo bên mình.

Nhóm cư sĩ Lưu còn mang theo một số sách tặng cho chùa, đây chính là quyển sách “Nếu Muốn Phật Pháp Hưng, Chỉ Tăng Tán Thán Tăng”. Khi họ cầm những quyển sách này từ trên xe bước xuống, cư sĩ Lưu lấy một quyển đưa cho lão Hòa thượng. Lão Hòa thượng không biết chữ, hỏi bà đây là sách gì? Cư sĩ Lưu liền đọc tựa sách cho lão Hòa thượng nghe.

Lão Hòa thượng vừa nghe thấy những chữ “Nếu Muốn Phật Pháp Hưng, Chỉ Tăng Tán Thán Tăng” thì vô cùng hoan hỷ. Ngài rất vui mừng, giống như bảo bối hằng ngày nghĩ đến bỗng chốc nằm trong tay vậy. Ngài liền đắp áo cà sa mới mà Ngài rất trân quý, vẽ mặt trang nghiêm, rồi kiểm tra chỉnh trang rất tỉ mỉ từng chi tiết nhỏ một lần nữa, sau đó nói với các cư sĩ rằng: “Tôi cầm quyển sách này, quý vị hãy chụp giúp tôi tấm hình”.

Cư sĩ Lưu – người hiểu rõ lão Hòa thượng – nói: “Đây là lần duy nhất trong đời Ngài chủ động yêu cầu chụp hình cho Ngài. Hành động này của Ngài đã biểu hiện nguyện vọng tha thiết sâu sắc ở trong tâm Ngài là mong muốn Phật giáo đoàn kết, Phật pháp hưng vượng”.

Sau khi chụp hình xong, mọi người lần lượt thỉnh giáo lão Hòa thượng. Bỗng nhiên, gương mặt của Ngài từ vui

sương bắt đầu trở nên vô cùng trang nghiêm. Nét mặt vừa trang nghiêm lại từ bi của lão Hòa thượng, thật sự làm cho cư sĩ Vinh rất cảm động. Bà không cầm lòng được mà quỳ xuống trước lão Hòa thượng Hải Hiền, buột miệng nói rằng:

- Lão Hòa thượng ơi! Ngài vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc đừng quên đến rước chúng con đó!

- Rước! Rước!

Lão Hòa thượng trả lời liên tục. Ngữ khí của Ngài đặc biệt kiên định có lực. Nói xong câu này, nụ cười của lão Hòa thượng giống như một đóa hoa sen đẹp đẽ nở rộ! Hai tay lão Hòa thượng nâng quyển sách “Nếu Muốn Phật Pháp Hưng, Chỉ Tăng Tán Thán Tăng”, rồi chụp lại tâm hình cuối cùng trong cuộc đời của Ngài. Đây là biểu pháp cuối cùng của Ngài. Bốn ngày sau, Ngài toại nguyện mà đến thế giới Cực Lạc rồi.

## **CHƯƠNG 48 - NẾU MUỐN PHẬT PHÁP HƯNG, CHỈ TĂNG TÁN THÁN TĂNG**

Lão Hòa thượng Hải Hiền đã nhiều lần khẩn cầu A Di Đà Phật tiếp dẫn Ngài vãng sanh, A Di Đà Phật nói Ngài tu hành rất tốt, bảo Ngài ở lại thế gian này biểu pháp, khi

thời gian đến, Phật nhất định sẽ đến đón Ngài. Vậy thời gian đó là khi nào? Khi Ngài gặp được quyển sách “Nếu Muốn Phật Pháp Hưng, Chỉ Tăng Tán Thán Tăng” thì thời khắc nhân duyên biểu pháp của Ngài viên mãn, Phật liền đến tiếp dẫn.

Quyển sách “Nếu Muốn Phật Pháp Hưng, Chỉ Tăng Tán Thán Tăng” là do Pháp sư Hoàng Lâm dùng thời gian mười mấy năm thu thập rất nhiều tư liệu để biên tập nên. Trong đó, Pháp sư giải đáp những nghi vấn của mọi người đối với bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ của cư sĩ Hạ Liên Cư. Hiện nay, rất nhiều người trong và ngoài nước phản đối bản hội tập này của cư sĩ Hạ Liên Cư, họ cho rằng kinh Phật không thể hội tập. Tư liệu của Pháp sư Hoàng Lâm thu thập chứng tỏ việc hội tập kinh Phật đã có từ xưa, thời đó gọi là hợp kinh. Vì vậy, bản hội tập đó như lý như pháp, sự xuất hiện của bản kinh cần thiết cho thời đại.

Lão Hòa thượng Hải Hiền ở lại thế gian chính vì sự biểu pháp cuối cùng này. Tất nhiên, cả đời Ngài cũng đang biểu pháp, nhưng trong đó quan trọng nhất chính là lần cuối cùng này. Đến lúc này, công đức biểu pháp đã viên mãn, nên A Di Đà Phật tiếp dẫn Ngài vãng sanh Tây Phương.

Sự biểu pháp này có ý nghĩa gì vậy?

- Thứ nhất, chứng minh bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ của cư sĩ Hạ Liên Cư là chân kinh. Bản hội tập Kinh

Vô Lượng Thọ đã có từ rất lâu, nhưng đều có khuyết điểm, bản hội tập này không có khuyết điểm, từng câu từng chữ đều là nguyên văn trích dẫn từ kinh điển.

- Thứ hai, xác minh chú giải bản hội tập này của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là thật sự đáng tin, là chú giải hoàn hảo nhất trong các bản chú giải Kinh Vô Lượng Thọ. Đây là Tập Chú, có nghĩa là tập hợp kinh, luận và chú giải của đại đức xưa mà soạn thành, thật sự là chánh tri chánh kiến.

- Thứ ba, làm minh chứng cho Pháp sư Tịnh Không, chứng minh mười mấy năm Pháp sư Tịnh Không y theo bộ kinh và chú giải này để tu hành là không sai.

Đây là sứ mạng A Di Đà Phật giao cho lão Hòa thượng Hải Hiền, bảo Ngài làm biểu pháp sau cùng này! Nhiệm vụ này rất lớn, công đức không thể nghĩ bàn, liên quan đến pháp vận chín ngàn năm thời mạt pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật. Vào lúc này, lão Hòa thượng Hải Hiền đã đảm nhận sự truyền thừa quan trọng. Chín ngàn năm mạt pháp của đức Thế Tôn, tất cả chúng sanh học Phật có thể thành tựu trong một đời thì chỉ nhờ vào pháp môn này.

Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh chỉ trụ bách tuế”. “Đương lai” là tương lai sau khi kết thúc mười ngàn năm mạt pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật. Lúc đó, tất cả kinh Phật trên thế gian đều bị mất. Nhưng Thế Tôn từ bi, đặc biệt lưu lại bộ kinh này thêm một trăm năm. Lưu lại bản kinh nào vậy? Pháp sư Tịnh Không nói với chúng ta:



“Chính là bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hạ Liên Cư”. Ngài còn nói: “Bản hội tập [của cư sĩ Hạ Liên Cư] và chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chắc chắn là pháp môn bậc nhất giúp chúng sanh được độ trong chín ngàn năm mạt pháp sau này của Thích Ca Mâu Ni Phật”. “Mạt pháp chín ngàn năm, thật sự thành tựu toàn nhờ vào pháp môn này, những pháp môn khác đều không làm được”.

Tăng tán thán Tăng là việc lớn trong nhà Phật. Hưng suy của Phật pháp là quyết định bởi thế hệ này. Chúng ta thường nói “gia hòa vạn sự hưng”, người một nhà hòa thuận thì gia đình nhất định sẽ hưng vượng. Đoàn thể, Tăng đoàn cũng vậy. Nếu mọi người đều có thể hòa thuận với nhau thì Phật pháp sẽ hưng vượng; nếu bài xích lẫn nhau, khen mình chê người thì Phật pháp sẽ diệt vong. Vì vậy, nếu muốn Phật pháp hưng, chỉ Tăng tán thán Tăng!

## **PHỤ LỤC - NHỤC THÂN BỒ TÁT PHÁP SƯ HẢI KHÁNH**

Pháp sư Hải Khánh họ Lý, húy Phú Quý, nguyên quán tại huyện Tất Dương, phía đông nam tỉnh Hà Nam. Ngài sinh vào năm Tuyên Thống cuối triều Thanh (năm 1909). Vì sinh ra trong gia đình nghèo khó, Ngài chưa từng được

đi học, nhưng thiên tánh nhân hậu, sống hiền hiếu, biết lễ nghĩa. Năm 11 tuổi, Ngài xuống tóc xuất gia với Pháp sư Truyền Đông ở chùa Thanh Lương, núi La Hán, thành phố Nam Dương. Năm 42 tuổi, Ngài thường trú ở chùa Lai Phật, chuyên tu Tịnh Độ, thành thật niệm Phật. Năm 1989, Ngài thọ giới Cụ túc tại chùa Bạch Mã. Ngày 11 tháng 12 âm lịch năm 1991, Ngài tự tại sanh Tây, hưởng thọ 82 tuổi, Tăng lạp 71 năm.

Theo quy tắc của nhà Phật, sau khi vãng sanh thì đưa nhục thân của Ngài vào chum lớn. Thông thường là sau ba năm thì mở chum, nếu thân thể không hoại thì sẽ giữ lại nhục thân, nếu thân thể hư hoại sẽ hỏa táng rồi an táng lại lần nữa. Sau sáu năm chín tháng Pháp sư Hải Khánh ngồi trong chum, lão Hòa thượng Hải Hiền – sư huynh của Ngài – phát tâm mở chum. Mở chum thọ ra, không ngờ diện mạo của Hòa thượng Hải Khánh như lúc còn sống, ngay cả y phục trên thân cũng không chút hư hoại. Mọi người vô cùng kinh ngạc, tán thán không ngớt. Nhục thân của Ngài được thờ phụng trong chùa Lai Phật. Năm 2005, có cư sĩ phát tâm thiếp vàng cúng dường nhục thân của Ngài.

Vóc dáng của Pháp sư Hải Khánh thấp bé, vô cùng hiền từ. Các vị cư sĩ đều nói: “Nếu luận về cần kiệm, Khánh công cũng không thua kém gì lão Hòa thượng Hải Hiền”. Lúc đó, điều kiện trong chùa rất thiếu thốn, mùa đông mặc áo bông vải (áo bông này hiện được lưu giữ

trong Kim Cang quán chùa Lai Phật), mùa hè ăn mặc đơn sơ, nhưng cả ngày Pháp sư Hải Khánh đều vui tươi hơn hở, luôn nở nụ cười. Ngài không thích nói chuyện. Một vị cư sĩ tưởng nhớ lại nói: “Tính tình Khánh công rất tốt, chưa bao giờ khiến người khác sanh phiền não. Bởi vì Ngài có chút nói lấp, nói gì cũng không được lưu loát nên cũng không thích nói chuyện phiếm. Nhưng có một điều, khi niệm ‘A Di Đà Phật’ thì Ngài không bị lấp. Vì vậy, tôi chỉ nhớ Ngài thích niệm Phật”.

Pháp sư Hải Khánh nói lấp nghiêm trọng, nhưng câu “A Di Đà Phật” này thì Ngài niệm rất rõ ràng. Khi niệm Phật, tiếng Ngài như chuông lớn, từng chữ tròn rõ. Ngài cũng chỉ biết một câu “A Di Đà Phật” này.

Trước thời kỳ Cách mạng Văn hóa, Pháp sư Hải Khánh bị điều đến Trương thôn trang bên cạnh chùa Lai Phật tham gia lao động. Ban ngày không thể niệm Phật, đến nửa đêm, sau khi mọi người đã ngủ, Ngài mới niệm Phật. Một vị cư sĩ hồi ức lại nói: Lúc đó ông còn rất nhỏ, thích chơi với Pháp sư Hải Khánh, buổi tối cũng muốn đẩy giường sát vào ngủ chung với Pháp sư Hải Khánh. Có lần nửa đêm, ông mơ màng thức dậy đi vệ sinh, nhìn thấy Pháp sư Hải Khánh đang ngồi xếp bằng trên giường, ông giật cả mình. Ông mau chóng đến khều Pháp sư Hải Khánh, hỏi Ngài đang làm gì vậy. Khánh công nói: Ban ngày không cho niệm Phật nên tôi nhân lúc nửa đêm niệm Phật một chút.

Cả đời Pháp sư Hải Khánh trì giới niệm Phật. Bình thường Ngài đều chuyên niệm “A Di Đà Phật”. Nhưng nếu có người chào hỏi, Ngài lại trả lời người khác là “Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát”, mấy chục năm vẫn luôn như vậy.

Pháp sư Hải Khánh vô cùng hiền từ, thôn dân ở xung quanh đều rất tôn kính Ngài, nhưng không hiểu vì sao trong chùa lại có người bắt nạt, sỉ nhục Ngài.

Pháp sư Hải Khánh không biết chữ, ngoài một câu Phật hiệu ra thì Ngài không biết gì cả. Khi người khác vào chánh điện, Ngài chỉ đứng bên ngoài niệm Phật. Trong chùa, không ai xem trọng Ngài. Những công việc dơ nhất, nặng nhọc nhất trong chùa đều là do Ngài làm. Trong chùa còn vài mẫu đất cần cỗi, vì vậy mọi người thường thấy Pháp sư Hải Khánh cầm sọt, vác xẻng đi khắp nơi nhặt phân.

Có lần, một vị cư sĩ đến chùa Lai Phật, lúc đó chùa vẫn còn con bò để cày ruộng, có người chỉ Pháp sư Hải Khánh ở đằng xa nói với bà: “Vị Hòa thượng đang đứng tựa vào chân tường, mặt hướng về phía đông kia, người khác đều xem thường ông ấy, ông ấy chỉ biết đi nhặt phân, thường trở về chùa không kịp giờ cơm, có cơm thì ăn một ít, hết cơm thì không ăn”.

Pháp sư Hải Khánh thường mang theo dụng cụ để ra ngoài nhặt phân, nhặt củi, nhặt đá vụn trải đường. Khi trở

về, còn cơm nguội thì Ngài ăn một ít, hết cơm thì nhịn đói một bữa. Ngài không bao giờ oán than, cũng không giận hờn.

Những thực phẩm như trái cây, bánh khô, đường thẻ dăng cúng ở chùa, vì cúng lâu ngày nên có một số thực phẩm đã bị hư hỏng, nổi mốc. Người khác lựa hết những đồ ngon, còn lại những gì hư hỏng đều mang cho Pháp sư Hải Khánh, Ngài cũng không chút giận dữ. Có người nói:

- Những thức ăn này không ăn được nữa thì cho bò ăn đi!

Pháp sư Hải Khánh nói:

- Con bò già kéo cày kéo bừa, ăn cỏ khô cũng đủ cực khổ rồi, không thể để nó ăn những thức ăn này được, tôi không thể thọ dụng là vì tôi có tội nghiệp, không thể làm hại con bò được.

Thế là Ngài đem những thức ăn đó chôn xuống bên cạnh gốc cây hoặc rải trong đồng ruộng. Một vị cư sĩ nói:

- Lão Hòa thượng sống thật cần kiệm! Pháp sư Hải Khánh nói:

- Phật Tổ đang nhìn đó, ngẩng đầu ba thước có thần linh, vạn vật đều có Phật tánh, nên thọ dụng thế nào thì thọ dụng thế ấy.

Mùa đông năm 1987, Pháp sư Hải Khánh bị bệnh nặng. Có vị thầy vân du tứ phương đến qua đêm ở chùa tự xưng

biết đoán mệnh, nói là tính được dương thọ của Pháp sư Hải Khánh sắp hết. Thầy ấy nói với người làm cơm cho trai đường, tốt nhất là đừng cho Pháp sư Hải Khánh ăn cơm nữa, cũng đừng uống thuốc, tắm rửa sạch sẽ, đợi đến giờ chết.

Bốn ngày sau, cư sĩ hộ pháp Vương Xuân Sanh đến chùa, nhìn thấy Pháp sư Hải Khánh đang nằm trên giường hơi thở yếu ớt, hỏi Ngài ăn cơm không, Ngài nói: “Ăn”. Cư sĩ Vương lập tức tìm lão Hòa thượng Hải Hiền, một người nhóm lửa, một người cán bột làm mì, nấu một nồi mì nước. Lão Hòa thượng Hải Hiền ngồi trên giường của Pháp sư Hải Khánh, dùng lưng của mình đỡ Ngài, còn cư sĩ Vương cầm bát mì đút cho Ngài từng muỗng từng muỗng một.

Pháp sư Hải Khánh uống một lần hết bốn bát, dần dần tỉnh lại. Cư sĩ Vương hỏi Ngài: “Uống nữa không?”. Pháp sư Hải Khánh nói: “Nếu trong nồi còn thì uống thêm chút cũng được”.

Hòa thượng Hải Hiền và cư sĩ Vương đều thấy đau lòng mà ghen ngào khóc. Hai vị lo lắng Pháp sư Hải Khánh uống quá no nên không cho Ngài uống tiếp nữa. Cư sĩ Vương muốn đi chất vấn vị thầy đoán mệnh ấy, nhưng bị Pháp sư Hải Khánh ngăn cản, Ngài nói: “Đây đều là nghiệp chướng của tôi, không thể trách người khác”.

Trong chùa có vị Hòa thượng xuất thân làm lính, bình thường thích la mắng người khác. Hòa thượng ấy thấy Pháp sư Hải Khánh không vừa mắt nên thường dùng lời thô tục mắng nhiếc Ngài. Các vị cư sĩ có lúc thấy khó chịu, liền nói lý lẽ với vị Hòa thượng ấy nhưng Pháp sư Hải Khánh chỉ cười khẽ, nhẹ nhàng nói với vị Hòa thượng mắng Ngài: “Thầy tiêu nghiệp chướng cho tôi, [giúp] tôi lên cõi Cực Lạc”.

Hãy nhìn vào sự nhẫn nhục ba la mật của Pháp sư Hải Khánh! Người khác bắt nạt Ngài, hủy báng Ngài, trêu chọc Ngài, Ngài cảm ơn người khác giúp Ngài tiêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng của Ngài thật sự được tiêu trừ, vì vậy mới ra đi tự tại như thế, để lại nhục thân xá lợi, không những thân thể không bị thối rữa, mà ngay cả y phục cũng không hư hỏng.

Có đứa trẻ 16 tuổi họ Đào dắt theo vài đứa trẻ khác đến chùa chơi. Nó thấy Pháp sư Hải Khánh thật thà, liền dùng lời nói thô tục chửi mắng Ngài, còn dùng cây gậy nhỏ đánh vào đầu của Ngài. Pháp sư Hải Khánh nghiêng đầu, mỉm cười nói: “Con muốn kết duyên với thầy sao? Nói với cha mẹ con, thầy nhận con làm đệ tử, dạy con niệm ‘A Di Đà Phật’. Đi học cho xong rồi làm việc tốt, lớn lên thì nhà con đời đời đều phú quý”.

Thập niên 80 của thế kỷ XX, chùa Lai Phật vẫn chưa sử dụng nước máy, Tăng chúng uống nước đều nhờ vào giếng nước cạn tự đào. Mỗi khi trời khô hạn, giếng không

có nước, mọi người phải vào trong thôn gánh nước uống. Có lần, khi vào thôn gánh nước, Pháp sư Hải Khánh bị một con chó lớn cắn đến thương tích đầy mình. Chủ nhân con chó nghe tiếng nên chạy lại, vung roi da muốn đánh nó. Pháp sư Hải Khánh ngăn ông lại và nói: “Con chó này nhìn thấy tôi thì cắn, chứng tỏ kiếp trước khi tôi làm chó đã từng cắn nó, bây giờ nó cắn lại tôi. Món nợ này đúng lúc kết thúc rồi. Nếu ông đánh nó, làm tâm nó oán hận, vậy thì sẽ tiếp tục mối oán kết này, thương tích tôi phải chịu cũng uổng phí rồi”. Ngài xin thôn dân một ít bột mì đắp lên vết thương rồi mượn kim chỉ vá tạm y phục, sau đó cũng không quên lấy mỗi bên nửa thùng nước rồi gánh về chùa.

Còn có một lần, khi nhật phân bên cạnh con lừa, Pháp sư Hải Khánh bị con lừa đá ngã nhào. Chủ nhân con lừa vội vàng đến đỡ Ngài dậy, hỏi Ngài bị thương như thế nào. Pháp sư Hải Khánh lại nói: “Tôi không sao cả, ông mau tới xem chân con lừa có bị thương không?”.

Đối với người, việc và vật, Ngài thật sự làm được chân thành, bình đẳng, cung kính. Một hôm, Pháp sư Hải Khánh đang gánh một gánh phân lớn đi ra ruộng, một người thanh niên đi xe đạp chạy về phía Ngài. Bởi vì xe chạy quá nhanh, Pháp sư Hải Khánh không kịp tránh nên thoáng chốc đã bị đụng té ngã cạnh mương nước, phân văng ra khắp người. Người thanh niên này chẳng những không xin lỗi, mà còn mắng Pháp sư Hải Khánh đang bị té



ngã cạnh mương nước, nói Ngài cản đường anh ta. Lúc này, một người dân vác cái xẻng đi qua con đường ấy, thấy người thanh niên này ngang ngược vô lễ như vậy, ông tức giận muốn vung mạnh cái xẻng đánh anh ta. Pháp sư Hải Khánh nằm cạnh mương nước không ngừng ngăn ông lại: “Đừng đánh anh ta! Đừng đánh anh ta! Đừng trách anh ta! Đều là lỗi của tôi!”.

Hòa thượng Hải Khánh chịu thiệt thòi. Người khác bắt nạt Ngài, Ngài đều cam tâm tình nguyện tiếp nhận, thiệt thòi là phước, người chịu thiệt thòi có phước. Từ những việc này có thể thấy, thành tựu của Ngài là tu từ nhân nhục ba la mật. Trong Kinh Kim Cang nói: “Nhất thiết pháp vô ngã, đắc thành ư nhân” (Hết thấy pháp vô ngã thành tựu đều do nhân).

Bá tánh của tám thôn trong mười dặm đều biết Hòa thượng Hải Khánh trung hậu thành thật, tính tình hiền lành. Bất luận thôn dân nào có chuyện, Ngài đều tận tâm tận lực giúp đỡ đến cùng.

Đầu tháng chạp năm 1973, thời tiết lạnh giá, Trương thôn trang có một con nghé vừa mới ra đời mười mấy ngày bị té xuống giếng nước sâu hơn mười mét. Đây là giếng nước duy nhất trong thôn, có hơn 300 năm lịch sử. Toàn bộ thành giếng được xây bằng gạch xanh, miệng giếng được bao bọc bởi bốn thanh đá. Trên thành giếng, rất nhiều chỗ đã bị ăn mòn thành hang. Trong quá trình vùi vẩy, con nghé đã làm những miếng gạch liên tục rớt

xuống đáy giếng, cực kỳ nguy hiểm. Có người nói: “Vì một con nghé, không cần phải mạo hiểm cứu đâu”. Nhưng nếu không cứu con nghé, nó bị kẹt trong giếng, việc dùng nước của mấy trăm người sẽ trở nên khó khăn. Một nhóm người đưa mắt nhìn nhau, nhìn nó hơi thở yếu ớt, không vùng vẫy được nữa, nhưng không ai chịu đi xuống giếng.

Lúc đó, Hòa thượng Hải Khánh đang làm việc trong thôn. Đúng lúc Ngài đi qua con đường này. Thấy tình cảnh như vậy, Ngài không chút do dự nhờ ba người thanh niên gan dạ kéo sợi dây thừng, đưa cái thang xuống, đích thân Ngài xuống dưới giếng. Ở dưới giếng, Hòa thượng Hải Khánh rất khó khăn mới cởi được chiếc áo bông cộc tay ra để quấn vào thân con nghé, lại dùng dây thừng buộc nó lại, để người khác từ từ kéo nó lên trên.

Con nghé được cứu rồi, nhưng trong khi kéo Pháp sư Hải Khánh lên thì một miếng gạch rơi xuống trúng đầu của Ngài, mặt của Ngài liền nhuộm đầy máu tươi. Sau khi lên, vài người tới quanh Ngài để băng bó, Hòa thượng Hải Khánh không bằng lòng, cười và nói: “Máu tôi chảy là Phật Tổ kêu tôi làm ký hiệu trên mặt khi tôi thành Phật”.

Bên cạnh có một phụ nữ trung niên họ Trịnh vốn không tin Phật, lúc đó cô không kiềm lòng được mà nói: “Người ăn chay niệm Phật thật tốt!”. Về sau, cô học Phật rồi, cô rất cung kính cha mẹ chồng, thường làm việc tốt giúp đỡ mọi người.

Có vị cư sĩ nói: “Khánh công chính là một người thật thà như vậy, Ngài không có trình độ học vấn, không nói được đạo lý gì lớn. Nhưng trong mấy chục năm tu hành, Ngài vẫn luôn dùng hành động thực tế để thuyết giảng Phật pháp, hoằng dương Phật pháp”.

Rất nhiều vị cư sĩ lớn tuổi khi tưởng nhớ về Hòa thượng Hải Khánh đều đồng thanh nói: Thường nhìn thấy Hòa thượng Hải Khánh khiêng vác dụng cụ làm ruộng, nhặt củi nhặt phân, tu sửa cầu đường.

Tháng 8 năm 1975, mưa tầm tã liên tục mấy ngày làm cho mực nước con sông nhỏ phía tây Trương thôn trang dâng trào, sập cả cây cầu đá hơn trăm tuổi. Lúc đó, Hòa thượng Hải Khánh vẫn còn ở trong đội sản xuất. Ngài cùng một số thôn dân mang theo dây thừng, máy khoan đến cứu nguy. Nhưng vì có một cục đá nặng ngàn cân trôi đến gần móng cầu rồi chìm vào trong bùn, cách móng cầu hơn năm mét, nên mấy chục người dốc hết sức làm cả buổi sáng cũng không tu sửa được cây cầu đó. Mọi người đều nói nếu không chuyển được cục đá này trở lại thì cây cầu này sẽ vĩnh viễn bị hủy.

Trong lúc mọi người đang chán nản thất vọng, Hòa thượng Hải Khánh chậm rãi nói: “Sắp đến trưa rồi, để tôi thử xem! Không thể để người dân ở nơi này gặp khó khăn vì không có cầu để qua sông”. Hòa thượng Hải Khánh gặp chuyện không lúng túng, bình tĩnh ung dung, không sợ gian khó. Ngài yên lặng quan sát tỉ mỉ cục đá bị chìm dưới

bùn, lằm bằm trong miệng một hồi (thực ra mọi người đều biết Ngài đang niệm “A Di Đà Phật”, nhưng chính sách lúc đó không cho phép, không thể niệm Phật ra tiếng). Sau đó Ngài dùng một mũi khoan thép và hai cây gậy gỗ dày bằng miệng bát, quả thật Ngài đã cạy được cục đá chìm trong bùn ra ngoài, chỉ thấy cục đá đó lăn mấy vòng, tựa vào cạnh trụ cầu.

Mọi người đều rất kinh ngạc! Có người hỏi Pháp sư Hải Khánh sao lại làm được như vậy, Ngài khiêm tốn cười và nói: “Đó đều là A Di Đà Phật gia trì!”.

Lúc đó, đường cái vẫn còn là đường đất, mỗi khi trời mưa, mặt đường bị hư hỏng. Vì vậy, mọi người thường xuyên nhìn thấy Hòa thượng Hải Khánh mang xẻng đi sửa đường. Ngài không thích nói chuyện phiếm, càng không khoe khoang công lao của bản thân mình. Khi làm việc về trễ, Ngài ăn chút cơm nguội; có lúc cả cơm nguội cũng không còn thì Ngài ăn một ít mìn thầu nguội. Khi đó, lãnh đạo chính quyền địa phương đều được Ngài làm cho cảm động. Trong buổi họp, họ đã kêu gọi cán bộ Đảng viên phải học tập theo sư phụ Hải Khánh ở chùa Lai Phật.

Trong thời gian ba năm khó khăn, cuộc sống vô cùng gian khổ, Hòa thượng Hải Khánh thường cứu nguy giúp nghèo. Ngài ở bên đường lớn bố thí cháo và nước cho người đi đường. Bản thân Ngài thiếu ăn ít uống nhưng lại thường chịu đói đem thức ăn nước uống tặng cho người

khác. Những việc làm này, người lớn tuổi ở đây ai ai cũng biết.

Lúc đó, Hòa thượng Hải Khánh dùng cỏ tranh làm thành chén ăn cơm. Bản thân Ngài khai khẩn một miếng đất hoang, trồng một ít khoai lang và cây cao lương. Rất nhiều người còn nhớ, Ngài thường tự hấp khoai lang hoặc là cháo cao lương trộn rau dại, rồi đựng trong chén bằng cỏ tranh bung cho người qua đường ăn.

Khi mới xây dựng lại chùa Lai Phật, dãy phía đông chỉ có ba gian nhà tranh nhỏ, một cái chảo nhỏ, đốt rế cỏ tranh để nấu cơm, cuộc sống rất khó duy trì. Nhưng Hòa thượng Hải Khánh vẫn một mực kiên trì nấu nước sôi, sau đó ngâm lá liễu vào thau sành cho người đi đường uống. Nhiều năm sau, lão hộ pháp cư sĩ Đảng từng hỏi Hòa thượng Hải Khánh: “Những ngày tháng gian khổ như thế, làm sao Ngài chịu đựng được vậy?”. Lão Hòa thượng Hải Khánh nói: “Đều là nhờ A Di Đà Phật đó!”.

Đức sâu hạnh lành của Ngài trong vô hình đã ảnh hưởng sâu sắc tới người dân ở phương này. Mùng 1, 15 mỗi tháng, mọi người đều đi lễ bái nhục thân của Hòa thượng Hải Khánh. Nhà ai gặp phải vấn đề nan giải cũng sẽ đến khẩn cầu nhục thân vị Bồ tát này.

Cũng như lão Hòa thượng Hải Hiền, lão Hòa thượng Hải Khánh cũng không rời Phật pháp mà hành thế pháp, không bỏ thế pháp mà chứng Phật pháp. Xem những ngôn

hành khi Ngài trụ thế, đó gọi là chân thật tu hành. Tu hành không phải một ngày niệm bao nhiêu vạn tiếng Phật hiệu, tụng bao nhiêu bộ kinh, không phải vậy; mà là khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của Ngài đều tương ứng với Bồ tát.

Hòa thượng Hải Khánh cũng chưa từng đi học, không biết chữ, chỉ một câu “A Di Đà Phật” niệm đến cùng. Ngoài câu Phật hiệu này ra thì không có gì hết, Ngài là tiêu chuẩn của thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Sau khi vãng sanh, Ngài lưu lại nhục thân bất hoại, toàn thân xá lợi, điều này cũng đã chứng minh cho chúng ta: Một câu Phật hiệu có thể làm việc lớn, việc lớn viên mãn, việc lớn cứu cánh, không cần kinh điển, một câu Phật hiệu này hoàn thành tất cả mọi việc!